NĂM THỨ MƯỜI MỘT • #134 • JUNE 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

BÀN CHẮN CUỐI TUẦN
TRẦN MỘNG TÚ

TRÈM TRẸM PHÙ SA
NGUYỄN TẤN HƯNG

Y KHOA VÀ NHỮNG LẦM LẪN CHẾT NGƯỜI
NGUYỄN VĂN TUẤN

VNCR

Viet Nam California Radio

106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5 AM đến 7 AM • Buổi chiều: 12 PM đến 4 PM

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

Tin Tức Thời Sự Nhanh, Chính Xác & Phong Phú
Văn Nghệ Chọn Lọc • Giải Trí Thoải Mái, Thanh Lịch
Hội Thoại, Phỏng Vấn Đề Tài Thiết Thực.

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

Trong 2 năm qua sau hai cuốn VNCR Yearbook 98-99 và 99-2000 với hàng chục ngàn ấn bản phát hành rộng rãi khắp nơi, kính mời quý độc giả và thính giả tìm đọc:

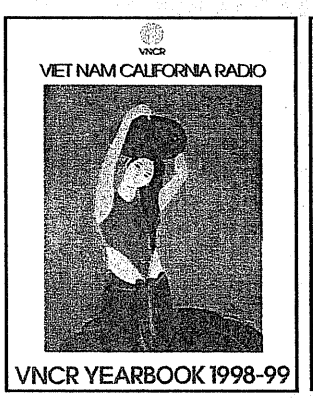

VNCR YEARBOOK 1998-99

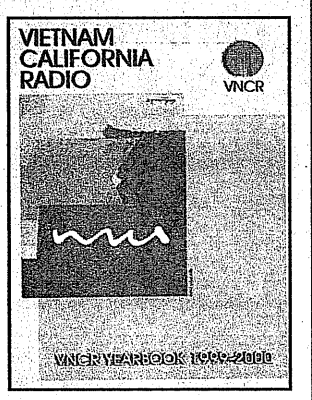

KỶ YẾU VNCR MÙA HÈ 2000

Nội dung súc tích:

** Về đầy đủ hoạt động và hình ảnh của ngành phát thanh tiếng Việt trên toàn nước Mỹ.*
** Địa chỉ Internet và chương trình chi tiết của các đài tiếng Việt.*
** Đầy đủ danh sách cơ sở thương mại của người Việt hải ngoại...*

- Muốn sản phẩm được giới thiệu rộng rãi đến khách hàng khắp nơi.
- Muốn cơ sở kinh doanh được nhiều người biết đến
- Muốn ngành dịch vụ được nhiều thân chủ tín nhiệm

Quý Cơ sở Sản Xuất, Kinh Doanh, Mọi Ngành Dịch Vụ hãy đăng quảng cáo trên
KỶ YẾU VNCR MÙA HÈ 2000

Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY # A, GARDEN GROVE, CA 92840

Cả thế giới đều công nhận
Tháp Eiffel Paris đã chiếm ngôi vị nghệ thuật hàng đầu
trong đêm lịch sử đón chào năm 2000...

Trong chiều hướng thay đổi mới lạ
VIDEO PARIS BY NIGHT 53 đã trở lại Paris.
Sau 5 năm chuẩn bị, một VIDEO vĩ đại đầy nghệ thuật
với đoàn chuyên viên thượng thặng của
đài truyền hình Pháp TF6.

VIDEO
PARIS by NIGHT 53

THIÊN ĐƯỜNG LÀ ĐÂY

Sẽ phát hành nay mai với sự góp mặt của các nghệ sĩ:

Khánh Ly - Ái Vân - Như Quỳnh - Lưu Bích - Thúy Anh - Thiên Kim
Loan Châu - Bảo Hân - Lynda Trang Đài - Ngọc Ánh - Ngọc Huệ
Trúc Lam - Trúc Linh
Tuấn Ngọc - Don Hồ - Nguyễn Hưng - Thế Sơn - Anh Dũng - Trần Đức
Mạnh Đình - Mạnh Quỳnh - Trường Vũ - Trang Thanh Lan - Hồng Đào
Quang Minh - Lay Minh - Tommy Ngo

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Xin liên lạc: Thúy Nga

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1911

VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO

VNCR

Hãy tìm đọc

Kỷ Yếu VNCR Mùa Hè 2000

Phát hành : tháng 6/2000

Niên giám Kinh doanh Ngành Truyền thanh tại Hải ngoại.
Với hình ảnh bài vở về lịch sử nhân vật, ký sự hoạt-động của Ngành Phát thanh trong nước trước 1975, ngoài nước sau 1975.
Ngành Truyền thanh tiếng Mỹ tại Hoa kỳ.
Tương lai ngành Truyền thanh tiếng Việt ở Hải ngoại...

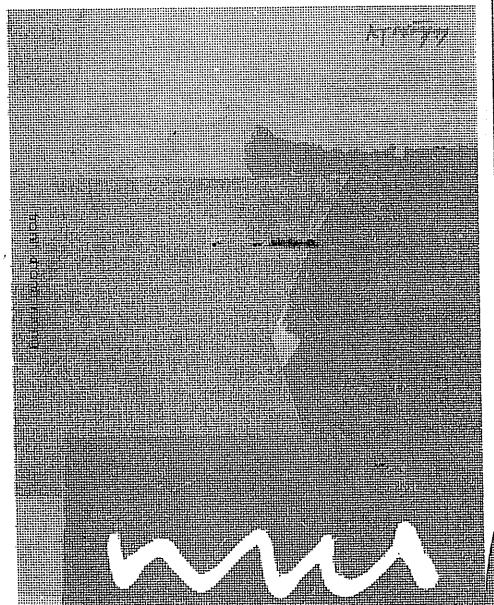

Đầy đủ hình ảnh các Xướng Ngôn viên
Các Nhân vật làm Ngành Phát thanh ở hải ngoại.

Với sự đóng góp bài viết của [illegible]
Y Sa. Vũ Ánh. Phan Mỹ Sương. [illegible]
Nguyễn Trường. Phạm Xuân Đài. [illegible]

VNCR YEARBOOK 2000-2001

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

INTERNET CD

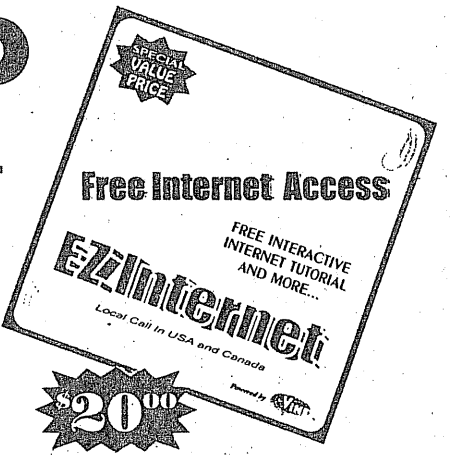

☞ **HỌC CÁCH XỬ DỤNG INTERNET**
BẰNG HÌNH ẢNH VÀ ÂM THANH
- Căn bản về WEB,
- Cách gửi & đọc E-Mail
- Cách Chat trên WEB, Download, v.v..

☞ **FREE INTERNET ACCESS**
KHẮP CÁC TIỂU BANG MỸ VÀ CANADA

☞ **BONUS SOFTWARE**
- Microsoft Internet Explorer 5.01,
- Netscape Communicator 4.7,
- WinZip, Free Agent32, ACDSee,
- CuteFTP, Homesite, Adobe Acrobat,.....

FREE SHIPPING
cho những khách ở ngoài tiểu bang.

Dynamik Systems
14541 Brookhurst St., #D3
Westminster, CA. 92683
(Góc Brookhurst & Hazard
Sau lưng cây xăng Arco.)
Tel: (714) 418-0511
Fax: (714) 418-1538
E-Mail: dynamik@vinet.com

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

TIẾNG XƯA

Tiểu thuyết của ĐỖ TIẾN ĐỨC

Tác giả tiểu thuyết Má Hồng, Giải nhất Giải Văn học Nghệ thuật toàn quốc 1969.

CHUYỆN THÂM CUNG DƯỚI TRIỀU ĐẠI HỒ CHÍ MINH

của VIỆT THƯỜNG

Nhiều tình tiết trong tác phẩm, được tác giả ghi lại, như những thông tin lịch sử của người trong cuộc...

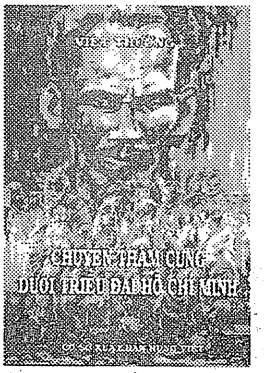

THẬP NHỊ MÔN LUẬN

của LONG THỌ (NÀGÀRJUNA),
THÍCH VIÊN LÝ dịch

Một trong những bộ luận giải tinh mật nhất về giáo nghĩa Tánh Không của ngài Long Thọ.

PHẬT GIÁO HƯỚNG DẪN THẾ KỶ 21

Nhiều tác giả quốc tế, THÍCH VIÊN LÝ dịch

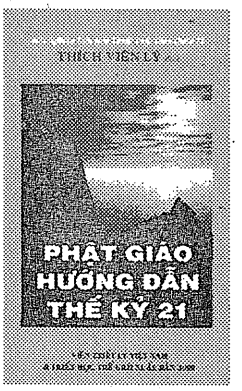

SÁCH MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

TOUCH (hình ảnh nghệ thuật) Sinh viên Việt Nam (Cypress College)	$12.50
Việt Nam nước tôi - Tác giả Phan Như Huyên	$8.00
Bóng người dưới trăng - Nguyễn Ngọc Ngạn	$15.00
Nhật Bản dưới mắt người Việt - Đỗ Thông Minh	$18.00
Vòng quanh thế giới người Việt hải ngoại, tập 2, NXB Tân Văn	
Chân dung những tiếng hát, Hồ Trường An,	tập I $15.00
Nước Nga dưới mắt người Việt, Lan Hương,	$20.00
Vào thiền, Doãn Quốc Sỹ	$10.00
Truyện cổ Phật giáo, 3 tập,	$32.00
Phế đô (2 tập) tiểu thuyết Trung Hoa, Giả Bình Ao	$26.00
Lý Liên Anh, tiểu thuyết Trung Hoa, Tống Ích Tam	$19.00
Mưu lược gia tinh tuyển (bộ 7 tập), Sài Vũ Cần	$79.00
Tự điển biểu tượng văn hóa thế giới	$47.00
Vũng lầy nước mắt, Phan Nhật Kim	$10.00
Cuộc chiến chưa tàn, Phan Nhật Kim	$15.00
Phật giáo Hòa Hảo trong dòng văn hóa dân tộc, Nguyễn Long Thành Nam	$28.00
La sơn yên hồ, Hoàng Xuân Hãn (3 tập)	$195.00
100 truyện cổ tích Việt Nam hay nhất, Thái Đắc Xuân	$13.00
Mạnh Tử truyện (2 tập), Tào Nghiêu Đức	$29.00
100 truyện ngắn hay Trung Quốc (3 tập)	$38.00
Khang Hy đại đế (2 tập) Nhị Nguyệt Hà	$32.00
Nhà văn Việt Nam thế kỷ 20 (4 tập), Ngô Văn Phú	$68.00
Nhà thờ Đức Bà Paris (2 tập) Victor Hugo	$20.00
Trung Quốc nhất truyện	$36.00
Yêu đương chuyện của muôn đời	$24.00
Đường Minh Hoàng, Bộ 6 tập, Ngô Nhân Diệc	$52.00
Những gương mặt văn xuôi trẻ cuối thế kỷ 20	$16.00
Lịch sử văn học Trung Quốc (2 tập)	$40.00
Tôn Tử truyện (2 tập) Tào Nghiêu Đức	$24.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoằng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Tranh bìa: *Xuân Ý* của Rừng, sơn dầu, 80 x 70 cm. 1998.
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 134 . Tháng Sáu 2000

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ

16 Công cuộc đấu tranh giành độc lập và vai trò của đảng CS - **Nguyễn Hữu Thống**
25 Một phụ nữ theo Pháp luân công bị tra tấn đến chết - **Ngô Nhân Dụng**

LỊCH SỬ - VĂN HÓA

30 Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh - **Trần Gia Phụng**
35 Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới - **Trần Ngọc Ninh**
46 Một thời để tự hào - **Đoàn Thanh Liêm**
77 Một vài suy nghĩ về dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại - **Đoàn Xuân Kiên**
103 Trả lời ông Vĩnh Sính - **Trần Anh Tuấn**

Y KHOA

73 Y khoa và những lầm lẫn chết người - **Nguyễn Văn Tuấn**
81 Đi giữa lòng quê hương - **Hoàng Như An**

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

61 Phỏng vấn, trò chuyện... - **Thế Dũng**
96 Hình tượng nghệ thuật - **Thái Tuấn**
97 Hiện tình văn học hiện thực XHCN - **Hà Sĩ Phu**
108 Giới thiệu sách "Hồ Xuân Hương, Tác phẩm" - **Cung Tiến**

VĂN

39 Sự lựa chọn của Bờm - **Lỗ Mỗ Tử**
42 Chuyện bầu cử ở Hà Nội - **Kiều Duy Vĩnh**
43 Tiễn bạn về quê - **Phạm Phú Minh**
68 Bàn chắn cuối tuần - **Trần Mộng Tú**
88 Trèm trẹm phù sa - **Nguyễn Tấn Hưng**
99 Những chuyến mưa qua - **Trần Yên Hòa**

THƠ

71. Biển xanh và loài di điểu - **Thảo Chi. 75.** Chớ mắng, Đọc sách khuya - **Hạo Nhiên. 79.** Hoài sơn - **Hoàng Xuân Sơn. 91.** Ngũ cốc và chim xa - **Trần Mộng Tú. 94.** Nỗi riêng - **Nguyễn Văn Cường. 98.** Buổi đông - **Biển Bắc. 106.** Cũng một chuyện tình - **Thanh Tâm**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Bạn đọc viết
9 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
10 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
11 Tin Việt Nam
49 Sổ tay
55 Đời sống quanh ta - **Đoàn Thanh Liêm, Thanh Thảo, NV**
111 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**
115 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

Thụy Khuê trả lời ông Nguyễn Đức Tường

Trong mục Bạn Đọc Viết, *Thế Kỷ 21* số 133, tháng 5/2000, ông Nguyễn Đức Tường có nhắc chúng tôi: "cờ vàng ba sọc đỏ là của chính phủ Nguyễn Văn Xuân. Cờ của chính phủ Trần Trọng Kim là cờ quẻ ly, trông hơi giống, có từ thời đảo chính Nhật 9/3/1945."

Xin thành thật cảm ơn ông. Sự thật đúng là như thế. Cờ của chính phủ Trần Trọng Kim là cờ quẻ ly ☲, nền vàng, có ba gạch đỏ, nhưng gạch ở giữa bị đứt làm hai. Trong bài viết, vì vội vàng, chúng tôi đã không chú thích rõ việc này.

Nhân đây, cũng xin chép thêm đoạn học giả Trần Trọng Kim giải thích ý nghĩa của quốc ca và quốc kỳ của thời đó, ông viết trong hồi ký *Một Cơn Gió Bụi:*

"Nước Việt Nam đã là một nước tự chủ, thì phải có quốc kỳ và quốc ca. Bài quốc ca thì từ trước vẫn dùng bài "Đăng Đàn" *là bài ca rất cổ, mà âm điệu nghe nghiêm trang. Chúng tôi nghĩ: trước khi có bài nào hay hơn và có nghĩa lý hơn thì hãy cứ dùng bài ấy.*

Còn quốc kỳ, mỗi người bàn một cách, chúng tôi định đem hỏi mọi người trong nước và ai có ý kiến gì, thì vẽ kiểu gởi về. Có kiểu là cờ vàng, có quẻ ly ở giữa là có ý nghĩa hơn cả. Chúng tôi định lấy kiểu ấy làm quốc kỳ.

Lá cờ vàng là từ xưa nước ta vẫn dùng. Trong sách "Quốc Sử Diễn Ca" *nói khi bà Triệu Ẩu nổi lên đánh quân Tàu, đã dùng lá cờ ấy khởi nghĩa, nên có câu rằng:* "Đầu voi phất ngọn cờ vàng." *Vậy lấy sắc cờ vàng là hợp với cái ý cách mệnh của tổ quốc, lấy dấu hiệu quẻ ly là vì trong lối chữ tối cổ của ta có tám chữ viết bằng vạch liền (dương) và những vạch đứt (âm) để chỉ tám quẻ, chỉ bốn phương chính và bốn phương bàng, nói ở trong kinh Dịch, mà quẻ LY chủ phương Nam. Chữ LY còn có nghĩa là lửa, là văn minh, là ánh sáng phóng ra bốn phương.*

Lấy sắc vàng là hợp với lịch sử, lấy quẻ ly là hợp với vị trí nước nhà, lại có nghĩa chỉ một nước văn hiến như ta thường tự xưng. Như thế là cờ vàng vẽ ly là có đủ ý nghĩa.

Song có người nói: cờ quẻ LY là một điềm xấu cho nên thất bại, vì ly là lìa. LY là lìa là một nghĩa khác chứ không phải nghĩa chữ ly là quẻ. Và việc làm của một chính phủ là cốt ở cái nghĩa lý, chứ không phải ở sự tin nhảm vô ý thức.

Việc thất bại là vì tình thế chứ không phải là vì lá cờ. Giả sử dùng lá cờ khác mà trong hoàn cảnh lúc ấy có thể thay đổi được gì không?" (Một Cơn Gió Bụi, nxb Vĩnh Sơn, Sàigòn, 1969).

Có lẽ vì chữ ly có gạch đứt ở giữa- được nhiều người coi là điềm xấu cho nên khi Nguyễn Văn Xuân ra lập chính phủ, đã đổi thành ba gạch liền chăng?

*

Nhân đây, chúng tôi xin đính chính hai lỗi đánh máy nhầm:

Trong bài *Hành Trình Thế Kỷ 30 Năm Chiến Tranh,* Thế Kỷ 21, số 132, trang 41, câu: *"Ngày 2/6/1947, tướng Nguyễn Văn Xuân ban hành một thứ "hiến chương lâm thời" gọi là "Pháp Qui Tạm Thời" xin sửa lại là "Ngày 2/6/1948..."*

Trong bài *Hành Trình Thế Kỷ 30 Năm Chiến Tranh*, Thế Kỷ 21, số 133, trang 78 và 79 , *Tướng Lê Tư Đồng,* xin sửa lại là Tướng Lê Tự Đồng. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Thụy Khuê
(Paris, Pháp Quốc)

Một Ngàn Năm Sắp Tới

Kính gửi ông Nguyễn Hùng Vũ,

Tôi trân trọng cảm ơn sự đáp ứng nhanh chóng và những góp ý xây dựng của ông (*Thế Kỷ 21* số 133 tháng Năm 2000, mục Bạn Đọc Viết).

Những bài chúng tôi viết và đăng trên báo *Thế Kỷ 21* dưới nhan đề Một Ngàn Năm Sắp Tới là những phần được trích ra (chương, đoạn) từ một cuốn sách sẽ xuất bản trong năm.

Các vấn đề của loài người và đặc biệt là của chúng ta, người Việt Nam, nhiều lắm, không ai biết hết được, và nếu cả nhân loại hợp lực lại — một điều ước mơ chưa bao giờ thành hình bóng — có lẽ cũng không giải quyết được. Tôi nói "một ngàn năm" chỉ vì chúng ta ở năm 2000, chứ thực ra một ngàn lần ngàn năm nữa, cũng chưa hết vấn đề. Nhưng "một ngàn năm" này có thể là vĩnh cửu, vì nếu tới lúc này mà ta vẫn chưa muốn dứt khoát với những vấn-đề căn-bản của lịch-sử tiến-bộ thì một ngàn năm sẽ có nghĩa là mãi mãi vô tận, hoặc là chấm hết ngày mai.

Trong những bài và trong

sách này, tôi không có ý định làm một nhà tiên-tri và nhất là không có tham-vọng chỉ đường cho loài người. Ngày xưa, đã có những người gan to bằng Trời, điển hình nhất là Karl Marx, đã có cái mộng ấy và đã đẩy cả thế giới vào một con đường cùng chỉ còn một bước nữa thì xuống vực thẳm. Vì thế chỉ ghi chú là "nguy-cơ và hứa-hẹn," nghĩa là lo sợ và ước mong. Nguy-cơ hay hứa-hẹn, tôi cũng không biết. Ông Trời đi vắng từ lâu rồi, Ông để mặc cho chúng ta lo việc của chúng ta.

Các bài báo có vẻ rời rạc; khi nào thành sách, may ra thì mạch lạc hơn. Tuy nhiên mỗi bài là một đơn-vị, tự nó đầy-đủ cho một tựa đề nhỏ, và khi nào cần, tôi đã cố tóm lược hay nhắc lại những điều liên-hệ thuộc một bài khác. Sở dĩ tôi cắt ra thành nhiều bài ngắn là vì khuôn khổ của báo bắt buộc, và cuốn sách phải hai quyển mới xong việc đặt vấn đề. Để sự phổ biến được sâu rộng, tôi cũng sẽ phải rải các bài viết ra trên nhiều báo và cũng được sự thỏa thuận rất rộng rãi của *Thế Kỷ 21* là không giữ bản quyền các bài báo cho đến khi ra sách. Sở dĩ làm như thế là vì tôi nghĩ rằng tôi không đủ sức để viết về vấn-đề này và cần phải có sự thảo luận, đóng góp của tất cả giới trí thức. Sách viết bằng tiếng Việt, nhưng vấn đề không phải riêng cho người Việt Nam, nên sau đây tôi sẽ cố lo, nếu sức khỏe cho phép, có ít nhất là một bản Anh ngữ và một bản Pháp ngữ. Xin đọc lại đoạn *Lời Mở*.

Đối với tôi, chỉ có *một* vấn-đề mà tôi nghĩ đến nhiều nhất, và trong chủ quan, cho là *Vấn-đề trọng-đại nhất*. Nhiều người có thể nghĩ đến vấn-đề khác. Tôi tôn trọng tất cả mọi dị biệt. Trong một bài sau đây, tôi sẽ phải nói rõ cái gì là cái trọng-đại nhất, theo ý tôi. Cho đến lúc này, tôi chưa được thấy tôi là người thứ hai để thấy nhẹ nhõm trong người.

Xin cảm ơn ông và mong được tiếp tục biết ý-kiến.

Trần Ngọc Ninh
(Fountain Valley, CA)

Contrebasse

Tôi thích tranh bìa *Thế kỷ 21* số 133 của Đinh Cường. Hình thể, và nhất là màu sắc bức tranh, toát ra sự đầm ấm giống như tiếng đàn contrebasse. Tôi vốn không mấy sành về hội họa, chỉ thưởng thức theo sự cảm nhận tự nhiên của mình. Những mảng tím hồng làm nền cho một bố cục tròn đầy tạo một cảm giác trầm, chắc, nhưng bay bướm, nhờ mảng màu đa sắc trên áo người đàn. Thú thật tôi không thích mấy những bức họa đen trắng của Đinh Cường đăng đây đó trên nhiều sách báo, nhưng bức này thì phải thành thật nói rằng tôi thích lắm.

Cám ơn quý báo chịu khó sưu tầm tranh của nhiều tác giả để mỗi tháng cống hiến cho độc giả một vẻ đẹp. Kỹ thuật in bìa rất khá, không biết trung thành với nguyên bản tới mức nào, nhưng vẫn gây rung cảm được nơi người xem thì tôi cho là đáng khen rồi.

Tôi mong được xem những bức tranh có hình thể trên bìa báo hơn là những bức trừu tượng, vì tranh vô hình thể khi thu lại trong một không gian nhỏ trên tờ bìa thì hình như không "nói lên" được hết nội dung vốn đã mông lung khó hiểu của nó.

Võ Xuân Cận
(Paris, Pháp quốc)

Thương thay cháu bé Cu-ba

Tôi vừa đọc trên báo *Nhân Dân* của Hà Nội một bài thơ than thở hộ cho bé Elian - em bé người Cuba được vớt ngoài biển sau khi bị nạn trên đường tị nạn - không được hưởng quyền của trẻ em. Trích mấy câu:

Thương thay cháu bé của Cu-ba

Mới sáu tuổi đầu thiếu mẹ cha...

Quyền của trẻ em như thế hả?!

Nỡ nào lợi dụng cảnh phong ba!

Phạm Thành

Đúng là giữa đàng thấy chuyện bất bằng thì phải lên tiếng, cung cách tờ *Nhân Dân* rất là hảo hớn. Nhưng đây lại là loại hảo hớn có đảng tính, nói theo lập trường của người đồng đảng râu xồm Fidel, thành ra hơi có mùi... thảo khấu.

Tôi tự hỏi trước bao nhiêu thảm cảnh người Việt Nam gặp phải trên đường vượt biên báo này có bao giờ lên tiếng chưa? Nửa triệu người Việt chết mất xác trong đại dương là một oan khuất ngất trời xanh, báo *Nhân Dân* đã nói những gì? Tình nhân đạo, nghĩa đồng bào đối với họ hoàn toàn không có, đối với họ chỉ có đảng là đáng kể thôi. Vì thế nay họ lại bênh vực "quyền trẻ em" cho em bé Cuba, cho đúng với tình nghĩa quốc tế vô sản.

Nhưng chuyện vượt biên là chuyện xưa rồi. Đề nghị báo *Nhân Dân* lên tiếng về chuyện "quyền trẻ em" của Việt Nam ngày nay. Cứ đến những bãi rác ở Sài Gòn là có

đề tài viết ngay, không cần phải tìm đề tài mãi tận bãi biển Miami bên Hoa Kỳ. Đạo quân con nít moi rác để kiếm sống hàng ngày thay vì được nuôi nấng học hành đàng hoàng chắc chắn phải lên tới con số ngàn, hoặc chục ngàn. Đạo quân cháu bác Hồ lê la trên đường phố làm nghề ăn xin, móc túi, bán ma túy, chích choác... cứ nhan nhãn ra đấy, ai cũng thấy. Mấy "thi sĩ" cỡ như ông Phạm Thành có thể thấy mãi quen rồi chẳng còn cảm hứng sáng tác nữa, phải đi tìm những chuyện đàn áp, bóc lột trên thế giới kia, thì thơ mới ra được. Đó là "tính" vô sản quốc tế. Còn "nhân zân ta" thì nhằm nhò gì, trẻ em có đi moi rác, thất học, làm điếm, ăn xin thì chẳng qua "khó khăn chỉ là tạm thời, thuận lợi mới là cơ bản," chúng thuộc nòi anh hùng, trước sau chúng nó vẫn anh hùng như thường.

Chúng tôi xin bái phục cơ quan ngôn luận chính thức của đảng cộng sản Việt Nam.

Nguyễn An Nhiên
(Rosemead, CA)

Thư không tên không tên

Anh Nguyễn Đức Tường kính mến,

Đọc địa chỉ của tui, có lẽ anh nhận ra tui là độc giả rất xa. Hôm nay mạo muội viết lá thư này thăm anh mong là không làm anh phiền.

Tui vừa đọc xong truyện "Bài không tên không tên" của anh trên Internet. Phải nói là tui rất thích truyện này. Câu văn tuy đơn giản nhưng lại súc tích và cũng rất bóng bẩy. Cái bóng bẩy của sự đơn sơ không làm chói mắt người đọc như khi ngắm bức tranh tao nhã và một bức tranh lòe loẹt. Đọc truyện của anh, người đọc còn sớm nhận ra kiến thức rất rộng và rất thật. Nhiều lần tui đã được đọc những câu chuyện nói về nhạc cổ điển. Nhưng tiếc là các nhà văn khác không am hiểu lắm nên lời bình và các tác phẩm của họ đề cập lại chỉ là những bài rất phổ thông và không mấy thâm thúy. Rõ là anh đã từng chơi violon mới có sự am tường như thế. Một ưu điểm khác mà khiến tui rất ư là ngưỡng mộ. Ấy là anh không đệm tiếng Anh trong truyện của mình. Thậm chí anh cố gắng phiên âm hết các từ này. Trước năm 1975, tui đọc các tác phẩm người ta đã đệm tiếng Pháp, sau đệm tiếng Anh. Làm như thế vô tình một số bạn đọc không biết tiếng Anh hay muốn tìm từ đồng nghĩa trong tiếng Việt lại không tìm được.

Nghiền ngẫm cái cốt truyện của anh tui cũng nhận ra nhiều điều thú vị lắm. Một chuyện tình có hồi đầu và hồi giữa hết sức lãng mạn. Tất cả suy tư đã được anh đưa vào hết trong hai hồi này rồi. Hồi cuối rất bất ngờ. Nếu viết theo lối viết cổ điển thì họ sẽ gọi đó là hụt hẫng nhưng người đọc nhiều và dân nghiện văn viết sẽ không ngạc nhiên hay than phiền. Lối truyện có cốt truyện chặt chẽ đã quá nhàm và trở nên khuôn khổ từ lâu rồi. Tại sao ta phải biết rõ nguyên nhân của đoạn kết. Tác giả chẳng có quyền hư cấu một lý do nào đó hay sao? đời thì trăm ngàn ngã rẽ. Chỉ cần chọn một trong trăm ngàn con đường đó thì hai nhân vật có thể sẽ trọn đời gắn bó hay mãi mãi chia tay. Nếu muốn đọc một câu chuyện có cốt chuyện hẳn hòi thì có thể tìm các danh tác cổ như Victor Hugo, Dumas I và II... Hay ở Khái Hưng, Nhất Linh... Đọc mãi cũng nhàm. Tui thích đọc cái cảm xúc trong tác phẩm hơn là cần biết cái cốt quả của nó. Tỷ như một bản nhạc nếu chỉ dùng những hợp âm chuyển gần mãi đâm ra nhàm chán phải có vài hợp âm chuyển xa xuất hiện thật đúng lúc. Người nghe đang đắm đuối trong ý tưởng nào đó bỗng bị rơi vào tâm trạng khác. Những cú đột biến như đang đi giữa trưa trời nắng gắt thì may thay một đám mây lạc loài vụt tới. Ánh nắng chói chang bị ngăn bớt và người mình cảm thấy mát dịu. Ta sẽ lại ngắm thiên nhiên xung quanh bằng một tông màu khác do sự thay đổi cường độ quang biểu này. Hình như cuộc sống ngày nay đã bị công nghiệp hóa quá nhiều. Con người phải sống bằng lý trí quá nhiều. Và ai cũng mong có một khoảnh khắc cảm xúc để quên đi công việc và để nhớ rằng mình không phải là cái máy kiếm tiền. Cái khoảnh khắc cảm xúc này chỉ có trong lối văn đầy cảm xúc của anh và chẳng cần cốt truyện. Cái cốt truyện càng chặt chẽ càng làm ta sống trong lý trí. Và sống trong lý trí là cái ta đang chạy trốn.

Một điểm đắc ý nữa tui thấy trong câu chuyện vừa rồi, ấy là nó đã tả chân cuộc sống bên Mỹ. Sống tại Việt Nam nhiều lần gặp lại bạn bè người thân đang sống ở nước ngoài tui muốn hiểu thế nào là đời sống người Việt tại Mỹ. Họ cũng sẽ như Tuân trong câu chuyện. Tuân học nhạc nhưng không thành nhạc sĩ,

anh chỉ thành kẻ am hiểu nhạc. Người Việt tại Mỹ có lẽ một số cũng vậy. Vâng chỉ một số đông nào đó thôi. Họ chỉ hiểu nền văn hóa ở Mỹ, Anh, Pháp hay nơi nào đó họ đang định cư, nhưng họ không bị đồng hóa (theo nghĩa văn hóa). Họ cũng yêu người bản xứ được và cũng hòa nhập được một mức độ nào đó. Tui đã có nhiều dịp đọc các loại truyện tình của người Việt trên đất ngoài. Nhưng câu chuyện của anh làm tôi rất thích. Xin phép dông dài vài hàng để tỏ cái tình đồng cảm của người đọc và người viết. Nếu có điều chi chưa hiểu nhau lắm xin anh thông cảm.

Anh có thể gọi tui là Thiện. Địa chỉ e-mail của tui là... Rất vui nhận được thư anh. Thân ái.

Thiện *(Internet)*

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Văn Luận, Sương Mai, Dạ Sĩ, Trúc Huy, Thảo Chi, Biển Bắc, Nguyễn Hữu Thống, Trần Vấn Lệ, Trần Anh Tuấn, Dư Bao Đồng, Nguyễn Cung Thông, Nguyễn T. Như Ngọc, Phạm Tử Thiên, Kiều Quang Chẩn, Nguyễn Văn Cường, Tôn Nữ Thu Nga.

Tôn Nữ Thu Nga *(San Dimas, CA):* Bài nhận qua Internet rất tốt, vậy máy của chị không có vấn đề gì nữa rồi. Nghĩa là có thể an tâm sáng tác và gửi bài đều đều về Tòa soạn. Chị đã tìm ra địa chỉ mới của những khu rừng thay màu lá cho mùa thu tới chưa? Chúc chị tạo được nhiều tác phẩm xuất sắc, về văn cũng như về ảnh.

Nguyễn Văn Luận *(Garden Grove, CA):* Xin cám ơn các tài liệu về người Chàm của anh. Mấy bức ảnh rất quý. Tất cả sẽ được dùng cho các số báo tới. Thân.

Mạch Nha *(Internet)*: Đã nhận được B.O.A.B. Sẽ đăng. Cám ơn rất nhiều. Chúc sáng tác tiếp tục, và mong có sự cộng tác lâu dài. Thân.

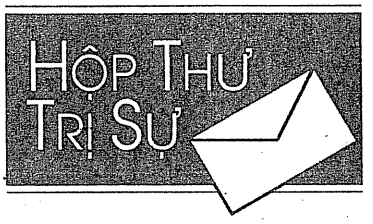

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Dang Chu (Midway City CA), Nguyen Van Cuong (Oklahoma OK), Pham Do Thanh (Cape Coral FL), Phan Huu Tat (San Jose CA), Ngo Vu Bich Diem (Huntington Beach CA), Sir Mary Vu (Orlando FL), Ly Huynh Ba (GERMANY), Luong Pham MD (Tulsa OK), Sinh Vinh (CANADA), Huynh Hanh (CANADA),Minh Tien Le (CANADA), Tran Cong Nghi (CANADA), Minh Ha (Stockton CA), Pham Tuan (Silver Spring MD), Mai Xuan Tran (Baton Ruuge LA), Hai Duong (CANADA), Hong Mai MD (Long Beach CA), Lan Nguyen (Dale City VA), IRCC,Inc Vu Van Loc (San Jose CA), Vu A. Thanh (Springfield VA), Lib: Reservoir (AUSTRALIA), Lib:Chapman (Gaden Grove CA), Lib: Westminster (Westminster CA), Nguyen The Hung (Tacoma WA), Pham Thoan (San Francsico CA), Ha Son (Dallas TX), Nguyen Ngoc Phong (Dorchester MA), Thu Doan (Plano Tx), Le Huu Chi (Anaheim CA), Luu Van Vinh (Eldridge CA), Khanh Ly (Syracuse NY), Ho Van Thai (GERMANY), Nguyen Thi Van (Orange Park FL), Trinh Van Toan (Clackamas OR), Tran Duc Thuan (Hayword CA), Nguyen Van Tha (San Diego CA), Nguyen Duc Ban (Burbank IL), Trinh Tan (Pasadena CA), Quang Khai Huynh (Wildwood MO), Vuong The Anh (GERMANY), Bui Cong Tang (GERMANY), Huynh Van Tinh (Harrisburg PA), Buu Doan MD (Modesto CA), Tran Thi Tuyet Le (Santee CA), Do Kim Bang (Waltham MA), Vu Vinh Thinh (Reading PA), Nguyen Can (Orlando FL), Võ Văn Đình (Hatfield PA), Vinh Van Luu (Eldrige CA), William Do (Haywar CA), Phan Tấn Trình (Garland TX), Congregation of the Mother Coredemptrix Library (Cartage MO).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Ha Nguyen Abihai (Honolulu HI), Nguyen Thuong Hiep (Santa Ana CA), Phan Nguyen (San Jose CA), VH: Le Huu Khoa (France), Bang Kim Do (Garden Grove CA), Dương Nghiep Dinh (Northridge CA), Nguyễn Văn Cường (Olsvik NORWAY).

HÀ SĨ PHU LÂM NGUY!

Vào giờ chót trước khi báo lên khuôn, chúng tôi nhận được bức thư của năm nhà tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam viết gửi Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 7 của VNCS.

Dưới đây chúng tôi xin trích đăng phần báo động việc Tiến sĩ Hà Sĩ Phu đang bị đe dọa trầm trọng bởi các hành vi đàn áp bạo ngược của nhà cầm quyền Cộng sản.

*

Hà nội, ngày 19 tháng 5 năm 2000

Kính gửi các vị Đại biểu Quốc hội khoá X kỳ họp thứ 7

Thưa quý vị kính mến!

Nhân dịp quý vị đang tham dự đông đủ tại kỳ họp thứ 7 hiện nay để bàn thảo những công việc lớn thuộc quốc kế dân sinh, chúng tôi là một số trí thức, nhà văn, nhà báo, nhà khoa học, cựu chiến binh, lão thành cách mạng xin gửi tới quý vị lời chúc sức khoẻ dồi dào để cống hiến hết mình cho dân cho nước và nhân đây chúng tôi xin thông tin tới quý vị một thời sự khẩn cấp, đồng thời xin gửi tới Quốc hội vài kiến nghị tâm huyết.

Thưa quý vị kính mến!

Thời sự khẩn cấp đó là, chúng tôi mới được đồng bào cho biết một tin dữ: Tiến sĩ Hà Sỹ Phu (tên thật là Nguyễn Xuân Tụ) ngụ tại số 4E Bùi Thị Xuân, phường 2 thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng vừa bị khởi tố hình sự một cách phi lý và hoàn toàn vô căn cứ .

Sự việc diễn ra như sau: ngày 28/4/2000, công an đột ngột tới khám nhà riêng Tiến sỹ Hà Sỹ Phu. Cuộc khám xét lục soát này không tìm được một căn cứ, một tài liệu nào chứng minh Tiến sỹ Hà Sỹ Phu có sai trái. Đã thế, công an còn tự tiện lấy đi chiếc máy vi tính, một công cụ làm việc thường nhật, một tài sản riêng của ông (khoảng một năm trước đây, trong một lần khám nhà tương tự, công an đã thu giữ trái pháp luật và không hoàn lại cho ông chiếc máy vi tính thứ nhất). Ở chiếc vi tính thứ hai trong lần này, công an cũng không tìm thấy một chứng cứ gì để buộc tội Tiến sỹ Hà Sỹ Phu hoặc để chứng minh cho việc công an khám nhà và thu giữ chiếc máy vi tính này là đúng đắn.

Sự việc ngỡ chỉ dừng tại đó, dè đâu ngày 12/5/2000, công an lại đến nhà ông và tống đạt cho ông hai văn bản cùng đề ngày 10/5/2000, cùng do Đại tá Nguyễn Văn Độ ký tên, ở văn bản thứ nhất mang số 02/QĐ, nội dung quy định Tiến sỹ Hà Sỹ Phu không được rời nơi cư trú và ngày ngày phải tới đồn công an sở tại để thẩm vấn, còn văn bản thứ hai nghiêm trọng hơn mang số 07/QĐ, ghép ông vào tội danh ghi trong điều 72 Bộ luật hình sự của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: tội phản bội tổ quốc - với hình phạt nhẹ là tù từ 7 năm đến 15 năm và hình phạt nặng là tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Khám xét nhà riêng, lục tìm trong ổ cứng, đĩa mềm vi tính không tìm được một chứng cứ sai trái nào, vậy mà gán ghép cho Tiến sỹ Hà Sỹ Phu tội danh theo điều 72 nói trên là hoàn toàn phi lý, hoàn toàn vô căn cứ, bất cần các quy định của luật pháp và hiến pháp.

Nhân thân Tiến sỹ Hà Sỹ Phu như mọi người đã biết, ông là một trí thức, một nhà khoa học chuyên ngành sinh học, học hành dưới các mái trường XHCN từ tấm bé và được đào tạo tiến sỹ tại Viện hàn lâm khoa học cuả nước CHXHCN Tiệp Khắc cũ .

Bên cạnh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ông còn nổi danh cả ở trong nước và nước ngoài một loạt bài chính luận sâu sắc như "Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ," "ý kiến của một công dân," "Chia tay ý thức hệ"... Những chính luận này là những đóng góp máu thịt của tác giả xoay quanh một chủ đề duy nhất: cuộc sống của đất nước ta hiện nay đã đặt lên chương trình nghị sự một đòi hỏi cấp bách là dân chủ hoá đất nước. Cần phải dân chủ hoá thật sự và chỉ dân chủ hoá đích thực thì mới là một đảm bảo chắc chắn cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Thế nhưng với thiện ý chân tình đó, xuyên suốt qua các bài chính luận nói trên mà số phận ông trở nên lao đao. Ông đã bị cầm tù 12 tháng. Ra tù ông bị đưa về quản chế tại tư gia ở Đà Lạt nhiều năm trong điều kiện ngặt nghèo, điện thoại bị cắt, công an bao vây quanh nhà,

vậy mà trong nhiều tháng liền vào cuối năm ngoái và đầu năm nay, hàng ngày ông còn bị bắt buộc tới đồn công an sở tại để "thẩm tra và tranh luận triết học" bây giờ lại bị ghép vào điều 72 Luật hình sự với hình phạt cao nhất là án tử hình.

Thưa quý vị đại biểu!

Những sự việc áp đặt phi pháp dồn dập xảy ra đối với Tiến sỹ Hà Sỹ Phu nói lên một tình hình thực sự đáng lo ngại về quyền công dân và quyền con người, các quyền này đang bị vi phạm nghiêm trọng.

Một trong những căn nguyên cho sự vi phạm đó diễn ra bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, bất cứ với công dân vô tội nào chính là Nghị định 31/CP, ban hành ngày 14/4/1997. Nghị định này cho phép các cơ quan hành pháp từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã được quyền quản chế bất kỳ công dân nào bị ngờ rằng có thể phương hại đến an ninh chung, bất cần tới toà án xét xử, bất cần tới quyền tự bào chữa của người bị nghi oan. Như vậy, Nghị định 31/CP đe doạ nghiêm trọng số phận người dân. Một Nghị định vi phạm trắng trợn Hiến pháp hiện hữu tại nước ta. Như vậy, Nghị định này đang làm xói mòn, hỗn loạn xã hội, lẽ ra phải huỷ bỏ ngay lập tức thì trớ trêu thay nó vẫn đang tồn tại, vẫn đang lộng hành vi hiến.

[...]

Thưa quý vị đại biểu!

Với tư cách là cử tri đã bầu ra Quốc hội khoá X, nhân dịp Quốc hội đang họp bàn những vấn đề cấp bách trong đời sống nước ta hiện nay và thể theo lời kêu gọi của Quốc hội mong muốn thường xuyên nhận được ý kiến của cử tri, và lời nhấn mạnh của Tổng bí thư Lê Khả Phiêu là Quốc hội cần lắng nghe tiếng nói của cử tri cũng như mong muốn của Tổng bí thư cần dân chủ hoá đất nước hơn nữa để phát huy nội lực và tranh thủ tiếp thu ngoại lực tạo điều kiện cho dân tộc ta tranh thủ thời gian tiến lên những bước mạnh mẽ về mọi mặt. Vậy chúng tôi xin chân thành kiến nghị:

1. Phải dân chủ hoá đích thực, mạnh mẽ mọi mặt trong đời sống xã hội của đất nước.

Dân chủ hoá trong điều kiện hiện nay là phát huy nội lực, là đại đoàn kết dân tộc, là bình đẳng không có rào cản trong đối xử, là xoá bỏ mọi độc quyền về kinh tế, chính trị, xã hội. Đó chính là cội nguồn của phát triển đất nước, là đảm bảo cho an ninh xã hội, an ninh chính trị.

2. Quốc hội xem xét và huỷ bỏ ngay hai quyết định vô căn cứ 02/QĐ và 07/QĐ ngày 10/5/2000, của Đại tá Nguyễn Văn Độ và huỷ bỏ Nghị định 31/CP là cơ sở của các vụ bắt bớ, giam cầm quản chế tuỳ tiện phi pháp vô căn cứ .

Xin kính chúc Quốc hội và các quý vị đại biểu an khang!

Kính!

Những người làm kiến nghị.

(Tên ghi theo trật tự vần chữ cái của tiếng Việt)

Hoàng Minh Chính Nguyên Tổng thư ký Đảng Dân Chủ VN. ĐT: 8.249.252

Phạm Quế Dương Nhà báo, Đại tá QĐNDVN. ĐT:8.231372

Nguyễn Thanh Giang Viện sỹ, Tiến sỹ địa vật lý . ĐT: 8.586.012

Hoàng Tiến Nhà văn. ĐT: 5.530.377

Trần Dũng Tiến ĐT: 8586.321.

"Kẻ sống dưới đáy xã hội của hai chế độ, đau lòng xin gửi lời chia sẻ với Tiến sỹ Hà Sỹ Phu. Nhân danh một công dân được đổi đời và có may mắn được đi bầu Quốc hội cả 10 khoá, tôi kêu gọi Quốc hội khoá X kỳ họp thứ 7 hãy xứng đáng là người đại diện cuả nhân dân ngăn chặn ngay những quyết định sai trái với nhà trí thức yêu nước Hà Sỹ Phu" - Trần Dũng Tiến.

Bằng cấp giả tại Việt Nam

Cơn sốt về văn bằng, chứng chỉ giả vẫn tiếp tục tại Việt Nam với nhiều trường hợp các viên chức nhà nước, giám đốc công ty và ngay cả các giáo sư cũng bị tố là sử dụng bằng cấp giả.

Các cuộc điều tra mới đây cho thấy các đảng viên đảng CSVN nhiều địa phương đã sử dụng bằng giả để thăng quan tiến chức nhiều hơn là người ta có thể tưởng tượng. Chỉ riêng tỉnh Bình Thuận, người ta thấy có 4,900 bằng tú tài "có vấn đề."

Trong số 4,900 người sử dụng văn bằng tú tài "có vấn đề" kể trên, nhiều người đã tiếp tục học lên cao lấy bằng cử nhân, và họ đã được cất cử những chức vụ quan trọng trong guồng máy nhà nước. Những người này có thể nhờ người khác học thay cho mình ở các lớp đại học, vì chưa chắc họ có đủ năng lực để theo học.

Mặt khác, "bác sĩ" Phạm Lê Thịnh, giám đốc bệnh viện Long Khánh "chưa hoàn thành chương trình đại học y khoa chính qui mà chỉ học xong năm thứ hai, rồi (không biết bằng cách nào đó) được đặc cách thành *bác sĩ*." Vì ông là bác sĩ dỏm, ông chẩn bịnh tầm bậy làm chết bệnh

nhân mà không thấy cơ quan tư pháp điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ông này còn ghi tên học hàm thụ một trường châm cứu tư ở Quảng Đông, kiếm được cái giấy chứng nhận vớ vẩn rồi yêu cầu Bộ Giáo Dục và Đào Tạo cấp cho ông cái học vị tiến sĩ. Còn ông bác sĩ trưởng phòng tổ chức hành chính của bệnh viện Long Khánh thì, vì "tốt nghiệp trung học đã lâu, chữ mất chữ còn" nên nhờ người khác... thi dùm vào trường đại học y dược Sài Gòn "hệ tại chức." Sau đó được bổ làm trưởng khoa nội, chuyện vỡ lở được "cất nhắc" lên làm trưởng phòng tổ chức hành chính.

Theo báo Thanh Niên, ký giả của báo này đi đến đâu, nhiều người dân và cán bộ "nói vanh vách" tên những quan chức nào bị nghi xài bằng giả, làm việc ở đâu, và làm giàu như thế nào. Họ phàn nàn là như chuyện mại dâm, chủ chứa và gái mãi dâm bị bắt đưa đi "cải tạo" nhưng kẻ mua dâm (cũng giống như kẻ mua bằng giả) lại chỉ bị phạt hành chính qua loa cho có chuyện rồi thôi.

CSVN muốn trả xác công dân Canada bị xử bắn vì buôn ma túy

Nguồn tin từ Ottawa hôm Thứ Bảy 20 tháng Năm cho hay chính quyền CSVN đã đồng ý trả xác của bà Nguyễn Thị Hiệp, một công dân Canada đã bị xử bắn mới đây sau bốn năm giam giữ về tội chuyển vận khoảng 5.4 kí lô heroin dấu đằng sau các bức tranh sơn mài để đem ra khỏi Việt Nam.

Thường thì xác các tử tội bị CSVN xử tử chỉ được trả lại cho gia đình sau hai năm. Theo tin trên thì phía bộ ngoại giao CSVN cũng đã cho phía Canada hay là sẽ có "thái độ thuận lợi" về lời yêu cầu của chính phủ Canada là trả tự do cho bà mẹ của bà Nguyễn Thị Hiệp, vốn đã bị bắt và phạt tù về tội đồng lõa.

Chính phủ Canada cho đây là một hành động thiện chí của Hà Nội và đã ra lệnh cho đại sứ của họ trở lại Việt Nam để theo dõi tình hình.

Chính phủ Canada đã bầy tỏ sự giận dữ của họ về việc Hà Nội ra lệnh xử tử bà Hiệp dù rằng đã hứa là sẽ xem xét các bằng chứng do cảnh sát Toronto đưa ra cho thấy bà Hiệp đã bị một tổ chức buôn bán ma túy lừa gạt để mang heroin về Canada cho họ.

Cầu Mỹ Thuận được chính thức khánh thành

Nguồn tin từ Việt Nam cho hay hôm Chủ Nhật 21 tháng Năm, thủ tướng CSVN Phan Văn Khải đã cùng bộ trưởng ngoại giao Úc Alexander Downer khánh thành cây cầu Mỹ Thuận, bắc ngang sông Tiền trong vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Việt Nam. Đây là kế hoạch viện trợ quy mô nhất của Úc ở nước ngoài từ trước đến nay.

Các viên chức cho hay cây cầu treo Mỹ Thuận trị giá 51 triệu mỹ kim này sẽ mang lại những lợi ích thiết thực về kinh tế cho toàn vùng châu thổ Cửu Long, vựa lúa của Việt Nam.

Cây cầu này sẽ giảm thời gian di chuyển từ khu vực này về thành phố Sài Gòn, thủ đô thương mại của Việt Nam hiện nay, ở khoảng 150 cây số về phía đông bắc, vì dân chúng không phải mất thì giờ đợi qua phà.

Dự án xây cầu Mỹ Thuận đã có từ thời Việt Nam Cộng Hòa nhưng đã không thực hiện được vì các lý do chính trị liên quan đến các quốc gia láng giềng, thiếu ngân sách và cũng vì tình trạng mất an ninh thời chiến tranh.

Biểu tình chống tham nhũng quan liêu

Theo nguồn tin từ các hãng thông tấn đánh đi từ Hà Nội hôm Thứ Ba 23 tháng Năm thì dân tại nhiều tỉnh trên khắp Việt Nam đã kéo về tụ tập biểu tình trước cửa trụ sở quốc hội CSVN để phản đối tình trạng tham nhũng, bất công và đàn áp người dân của các đảng viên, cán bộ nhà nước CSVN.

Nông dân từ các khu vực ngoại thành Sài Gòn, ở các tỉnh như Thừa Thiên-Huế, Vĩnh Phúc và một số nơi khác đã kéo về Hà Nội để đòi hỏi chính quyền trung ương CSVN phải có biện pháp giải quyết tình trạng tham nhũng thối nát, lãnh chúa địa phương lộng quyền tại khu vực họ sinh sống. Những người này đã tìm cách đưa thỉnh nguyện thư lên các viên chức có trách nhiệm nhưng đã bị công an hết sức ngăn chặn.

Các cuộc biểu tình này đã diễn ra trong lúc các đại biểu quốc hội CSVN về họp từ ngày 9 tháng Năm cho đến trung tuần tháng Sáu. Vào những ngày đầu của kỳ họp quốc hội này, một số đại biểu nói rằng nếu còn xảy ra việc dân chúng các nơi kéo về Hà Nội biểu tình khiếu tố thì các quan chức các địa phương phải chịu trách nhiệm. Nay thì sự việc lại tiếp diễn.

Ngày 19 tháng tư vừa qua, liên tiếp hai ngày khoảng 30 nông dân cũng đã biểu tình trước quảng trường Ba Đình gồm nông dân, tu sĩ Phật

giáo, người tàn tật trương biểu ngữ, hô đả đảo các thành phần tham nhũng tại các địa phương họ cư ngụ. Có người đã đưa biểu ngữ tố cáo không có dân chủ ở tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, công an cũng đến giải tán một cách nhanh chóng.

Quan chức cộng sản lộng hành tại địa phương

Vẫn không có bao nhiêu thay đổi trong cung cách cư xử với dân của các quan chức địa phương, cho nên, dân chúng vẫn cứ đổ về Hà Nội khiếu nại, tố cáo với quốc hội hoặc các lãnh tụ đảng sự lộng hành của các sứ quân.

Mặc dù Phan Văn Khải, thủ tướng CSVN, hồi giữa năm ngoái phải ra chỉ thị buộc các tỉnh phải lo giải quyết mọi khiếu kiện của dân, tới nay tình trạng vẫn không cải thiện gì.

Ngày 5-5-2000 trong cuộc họp báo ở Hà Nội, Vũ Mão, chủ nhiệm văn phòng quốc hội CSVN nói rằng: "Hiện tượng dân các tỉnh đổ về khiếu kiện trước tòa nhà quốc hội và cả tại nhà riêng các đồng chí lãnh đạo trong suốt các kỳ họp quốc hội trước cần phải được khắc phục."

Các tin tức trước đây cho hay hàng năm quốc hội Hà Nội nhận được khoảng 50,000 lá đơn kêu cứu. Hàng đoàn người tới chầu chực trước cửa nhà các quan chức trong chính phủ cũng như các lãnh tụ đảng để tố cáo các sứ quân lộng hành.

Trong cuộc họp báo, Vũ Mão nói các tỉnh phải chịu trách nhiệm nếu không giải quyết các khiếu kiện của dân đến nơi đến chốn. Mão nói phần lớn các khiếu kiện này là đúng nhưng lại không thuộc thẩm quyền giải quyết của trung ương cũng như của quốc hội.

Trước đó, Nguyễn Công Tạn, phó thủ tướng CSVN cũng đã phải gửi công văn đến các tỉnh loan báo tỉnh nào có các vụ án không xử "dứt điểm," nếu để dân phải kéo về Hà Nội trong kỳ họp này thì "UBND tỉnh và tỉnh phải chịu trách nhiệm."

Báo trong nước liệt kê ra nhiều trường hợp giải quyết quái đản của các tỉnh, ví dụ một bà cụ bị nhà nước cướp ngang nhà ở đòi suốt 10 năm không xong. Những vụ khác tương tự cũng xảy ra tại các địa phương khác, nếu đám cán bộ viên chức tỉnh giải quyết ngay tình, đúng luật thì dân chúng không phải ăn vạ đến trung ương hay quốc hội.

Bắt buôn lậu, phát hiện đồ cổ

Trong lúc công an tỉnh Hải Dương chận bắt buôn lậu, họ đã tình cờ khám phá một cổ vật. Đó là một con trâu bằng đồng, mà các chuyên viên phỏng định có niên đại khoảng 2000 năm, được tìm thấy trên một chuyến xe chở hàng lậu. Chủ xe là người Nam Định, chở hàng trốn thuế từ Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) về tới Hải Dương thì bị chận bắt.

Con trâu đứng ở thế đang bước đi, miệng há (trâu cười), sừng cong hình vòng cung, mắt mở, đuôi như đang ve vẩy, đầu hơi ngẩng lên. Chiều dài từ mõm tới đuôi đo được 133cm, chiều cao phía chân trước 67cm, chân sau 65cm. Mông, thành bụng, trán đều được tạo hoa văn theo cụm (có 9 cụm), màu vàng tươi dạng đồng thau, in chìm vào trong da. Ở hai bên mé trên vùng cổ, có nhiều chữ hán loại chữ triện.

Theo cách viết từ phải sang trái từ trên xuống dưới thì mé trái có 8 dòng mỗi dòng 6 chữ, mé phải có 9 dòng mỗi dòng 6 chữ, tổng cộng 102 chữ. Mẫu chữ cùng mẫu với hoa văn. Thân trâu được đúc rỗng, với hai nửa thân rời rồi nối lại với nhau bằng đường hàn có thể nhìn thấy từ sống lưng. Kiểu chữ và hoa văn thuộc loại cổ.

Gần 50 triệu người Việt Nam không có nước sạch

Dù sống ở đô thị hay thôn quê, vẫn còn gần 50 triệu người Việt Nam không có các nguồn nước sạch để dùng hàng ngày.

Dựa vào các con số thống kê chính thức vào cuối năm 1999, báo Nhân Dân ở Hà Nội nói "tính trung bình cả nước mới có khoảng 54% dân số đô thị và 34% dân số nông thôn được dùng nước sạch." Nếu tổng số dân Việt Nam là khoảng 77 triệu người mà 80% sinh sống ở thôn quê, có khoảng 7 triệu người thành thị và hơn 40 triệu người ở thôn quê vẫn dùng các nguồn nước không vệ sinh vào các nhu cầu hàng ngày.

Liên Hiệp Quốc đã viện trợ nhiều lần các ngân khoản giúp Việt Nam cải thiện hệ thống cung cấp nước sạch cho dân chúng trong nhiều năm qua, đặc biệt các vùng nông thôn với các giếng bơm nước. Tuy nhiên, rất nhiều giếng này đã hư hỏng nhưng đã không được sửa chữa. Tại các thành phố lớn như Sài Gòn, Hà Nội, chưa nói tới những thành phố hoặc thị trấn nhỏ hơn, đông đảo dân chúng phải tự đào giếng bơm lấy nguồn nước sạch từ mạch nước ngầm.

Mặt khác, tại một số thị

trấn, nước sạch, thường được gọi là nước máy, được bán với giá đắt so với khả năng tiền bạc của dân chúng nên có những nơi như thị trấn Phố Châu huyện Hương Tịnh, Hà Tĩnh, khả năng nhà máy có thể cung cấp 600m3/giờ nhưng chỉ tiêu thụ được 350m3/giờ. Thị trấn Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp công suất 600m3/giờ chỉ tiêu thụ được 250m3/giờ, khiến sự đầu tư không lấy lại được vốn.

Trong khi đó dân chúng Sài Gòn đã kêu ca không biết bao nhiêu lần tình trạng "nước sạch" của thành phố Sài Gòn có màu nâu đục, hôi tanh ở nhiều khu vực, chưa nói đến chuyện nước chảy nhỏ giọt rất từ từ.

Xe đò quá cũ là nguyên nhân chính gây tai nạn

Một giới chức trong ngành khai thác xe đò nói rằng phần lớn các tai nạn lưu thông là do đám xe đò quá cũ kỹ.

Giám đốc Bến xe đò Miền Tây nói như vậy trong một cuộc phỏng vấn mới đây, đồng thời cho biết tiếp rằng có đến 80% các loại xe đò, đang chạy trên các tuyến vận chuyển hành khách từ Sài Gòn về các tỉnh miền tây, cũ hơn 30 năm.

Ông ta không đụng chạm gì tới một điều được báo chí ở Sài Gòn từng phanh phui là các giới chức có phận sự xét xe ở Sở Đăng Kiểm xe đã vồ tiền hối lộ để nhắm mắt cho qua các xe cần phải xét kỹ lưỡng hầu bảo vệ mạng sống của mọi người.

Chỉ hai tháng đầu năm Việt Nam đã có khoảng 4,500 tai nạn xe cộ khiến cho 1,286 người chết và 4,700 người bị thương. Nạn lạng lách, lái ẩu tranh đường cũng đóng góp vào những nguyên nhân chính đưa đến các tai nạn lưu thông.

Duyên hải miền Bắc bỏ trồng lúa đi nuôi tôm, sò hến

Thấy nhiều lợi nhuận hơn, nông dân các khu vực phía bắc dọc theo bờ biển đã dẹp chuyện trồng lúa và thay vào đó, nuôi tôm, sò, ngao. Theo hãng thông tấn Asia Pulse, tại vùng duyên hải tỉnh Quảng Ninh với khoảng 40,000 mẫu đất, hàng trăm câu chuyện thành công trở nên giàu có nhờ theo nghề mới này.

Năm ngoái, tỉnh Quảng Ninh xuất cảng 3,800 tấn hải sản, đem về 20 triệu mỹ kim. Tờ Thời Báo Kinh Tế Việt Nam cho biết năm nay tỉnh trên lập kế hoạch tăng lượng hải sản xuất cảng lên đến 4,500 tấn.

Huyện Yên Hưng đứng đầu trong việc nuôi tôm rằn, thứ tôm có khi được giá tới 150,000 đồng một ký (hơn 10 đô la một chút). Nhiều gia đình nông dân trước đây trồng lúa thì nghèo khổ kinh niên, nay nhờ nuôi tôm mà thành triệu phú.

Gia đình ông Đỗ Hữu Từ sống ở làng Liên Vũ có diện tích nuôi tôm rằn rộng đến 180 mẫu, năm ngoái thu lợi được 1.5 tỉ đồng (tương đương hơn 100,000 đô la), một số tiền khổng lồ trong xã hội Việt Nam. Cả huyện thu hoạch được hơn 300 tấn tôm rằn từ 5,000 mẫu ao tôm. Vùng này đang cố tăng diện tích lên thành 7,000 mẫu năm nay.

Tuy nhiên, nhiều người lại nuôi tôm theo cách hà tiện. Đào ao, xẻ rãnh xả nước, thả con tôm giống đợi chúng lớn rồi vớt đem bán mà không cho ăn uống gì cả. Cách này, mỗi mẫu chỉ cho chừng 50 ký lô tôm. Nhưng nếu họ đổi cách nuôi, cho chúng ăn thì sẽ đạt được từ 100 đến 150 kí tôm một mẫu. Còn nếu thiết kế ao nuôi có hệ thống nước ngọt đi vào và có hệ thống cống rãnh xả nước bẩn, đồng thời cho chúng ăn các loại thực phẩm nuôi tôm, có thể đạt được từ 1.5 tấn đến 3 tấn tôm mỗi mẫu.

Tin tức địa phương nói rằng một dự án kiểu mẫu trên 10 mẫu ao đang được thực hiện để có thể sản xuất hơn 3 tấn tôm trên mỗi mẫu ao.

Úc mở trường đại học ở Sài Gòn

Nhà cầm quyền Hà Nội đã chấp thuận một dự án của Viện Đại Học Kỹ Thuật Hoàng Gia Melbourne (RMIT) xây cất một viện đại học do ngoại quốc làm chủ hoàn toàn tại Việt Nam, một viên chức chính phủ cho hay như vậy hôm thứ hai.

Tin chính thức trên báo chí trong nước nói rằng viện đại học đó được thiết lập ở Sài Gòn, trung tâm của nền kinh tế cả nước, và sẽ khai trường vào năm 2003. Chi phí thành lập tốn giữa khoảng 50 đến 60 triệu mỹ kim.

Viên chức nhà nước thuộc Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư cho biết, giấy phép cho mở đại học của RMIT được trao cho đại diện của trường này vào ngày 22/5 nhân một buổi lễ ở Sài Gòn trong đó có sự hiện diện của ngoại trưởng Úc Alexander Downer.

Không một chi tiết nào khác được công bố.

RMIT là hệ quả đầu tiên của chính sách gần đây khi Việt Nam mở cửa lãnh vực giáo dục cho các công ty liên doanh và 100% vốn đầu tư ngoại quốc. Trước đây, các dự án giáo dục chỉ được cứu xét riêng lẻ từng trường hợp.

CÔNG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

L.S. NGUYỄN HỮU THỐNG

(Thuyết trình tại Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam, ngày 26-3-2000, Nam California).

Tháng hai vừa qua nhà cầm quyền Hà Nội đã tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương (ĐCSĐD). Trong dịp này họ viện dẫn những thành quả mà họ đã đạt được trong nửa thế kỷ vừa qua để tự ban cho mình tư cách và tính chính thống để độc quyền lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau.

I. NĂM NHẬN ĐỊNH VỀ CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐCSĐD

Gạt bỏ mọi thành kiến và mọi lý luận tuyên truyền, chúng tôi chỉ căn cứ vào những tài liệu lịch sử và những văn kiện pháp lý để đưa ra những nhận định sau đây liên quan đến chủ trương đường lối của ĐCSĐD.

Nhận định thứ nhất

Trong công cuộc giải phóng dân tộc, ĐCSĐD đã chủ trương đấu tranh võ trang, bạo động và liên kết với Quốc Tế CS (QTCS). Trên bình diện dân tộc đây là một sai lầm chiến lược khiến cho hơn ba triệu thanh niên nam nữ thuộc ba thế hệ đã phải hy sinh xương máu dòng dã trong 40 năm trải qua ba cuộc Chiến Tranh Đông Dương (CTĐD):

CTĐD Thứ Nhất chống Pháp trong 8 năm (1946-1954)

CTĐD Thứ Hai chống Thế Giới Dân Chủ (Hoa Kỳ và Đồng Minh) trong 20 năm (1955-1975) và

CTĐD Thứ Ba tự chống lẫn nhau trong 10 năm (chiến tranh Miên Việt chỉ kết thúc năm 1989 do sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc)

Trong số 14 nước thuộc địa, bảo hộ và giám hộ tại Á Châu, chỉ có ba nước Đông Dương dưới quyền lãnh đạo của ĐCSĐD là đã đấu tranh bạo động võ trang và liên kết với QTCS. Trái lại, tất cả các quốc gia khác đã đấu tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không bạo động, không vọng ngoại và không liên kết với QTCS.

Trong số 11 quốc gia này, chín nước đã được độc lập từ một đến bốn năm sau Thế Chiến Thứ Hai: Độc lập năm 1946: Phi Luật Tân thuộc Hoa Kỳ, Syrie và Liban thuộc Pháp. Độc lập năm 1947: Ấn Độ và Đại Hồi thuộc Anh. Độc lập năm 1948: Miến Điện, Tích Lan và Palestine thuộc Anh. Quốc gia Do Thái được thành lập. Độc lập năm 1949: Nam Dương thuộc Hoà Lan (1)

Trong khi ĐCSĐD đã đứng vào hàng ngũ QTCS để đấu tranh võ trang nhằm lật đổ các đế quốc tư bản Tây Phương, thì các đảng quốc gia tại Á Châu đã chủ trương hợp tác và thương nghị với đế quốc cũ để giành lại tự trị trong giai đoạn đầu và độc lập trong giai đoạn sau. Cũng vì vậy mà họ đã tiết kiệm được nhiều hy sinh xương máu và thời gian giành độc lập cũng được rút ngắn rất nhiều (từ một đến bốn năm sau Thế Chiến Thứ Hai thay vì 40 năm như trường hợp Việt Nam).

Nhận định thứ hai

Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, ĐCSĐD đã phủ định chủ nghĩa dân tộc (2). Họ không chủ trương giành độc lập vì quốc gia dân tộc và không quan niệm độc lập quốc gia như một cứu cánh tối hậu, một mục tiêu chiến lược phải tranh thủ với bất cứ giá nào, với bất cứ hy sinh nào, kể cả việc hy sinh những quyền lợi riêng tư của các đảng phái. Lịch sử đã chứng minh rằng ĐCSĐD chỉ sử dụng cuộc đấu tranh giành độc lập như một chiêu bài, một mục tiêu chiến thuật hay một phương tiện giai đoạn để đạt được mục tiêu chiến lược của họ là Cướp Chính Quyền.

Họ đã chống đối bất cứ giải pháp độc lập nào không cho họ được độc quyền lãnh đạo quốc gia.

Ngày 27-3-1947 Hội Đồng Chính Phủ Ramadier và Hội Đồng các Chính Đảng Pháp (lãnh đạo Quốc Hội) đã công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam. Theo Quyết Nghị này Pháp không chủ trương tái lập các thuộc địa tại Á Châu. Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất (ba miền cùng chung một lịch sử, một chủng tộc, một văn hóa và một ngôn ngữ). Đặc biệt là Pháp hoan nghênh việc thành lập một chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời để thương nghị với Pháp (trong chính phủ này những phần tử Cộng Sản hay Việt Minh cần phải loại trừ) (3). Dầu sao Pháp không chủ trương can thiệp vào nội bộ của Việt Nam. Do đó chiếu nguyên tắc dân tộc tự quyết, sau khi thâu hồi độc lập và thống nhất, chính phủ quốc gia lâm thời sẽ giải tán để tổ chức tổng tuyển cử bầu quốc hội lập hiến, trong đó tất cả các chính đảng kể cả ĐCSĐD đều có cơ hội tham gia chính quyền nếu được sự tín nhiệm của quốc dân.

ĐẶC BIỆT LÀ CŨNG TRONG NĂM 1947 PHÁP ĐÃ CHÍNH THỨC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM LÀ MỘT QUỐC GIA ĐỘC LẬP TẠI LIÊN HIỆP QUỐC (4)

CHỦ QUYỀN ĐỘC LẬP CỦA VIỆT NAM ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHẬN BỞI HIỆP ĐỊNH ELYSÉE ngày 8-3-1949 ký kết giữa tổng thống Pháp Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại. Ngày 6-6-1949 Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hiệp Định Elysée. Từ đó chiếu công pháp quốc tế Việt Nam được hoàn toàn độc lập. Các hiệp ước ký với Pháp trong hậu bán thế kỷ 19 đã bị bãi bỏ (5).

Mặc dầu vậy ĐCSĐD đã phủ nhận nền độc lập này. Họ tiếp tục chiến đấu võ trang để được độc quyền yêu nước, độc quyền kháng chiến, độc quyền thương nghị với Pháp, độc quyền ký hiệp ước với Pháp và rồi độc quyền lãnh đạo quốc gia. Cướp chính quyền là cứu cánh tối hậu của Đảng Cộng Sản.

Nhận định thứ ba

Năm 1975 Đảng CSĐD đã không có công thống nhất đất nước. Vì theo công pháp quốc tế, quốc gia Việt Nam đã được độc lập và thống nhất từ năm 1949 chiếu Hiệp Định Élysée ngày 8-3-1949.

Ngày 23-4-1949, Quốc Hội Nam Kỳ với 45 phiếu thuận và sáu phiếu chống đã biểu quyết giải tán chế độ Nam Kỳ Tự Trị để sát nhập lãnh thổ Nam Kỳ vào quốc gia Việt Nam độc lập và thống nhất. Tuy nhiên ĐCSĐD phủ nhận nền độc lập này và phá hoại nền thống nhất này. Lý do chính yếu là vì Hiệp Định Élysée đã không cho phép ĐCSĐD được độc quyền lãnh đạo quốc gia. Do đó họ vẫn tiếp tục chiến đấu võ trang với sự yểm trợ của Quốc Tế CS, để cướp chính quyền tại Miền Bắc, năm 1954 và cướp chính quyền tại Miền Nam năm 1975.

Nhận định thứ tư

Về mặt con người, ĐCSĐD không tôn trọng mà cũng không chủ trương thực thi tự do nhân quyền. Họ đã vi phạm thô bạo tất cả những quyền tự do căn bản của người dân. Những quyền con người và quyền công dân ghi trong hiến pháp và luật pháp quốc gia chỉ là những bánh vẽ, hay những ý niệm không có thực chất do sự giải thích xuyên tạc của nhà cầm quyền Hà Nội. Về mặt chủ thuyết, ĐCSĐD không chủ trương thực thi tự do nhân quyền cho người dân. Mục tiêu của họ là thiết lập một chế độ độc tài vô sản, hay đúng hơn, một chế độ độc tài của đảng để thống trị vô sản và nhân dân (6).

Nhận định thứ năm

Về mặt xây dựng và phát triển, ĐCSĐD vẫn theo đuổi một đường lối kinh tế lạc hậu khiến cho nền kinh tế quốc gia bị tụt hậu thê thảm.

Từ một nước giàu thịnh nhất Đông Nam Á trước 1945, Việt Nam ngày nay trở thành một trong những nước nghèo đói nhất thế giới. Lợi tức bình quân mỗi đầu người tại Việt Nam chỉ bằng 1/50 tại Tân Gia Ba, 1/15 tại Mã Lai, 1/10 tại Thái Lan, 1/4 tại Phi Luật Tân hay Nam Dương và đặc biệt là không bằng 1/3 tại Congo. Ngoài ra những bất công và bất bình đẳng xã hội đã gây nên sự cách biệt giàu nghèo quá đáng khiến cho lợi tức thực sự của người dân trung bình còn yếu kém hơn con số lý thuyết 290 mỹ kim một năm (7).

Chúng tôi đưa ra những nhận định này trên cương vị một người nghiên cứu sử học và luật học, chứ không với tư cách một cán bộ tuyên truyền cho một chủ thuyết hay một chế độ chính trị nào.

II. ĐỐI CHIẾU CÁC PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TẠI Á CHÂU

Muốn có một cái nhìn khách quan và trung thực, chúng ta hãy đối chiếu công cuộc đấu

tranh giành độc lập tại Việt Nam với các phong trào giải phóng dân tộc khác tại Á Châu.

Một sự kiện nổi bật cần phải nhắc lại là:

Sau Thế Chiến Thứ Hai, trong số 14 nước thuộc địa, bảo hộ và giám hộ tại Á Châu, *chỉ có ba nước Đông Dương dưới quyền lãnh đạo của ĐCSĐD là đã đấu tranh võ trang, bạo động và liên kết với Quốc Tế CS. Trái lại các đảng quốc gia tại 11 nước Á Châu khác đã chủ trương đấu tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không bạo động, không vọng ngoại và nhất là không liên kết với Quốc Tế CS.*

Hơn nữa, thay vì chiến đấu võ trang để lật đổ hay đánh bại các đế quốc tư bản Tây Phương, 11 quốc gia này đã chủ trương *đề kháng bất bạo động, đồng thời hợp tác và thương nghị với đế quốc* để giành lại tự trị trong giai đoạn đầu và độc lập trong giai đoạn sau. Kết quả là họ đã tiết kiệm được nhiều hy sinh xương máu và đã rút ngắn rất nhiều thời gian để thâu hồi độc lập.

Từ 1946 đến 1949 tại Á Châu, tất cả các đế quốc Tây Phương đã lần lượt giải thể để trả lại độc lập cho các nước thuộc địa, bảo hộ hay giám hộ.

1) 1946: Phi Luật Tân độc lập

Hoa Kỳ là quốc gia đi tiền phong trong việc giải phóng thuộc địa. Nguyên là một cựu thuộc địa, Hoa Kỳ có truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhân dân Hoa Kỳ có cảm tình với những phong trào đấu tranh giành độc lập tại Á Phi. Năm 1919 tại Hội Quốc Liên (tổ chức tiền thân của Liên Hiệp Quốc), Tổng Thống Hoa Kỳ Wilson đề ra quyền Dân Tộc Tự Quyết để yêu cầu các đế quốc Tây Phương từng bước trao trả tự trị và độc lập cho các thuộc địa Á Phi.

Đầu thập niên 1930, Luật Sư Quezon, lãnh tụ Đảng Quốc gia Phi Luật Tân đã tới Hoa Thịnh Đốn để vận động quốc hội Hoa Kỳ ban hành quy chế tự trị và độc lập cho Phi Luật Tân. Năm 1934 Quốc Hội Hoa Kỳ biểu quyết thông qua Luật Tydings-McDuffie Act công nhận Phi Luật Tân là một quốc gia tự trị (dominion) từ 1935. Trong đạo luật này có khoản quy định rằng, 10 năm sau, đúng ngày quốc khánh Hoa Kỳ (4 tháng 7, 1945) Phi Luật Tân sẽ được hoàn toàn độc lập. Tuy nhiên tới ngày đó, Chiến Tranh Thái Bình Dương chưa kết thúc, nên Phi Luật Tân chỉ được tuyên bố độc lập ngày 4-7-1946, trễ mất một năm vì lý do chiến cuộc.

Trong thời chiến tranh, Quezon được mời tham gia Ủy Ban Chiến Tranh vùng Thái Bình Dương, và người phụ tá của ông, L.S. Roxas đã hoạt động tình báo cho tướng McArthur.

Khẩu hiệu đấu tranh của Đảng Quốc Gia Phi Luật Tân là *"Độc Lập do Hợp Tác"* (Independence through Cooperation).

2) 1946: Syrie và Liban độc lập

Nếu Hoa Kỳ có truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc, thì Pháp cũng là quốc gia có truyền thống Tự Do, Công Lý, Bình Đẳng và Bác Ái tiến bộ nhất trong lịch sử loài người.

Tại Syrie và Liban, lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc là Đảng Nhân Dân tại Syrie và L.S. Dabbas tại Liban. Dabbas đã từng du học tại Paris, nơi đây ông hay biết rằng, ngoài các đảng bảo thủ chủ trương duy trì thuộc địa còn có Đảng Xã Hội Pháp chủ trương giải phóng lao động và giải phóng thuộc địa.

Năm 1936 Mặt Trận Bình Dân nắm chính quyền, Thủ Tướng Xã Hội Léon Blum ký hiệp ước với Syrie và Liban để trả tự trị cho hai quốc gia này. Và 10 năm sau, năm 1946 quân đội Liên Hiệp Pháp rút lui để trả độc lập cho Syrie và Liban.

3) 1947: Ấn Độ và Đại Hồi độc lập

Sau các Đế Quốc Hoa Kỳ và Pháp, đến lượt Đế Quốc Anh bắt đầu giải thể. Tới Thế Chiến Thứ Hai, Anh Quốc đã thành lập được một đế quốc lớn nhất từ cổ chí kim chạy từ Bắc Mỹ qua Phi Châu, Á Châu và Úc Châu. Người ta thường nói "mặt trời không bao giờ lặn trên Đế Quốc Anh." Vậy mà hai năm sau Thế Chiến Thứ Hai, năm 1947, Đế Quốc Anh bắt đầu giải thể.

Ba nhà lãnh đạo quốc gia Gandhi, Nehru và Jinnah đã từng du học tại Anh và gia nhập Luật Sư Đoàn Luân Đôn, nơi đây họ hay biết rằng, bên cạnh Đảng Bảo Thủ chủ trương duy trì thuộc địa, còn có Đảng Lao Động Anh chủ trương giải phóng lao động và giải phóng thuộc địa.

Năm 1947 Thủ Tướng Lao Động Clement Attlee trả độc lập cho Ấn Độ và Đại Hồi, và qua năm sau, 1948, trả độc lập cho Miến Điện và Tích Lan, mặc dầu mọi phản kháng quyết liệt của Churchill, lãnh tụ Đảng Bảo Thủ.

Khác với ĐCSĐD, Đảng Quốc Hội Ấn Độ chủ trương đấu tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không bạo động, không vọng ngoại và nhất là không liên kết với Quốc Tế CS.

Với một dân số quá đông đảo (400 triệu, so với 20 triệu ở Việt Nam), trong một xã hội lạc

hậu, nghèo đói, thất học, với những mâu thuẫn trầm trọng về tôn giáo, về chủng tộc, về ngôn ngữ, về đẳng cấp và giai cấp, cuộc đấu tranh tại Ấn Độ 10 lần khó hơn tại Việt Nam. Vậy mà Ấn Độ đã được độc lập hai năm sau Thế Chiến Thứ Hai, trong khi dân tộc ta đã phải hy sinh xương máu dòng dã trong 40 năm.

Ngoài đường lối đấu tranh ôn hòa bất bạo động, Gandhi còn chủ trương hợp tác và thương nghị với chính phủ Anh. Trong Thế Chiến Thứ Nhất, Gandhi hô hào thanh niên Ấn gia nhập quân đội Hoàng Gia Anh để cứu nguy đế quốc Anh. Cá nhân ông cũng tình nguyện xung vào Ban Cứu Thương. Ông nói:

"Nếu chúng ta muốn người Anh giúp đỡ chúng ta, thì ngược lại chúng ta cũng có nghĩa vụ giúp đỡ họ trong giờ phút khẩn trương. Đây không phải là nghĩa vụ của kẻ nô lệ đối với chủ nhân ông phong kiến. Tôi không tin rằng người Ấn bị coi như người nô lệ. Sự kỳ thị không phải do chính sách thuộc địa (từ Luân Đôn) mà do những viên chức thực dân bản xứ. Chúng tôi hy vọng có thể sửa đổi họ bằng tình thương. Trong tương lai Ấn Độ sẽ trở thành quốc gia thân hữu nhất của Đế Quốc Anh. Nhờ tình thân hữu đó chúng tôi hy vọng sẽ đạt được mục tiêu (tự trị và độc lập)." (8)

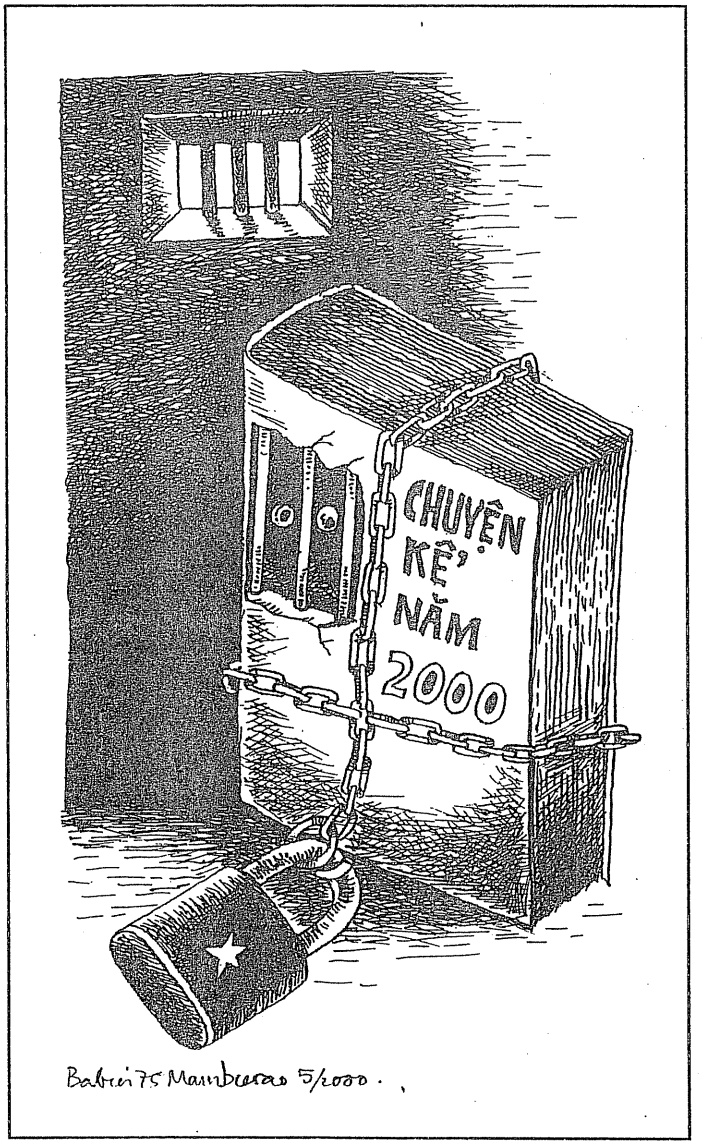

Tới năm 1918, một triệu binh sĩ và công binh Ấn Độ đã phục vụ trong Quân Đội Hoàng gia Anh. Trong số này có 100 ngàn bị thương và 36 ngàn tử thương. Cũng vì vậy mà sau khi chiến tranh kết thúc, chính phủ Anh đã ban hành "Luật tổ chức chính quyền Ấn Độ năm 1919." Luật này mở rộng quyền của người Ấn được tham gia vào các cơ quan hành pháp và lập pháp tại trung ương và địa phương. Tại Punjab, Luật Sư Pandit Nehru (cha) được bầu làm chủ tịch quốc hội. Mục tiêu tranh đấu của ông là Tự Trị (Self Rule).

4) 1948: Miến Điện, Tích Lan, Palestine độc lập. Thành lập quốc gia Do Thái.

Người anh hùng dân tộc Miến Điện là Aung San (thân phụ bà Aung San Sưu Ky hiện lãnh đạo phong trào đối lập Miến Điện). Cũng như Gandhi, Aung San tình nguyện chiến đấu trong Quân Đội Hoàng Gia Anh. Cùng với U Nu, ông thành lập Liên Đoàn Nhân Dân Tự Do Chống Phát Xít để hợp tác với đế quốc Anh, chống Nhật...

Năm 1948 Miến Điện được trao trả độc lập.

Tại Tích Lan Hiến Pháp năm 1931 ấn định thời gian tập sự tự trị là 15 năm. Với chủ trương *Thiện Chí và Hợp Tác* (Good Will and

Cooperation), Đảng Quốc Gia Tích Lan đã giành được tự trị năm 1945 và độc lập năm 1948.

Tại Do Thái hai nhà lập quốc Ben Gourion và Moshe Dayan thuộc Đảng Lao Động cũng tình nguyện chiến đấu trong liên quân Anh-Pháp trong hai trận thế chiến. Năm 1948 với sự yểm trợ của Hoa Kỳ, quốc gia Do Thái được thành lập dưới sự bảo trợ của LHQ. Cũng trong năm này, Palestine đã thoát quyền giám hộ của Đế Quốc Anh.

5) 1949: Nam Dương độc lập

Sau các đế quốc Anh Mỹ Pháp đến lượt đế quốc Hòa Lan giải thể năm 1949. Phong trào giải phóng dân tộc Nam Dương được phát động bởi giới trí thức du học Hòa Lan. Trong khi Đảng CS theo sách lược bạo động võ trang thì Đảng Quốc Gia Nam Dương chủ trương đấu tranh ôn hòa bất bạo động bằng canh tân và giáo dục. Sukarno lập Câu Lạc Bộ Văn Hoá Bandung và Hatta lập Hội Giáo Dục Quốc Gia Nam Dương để nâng cao dân trí và chấn hưng dân khí. Hatta du học 10 năm tại Hoà Lan và Sjahrir đã từng gia nhập đảng Lao Động Hoà Lan trong thời gian du học.

Năm 1942 Nhật chiếm đóng Nam Dương. Sukarno hợp tác với Nhật. Tháng 8, 1945 Nhật đầu hàng Đồng Minh, Sukarno tuyên bố Nam Dương độc lập. Nhưng rồi quân đội Hòa Lan theo chân quân đội Anh sang giải giới quân đội Nhật. Sukarno chủ trương thương nghị với Hoà Lan.

Trong những năm 1946 và 1948, Đảng CS Nam Dương phát động chiến đấu võ trang để phản kháng thương nghị. Thời gian này nước láng giềng Phi Luật Tân đã được độc lập. Tổng thống Truman vận động LHQ áp lực Hoà Lan phải hòa đàm với chính phủ Sjahrir. Lúc này Hoa Kỳ đang thực thi Kế Hoạch Marshall để tái thiết Âu Châu thời hậu chiến nên tiếng nói có trọng lượng đối với Hòa Lan. Hội Nghị Bàn Tròn La Haye được triệu tập dưới sự bảo trợ của LHQ. Tháng 12-1949, Hiệp ước La Haye thừa nhận chủ quyền độc lập của Nam Dương.

III. STALINE THIẾT LẬP ĐẾ QUỐC SÔ VIẾT: ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Như vậy là từ 1946 đến 1949 các đế quốc Tây Phương như Anh, Mỹ, Pháp, Hoà Lan đã lần lượt giải thể để trả độc lập cho các thuộc địa Á Châu.

Trong khi đó tại Đông Âu, Staline đã thiết lập một đế quốc mới mệnh danh là Đế Quốc Sô Viết bằng cách thôn tính ba nước Baltic là Lithuania, Latvia và Estonia. Sau đó, Liên Xô thiết lập "bức màn sắt" tại bảy nước Đông Âu là Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Albanie, Bulgarie, và Roumanie (bức màn sắt là chữ của Churchill). Từ đó, chiến tranh lạnh hay chiến tranh ý thức hệ bộc phát giữa Quốc Tế CS và Thế Giới Dân Chủ.

Các nhà lãnh đạo phe Thế Giới Dân Chủ như Truman, Churchill, và De Gaulle nhất quyết không trao Đông Dương cho ĐCSĐD vì họ không muốn Staline mở rộng bức màn sắt từ Đông Âu qua Đông Á.

Riêng tại Việt Nam, De Gaulle cũng không chịu trao Nam Kỳ cho Hồ Chí Minh vì Nguyễn Ái Quốc là cán bộ CS phụ trách vùng Đông Nam Á (Đông Dương và Thái Lan).

Cũng vì vậy mà *tháng 12-1945 De Gaulle đã mời cựu hoàng Duy Tân từ đảo La Réunion tới Paris thương nghị.*

Nhiều tài liệu cho biết De Gaulle đã chấp thuận trên nguyên tắc để Duy Tân về nước hồi tháng 3-1946. Trước đó, hai bên sẽ ký một hiệp ước công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. Chính phủ Việt Nam sẽ được toàn quyền quản trị về mặt nội bộ. Tuy nhiên vì lúc này ĐCSĐD đã cướp chính quyền tại Miền Bắc, nên quân đội Pháp còn phải ở lại Việt Nam một thời gian với tư cách là quân đội Liên Hiệp Pháp để giúp Việt Nam giải quyết các vấn đề an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm). Theo quy chế của tổ chức Liên Hiệp Pháp, giữa Pháp và Việt Nam có nghĩa vụ an ninh hỗ tương. Do đó quân đội Pháp có nghĩa vụ bảo vệ biên cương của Việt Nam, đồng thời cũng là biên cương của Liên Hiệp Pháp.

Rất tiếc là mùa Giáng Sinh 1945 Duy Tân đã ngộ nạn máy bay trên sa mạc Trung Phi trên đường từ Paris về thăm nhà. Có người cho đây là một vụ phá hoại. Nguyên nhân phi cơ phát hỏa là vì "hết săng." Đây là một nguyên nhân hy hữu vì không một phi hành đoàn nào chịu cất cánh nếu máy bay không chứa đủ săng nhớt.

Việc Duy Tân mất đi là một đại bất hạnh cho Việt Nam cũng như cho Pháp. Vì nếu đầu năm 1946 Duy Tân về nước lập chính phủ quốc gia giành lại tự trị, độc lập và thống nhất cho Việt Nam thì chiến tranh Việt Pháp sẽ có cơ tránh được. Hồ Chí Minh sẽ không còn

được độc quyền yêu nước và sẽ gặp khó khăn trong việc phát triển ĐCSĐD (năm 1945 ĐCSĐD chỉ có năm ngàn đảng viên).

Lúc này Đảng CS Pháp đã thông tri cho Staline và Nguyễn Ái Quốc biết rằng De Gaulle đã có giải pháp quốc gia về Việt Nam. Cũng vì vậy mà Hồ Chí Minh đã phải giả bộ giải tán ĐCSĐD và vội vã thành lập một chính phủ liên hiệp quốc gia với sự tham gia của Cách Mạng Đồng Minh Hội (với Nguyễn Hải Thần) và Việt Nam Quốc Dân Đảng (với Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam) để làm bình phong thương nghị với Pháp.

Ngày 6-3-1946 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh ký Hiệp Ước Sơ Bộ với Sainteny và chấp thuận mọi điều khoản mà De Gaulle đã thỏa thuận với Duy Tân: Việt Nam là một nước tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. 15 ngàn quân Pháp sẽ được đồn trú tại Bắc Kỳ trong thời gian năm năm. Vấn đề thống nhất Nam Bắc sẽ được giải quyết theo nguyên tắc dân tộc tự quyết như trưng cầu dân ý.

Sau đó hồi tháng 9-1946, Hồ Chí Minh đã lặn lội qua Pháp để xin ký hiệp ước với Marius Moutet- người đồng chí cũ trước khi Nguyễn Ái Quốc bỏ đảng Xã Hội để gia nhập đảng CS Pháp năm 1920.

Tuy nhiên mặc dầu lúc này De Gaulle đã từ nhiệm, các nhà lãnh đạo Thế Giới Dân Chủ vẫn nhất quyết không trao Đông Dương cho ĐCSĐD. Và phe đa số trong quốc hội Pháp cũng sẽ không phê chuẩn bất cứ hiệp ước nào ký kết với phe CS Việt Nam.

Con đường thương nghị để cướp chính quyền bế tắc, Hồ Chí Minh phát động chiến tranh võ trang ngày 19-12-1946. Mục đích để phá vỡ mọi giải pháp quốc gia. Sau nữa để được độc quyền yêu nước, độc quyền kháng chiến, độc quyền thương nghị, độc quyền ký hiệp ước với Pháp, rồi độc quyền lãnh đạo quốc gia.

Bằng hành động gây chiến này Hồ Chí Minh đã vi phạm Hiệp Ước Sơ Bộ ngày 6-3-1946.

Do đó, ba tháng sau, ngày 27-3-1947 Hội Đồng Chính Phủ Ramadier cùng Hội Đồng các Chính Đảng Pháp công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam theo đó:

1) Pháp không chủ trương tái lập các thuộc địa tại Á Châu.

2) *Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất.*

3) Pháp hoan nghênh việc Việt Nam thành lập chính phủ quốc gia lâm thời để thương nghị với Pháp, trong đó "những phần tử Việt Minh (phạm tội ác) cần phải loại trừ." (9)

Điều đáng chú ý là lãnh tụ Cộng Sản Maurice Thorez và lãnh tụ Xã Hội Marius Moutet đã ký tên vào Quyết Nghị này cùng với thủ tướng Ramadier.

Ngoài ra cũng trong năm 1947 tại Liên Hiệp Quốc, Pháp đã chính thức đăng ký ba nước Đông Dương (Việt Miên Lào) là những quốc gia độc lập.

Như vậy là từ năm 1947 Pháp đã công bố ý định trao trả độc lập và thống nhất cho Việt Nam và đã đăng ký Việt Nam là một nước độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (Sở dĩ Việt Nam không được gia nhập LHQ vì gặp sự phản kháng của Liên Xô hành sử quyền phủ quyết.)

Năm 1947 nếu Hồ Chí Minh là người yêu nước, nếu Nguyễn Ái Quốc là nhà ái quốc biết đặt quyền lợi của quốc gia dân tộc lên trên quyền lợi của đảng phái, thì ông ta đã phải lập tức ngưng chiến để cho phe quốc gia có điều kiện hòa đàm và ký kết với Pháp một hiệp ước để giành lại độc lập và thống nhất cho Việt Nam. (Tháng 9-1947 Anh cũng trao trả độc lập cho Ấn Độ và Đại Hồi.)

Tuy nhiên Hồ Chí Minh không phải là người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc không phải là nhà ái quốc nên ông ta vẫn tiếp tục đẩy tới chiến tranh võ trang để phá vỡ mọi giải pháp quốc gia.

Mặc dầu vậy các chính phủ Pháp kế tiếp vẫn trung thành với Quyết Định của Hội Đồng Chính Phủ và Hội Đồng Chính Đảng Pháp năm 1947.

Do đó ngày 5-6-1948 Cao Uỷ Đông Dương Bollaert ký Hiệp Ước Sơ Bộ Vịnh Hạ Long với Nguyễn Văn Xuân, Thủ Tướng Chính Phủ Quốc Gia Lâm Thời, với sự bổi thự của Bảo Đại. Theo Hiệp Ước này Pháp long trọng thừa nhận nền độc lập của Việt Nam và Việt Nam được quyền tự do thực hiện nền thống nhất quốc gia chiếu nguyên tắc dân tộc tự quyết.

Và ngày 8-3-1949 tại Điện Elysée (Paris) Tổng Thống Pháp Vincent Auriol nhân danh Tổng Thống Cộng Hòa Pháp và nhân danh Chủ Tịch Liên Hiệp Pháp đã ký với Quốc Trưởng Bảo Đại HIỆP ĐỊNH ELYSÉE CÔNG NHẬN VIỆT NAM THỐNG NHẤT VÀ ĐỘC LẬP TRONG LIÊN HIỆP PHÁP.

(Quy chế Liên Bang Đông Dương đã bị bãi bỏ) Do Quyết Nghị ngày 23-4-1949 Quốc Hội Nam Kỳ đã sát nhập Nam Kỳ vào quốc gia Việt Nam.

Ngày 6-6-1949 Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hiệp Định Elysée và chính thức thừa nhận quốc gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

Chúng ta không nên có thành kiến cho rằng gia nhập Liên Hiệp Pháp là vi phạm chủ quyền quốc gia. Vì các nước Ấn Độ, Đại Hồi, Tích Lan, Canada, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan v.v... cũng là những quốc gia độc lập trong Liên Hiệp Anh.

Khách quan mà xét, *năm 1949 độc lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam.* Chúng ta có thể sử dụng các chuyên viên Pháp là những người đã hiểu phong tục tập quán, biết rõ dân tình nước ta, lại có những kinh nghiệm về việc khai thác nông lâm súc, công kỹ nghệ thương mãi cũng như việc xây cất cầu cống, đường sá, sông ngòi, hải cảng, cồn đảo v.v... Ngoài ra họ còn có thể cố vấn chúng ta để xây dựng môt nền giáo dục phổ thông, một nền hành chánh hiện đại và một nền tư pháp độc lập để tiến tới tam quyền phân lập và dân chủ pháp trị.

Về mặt phát triển chúng ta có sẵn thị trường Liên Hiệp Pháp để xuất cảng các hàng hóa và các nông, lâm, khoáng sản v.v... Do đó năm 1949 độc lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam.

Nhưng rồi ĐCSĐD đã đưa dân tộc ta vào con đường chông gai chết chóc trong suốt 40 năm (từ 1949 đến 1989). Đại hạnh của Ấn Độ là có được một Gandhi theo chủ nghĩa dân tộc. Đại bất hạnh của Việt Nam là có một Nguyễn Ái Quốc theo chủ nghĩa Quốc Tế Vô Sản.

*

Tổng kết lại, Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất có thể chia làm ba giai đoạn:

1) 1946-1947: chiến tranh giành độc lập.

2) 1947-1949: hoà đàm và thương nghị.

3) 1949-1954: chiến tranh ý thức hệ giữa QTCS và Thế Giới Dân Chủ (như Chiến

Tranh Triều Tiên). Vì từ 1949 Việt Nam đã giành được độc lập nên chiến tranh không phải để giải phóng dân tộc nữa, mà là một phương tiện giúp CS cướp chính quyền. Chỗ tế nhị là phe Thế Giới Dân Chủ đã được đại diện bởi Liên Hiệp Pháp, một tổ chức sáng lập bởi Cộng Hòa Pháp là một quốc gia bị mang tiếng vì đã thôn tính Việt Nam để khai thác và bóc lột.

HIỆP ĐỊNH GENEVE 1954 VÀ HIỆP ĐỊNH PARIS 1973

Chiến tranh Đông Dương Thứ Nhất kết thúc bởi "Hiệp Định Đình Chỉ Chiến Sự ở Việt Nam" ký ngày 20-7-1954 tại Genève.

Hiệp Định Genève 1954 là một *hiệp ước thuần túy quân sự có tác dụng "đình chiến và ấn định một giới tuyến quân sự tạm thời."*

Hiệp Định này mang chữ ký của đại diện Tổng Tư Lệnh Quân Đội Nhân Dân Việt Nam (Bắc Việt) là Thứ Trưởng Quốc Phòng Tạ Quang Bửu và đại diện Tổng Tư Lệnh Quân Đội *Liên Hiệp Pháp* tại Đông Dương là Thiếu Tướng Henri Delteúil.

Vì không tham chiến ở Việt Nam nên Hoa Kỳ không ký tên vào Hiệp Định Genève.

Quốc gia Việt Nam cũng không ký. Vì chiếu Hiệp Định Elysée 1949, khi có chiến tranh, quân đội Việt Nam và quân đội Pháp sẽ cùng chiến đấu dưới danh nghĩa quân đội Liên Hiệp Pháp. Một Bộ Tham Mưu Hỗn Hợp sẽ được thành lập với một tướng lãnh Pháp làm tư lệnh hành quân và một tướng lãnh Việt Nam làm tham mưu trưởng. Vì Hiệp Định Genève là một hiệp ước thuần tuý quân sự, nên về phía Liên Hiệp Pháp chỉ cần có chữ ký của vị tư lệnh hành quân là đủ.

Ngày hôm sau 21-7-1954 một bản Tuyên Ngôn Sau Cùng khuyến cáo hai miền Nam Bắc hiệp thương và tổ chức tổng tuyển cử trong những năm 1955 và 1956. Tuy nhiên tuyên ngôn không phải là hiệp ước. Vì đây chỉ là bản Tuyên Ngôn Ý Định (Declaration d'intention) *không mang chữ ký của bất cứ ai nên không có giá trị pháp lý* (cũng như các bản Tuyên Ngôn Độc Lập đơn phương của Bảo Đại ngày 11-3-1945, của Hồ Chí Minh ngày 2-9-1945 và của Sukarno tháng 8-1945). Vả lại cũng trong ngày 21-7-1954, ngoại trưởng Việt Nam Trần Văn Đỗ và trưởng phái đoàn Hoa Kỳ Bedell Smith đã ra tuyên cáo minh thị phản kháng sự áp đặt các giải pháp chính trị trong một hiệp ước quân sự, mà không có sự thỏa thuận của phái đoàn quốc gia Việt Nam. (10)

Hiệp Định Genève chỉ là một bản hiệp ước thuần tuý quân sự để định ranh giới ngưng bắn: ngưng bắn tại chỗ (da beo) hay ngưng bắn theo một giới tuyến (*vĩ tuyến 38 tại Triều Tiên, vĩ tuyến 17 tại Việt Nam*). Nó không có tác dụng chính trị. Vấn đề thống nhất Nam Bắc thuộc quyền dân tộc tự quyết sẽ do hai quốc gia ấn định sau này. Do đó Việt Nam Cộng Hoà không vi phạm Hiệp Định Genève khi khước từ hiệp thương và tổng tuyển cử. (11)

Hiệp Định Paris 1973 trái lại, là một hiệp ước ngoại giao và có tác dụng chính trị. Trước hết về mặt nghi thức, nó mang chữ ký của các đại biểu các quốc gia kết ước:

Trần Văn Lắm, ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa

Williams Roger, ngoại trưởng Hoa Kỳ

Nguyễn Duy Trinh, ngoại trưởng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và

Nguyễn Thị Bình, ngoại trưởng Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam

Điều 15 Hiệp Định Paris quy định rằng "việc thống nhất Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hoà bình trên căn bản *thảo luận và ưng thuận* giữa Miền Bắc và Miền Nam, *không bên nào cưỡng ép bên nào, không bên nào thôn tính bên nào. Thời gian thống nhất sẽ do Miền Bắc và Miền Nam đồng thỏa thuận"* (theo nguyên tắc nhất trí). (12)

Vậy mà năm 1975, khi chữ ký của họ còn chưa ráo mực, Bắc Việt đã dùng bạo lực võ trang để cưỡng chiếm và thôn tính Miền Nam. Hội trường đã nhường chỗ cho chiến trường. Thảo luận thương nghị đã bị võ lực cưỡng chế và phương pháp hòa bình đã bị chiến tranh bạo động xoá bỏ.

Đó là một sự vi phạm thô bạo. Luật pháp văn minh của loài người đã bị thay thế bởi luật rừng xanh.

KẾT LUẬN:

Nói tóm lại:

1) Phủ nhận chủ nghĩa dân tộc, ĐCSĐD đã phạm sai lầm chiến lược khi liên kết với QTCS để đấu tranh bạo động võ trang khiến dân tộc ta phải hy sinh xương máu dòng dã trong 40 năm.

2) ĐCSĐD không có công giành độc lập vì Việt Nam đã được độc lập từ 1949 chiếu Hiệp Định Elysée năm 1949. Hơn nữa, Việt Nam đã

được đăng ký tại LHQ là một quốc gia độc lập từ 1947.

3) Đảng CSĐD không có công thống nhất đất nước vì Việt Nam đã được thống nhất năm 1949 khi Quốc Hội Nam Kỳ biểu quyết giải tán chế độ Nam Kỳ tự trị và sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ quốc gia Việt Nam độc lập và thống nhất (13).

4) Trên bình diện dân tộc, ba cuộc chiến tranh Đông Dương là những cuộc chiến tranh vô ích, nếu không nói là tai hại.

5) Vì vậy ĐCSĐD không có tư cách và không có tính chính thống để độc quyền lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và nhất là từ nay về sau.

Vì những lý do nói trên, chế độ CS phải được giải thể để cho người dân được quyền mưu cầu hạnh phúc trong một chế độ dân chủ pháp trị trong đó các dân quyền và nhân quyền được tôn trọng, kinh tế quốc gia được phát triển và công bằng xã hội được thực thi.●

Chú thích

1) Hai nước còn lại là Mã Lai và Tân Gia Ba trong Liên Bang Mã Lai Á. Năm 1948 Đảng CS Mã Lai lập chiến khu chiến đấu võ trang. Để dẹp nội loạn, chính phủ Anh ban hành tình trạng thiết quân luật. Từ năm 1952 đảng quốc gia Mã Lai đưa ra chủ trương "độc lập do hợp tác chủng tộc" kết hợp các sắc dân Mã Lai, Trung Hoa và Ấn Hồi. LS Abdul Rahman đã từng được cử làm phó chưởng lý tại Anh. Abdul Razah phục vụ trong quân đội Hoàng Gia Anh thời Thế Chiến Thứ Hai. Sau năm năm tự trị, Mã Lai được độc lập năm 1957.

Năm 1959 đến lượt Tân Gia Ba được giải phóng do chủ trương "độc lập nhờ liên hiệp" (với Mã Lai trong Liên Bang Mã Lai Á). Lý Quang Diệu đã từng gia nhập Luật Sư Đoàn Luân Đôn và đã gia nhập đảng Lao Động Anh trong thời gian du học.

2) Năm 1930 danh xưng "Đảng Cộng Sản Việt Nam" đã bị "Quốc Tế Cộng Sản" bác bỏ và thay bằng danh xưng "Đảng Cộng Sản Đông Dương."

Năm 1989 khi hòa bình Đông Dương vãn hồi, dân số tại ba nước Đông Dương là 61 triệu và tại 11 cựu thuộc địa Á Châu là 1 tỷ 40 triệu.

3) Nguyễn Khắc Ngữ: "*Bảo Đại, các đảng phái quốc gia.*" Tủ sách nghiên cứu Sử Địa 1991, trang 1-4.

4) *Everyone's United Nations,* ấn bản năm 1986, trang 332.

5) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 82-98.

6) "Chiến đấu này là trận sau cùng ... bao nhiêu lợi quyền đều về tay mình" (Quốc Tế Ca). Trong thập niên 1930, ĐCSĐD đã phối hợp với phe tân tả phái của Tạ Thu Thâu trong Mặt Trận Dân Chủ để đòi tự do báo chí, tự do tuyển cử. Nhưng sau khi nắm chính quyền, họ đã sát hại Tạ Thu Thâu và đã cấm đoán mọi hành động đòi tự do nhân quyền. Họ đã truy tố và kết án các trí thức văn nghệ sĩ đối kháng về các tội giả tạo như "tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa" hay "lạm dụng quyền dân chủ" v.v...

7) Lợi tức bình quân mỗi đầu người năm 1996:

- Tân Gia Ba: 15,730 mỹ kim
- Mã Lai: 4,370 mk
- Thái Lan: 2,960 mk
- Phi Luật Tân: 1,160 mk
- Nam Dương: 1,080 mk
- Congo: 1,030 mk
- Việt Nam: 290 mk (*Atlas Observation du Monde* 1999)

8) *Tự Truyện Gandhi*: Trí Hải - Đại Nam, trang 578-584. Cũng như tại Ấn Độ, phe "thực dân hạ cấp" tại Đông Dương gồm khoảng 20 ngàn người da trắng. Bọn này chống lại cả người Việt yêu nước và người Pháp dân chủ.

9) Sau ngày 19-8-1945 ĐCSĐD đã sát hại các phần tử quốc gia yêu nước trong nhóm tân tả phái như Tạ Thu Thâu, Phạm văn Hùm, Trần văn Thạch; nhóm lập hiến như Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo; các nhà lãnh đạo các tôn giáo và các đảng phái quốc gia như Đức Huỳnh Phú Sổ, Trương Tử Anh, Lý Đông A, Khái Hưng, Nguyễn Văn Sâm, Hồ Văn Ngà v.v...

10) Thế Nguyên: Đông Dương 1945-1973 Đại Nam trang 29-58.

11) Đề cập đến cuộc tổng tuyển cử tại một nước CS chỉ là chuyện khôi hài. Trong hơn 50 năm tại Bắc Việt có bao giờ người công dân được hành sử quyền tự do ứng cử và tự do bầu cử?

12) Thế Nguyên, sách đd, trang 66.

13) Tấm bản đồ Việt Nam này ông cha chúng ta đã tạo lập nên hồi đầu thế kỷ 19. Sau này vì yếu hèn và nhu nhược, chúng ta đã phải nhượng cho Pháp sáu tỉnh Miền Nam. Năm 1949 đồng bào Nam Bộ đã hành sử quyền dân tộc tự quyết để thâu hồi chủ quyền lãnh thổ và bồi đắp lại tấm bản đồ từ Nam Quan đến Cà Mau. Tuy nhiên bằng chiến tranh võ trang, Hồ Chí Minh đã cầm tay xé đôi tấm bản đồ năm 1954 để cướp chính quyền tại Miền Bắc. Và rồi cũng bằng chiến tranh võ trang, năm 1975, các đồng chí của ông ta đã cướp nốt chính quyền tại Miền Nam. Rồi họ lấy băng keo dán hai mảnh đồ dư lại và tuyên bố rằng "Hồ Chí Minh có công thống nhất đất nước!"

TRUNG QUỐC BỊ LÊN ÁN VỀ VỤ

MỘT PHỤ NỮ THEO PHÁP LUÂN CÔNG BỊ TRA TẤN ĐẾN CHẾT

NGÔ NHÂN DỤNG

DUY PHƯƠNG, Trung Quốc. Ba năm trước đây bà Trần Tự Tú không biết Pháp Luân Công là cái gì. Ngày 21 tháng Hai vừa qua, bà chết trong tù vì bị tra tấn hành hạ, sau khi công an đã đòi con gái bà đóng tiền phạt nhiều lần, và đến nay các con bà vẫn không biết xác mẹ được hỏa thiêu để làm mất tang chứng rồi đem để nơi đâu. Lý do bà Trần bị giết chỉ vì bà đã theo Pháp Luân Công.

Trong khi đó, ở Genève, hội đồng về Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc đã không có đủ phiếu để lên án Trung Quốc về vi phạm nhân quyền.

Một ngày trước khi bà chết, công an lại gọi bà Trần, 58 tuổi lên thẩm vấn, họ yêu cầu bà lên án Pháp Luân Công. Lúc đó đã mê man gần như bất tỉnh sau các trận đòn từ các hôm trước, nhưng bà Trần vẫn lắc đầu từ chối. Nổi giận, bọn công an đuổi bà về phòng giam. Sau hai ngày bị đánh đập, mớ tóc ngắn bết những đất và máu, chân bị thương, bà Trần phải lê bàn chân trần đi trên tuyết trở về phòng giam. Đó là lời các bạn cùng tù kể lại. Ngày hôm sau thì bà tắt thở.

"Nếu mẹ tôi chỉ nói một câu thôi, chỉ cần bà ấy nói là chống Pháp Luân Công, là họ đã thả bà ấy ra rồi. Nhưng bà cứ từ chối." Đó là lời cô Trương Học Linh, con gái bà Trần, năm nay 32 tuổi. Cho đến năm ngoái, cô là công nhân viên nhà nước.

Ba năm trước, bà Trần Tự Tú chẳng nghe nói đến Pháp Luân Công bao giờ. Đã góa chồng từ 20 năm, bà là công nhân làm cho một xưởng sửa chữa xe vận tải của chính phủ, bà đã làm ở đó suốt 30 năm để nuôi các con đến lớn khôn.

Một bữa bà Trần đi dạo quanh khu nhà mình ở, bà thấy mấy người đang tập Pháp Luân Công, môn khí công và tập thiền do ông Lý Hồng Chí đặt ra, có mấy chục triệu người ở Trung Hoa tập theo kể từ năm 1992 cho đến năm ngoái, khi chính phủ Bắc Kinh làm luật kết tội họ là tà giáo. Nhưng vào năm 1997 thì các môn đồ Pháp Luân Công vẫn còn tự do tập thở, ngồi thiền, và nghe các băng ghi lời giảng của Lý lão sư.

Vì có thời giờ, lại biết mình sẵn tính tình nóng nẩy của một góa phụ mất chồng từ khi còn trẻ, bà Trần đã tham gia tập luyện với năm sáu người thuộc nhóm Pháp Luân Công trong xóm mình. Gia đình bà Trần ở Tô Gia trang trong thành phố Duy Phương, 1.3 triệu dân, giữa một vùng kỹ nghệ thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

"Mẹ tôi không bao giờ lại tin những chuyện mê tín," cô Trương nói. Cô không tập Pháp Luân Công. "Nói thật tình, tánh bà rất nóng nảy, vì cứ nghĩ đến chuyện mình đang già đi, và suốt đời đã hy sinh một mình nuôi các con. Khi bà đi tập Pháp Luân Công thì tính mẹ tôi điềm tĩnh hơn nhiều, bà thành một người tốt hẳn hơn trước. Chúng tôi đều ủng hộ việc tu tập của mẹ." 'Chúng tôi' gồm hai vợ chồng cô và gia đình người em trai.

Trong hai năm liền bà Trần tập rất chăm chỉ. Sáng bà dạy sớm từ bốn giờ 30 phút, cùng tập luyện với dăm sáu người trong cái sân đất, trong vòng 90 phút. Buổi tối bà đọc mấy cuốn sách của ông Lý Hồng Chí và bàn bạc với các bạn. Những điều ông Chí viết về Pháp Luân Đại pháp bao gồm những tín ngưỡng và luân lý cổ truyền, khuyên người ta làm điều thiện, nói điều thật, theo các châm ngôn Chân, Thiện, Nhẫn.

Đi Bắc Kinh bị bắt, về nhà lại bị giam

Sau hơn một năm tập thở và tập thiền, nhóm Pháp Luân Công của bà Trần Tự Tú ở Tô Gia trang đã đông gấp đôi, nghĩa là khoảng mười hai người.

Năm ngoái chính phủ Trung Quốc ra lệnh báo đài chỉ trích phái Pháp Luân Công nhưng bà Trần không để ý tới. Bà không nghe các đài phát thanh và ti vi đọc những bài lên án Pháp Luân Đại pháp cũng như đả kích cá nhân ông Lý Hồng Chí - ông đã sang Mỹ từ năm 1998 vì bị chính phủ Bắc Kinh ép buộc. Bà Trần cũng không biết chuyện gì xảy ra ở Bắc Kinh khi mươi ngàn đệ tử Pháp Luân Công tới vây Đông Nam Hải là nơi trú ngụ của các lãnh tụ Cộng Sản Trung Quốc.

Vụ biểu tình bất ngờ đó xảy ra ngày 25 tháng Tư năm 1999, để yêu cầu đảng Cộng Sản ngưng việc thóa mạ phái Pháp Luân Công trên các báo, đài. Lúc đó phái này chưa bị cấm. Những người biểu tình thuộc lớp trung niên, phần lớn thuộc tuổi lao động. Họ từ nhiều tỉnh, đông nhất là từ tỉnh Cát Lâm nơi xuất phát của ông Lý Hồng Chí. Họ kéo nhau về Bắc Kinh, ngồi thiền chung quanh khu Trung Nam Hải một buổi, nộp những bản kiến nghị lên Đảng, rồi lại rời thành phố trở về nhà.

Chính quyền Bắc Kinh không thể tha thứ cho hành động thách đố oai quyền của Đảng như vậy. Họ ra lệnh bắt giam hàng trăm người tập Pháp Luân Công và khám phá ra trong số những người tổ chức cuộc biểu tình bằng điện thoại và internet có cả những cán bộ làm việc trong chính phủ trung ương, có cả công an và sĩ quan trong quân đội. Niềm tin mới này hấp dẫn người ta hơn cả chủ nghĩa Cộng Sản. Ông Lý nói có bẩy chục triệu người tập Pháp luân côn, trong khi đảng Cộng Sản chỉ có hai chục đảng viên. Vì thế họ càng muốn tiêu diệt phong trào Pháp Luân Đại pháp, gán cho nhãn hiệu "tà giáo" và đến tháng Bẩy thì làm luật cấm không ai được tham dự.

Đáng lẽ thì phái Pháp Luân Công phải tàn ngay như các nhóm phản đối tham nhũng hay đòi dân chủ khác. Nhưng điều bất ngờ là người tập Pháp Luân Công không chịu thua, họ không dám tụ tập nơi công cộng thì tập trong nhà riêng. Họ tiếp tục phản đối mặc dù bị bắt bớ, giam cầm. Cho đến ngày 25 tháng Tư vừa qua hàng trăm môn đồ Pháp Luân Công vẫn lén công an kéo nhau tới biểu tình trước Thiên An môn, trương lên biểu ngữ đỏ viết bốn chữ vàng "Pháp Luân Đại Pháp." Một cán bộ cao cấp ngành Thể thao ở trung ương bị cách chức, một cán bộ cao cấp khác tự tử.

Ngày nghe tin chính phủ Bắc Kinh cấm Pháp Luân Công "là một ngày đau khổ nhất trong đời mẹ tôi," cô Trương nói. "Bà không thể hiểu được tại sao người ta lại có thể gán cho môn khí công này là tà giáo!"

Dù là một nữ công nhân quê mùa gần như không biết chữ, cả đời chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện chính trị, bà Trần Tự Tú cũng không thể chấp nhận được chuyện người ta cấm tập khí công! Bà mời các bạn đến tập trong nhà, bà không chịu công khai chối bỏ chuyện mình tập khí công theo lối do ông Lý Hồng Chí dạy, bà rất kính trọng gọi ông là Lý Lão sư.

Đến tháng Mười Một năm ngoái nhiều người theo Pháp Luân Công bị bắt và kết án hàng chục năm tù. Bà Trần cũng như hàng ngàn môn đồ Pháp Luân Công khác kéo nhau về Bắc Kinh khiếu oan cho họ, trong bụng họ cũng chưa biết sẽ kêu oan như thế nào ngoài hành động đến Quảng trường Thiên An môn ngồi nhắm mắt và thở. Kể từ tháng Bẩy khi môn phái này bị cấm, nhiều người đã tới đó ngồi theo lối thiền tập, nhưng bị công an bắt ngay.

Bà Trần Tự Tú không đi được tới Quảng trường Thiên An môn. Chính quyền đã báo động và giăng lưới khắp Bắc Kinh. Ngày 4 tháng Mười Hai bà Trần đang đi trong công viên Thiên Đàn, nơi các hoàng đế Trung Hoa ngày xưa vẫn làm lễ tế trời. Ở đó lúc nào cũng có những nhóm người tới tập thể dục, tập Thái Cực quyền, khí công, múa quạt, múa lụa và có nhóm tập cả các điệu vũ Tây phương. Bà Trần đang đi dạo trong đó thì có một công an chìm mặc thường phục tới hỏi bà có phải là người theo Pháp Luân Công hay không. Cô Trương kể lại, mẹ cô là người không biết nói dối, bà nhận mình có tập Pháp Luân Công, thế là bị bắt.

Bà Trần được đem tới ngôi nhà dành cho các viên chức thành phố Duy Phương khi về Bắc Kinh. Các chính quyền địa phương ở Trung Quốc đều có một ngôi nhà như vậy ở thủ đô, vừa là văn phòng vừa làm chỗ ngủ để khi họ về công tác thì có nơi tạm trú.

Ngày hôm sau, ba viên chức thành phố Duy Phương và cô Trương đi xe đò mất bẩy tiếng đồng hồ tới lãnh bà Trần về. Các cán bộ rất lấy làm xấu hổ vì họ bị phê bình đã không kiểm soát được dân dưới quyền họ. Cô Trương phải đóng một khoản tiền phạt 500 Nguyên, tương đương với 60 Mỹ kim, số tiền này bằng một tháng tiền lương. Bà Trần kể rằng bà có số tiền khoảng 75 Mỹ kim trong túi cũng bị công an lấy mất.

Về tới nhà, bà Trần bị Ủy ban Khu phố Trịnh Quan giữ lại trong trụ sở ủy ban, cách nhà bà bẩy chục thước. Bà bị "quản chế hành chánh" hai tuần lễ, con gái bà phải đóng tiền ăn ở của mẹ mất độ 45 Mỹ kim nữa.

Ngày 3 tháng Giêng năm 2000 là sinh nhật thứ 58 của bà Trần. Cô Trương kể rằng mẹ cô tinh thần rất phấn chấn mặc dù ngày đêm bị theo dõi. Cô Trương nói: "Bà biết rằng bà có lý. Điều duy nhất bà mong mỏi là chính quyền không kết tội bà, vì bà biết bà không có tội gì cả." Bà cũng không nghĩ đến chuyện đi biểu tình phản đối chính phủ nữa.

Bà Trần Tự Tú

Nhưng đến ngày 4 tháng Hai năm 2000, cũng là ngày Tết ở Trung Hoa, mấy trăm môn đồ Pháp Luân Công lại biểu tình bất ngờ ở Bắc Kinh. Chính quyền cộng sản không thể ngờ chuyện đó lại xảy ra. Họ ra lệnh các địa phương phải đề phòng. Vâng lệnh đó, đảng bộ thành phố Duy Phương cử viên Quận ủy đến tận nhà bà Trần vào giữa tháng Hai. Ông ta bảo chính phủ không muốn có ai đi lên Bắc Kinh biểu tình nữa, nhất là vì sắp đến ngày họp của Quốc hội. Ông ta yêu cầu bà Trần hứa sẽ không rời nhà đi đâu cả.

"Mẹ tôi nói thẳng với họ rằng bà không thể hứa là bà sẽ không đi đâu cả. Bả nói bà có quyền muốn đi đâu thì đi," cô Trương thuật lại. Ông cán bộ giận dữ bỏ đi.

Các con không còn được thấy mặt mẹ

Hai ngày sau, cô Trương đi làm về thì thấy hàng chục cán bộ trong nhà mình. Họ nói có mật báo cho biết bà Trần đã ra khỏi nhà, vì "nhân dân" vẫn được lệnh theo dõi các người theo Pháp Luân Công có đi khỏi nhà mình hay không.

Bà Trần bị bắt, và kể từ ngày đó đó con gái bà không bao giờ được gặp mẹ nữa.

Bà Trần bị giam một ngày ở trụ sở Ủy ban khu phố Trịnh Quan, nhưng ban đêm bà trốn đi, họ nói như vậy, nhưng trốn thế nào thì không ai cho cô Trương biết. Ngày hôm sau, 17 Tháng Hai bà bị bắt ở nhà ga xe lửa, họ nói có lẽ bà tìm cách lên Bắc Kinh kêu oan. Lần này bà Trần bị đảng ủy khu phố giam vào một nhà tạm giam của họ, những người theo Pháp Luân Công gọi đó là Trại Cải tạo Pháp Luân Đại pháp.

Ngôi nhà có hai tầng, có sân ở giữa. Ở một góc sân là căn nhà thấp lè tè một tầng, hai phòng, đó là chỗ tra tấn, theo lời kể của nhiều người đã bị giam ở đó. Phóng viên báo *The Wall Street Journal* tả lại sau khi đối chiếu lời nhiều nhân chứng riêng rẽ, được kiểm tra lại thấy phù hợp với nhau.

Trong lúc bà Trần đang bị thuyên chuyển từ nhà tù này sang nhà tù khác thì các cán bộ lại nghĩ ra cách làm tiền. Họ đến bảo cô con gái 32 tuổi rằng họ sẽ thả bà Trần nếu cô đóng tiền phạt, số tiền tương đương với 241 Mỹ kim, bằng bốn tháng lương. Cô Trương không chịu nổi chuyện đóng hết tiền phạt này đến tiền phạt khác. Cô nói, mẹ cô nhất định đứng vững, sẽ không bao giờ chịu từ bỏ các quyền tự do của bà. Cô bảo với các cán bộ rằng việc bắt đóng tiền phạt đó là bất hợp pháp, cô dọa sẽ đến kiện với Viện Kiểm sát nhân dân nếu họ không chịu thả mẹ cô ra. Mấy ngày sau công an lại đến đòi tiền phạt, cô Trương lại dọa sẽ đi kiện, nhưng sau đó cô cũng không làm gì cả.

Trong khi đó, bà Trần vẫn bị giam. Ban đêm bà nghe thấy tiếng người kêu la từ cái nhà tra tấn vọng ra, theo lời kể của những phụ nữ cùng bị giam với bà. Trước khi bị dẫn vào phòng giam, họ cho bà Trần gọi điện thoại. Bữa đó là 18 tháng Hai, bà đã bảo cô Trương hãy mang tiền đến nộp phạt. Quá bực mình vì chuyện không đâu, cô Trương cãi nhau với mẹ. "Mẹ chịu thua họ đi, cô nói, chịu thua đi rồi về nhà." Nhưng mẹ cô lặng lẽ từ chối.

Tra tấn đến chết mà họ không biết

Đêm hôm đó các hình phạt bắt đầu. Một người cũng là môn đồ Pháp Luân Công bị giam ở bên cạnh ngôi nhà thấp dùng làm phòng tra tấn đã viết lại những gì nghe thấy: "Chúng tôi nghe thấy bà kêu gào. Trong lòng chúng tôi cũng thấy đau đớn và mất hết tinh thần."

Công an khu phố Trịnh Quan dùng dùi cui bằng nhựa đánh vào bắp chân, đánh lên bàn chân và đập vào dưới lưng bà Trần, lại dùng gậy đập lên đầu lên cổ bà, thứ gậy dùng để xua trâu bò. Đó là lời thuật lại của những người bị giam cùng. Công an quát tháo, nói đi nói lại bảo bà Trần phải từ bỏ Pháp Luân Công và đả đảo ông Lý Hồng Chí. Mỗi lần, bà Trần lại nói: không.

Ngày hôm sau, 19 tháng Hai, cô Trương lại nhận được điện thoại. Người phụ nữ gọi điện thoại bảo cô mang tiền tới nộp phạt. Cô Trương ngần ngừ không trả lời. Rồi ở đầu dây bên kia họ đưa máy cho mẹ cô nói. Xưa nay giọng nói của bà rất mạnh mẽ và tự tin, hôm đó bà nói nhỏ và mệt nhọc. Bà năn nỉ con gái mang tiền đến nộp. Người gọi điện thoại trở lại lại đầu dây, bảo: Mang tiền đến đây ngay.

Cô Trương vội vã thu nhặt tiền và một ít quần áo đi ngay. Khi đến nơi, cô thấy rất nhiều công an đứng chung quanh ngôi nhà giam, họ không cho cô vào. Cô nghĩ rằng đây lại là một mánh khóe moi tiền của họ, và đoán có khi mẹ cô cũng chẳng bị giam ở đó, cô trở về nhà. Một giờ sau, một người bạn tập Pháp Luân Công của mẹ cô đến thăm, người đó xác nhận đúng là các môn đồ Pháp Luân Công bị giam và bị tra tấn ở trong đó.

Cô Trương vội vã rủ cậu em chạy lại chỗ nhà giam, mang theo ít trái cây và tiền để hối lộ công an. Họ không cho cô vào thăm, và cũng không nhận tiền của cô. Cô trông thấy một bà già khác bên trong nhà, cô hét to lên: "Mẹ tôi có bị đánh hay không?" bà kia đưa tay lên gạt đi. Cô không biết bà đó muốn nói "không" hay là muốn bảo cô đi chỗ khác cho khỏi bị họa lây. Cô Trương và em trai về nhà, suốt đêm trằm trọc không thể ngủ.

Đêm hôm đó bà Trần lại được đưa trở lại phòng tra tấn. Sau khi từ chối không đả đảo Pháp Luân Công, bà lại bị đánh và bị tra điện, theo lời kể của những tù nhân khác nghe thấy và nhìn qua khe cửa chứng kiến. Một tù nhân kể là bà Trần chửi mắng các cán bộ thành phố Duy Phương. Bà dọa họ rằng chính phủ trung ương sẽ trừng phạt họ khi bà đi tố giác. Nhưng các cán bộ thành phố Duy Phương trả lời rằng họ đã được lệnh chính phủ trung ương "dùng mọi cách dẹp tan Pháp Luân Công, không biện pháp nào phải ngần ngại là quá mạnh tay." Các đệ tử Pháp Luân Công các tỉnh khác ở Trung Quốc cũng nói họ vẫn nghe các cán bộ nói như vậy. Hai tù nhân kể rằng bà Trần cứ thế bị đánh, những người tra tấn nói khi nào bà đổi ý kiến họ mới thôi.

Hai giờ sau khi bị tra tấn, bà Trần được dẫn về ngôi nhà giam, đưa lên lầu, vào một căn phòng không có sưởi dù giữa mùa đông, với một tấm thép lạnh làm chỗ nằm. Ba người bạn tù chăm sóc vết thương cho bà, nhưng bà đã mê man. Một người bạn tù kể nghe thấy tiếng bà rên nho nhỏ: "Má ơi, má ơi."

Sáng hôm sau, ngày 20 tháng Hai họ ra lệnh bà Trần phải ra ngoài sân chạy, tập thể dục. Một người bạn tù kể trong lá thư: "Tôi đứng cửa sổ nhìn ra thấy bà ấy bò ra khỏi cửa một cách khó khăn." Lá thư viết trong tù này sau được người chồng lén đem ra ngoài. Bà Trần ngất xỉu, và được đưa trở lại phòng giam.

Người bạn tù viết tiếp: "Tôi có học y khoa, tôi thấy là bà ấy đang chết, tôi đề nghị họ đưa bả sang một phòng có sưởi." Tuy vậy, các cán bộ chỉ cho bà một viên thuốc tễ "tam khí" thường dùng để làm ngưng chảy máu trong bụng. "Nhưng bà ấy không nuốt nổi viên thuốc, nhả hết ra ngoài."

Các người bạn cùng phòng giam xin với cán bộ hãy đưa bà đi nhà thương, nhưng họ từ chối. Họ còn chế riễu các người theo Pháp Luân Công xưa nay không tin ở y học tây phương, vì mê tín vào phép luyện khí công để trị bá bệnh. Nhưng sau đó, các cán bộ cũng đưa một bác sĩ tới khám xét, bác sĩ tuyên bố bà Trần vẫn khỏe.

Nhưng, người bạn tù viết: "Bà ấy mê man không biết gì cả và không nói gì cả, bà chỉ khạc nhổ thứ nước mầu thẫm đen. Chúng tôi nghĩ là máu. Đến sáng hôm sau họ mới công nhận là bà ấy đang chết. Một người đến bắt mạch bà ta, và mặt ông ta lạnh đi vì kinh ngạc. "Bà Trần đã chết." Người đó là ông Lưu Quang Minh, thuộc Sở Công an thành phố.

Tối hôm đó cô Trương được một cán bộ đến thăm, báo tin mẹ cô bệnh nặng, theo lời cô và người em trai xác nhận. Hai người được chở trên một chiếc xe con, đưa tới một khách sạn ở cách nhà giam hơn một cây số. Khách sạn cũng đầy công an canh nghiêm ngặt. Bí thư Đảng bộ địa phương nói với hai người con rằng bà mẹ của họ bị kích ngất tim chết rồi, nhưng không cho con vào thăm xác. Hai chị em cãi cọ với họ mãi, họ bảo ngày mai mới được coi xác, họ bắt cả hai chị em phải ngủ lại trong khách sạn, chung quanh có công an canh phòng. Hai người lại cãi, mãi sau cũng được cho về nhà.

Hai con không bao giờ được thấy xác mẹ nữa

Ngày 22 tháng Hai, hai chị em được đưa tới nhà thương, chung quanh cũng đầy công an. Họ kể lại, họ trông thấy xác mẹ nằm trên một cái bàn, được khoác cái áo mầu xanh là mầu tẩm niệm, phủ trên quần. Trong một góc phòng, cô Trương kể, cô trông thấy vứt một cái túi trong đó có quần áo của mẹ cô, rách nát và dính máu, quần lót còn dính đầy phân. Cô thấy bắp chân của mẹ tím bầm. Một vết lằn như bị đánh bằng roi dài hai chục phân ở trên lưng. Răng mẹ cô bị bể vỡ. Tai bà xưng lên và xanh tím. Cô Trương ngất xỉu, cậu em vừa khóc vừa đỡ cô dậy.

Ngày hôm đó bệnh viện đưa cho họ bản khai tử của bà Trần. Trong đó nói bà chết vì lý do tự nhiên. Phóng viên báo *The Wall Street Journal* có gọi xin phỏng vấn bệnh viện cho bài phóng sự này nhưng họ từ chối. Cô Trương đã chất vấn các viên chức nhà thương về bộ quần áo nhơ bẩn của mẹ cô, họ bảo rằng sau

khi lên cơn đau tim bà không tự chủ được nên làm cho quần áo bị nhơ bẩn.

Hai chị em cô Trương định đi kiện các viên chức nhưng không có luật sư nào ở thành phố nhận đứng cãi cho họ. Người ta nói phải giữ xác bà mẹ trong phòng lạnh để chờ coi cô có thưa kiện hay không. Hai chị em không bao giờ được thấy xác mẹ nữa.

Ngày 17 tháng Ba vừa qua cô Trượng nhận được lá thư của bệnh viện báo tin hôm sau sẽ hỏa thiêu xác mẹ cô. Cô gọi đến bệnh viện yêu cầu họ không được thiêu. Nhưng, cô kể lại, họ không trả lời dứt khoát, họ chỉ nói sẽ gọi lại cho cô. Họ không bao giờ gọi cả. Từ đó cho đến ngày 20 tháng Tư, là lúc tờ báo *Wall Street* đăng bài phóng sự trên các ấn bản ở Á châu, Âu châu và ở Mỹ, cô Trương vẫn không biết xác mẹ cô đang ở đâu.

Cô Trương Học Linh bị bắt từ ngày 17 tháng Tư sau khi tiết lộ với các nhà báo ngoại quốc về cái chết của mẹ cô, nhưng khi câu chuyện bà Trần lên mặt báo khắp thế giới thì cô Trương đã được trả tự do, ngày 1 Tháng Năm.

Đó là câu chuyện thương tâm của bà Trần Tự Tú, một nữ công nhân nghèo nàn, sống giản dị, từ năm 38 tuổi ở vậy thờ chồng nuôi con suốt 20 năm ở Tô Gia trang, ngoại ô thành phố Duy Phương thuộc tỉnh Sơn Đông. Nếu Pháp Luân Đại Pháp là một tôn giáo, mà điều này họ vẫn phủ nhận, thì bà Trần có thể coi là một người tuẫn đạo. Không biết còn bao nhiêu môn đồ Pháp Luân Công đang bị giam cầm, tra tấn và chết trong tăm tối như bà Trần Tự Tú.

Liên Hiệp Quốc khiển trách

Ngày 9 tháng Năm, Ủy ban Chống Tra tấn của Liên Hiệp Quốc họp ở Genève, (nằm dưới quyền Cao ủy Nhân quyền Liên Hiệp Quốc,) đưa ra bản phúc trình lên án chế độ cộng sản Trung Quốc đã vi phạm Quy ước Chống tra tấn. Quy ước này ra đời năm 1987 và Trung Quốc đã ký cùng với 119 quốc gia khác.

Lời lên án của Ủy ban Chống tra tấn lần này rất đặc biệt. Bình thường, họ lên án các chính quyền cho công an tra tấn người vì các chính sách có hệ thống, chứ họ không nêu ra các trường hợp cá biệt, cụ thể. Bản lên án Trung Quốc năm nay nêu rõ một trường hợp có tên có tuổi, có ngày tháng, đó là vụ bà Trận Tự Tú.

Tại phiên họp Ủy ban ở Genève, phái đoàn Cộng Sản Trung Quốc đã bị chất vấn về vụ tra tấn bà Trần. Họ công nhận bà Trần chết ngày 21 tháng Hai "vì bệnh tim," khi bà định đi lên Bắc Kinh biểu tình cùng các môn đồ Pháp Luân Công khác, và nói họ không bao giờ tra tấn ai. Họ nói "Bà Trần không hề bị bắt giam cũng không bị đánh đập." Nhưng điều này trái với nội dung một một tuyên bố của chính phủ Bắc Kinh trước đó, nói rằng bà Trần đã bị giữ trong một "nhà cải tạo khu phố" "để được giúp đỡ, giáo dục." Cho đến nay, cô Trương, con gái bà vẫn xác nhận các lời tố cáo của cô. Và 10 vị trong Ủy ban Chống tra tấn của Liên Hiệp Quốc tin cô, cũng như tin các nhà báo tự do.

Mỗi bốn năm Ủy ban Chống tra tấn mới họp một lần. Những lần trước, 1996, 1992, Ủy ban chỉ chê trách Bắc Kinh vì không biết dậy dỗ công an, để họ đánh đập những người biểu tình và tra tấn người bị bắt. Năm nay, ủy ban còn khen Bắc Kinh đã có tiến bộ khi cải tổ guồng máy tư pháp. Nhưng họ chỉ trích nặng nề chế độ "quản chế hành chánh," giống như Nghị định 31 ở Việt Nam, và yêu cầu Bắc Kinh bãi bỏ ngay lối bắt người không cần xét xử này. Nhưng điều đặc biệt nhất trong bản phúc trình năm trang dành cho Trung Quốc, là lời lên án cả chế độ cộng sản về cái chết của một công dân Trung Hoa, bà Trần Tự Tú.

Nói một chế độ "vi phạm nhân quyền" người ta có thể nghĩ đến những điều lớn lao nhưng trừu tượng, xa xôi. Nhiều người đang cầm quyền ở Á châu còn nói rằng Nhân quyền là một quan niệm xa lạ của Tây phương, không thích hợp với văn hóa Á Đông (Những người chê bai Tây phương đó, chính họ lại tôn sùng "thuyết đấu tranh giai cấp," một tư tưởng của Tây phương đã tác hại cả nhân loại, đặc biệt ở Trung Hoa và Việt Nam đã diễn ra bằng những cuộc đấu tố man rợ).

Nhưng chuyện bà Trần Tự Tú là chuyện một con người cụ thể. Cô con gái bà đi tìm mẹ, hối lộ bao nhiêu tháng lương để tìm cách cứu mẹ, đến giờ còn chưa được biết xác mẹ mình họ dấu ở đâu, cô cũng là một người cụ thể. Người công nhân ít học, ở góa trong hai mươi năm để nuôi hai con, bà Trần chỉ mới biết đến Pháp Luân Công từ ba năm nay. Bà tin tưởng ở phép khí công đó vì nó mang lại bình an cho tâm hồn mình, cô con bà công nhận từ khi tu tập thì tánh mẹ trầm tĩnh hẳn đi. Nhưng chỉ vì niềm tin đó mà bà Trần bị bắt, bị tra tấn đến chết. Không một dân tộc, một nền văn hóa nào, Đông cũng như Tây chấp nhận cho một chính quyền đối sử với người dân của mình như vậy! Đó là điều mà các đại biểu Quốc hội Mỹ nên bàn tới khi thảo luận về Quy chế Mậu dịch Bình thường của Trung Quốc.●

LỘT TRẦN HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH

TRẦN GIA PHỤNG

(Tiếp theo)

Trước hết, chế độ Hà Nội tuyên truyền rằng Hồ Chí Minh sống trong một ngôi nhà sàn bằng gỗ. Nghe chữ "nhà sàn," người Việt thường liên tưởng đến những ngôi nhà của người miền núi, làm bằng gỗ, cách mặt đất khoảng một thước, phía dưới dùng để cất giữ dụng cụ hay nhốt gia súc, hoặc liên tưởng đến những nhà sàn của một số cư dân ven sông hay dọc các kênh đào. Những ngôi nhà sàn nầy rất đơn sơ, giản dị. Ấn tượng giản dị khiến nhiều người tưởng tượng rằng ngôi nhà sàn của Hồ Chí Minh có lẽ cũng thế, và cũng tưởng rằng Hồ Chí Minh sống rất bình dân. Thực tế hoàn toàn không như vậy. Những du khách đã từng viếng ngôi nhà sàn của ông Hồ, hoặc những ai đã từng nhìn ngôi nhà sàn nầy qua phim ảnh, rồi so sánh với nhà sàn của người miền núi hoặc của những người sống ven sông, sẽ có cảm nghĩ khác. Ngôi nhà sàn của ông Hồ có vẻ giản dị một cách cố ý, lại rất sang trọng, xây dựng bằng loại gỗ cực tốt, trang bị đầy đủ theo tiện nghi thời đại, có người chăm sóc cẩn thận, và gần như là nhà nghỉ mát mùa hè, hoặc nơi ông đón tiếp du khách. Như vậy ngôi nhà sàn của ông Hồ chỉ là loại trang trí mắc tiền.

"Áo quần lên sân khấu rất quan trọng: luôn luôn giản dị (áo quần màu chàm). Đối với Hồ cũng như Staline, Mao, hoặc Kim Nhật Thành, sự giản dị được nghiên cứu kỹ lưỡng. Áo quần cắt may thô sơ theo kiểu—Kroutchev hoặc Ceaucescu, biểu tượng của một thế hệ lãnh đạo cộng sản. Điều đặc biệt của Hồ trong giới lãnh đạo cộng sản là Hồ đi dép lốp (trên nguyên tắc cắt từ lốp xe hơi) ... Còn gì ăn ảnh hơn dù là tiền chiến hay hiện đại "Bác" Hồ đi dép lốp trên màn ảnh." (27)

Hồ Chí Minh duy nhất chỉ để lộ một sở thích phàm tục rất người, đó là ông thích hút thuốc thơm Hoa Kỳ, đặc biệt là Camel hay Lucky Strike (28). Không biết đây là dàn kịch để chứng tỏ ông ta cũng bình thường như mọi người, hay quả thật ông ta thích hút thuốc Mỹ. Dầu sao, cuộc sống của ông Hồ không giản dị như người ta tưởng.

Trong sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch,* Trần Dân Tiên (chính là Hồ Chí Minh) đã viết trong phần đầu sách: *"Một người như Hồ Chủ tịch của chúng ta, với đức khiêm tốn nhường ấy và đương lúc bề bộn bao nhiêu công việc, làm sao có thể kể lại cho tôi nghe bình sinh của người được?"* (29) Một người dùng một cái tên khác viết sách, tự khen mình là khiêm tốn không muốn nói về mình, rồi sau đó, suốt trong quyển sách lại kể lể tự đề cao sự nghiệp của mình, thì không biết nên xếp ông ta vào loại người gì đây?

Cuối sách nầy, Trần Dân Tiên (tức Hồ Chí Minh) viết: *"Nhân dân gọi Chủ tịch là cha già của dân tộc, vì Hồ Chủ tịch là người con trung thành nhất của Tổ quốc Việt Nam."* (30). Lời nầy cho thấy Hồ Chí Minh muốn được người Việt Nam gọi ông là cha già của dân tộc, nhưng không được dân chúng hưởng ứng, nên ông quay qua dùng chữ *"bác."* Ở đây lại thấy ông Hồ thậm khôn, vì trong cơ cấu gia tộc Việt Nam, bác là anh của cha, bác lớn hơn cha và đứng trước cha trong sinh hoạt đại gia đình, hoặc lễ nghi tế tự.

Theo Thành Tín, tức Bùi Tín, cựu đại tá quân đội cộng sản Hà Nội, cựu phó tổng biên tập báo Nhân Dân, Hồ Chí Minh công khai tự

xưng là "bác" năm 1945 trước quần chúng, lúc đó ông khoảng 55 tuổi (31). Nói chuyện với dân chúng, trong đó có cả những người già cả, đáng tuổi ông, cha, chú, anh, chị mình mà xưng bác thì xin khỏi bàn về tư cách của *"bác."*

Chẳng những thiếu kính trọng với người đang sống, Hồ Chí Minh còn tỏ ra thiếu lễ độ đối với những người trước ông hàng mấy trăm năm. Hãy đọc những câu thơ của Hồ Chí Minh qua bài "Ngẫu hứng" ông viết vào dịp viếng đền thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (1226-1300) khoảng trước năm 1950:

Bác anh hùng, tôi cũng anh hùng,
Cũng bậc mày râu, cũng kiếm cung.
Bác đuổi quân Nguyên, vung kiếm bạc,
Tôi trừ giặc Pháp, phất cờ hồng... (32)

Tự phong mình là anh hùng đã là chuyện lạ, gọi một vĩ nhân của lịch sử sống cách đây hơn 600 năm bằng "bác" là một sự vô lễ chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử Việt Nam. Khi Quốc sử quán triều Nguyễn trình *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* lên vua Tự Đức (trị vì 1847-1883) duyệt xét, trong khung cảnh xã hội vua là thiên tử (con trời), nhà vua đã phê bình nhiều nhân vật lịch sử, đôi khi với lời lẽ gay gắt, nhưng chưa bao giờ nhà vua có ngôn ngữ sỗ sàng thiếu lễ độ như Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh tưởng rằng gọi Trần Hưng Đạo bằng *"bác"* là có thể tự nâng mình lên ngang tầm với người xưa, nhưng ngược lại những lời nầy cho thấy hố cách biệt lớn lao giữa một vị thánh và một kẻ tự phụ hợm mình. Chẳng những thế, người Việt Nam xưng tụng đức Trần Hưng Đạo là thánh, nên cách xưng hô của họ Hồ xúc phạm đến cả niềm tin của dân chúng Việt Nam. Nếu nói rằng bài thơ nầy là "thơ khẩu khí," thì càng thấy "khẩu khí" của Hồ Chí Minh chẳng khiêm cung tý nào.

Hồ Chí Minh là chủ tịch miền Bắc, ông có quyền sống một cách tiện nghi đầy đủ để làm việc; thậm chí ông có quyền tận hưởng mọi lạc thú trên đời sau khi đã dày công cực khổ tranh đấu; ông có quyền lực to lớn của một chủ tịch nhà nước độc tài; ông có thể ra lệnh sinh sát mọi người; ông có thể làm bất cứ việc gì ông muốn dưới chế độ độc tài; nhưng nói rằng họ Hồ là người "giản dị khiêm tốn" là điều hoàn toàn sai sự thật.

4. Huyền thoại đoàn kết dân tộc

Hồ Chí Minh luôn luôn hô hào đoàn kết dân tộc. Một trong những khẩu hiệu ưng ý của họ Hồ là *"đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công đại thành công" (33). Sau đây là các cách thức đoàn kết của Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam.*

*** Đoàn kết là tiêu diệt tất cả mọi người bất đồng chính kiến bằng bất cứ giá nào để giành quyền lực:** Khoảng giữa tháng 11-1924, Hồ Chí Minh, lúc đó có tên là Lý Thụy, đáp tàu từ Vladivostok (viễn đông Liên Xô) đi Quảng Châu (Trung Hoa) với vai trò thông ngôn của phái bộ cố vấn Borodin bên cạnh chính phủ Tôn Dật Tiên trong thời kỳ liên minh quốc cộng đầu tiên ở Trung Hoa. Đến Quảng Châu, Lý Thụy bắt đầu gây dựng cơ sở đảng Cộng Sản Việt Nam. Nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam uy tín nhất ở Trung Hoa thời bấy giờ là Phan Bội Châu. Để giành lấy tổ chức của Phan Bội Châu, một trong những việc làm đầu tiên của Lý Thụy ở Quảng Châu là bán tin tức cho Pháp bắt Phan Bội Châu khi ông Phan đi từ Hàng Châu đến Thượng Hải ngày 1-7-1925 (34). Từ đó, những người hoạt động cách mạng ở Trung Hoa thiếu người lãnh đạo, dần dần ngả về theo nhóm cộng của Lý Thụy. Chẳng những chỉ một mình Phan Bội Châu, mà những cán bộ cách mạng nào không theo phe Lý Thụy, đều bị Lý Thụy bán tin cho Pháp bắt trên đường về Việt Nam hoạt động. (35)

Trong cuộc tổng khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930, các đảng viên cộng sản áp dụng đúng sách vở của Lý Thụy, rải truyền đơn tố cáo Quốc Dân Đảng sẽ tấn công Bắc Kỳ để Pháp đề phòng và lùng bắt các đảng viên QDĐ. Nguyễn Thị Giang đã đưa các tờ truyền đơn nầy cho Nguyễn Thái Học xem, nhưng Nguyễn Thái Học vẫn không tin là những đảng phái cách mạng Việt Nam cùng chống Pháp lại có thể hại nhau như thế (36).

Năm 1945, Nhật Bản thất trận và đầu hàng Đồng Minh. Tại hội nghị Potsdam (thị trấn ngoại ô Berlin), đại diện các nước Đồng Minh đưa ra tối hậu thư cho Nhật, trong đó quyết định về vấn đề Đông Dương như sau: quân đội Nhật sẽ bị giải giới do người Trung Hoa (Quốc Dân Đảng) ở phía bắc vĩ tuyến 16, và do người Anh ở phía nam vĩ tuyến 16. Tối hậu thư không nói ai sẽ cầm quyền sau khi quân đội Nhật bị giải giới. Lợi dụng khoảng trống chính trị nầy, Mặt trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, gọi tắt là Việt Minh, gồm nòng cốt là đảng viên cộng sản, tổ chức cướp chính quyền. Việt Minh đã giết hại và thủ tiêu

vô số người yêu nước không đi theo chủ trương đường lối của Việt Minh. Những tên tuổi lớn đều bị Việt Minh giết hại như Phạm Quỳnh (1945), Ngô Đình Khôi (1945), Tạ Thu Thâu (1945), Bùi Quang Chiêu (1945), Phan Văn Hùm (1945), Trương Tử Anh (1946), Huỳnh Phú Sổ (1947), Khái Hưng (1947)... Việt Minh thủ tiêu hàng loạt các đảng viên Quốc Dân Đảng, các nhà trí thức khác, và hàng ngàn tín đồ Cao Đài giáo.

Như vậy, ý nghĩa thứ nhất về việc đoàn kết và liên hiệp đối với Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản, là sự sáp nhập hay tiêu diệt tất cả các phe nhóm hay cá nhân đối lập với Cộng Sản bằng bất cứ giá nào, bằng bất cứ phương tiện gì, để chỉ còn lại những ai chịu "đoàn kết" chấp nhận vâng phục cộng sản. Chỉ khi nào thất thế, gặp nhiều trở lực, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản mới sử dụng cách đoàn kết thứ nhì.

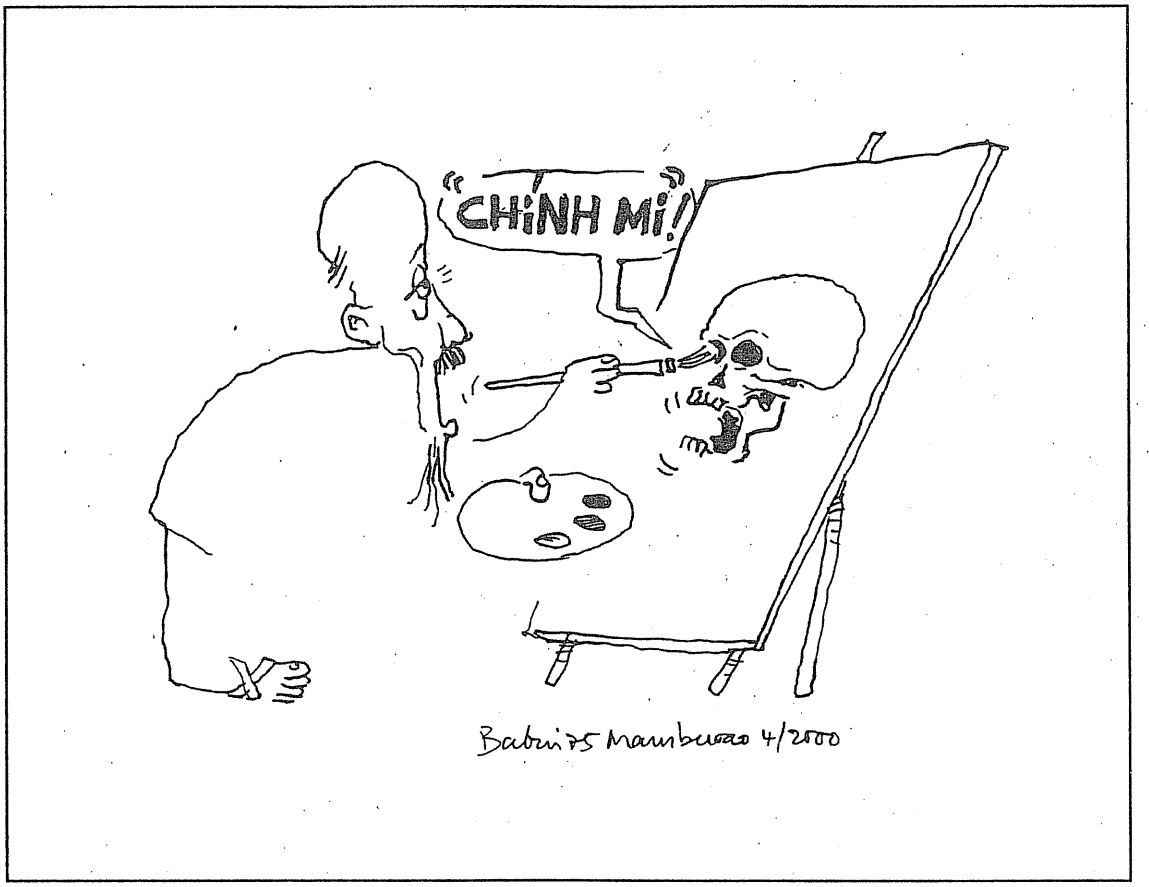

* **Đoàn kết là tạm thời nhượng bộ, liên minh giai đoạn để vượt khó khăn:** Cũng trong năm 1945, sau khi lập chính phủ đầu tiên ngày 2-9, gồm đại đa số đảng viên cộng sản, Hồ Chí Minh gặp nhiều trở ngại về phía người Pháp theo chân người Anh đến Đông Dương, và từ từ tiến ra Bắc; về phía người Trung Hoa (Quốc Dân Đảng) đang từ biên giới tiến xuống Hà Nội theo thỏa ước Potsdam; và về phía những đảng phái cách mạng Việt Nam như Việt Nam Quốc Dân Đảng (Việt Quốc), Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (Việt Cách). Hồ Chí Minh đành phải nhượng bộ, tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Việt Nam tháng 11-1945, thực chất là đảng Cộng Sản rút vào hoạt động bí mật (37). Họ Hồ tổ chức tổng tuyển cử ngày 6-1, và thành lập chính phủ liên hiệp ngày 2-3-1946 gồm cả những lãnh tụ Việt Cách và Việt Quốc như Nguyễn Hải Thần, Trương Đình Tri, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, Chu Bá Phượng, Nghiêm Kế Tổ... Ngay sau khi ký kết được với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3, tạm hòa hoãn với Pháp, và mua chuộc được các tướng lãnh Trung Hoa để họ rút quân về nước, nghĩa là vừa thoát qua được khó khăn, Hồ Chí Minh thẳng tay loại bỏ ngay các lãnh tụ không phải là Việt Minh ra khỏi chính phủ, khủng bố,

giết hại nhân viên các đảng phái quốc gia, nuốt chửng những kẻ đã từng liên hiệp với họ.

Sách lược nầy được ứng dụng thêm một lần nữa với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thành lập ngày 20-12-1960. Lúc đầu, mặt trận nầy gồm một số đảng viên cộng sản làm nòng cốt và một số người chống chế độ Ngô Đình Diệm. Sau đó, những người không thuộc đảng Cộng Sản bị loại dần cho đến khi mặt trận chỉ còn lại những người của Cộng Sản Đảng mà thôi.

Những người trước đây bất đồng chính kiến, nhưng khi gặp Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản, chịu khuất phục và chịu đi theo họ Hồ thì được sử dụng trong những giai đoạn và hoàn cảnh cần thiết. Ví dụ Trần Huy Liệu (1901-1969), chủ bút Đông Pháp Thời Báo (1925-1927), chi bộ trưởng chi bộ đặc biệt của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Sài Gòn, bị Pháp bắt đày Côn Đảo trong năm năm. Mãn hạn tù, ông ra bắc năm 1935 và gia nhập đảng Cộng Sản năm 1936. Năm 1939, ông bị Pháp bắt trở lại, đày đi Sơn La, rồi an trí năm 1942 ở Thái Nguyên, và Yên Bái. Năm 1945, ông trốn về Hà Nội làm báo Cứu Quốc của Việt Minh trong vòng bí mật. Khi Việt Minh cướp chính quyền ngày 2-9, ông được Hồ Chí Minh giao làm bộ trưởng bộ Tuyên Truyền trong chính phủ Việt Minh đầu tiên. Ông được cử làm trưởng phái đoàn Việt Minh gồm cả Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận (tức nhà thơ Huy Cận) vào Huế chứng kiến việc thoái vị của vua Bảo Đại tại cửa Ngọ Môn ngày 30-8-1945.

Hồ Chí Minh giao Trần Huy Liệu làm bộ trưởng bộ Tuyên Truyền không phải vì tín nhiệm Trần Huy Liệu mà vì họ Hồ cần uy tín chính trị của ông. Trần Huy Liệu vốn là chi bộ trưởng chi bộ đặc biệt Quốc Dân Đảng tại Sài Gòn. Hồ Chí Minh sử dụng Trần Huy Liệu để tuyên truyền cho cái gọi là chính sách đoàn kết đảng phái của Việt Minh, nhằm lôi cuốn quần chúng theo họ, nhất là lôi cuốn các đảng viên Quốc Dân Đảng. Lúc bấy giờ do những hy sinh to lớn của Nguyễn Thái Học và các đồng chí, Quốc Dân Đảng rất có uy tín chính trị trên toàn quốc. Khi đã qua khỏi giai đoạn cần thiết, năm 1946, Hồ Chí Minh cử Trần Huy Liệu làm uỷ viên thường trực Quốc Hội. Cuối cùng, năm 1953, Trần Huy Liệu trở thành trưởng ban Nghiên cứu Sử Địa của nhà cầm quyền cộng sản, một chức vụ không có quyền hành.

Không chỉ riêng trường hợp Trần Huy Liệu, mà còn nhiều nhân vật tiếng tăm khác cũng rơi vào trường hợp ông, như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Anh, Nguyễn Phương Thảo (tức tướng Nguyễn Bình), Nguyễn Hữu Thọ... Như thế, ý nghĩa thứ nhì của việc đoàn kết với Hồ Chí Minh có nghĩa là quy thuận họ Hồ, theo đuôi đảng Cộng Sản và làm bù nhìn trong những thời điểm cần thiết cho họ Hồ hay nói cách khác là chỉ được họ Hồ liên minh giai đoạn. Thử kiểm điểm danh sách những lãnh tụ cộng sản từ trước đến nay, chỉ những người gia nhập đảng Cộng Sản ngay từ khi bước vào hoạt động chính trị, thuộc thành phần trung kiên mới nắm giữ thực quyền. Những người đã theo các đảng khác rồi sau đó gia nhập đảng Cộng Sản, hoặc những người ngoài đảng mà có công lao, chỉ giữ những chức vụ tượng trưng mà thôi, như Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình...

*** Đoàn kết là phải tuyệt đối vâng phục lãnh đạo đảng:** Ngày 2-9-1969, Hồ Chí Minh qua đời tại Hà Nội. Trong di chúc, Hồ Chí Minh nhắn nhủ với các đảng viên đảng Cộng Sản: *"...Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình..." (38) Vậy sự "đoàn kết nhất trí"* trong nội bộ đảng là gì?

Trong sinh hoạt đảng Cộng Sản Việt Nam, khi các cấp lãnh đạo đưa ra những vấn đề thảo luận, nếu một đảng viên trình bày những ý kiến cấp tiến mới mẻ thì được lãnh đạo gọi là *"thành phần xét lại."* Ngược lại, có những đảng viên không muốn thực hiện các cuộc cải đổi quan trọng, thì được đánh giá là *"bảo thủ, trì trệ."* Nói một cách khác, bất cứ ai có ý kiến gì cũng đều bị chụp mũ là tả khuynh hoặc hữu khuynh, lệch lạc hoặc xét lại, trừ ý kiến của lãnh đạo đảng. Đảng viên chỉ còn một giải pháp duy nhất là gật đầu vâng lệnh thượng cấp.

Như vậy, sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ đảng Cộng Sản Việt Nam là sự tuyệt đối vâng phục và trung thành của đảng viên đối với lãnh đạo đảng. Nếu không vâng phục lãnh đạo đảng, kết quả nhẹ nhất là sự trù dập, kỷ luật, và nặng nhất là thanh trừng.

Ở Việt Nam có một câu thành ngữ thời danh minh họa sự đoàn kết của Cộng Sản: *"Đảng gọi thì dạ; đảng không gọi thì không dạ. Đảng gọi mà không dạ không được; đảng không gọi mà dạ cũng không được."* Nói trắng ra, ý nghĩa thứ ba của sự đoàn kết theo quan điểm của đảng Cộng Sản có nghĩa là phải chịu sự

lãnh đạo độc tài, độc đảng, và tuyệt đối vâng phục trung kiên với đảng Cộng Sản. Điều nầy đưa đến một kết quả tại hại là các đảng viên bị xơ cứng trí óc, sẽ không còn sáng kiến để làm việc.

Điểm đặc biệt là Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản chấp nhận một người trước đây chống đối họ, nhưng khi đã theo họ thì phải vâng phục tuyệt đối. Ngược lại, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản không bao giờ chấp nhận những người trước đây đã từng hoàn toàn phục tùng họ, mà sau đó lại có ý muốn cải cách theo chiều hướng nhân bản, dân chủ, tự do, dù vẫn tuân phục đảng và chủ nghĩa xã hội. Những người nầy cũng bị coi là kẻ thù và chắc chắn bị loại bỏ. Đó là trường hợp Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Trần Độ, Hà Sĩ Phu, Dương Thu Hương...

Có lẽ cũng nên thêm một điểm nữa rất dễ thấy trong lịch sử, là đảng CSVN không bao giờ tôn trọng những hiệp ước quốc tế do họ ký kết. Hiệp ước là giải pháp thỏa thuận giữa các bên về một cuộc tranh chấp, cũng có nghĩa là một sự giải hòa giữa các bên, bước đầu để tiến dần dần đến sự đoàn kết thống nhất. Đối với đảng CSVN, ký kết hiệp ước chỉ là đánh lừa dư luận, tạm ngưng tranh chấp, nhằm dưỡng sức và củng cố nội bộ, để rồi tiếp tục bành trướng. Ví dụ rõ nét nhất là hiệp định Genève ngày 20-7-1954 và hiệp định Paris ngày 27-1-1973. **Đảng CSVN ký kết hai hiệp ước nầy với sự chứng kiến của các nước trên thế giới, mà họ còn trắng trợn vi phạm, xé bỏ hiệp ước, huống gì là sự cam kết giữa họ với những cá nhân hay những đoàn thể người Việt khác.**

Do đó, hòa giải, liên hiệp và đoàn kết với cộng sản trước sau cũng sẽ bị cộng sản kiếm cách khống chế và hoàn toàn mất tự do. Những ai muốn hòa hợp, liên hiệp, đoàn kết với cộng sản, nên nhớ câu nói bất hủ của Hồ Chí Minh với Daniel Guérin: *"... Tất cả những ai không theo đường lối của tôi đều sẽ bị bẻ gãy..."* (39)

(còn tiếp)

Chú thích

27. Oliver Todd, *"Huyền thoại Hồ Chí Minh"* Nguyễn Văn dịch, đăng trong sách *Hồ Chí Minh, sự thật về thân thế và sự nghiệp,* Nxb. Nam Á, Paris, 1990, tr. 276.

28. Oliver Todd, bđd., *sđd.* tr. 277. Stanley Karnow, "Ho Chi Minh", tạp chí *Time,* tập 151, số. 14, 13-4-1998, tr. 123.

29. Trần Dân Tiên, *sđd.* tr. 9. Những chữ viết hoa theo nguyên bản.

30. Trần Dân Tiên, *sđd.* tr. 149. Những chữ viết hoa theo nguyên bản.

31. Thành Tín, Hoa xuyên tuyết, Nxb. Nhân Quyền, California 1991, tr. 117.

32. Tuệ Quang Tôn Thất Tuệ, "Ai là tác giả bài thơ "Tầm hữu vị ngộ", *Hương Văn* số 5, Xuân Kỷ Mão, California, 1999, tr. 95.

33. Hồ Chí Minh đưa ra khẩu hiệu nầy trong hội nghị ngày 3-3-1951, hợp nhất hai mặt trận của đảng Cộng Sản là Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt. (BNCLSĐ, *sđd.* tr. 110.)

34. Thượng Huyền, "Giới thiệu sách: Hồ Chí Minh tại Trung Quốc" [của tác giả Tưởng Vĩnh Kinh, người Đài Loan], nguyệt san *Thế Kỷ 21,* Garden Grove, California, số 108, tháng 4-1998. Chính Đạo, *Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại* tập 2:1925-1945, Nxb. Văn Hóa, Houston, tt. 32-33. Charles Fenn, *Ho Chi Minh: a biographical introduction,* Studio Vista, London, 1973, tr. 50; phần chú thích, trích dẫn P. J. Honey viết trên báo *Time* ngày 12-9-1971.

35. Ngoài các tài liệu trong chú thích số 34, xin lưu ý câu chót của Trần Trọng Kim trong trích dẫn ở chú thích số 22 làm ví dụ.

36. Hoàng Văn Đào, *Việt Nam Quốc Dân Đảng,* tái bản kỳ 2, Sài Gòn, 1970, tr. 108.

37. Trong cuộc gặp gỡ Stalin năm 1950 tại Moscow, trả lời câu hỏi của Stalin tại sao giải tán đảng Cộng Sản, Hồ Chí Minh giải thích rằng việc giải tán đảng Cộng Sản cuối năm 1945 chỉ là giải tán giả, trên thực tế là đảng lùi vào bí mật, với một bộ mặt giả, công khai là "Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác." Sau cuộc gặp nầy trở về, Hồ Chí Minh triệu tập đại hội đảng CSVN lần thứ 2 vào tháng 12-1951 ở Việt Bắc, quyết định công khai đảng với tên đảng Lao Động Việt Nam, cùng một lần với đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào và Nhân Dân Cách Mạng Căm Bốt. (Thành Tín, *Mặt Thật,* tt. 67-68.)

38. BNCLSĐ, *sđd.* tr. 170.

39. Jean Lacouture, *Ho Chi Minh,* Peter Wiles dịch từ tiếng Pháp qua tiếng Anh, Nxb. Penguin Books, Harmondsworth, 1969, p. 130. Linh mục Cao Văn Luận, trong sách *Bên giòng lịch sử Việt Nam, 1940-1975,* Tantu Research, Sacramento, California, 1983, tt. 60-61 có tường thuật lại đầy đủ buổi tiếp tân ngày 25-6-1946 tại Paris, trong đó Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến trên đây. Lúc đó, họ Hồ qua Pháp theo phái đoàn Việt Nam do Phạm Văn Đồng dẫn đầu tham dự hội nghị Fontainebleau. Trong cuộc tiếp tân nầy, có một số người Việt tham dự, trong đó có linh mục Cao Văn Luận.

VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA NGHÌN NĂM TỚI

NGUY CƠ VÀ HỨA HẸN

TRẦN NGỌC NINH

(Tiếp theo)

Sự tích-trữ của-cải

Dưới cái lọng che của định-chế SỞ-HỮU, hành-động thứ hai đã thành một động-lực của lịch-sử là *sự tích lũy của-cải.*

Cũng như sự chiếm-hữu một địa hạt, lúc đầu chỉ là một sự bất-đắc-dĩ do áp-lực của mật-độ nhân-số gây ra ngay từ cuối thời nhặt-vặt, rồi thành một định-chế xã-hội khi sự sống chuyển sang sự khai-thác đất trong việc trồng-chăn; sự tích-lũy cũng bắt đầu từ cuối thời đá đập, nhặt-vặt, săn-bắn, và tiếp tục như một việc được đảm bảo bởi định-chế và quyền sở-hữu trong xã-hội nông-nghiệp.

* Trong thời kỳ cựu thạch, đời sống bằng sự nhặt-vặt và ăn mót được bổ túc rồi được đảm bảo càng ngày càng nhiều bởi sự săn-bắt khi kĩ-thuật đá đập và sự sử dụng các dụng-cụ đá đập đã thành tinh-thuần trong các truyền thống địa-phương. Sự làm chủ sức lửa làm cho sự săn-bắt trở nên hiệu-quả và an-ninh gấp bội, lại làm cho bớt hẳn những bệnh của sự ăn-uống, khi trước chỉ toàn là những đồ sống sít, có khi đã bắt đầu thiu thối và bị ruồi bọ bâu vào, chó rừng, kên kên cắn xé, vì là đồ thừa bỏ lại của sư tử, hổ, báo.

Những ngày săn bắt tốt, không những là có gà rừng, thỏ hang, mà cả hươu, nai, bò, hoẵng và voi, hoặc cá lớn, đoàn đi săn cũng vứt bỏ xương thịt thừa lại cho các con vật ăn mót thịt chết sau khi đã xẻ thịt ra, và mài cây xẹt đá, đốt lửa lên. Nướng ăn một cách thong-thả bình-an. Và họ cũng đem về cho vợ con và đồng-bầy một mớ thịt rừng, hay vác trên vai một con hươu, khiêng về một vài con bò, cho "cả làng." Nhà và làng ăn không hết, nếu các người đi săn thấy rằng việc đi săn không dễ như xưa, thú rừng kém đi, lại có những nguy hiểm không-chừng, thì vấn đề để dành, "tích trữ," trước sau gì cũng phải đặt ra. Kĩ-thuật giữ thịt tất-nhiên là đã được biết một cách sơ-sài nhưng với hiệu-năng tốt, vì các người đi săn có thể đến từ xa và đem đồ dự-trữ tới thì cũng có thể đi trở về với một số-lượng lương-thực mới để tích trữ.

Sang đến thời nông-nghiệp, sự dự-trữ và tích trữ trở thành một việc bắt-buộc của đời sống mới.

* Kinh-tế săn-bắt là kinh tế ăn-liền: khởi thủy là ăn sống nuốt tươi, lâu đời nhiều lắm cũng chỉ là kinh tế ăn sổi. Thợ săn văn minh ở thời Trung cổ bên Âu châu, sành sõi nhất cũng chỉ biết treo con gà gô lên trái nhà cho gió lạnh mùa đông giữ được hai ba tuần, rồi gỡ xuống, lột da lấy thịt xào nướng, nhắm với rượu mạnh, người Pháp gọi là thịt *faisandé,* "giả chim phượng," bắt chước người xưa giữ thịt cho thịt bắt đầu rã ra, thành mềm và chưa rữa. Đó là món ăn vương giả, dành cho vua chúa, vì phải thừa mứa mới có thể treo con gà hay con phượng lên mấy tuần không ăn.

* Ngược trở lại, kinh-tế nông-nghiệp là kinh-tế chờ đợi, ngóng trông. Gieo hạt, trồng cây, không bao giờ được ăn ngay. Phải chờ cho hạt thóc mọc thành cây mạ, rồi cấy mạ sang ruộng khác cho cây mạ thành cây lúa; lúa có đòng đòng rồi chín, mới gặt về, đập lúa, phơi thóc rồi giã, rồi xay, rồi sàng, rồi sẩy, rồi mới cho vào thạp bỏ kho ăn dần cho đến mùa sau. Chưa hết, còn vấn đề thóc giống. Mỗi mùa phải chọn ra những hạt thóc mập nhất, đẹp nhất, để vào hũ đậy chặt cho chuột bọ khỏi vào, cho đến mùa sau; thóc mùa, thóc chiêm, thóc ba giăng, chia ra cho rõ.

Trồng cây cũng thế, và lâu ăn hơn. Nhiều cây phải ươm cứng cáp rồi mới đem ra trồng dưới đất. Phân bón cho nhiều nước tưới đầy đủ, tốt thì liên tục giỏ giọt, bằng không cũng phải ba lần mỗi ngày. Có cây năm một, có cây

mấy năm mới ra hoa, có trái; lứa đầu có khi phải bỏ đi, năm sau mới trẩy được; lại còn lo đóng lồng, đóng giọ cho chim, quạ, khỏi đến ăn nát vườn, và canh cho khỏi bị người hái trộm.

Nghề chăn nuôi cũng khổ công chờ đợi không kém, đầu là chăn tằm, thả cá, nuôi chim, nuôi gà hay là chăn nuôi lớn như chăn cừu, chăn bò, chăn ngựa, nuôi voi ở những trang trại của Anh, Holand, Poland, Australia, những mục trại *(ranch)* của Hoa Kỳ (U.S.), hoặc ngoài đồng cỏ thênh thang như Nam Africa, những đồng bằng *la pampa* ở Argentina, và những chuồng voi ở India và Thái Lan. Trừ có việc nuôi gà đẻ trứng, sau lứa đầu tiên phải chờ, còn thì có thể luôn luôn và hằng ngày có trứng ra chợ, còn thì bán trứng vịt lộn cũng phải cho ấp trứng cho thành cái thai rồi mới thành tiền được. Còn với những loài vật lớn, từ lúc thụ tinh cho đến lúc sinh con, rồi nuôi con cho lớn lên để hoặc là bán đi, hoặc xén lông (cừu, llama), vắt sữa (dê, bò, trâu), làm việc (trâu, chó, bò, ngựa, lạc đà, voi, và xưa trong hoàng cung của Thiên tử Trung Hoa, dê) hay làm thịt (dê, cừu, bò, trâu, ngựa, hươu, lạc đà, chó...), bắt buộc là phải tính năm.

Sự tích trữ còn có một lí do nữa, là vì trời có khi nắng khi mưa, không thể lường trước được. Khoa bói-toán được khai sinh để đáp ứng với những đòi hỏi mới của nông-nghiệp và trở nên rất phát đạt nhất là khoa xem chiều trời lên đến tinh-tú, nhật-nguyệt, hai là khoa xem tượng đất xuống sâu đến tận các mạch ngầm của sơn thủy (nhưng khinh thường các mỏ than, mỏ sắt, túi dầu, túi hơi). Vì sự bất trắc không thể tiên đoán, mà cầu-đảo thường cũng chẳng ăn thua gì (Lão Tử Đạo-Đức-Kinh: *Thiên Địa bất nhân),* nên phải tích trữ. Tục ngữ đã dạy: *Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn.* Mùa đông giá lạnh, gió bấc thổi buốt đến tận xương, cũng còn chịu được. Nhưng nếu trong nhà hết gạo mà lúa mới chưa chín, không lẽ đổ thóc giống ra mà ăn. Và nếu năm nào trời làm hạn hán, nắng nỏ cỏ, nước trong ruộng bốc hết thành hơi, lúa không đủ nước ủ rũ cả lá, trông thấy mà héo hon khúc ruột. Mất mùa thì đói, con cái nheo nhóc, bệnh kéo đến ầm ầm, đầu làng có người khóc cha, cuối làng có người khóc vợ. Nếu cứ thế này vài ngày, một tuần nữa thì sức người làm sao chịu nổi.

Đó là những lí do phải tích trữ. Tích trữ từ mùa này sang mùa sau để không bị cái lỗ hổng giữa hai mùa. Tích trữ từ mùa này năm nay sang mùa này sang năm để có thóc giống mà gieo. Tích trữ là để tiếp tục sự cày cấy chăn nuôi. Tích trữ là để sống. Không phải như ông bá-hộ tích gạo kho là để cho vay lấy lãi. Không phải như chú khách trên tỉnh tích thóc gạo, tích hạt tiêu, tích hạt dưa, tích sen khô để chờ đúng lúc bán ra làm giàu. Nhưng với sự tích trữ, bất cứ là vì một nhu-cầu thiết yếu của nông-nghiệp hay vì một sự tính toán thủ lợi trong một cao-độ phát triển của nền kinh tế mới, sự *CÓ* đã thành sự *SỞ HỮU* và là đầu mối của *sự bất đồng, sự chênh-lệch, sự mất quân-bình,* động lực khách quan chính yếu của lịch sử.

Năm trăm năm trở về đây, tiền và vàng thay thế cho của-cải để lưu thông trong đời sống kinh-tế thì sự tích-tụ tài-sản làm thành tư-bản; một trong những bánh xe của guồng máy gia tốc chuyển lịch-sử vào Cách-Mệnh Kĩ-Mghệ Tư-Bản, cuộc Cách mệnh thứ Ba trong loài người.

Trong nông-nghiệp thuần-túy, tư-sản chủ-yếu là CỦA-CẢI.

Ý nghĩa của danh từ CỦA-CẢI.

Time present and time past
Are both perhaps present in time future,
And time future contained in time past.
T.S Eliot, *Four Quartets* (1943)

T.S. Eliot là một trong những thi-sĩ siêu-hình lớn nhất của thế-kỉ thứ hai-mươi, vừa qua. Tôi mượn ba câu thơ trên mà ông viết trong giữa lúc nước ông đang chiến đấu chống lại nước Đức của A. Hitler. Ông nói về cuộc sống của tất cả nhân loại và nhìn về tương lai chung. Đó là đề tài của cuốn sách đang ở dưới tay các quí độc giả. Tôi tạm dịch ra văn xuôi, và bỏ những *puns (jeux de mots* = trò chơi chữ) và nhịp-điệu của câu thơ tự-do đi, vì không chuyển được sang một ngôn-ngữ nào khác không thuộc ngữ-tộc indo auropa (* Ấn-Âu):

Thời hiện-tại và thời quá-khứ
Có lẽ đều có nằm trong thời vị-lai,
Và thời vị-lai đã được chứa trong thời quá-khứ
(Bốn Tứ-Cầm-Tấu-Khúc, 1943)

/Của-cải/ là một danh-từ kép còn tồn tại trong Việt-ngữ đời nay, từ một cái gốc ở đầu thời nông-nghiệp. Nghĩa là nó là "toàn thể

tư-sản hay gia-sản của một cá-nhân." Giải nghĩa một từ nôm bằng một câu gồm một hay nhiều từ Hán-Việt là một điều "tréo cẳng ngỗng" mà lẽ ra tôi phải tránh. Nhưng đã không tránh được! Đúng ra thì tôi phải xin lỗi. Nhưng tôi không xin lỗi điều ấy, mà xin lỗi vì giảng dài thế mà vẫn không hết nghĩa.

Phép đặt từ được gọi là *morphology* trong ngữ-lí-học mới, tôi dịch là *dạng-học*, đầy-đủ thì là *từ-dạng-học*. Còn *ngữ-lí-học* là *linguistics*. Mỗi ngôn ngữ có những phép dạng-học riêng; mỗi phép dạng-học tương ứng với một liên-hệ ngữ-nghĩa *(semantics)*.

Việt-ngữ có một phép đặt từ (dạng-học) đặc-biệt ghép hai từ đó vào với nhau như /của-cải/. Vài thí-dụ khác:

rau-cỏ cây-cối
cơm-áo áo-quần
sách-vở chữ-nghĩa
bút-nghiên đao-cung
nhà-cửa đường-sá

Hai danh-từ *(nom/noun)* chắp lại thành một từ kép, thường cũng là danh-từ, nhưng cũng có khi thành một loại từ khác, mà ngữ-pháp-cũ gọi là động-từ, trạng-từ, hình-dung-từ chi đó. Thí-dụ:

mây-mưa, cơm-nước (động-từ, *verb*)

Một trong hai danh-từ thành-phần có thể rất cổ-kính, hoặc nói trẹo đi, thí-dụ:

chó-má (má = mèo mả) (hình-dung-từ, *adjective)*

(Tôi không bàn đến sự ghép hai động-từ, như: /chê-bai/, /ăn-mặc/, hai hình-dung-từ, như */ngon-lành/, /giầu-có/, /mềm-mỏng/, /cứng-rắn/...).*

Danh-từ kép có nghĩa là một cái gì bao gồm hai vật-thể chỉ bởi hai từ đơn trong cấu tạo *và* tất cả các vật-thể tương-tự. Hai vật-thể được nói ra là hai vật-thể tiêu-biểu. Chẳng hạn: */bàn-ghế/* là tất cả các đồ gỗ *(mobilier/ furnitures)* trong nhà, /bút-nghiên/ là tất cả đồ nghề của học trò hay kẻ sĩ, và rộng ra là sự học hành kinh-sử (một từ kép nữa, dùng chữ hán-việt), gần giống như */đèn-sách/, /giấy-bút/, /sách-vở/* và (ít dùng/*giấy-mực/*) của thời nho-học.

Trong các danh-từ kép tương-đối mới thành thì có thể đảo ngược hai từ thành-phần nếu không sợ bị hiểu lầm:

/áo-quần/ cũng như */quần-áo/*
/cơm-áo/ cũng như */áo-cơm/*
/núi-sông/ cũng như */sông-núi/*

nhưng /cơm-nước/ không được đổi thành *nước cơm*, */dất-nước/* không được đổi thành *nước-đất*. Ngoài ra, tôi có cảm tưởng rằng những danh-từ kép xưa nhất đều đã hóa thạch và không đảo nghịch được. Thí-dụ như */cây-cối/, /mình-mẩy/, /tai-mắt*... Ngoại-lệ: */máy-móc/, /giờ-giấc/*.

/CỦA-CẢI/ là một danh-từ kép có ít ra là từ thời Hai Bà Trưng.

/Của/ là hình thức thụ của */có/;* /có/ là hình thức động của */của/:*

Tôi có *con chó*
Con chó của *tôi*

Ở một giai đoạn trên, tôi đã nêu lên điều này.

Nếu tôi để chữ */con/* trước một chữ khác, thì tôi tạo ra một danh-từ, chẳng hạn */con bò, con bê, con sâu, con sen, con câm, con cái-ghẻ, con ranh, con nhỏ, con ma, con gái,.../* vân-vân và vân-vân...

Về phương-diện thuần-túy ngữ-pháp, */con/*, cũng như */cái/, /sự/,...* trước hết là một *morphem* (dạng-vị) *danh-từ-hóa*. Sự *danh-từ-hóa* là một chức và một công-việc rất quan-trọng trong ngữ-pháp biến-hình và sáng-tạo *(Transformational and generative grammar)* của GS Noam Chomski.

Nay tôi đặt */con/* trước */của/* thành
CON CỦA

Mường-ngữ còn danh-từ */con của/*. Một bài hát đám ma của dân Mường được chép trong *Thông-báo của Trường Viễn-Đông Bác Cổ* (B.E.F.E.O.); trong bài hát tôi thấy có câu (tôi kể theo trí nhớ, và viết thành Việt-ngữ mới):

Đi sau cùng là những con của,
Chó, mèo, gà, vịt của người đã chết

/Con của/ là "gia súc" (*sic!*), các con vật nuôi trong nhà. Tục lệ Mường là mọi người trong nhà và cả các con vật nuôi đều phải tiễn đưa người chết đến nơi yên nghỉ cuối-cùng. Đời nông-nghiệp bịn-rịn tình-cảm lắm, không như đời săn-bắt, nhặt-vặt, và cũng không như đời văn-minh ngày nay, chết là hết.

Thời Hai Bà Trưng, dân Việt với dân Mường là một. Ngôn-ngữ như nhau, chỉ khác chút đỉnh. Sau khi hai Bà bị dẹp rồi thì chính-sách Hán-hóa được áp dụng triệt để, chữ Hán được dạy, tiếng Hán được nói, luật Hán được dùng, gia đình lập lại theo Hán-tộc. Ai chịu thì ở lại, làm nô bộc và nông-nô, lặn xuống biển mò trai lấy ngọc, lên rừng săn voi lấy ngà để nộp các quan đem về Tầu. Ai không chịu thì trốn lên rừng lên núi mà ở. Những người ở lại là người Việt (tên này chỉ mới có

từ lúc này). Còn những người lên núi là người Mường. Sự cách biệt chỉ mới hai nghìn năm nhưng ngôn-ngữ dần-dần phát triển khác đi, cũng như phong-tục, luân-lí, vân-vân,... và tình-cảm.

Vì có những sự-kiện lịch-sử ấy nên tôi nói rằng */của-cải/* là một danh-từ kép, có ít ra là từ thời Hai Bà Trưng. */Của/* là một từ ta có chung với dân Mường. *Của/* là danh-từ, và là */con của/*.

Còn */cải/* là rau cải, ta trồng ngoài vườn.

Tiếng */cải/* cũng cổ lắm, tuổi của nó ngang với */của/*. Cả hai đều sinh vào đầu thời nông-nghiệp.

Trong Việt-ngữ cổ, có một dòng danh-từ gốc, tối cổ; tôi nói là tối-cổ trước hết là vì còn thấy trong nhiều ngữ *(langue/language)* thuộc ngữ tộc môn (-khmer) còn gọi là nam-á-ngữ *(austro-asian)*, rộng ra đến môn ngữ cổ của một vài sắc dân ở Miến-Điện Myanmar. Sau là vì nội-dung của chúng rộng lắm, mà nhiều danh-từ cổ ấy đã thành những morphem danh-từ-hóa.

/cái/ và */con/* là cổ nhất; rồi đến */người/; /cây/, /cỏ/*.

Đầu thời nông-nghiệp, có */rau/;* dưới */rau/* là */cải/,* vì vậy ta nói */rau cải/* mà không nói * *cải rau*

/Rau/ là những thứ cây nhỏ, mọc thành bụi, mà người ta đánh, bứng hay hái ở rừng về rồi thuần hóa thành những cây trồng nuôi dưới ao hay ở bờ ao và trong vườn, để ăn lá. Lá rau ăn được. /Rau/ đã thành một morphem (dạng-vị) danh-từ-hóa */rau muống, rau nút, rau ngót, rau rền/* v.v..., và */rau cải/*.

/Cải/ là một thứ rau chỉ trồng ở vườn và phải chăm nom kĩ lắm. Cải có giá hơn rau. Lúc đầu đi với *rau* thành danh-từ */rau cải/,* rồi tách rời ra vẫn là danh-từ */cải/,* rồi thành một morphem danh-từ-hóa ngang-ngửa với */rau/: /cải xanh, cải bắp, cải củ, cải tầu, cải tầu trâu.../*. Đến nay, */cải/* vẫn còn sức mạnh danh-từ-hóa khi dân Việt Nam sang Tây, sang Mĩ: */cải soong (cresson)/, /cải rô-men (romaine)/*.

Sách cổ của Trung-quốc nói về đất Giao-chỉ đã viết rằng dân Giao-Chỉ ăn *thái [cài]* 菜 Trong một buổi đàm-thoại ở Sài Gòn năm 1975, ông Nguyễn Kim Thản, giáo sư ngữ học Việt-Nam, đã cho tôi biết như thế khi tôi nói với ông rằng từ */cải/* có trong Việt-ngữ trước thời Bắc-thuộc. *Kinh Thi* của Nhà Chu cũng đã nói đến sự đi hái *(rau) thái, (rau) vi. (Rau) thái là rau cải.* Về phương diện ngữ học lịch sử, tôi nghĩ rằng, theo chân cây lúa gạo, rau cải đã đi từ miền Nam lên trung-thổ, rồi thành món rau chính của dân Trung-quốc từ trên Bắc-Kinh xuống đến Lưỡng Quảng. Anh-ngữ dịch */thái/ (/cài/)* là *cabbage*, rất đúng.

Nông-nghiệp ở châu-thổ Sông Cái phát-triển với cả hai hình-thức, trồng-trọt và chăn-nuôi.

Trong việc trồng-trọt, sự làm rẫy, làm ruộng để trồng lúa gạo đi đôi với sự trồng dâu trên nương để nuôi tằm, trồng rau ở ao, trồng cải ở tược và trồng cà ở đồng. Chưa có lúa mạch, chưa có ngô, khoai, sắn. Cà có vào lúc có Thánh Gióng. Rau thì có nhiều thứ, từ rừng, rú và ngàn đem về trồng. Nhưng cải là thứ rau có sau nhất, trồng khó nhất, và vì vậy đắt nhất. Nhà nào có một tược *cải* là nhà *có*, nhà *giầu*. Nhưng phải có những *con của* nữa mới đúng là giầu-có; */của/* còn đứng trên */cải/*. Gồm *của* và *cải* lại thì thành một trục hai điểm để tất cả các cái *có* "đầy rẫy, thừa đủ" trong thời trồng-nuôi. Đoạn trên đây tôi viết với hầu hết là tiếng ta thuần-túy, với một vài tiếng cổ đã bị lép vế sau khi bộ ba Tô-Định, Mã-Viện, Nhâm-Diên trong thời Hán Quang Vũ đã tiêu-diệt nền văn-minh đồng-thau mà Hai Bà Trưng là đại-diện cuối cùng.

Nay ta nói là vườn-tược. */Vườn/* là do hoa-ngữ */viên/* mà ra; */tược/* phải xuống dưới. Không ai biết */tược/* là gì nữa. *Tược* là cái vườn trồng cải của ta trong tiền-sử.

/Của-cải/ dần-dần lùi bước trước */tiền-của/* hay */tiền-bạc/ và /tài-sản/*. Cho nên định-nghĩa chính-xác */của-cải/* phải là *"cái có* của một người trong *thời thuần-túy nông-nghiệp."*

Tuy vậy mà */của/* vẫn chưa chịu hàng hẳn. Nó siêu-dụ thành *của chìm, của nổi* được một thời-gian ngắn.

Nhưng rồi nó cũng thành hủ-lậu cùng với */cải/*. Cả *tiền, bạc* rồi cũng mất giá, để */vốn/*, tức là tư bản nổi lên (trong cuộc Cách Mệnh Kĩ Nghệ Tư Bản).

Và */vốn/* cũng đang gồng lên để còn có một chút sống thừa trong cuộc Cách mệnh thứ Bốn của loài người, khi các tư doanh đang sửa soạn tàng hình để thành tiềm-ẩn *(virtual)* trước khi tiến vào sự chinh phục hoàn-cầu, rồi hành-tinh-hệ, rồi có lẽ cả vũ-trụ.

Chưa ai biết để làm gì, và rồi đi đâu nữa.

Ngoài vũ-trụ chỉ còn hư vô.

(còn tiếp)

SỰ LỰA CHỌN CỦA BỜM

phiếm luận LỖ MỖ TỬ

Thằng Bờm có cái quạt mo.
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu,
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu.
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè,
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè.
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim,
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim...

Một hôm ngồi nhàn Lỗ Mỗ Tử tôi bỗng nhớ lại một bài đồng dao quen thuộc thuở còn để chỏm, mới ngẫm ra rằng biết lựa chọn là một đặc tính riêng của giống người, là cái phân biệt chúng ta với các giống loài khác. Tuy nhiên, nói cho công bằng, bảo rằng mọi giống loài khác hoàn toàn không biết lựa chọn là cái gì thì cũng có điều không phải với chúng. Đôi khi chúng ta cũng nhận thấy có hiện tượng đó trong giống vật, nhưng chỉ ở một mức độ nào đó, khi chúng ngẫu nhiên gặp phải sự lựa chọn không thể thoái thác. Có điều, giống vật làm việc cái mà loài người chúng ta thường làm ấy một cách ất ơ, một cách ngớ ngẩn, trúng trật tất hoàn toàn tùy thuộc ở may rủi mà thôi. Thằng Bờm trong thuở ấu thơ của Lỗ Mỗ Tử, chắc hẳn cũng là một thằng nhóc như Lỗ Mỗ Tử, hoặc như quý độc giả, thì không xử sự thế. Bờm của chúng ta tỏ ra biết lựa chọn lắm.

Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đổi... hòn xôi, Bờm cười.

Thấy chưa, khi lựa chọn Bờm của chúng ta dựa trên sự suy xét thực tế, có cân nhắc, quyết không theo cách được chăng hay chớ. Chẳng thế mà Bờm khước từ tuốt luốt những bò, những trâu, những ao cá mè, những bè gỗ lim.... và tất tật những thứ khác nữa mà phú ông còn có thể nghĩ ra trong khi gạ gẫm cái quạt mo của Bờm. Chao ôi, trong khi phú ông giàu trí tưởng bở, cho rằng Bờm ngốc ngếch, thì Bờm của chúng ta chẳng ngốc ngếch chút nào. Bờm thừa hiểu giá của cái quạt mo là bao nhiêu. Nang mo là của trời cho, là thứ đồ bỏ từ trên cây rơi xuống, nó chỉ có thể dùng trong dăm ba việc vặt như để gói nắm cơm, làm cái quạt... vào thời loài người chưa biết đến các vật liệu bằng chất dẻo.

Đó là chuyện trong đồng dao. Tôi tin rằng trong thực tế, không phải lúc nào Bờm cũng có quyền lựa chọn. Bởi vì Bờm là một thằng bé, lại là một thằng bé người Việt, có nghĩa là một thằng bé khốn khổ. Với nó, khó lòng có một phú ông khờ dại nhưng tử tế cho nó một cơ hội lựa chọn, mà là lựa chọn ngay thẳng, trong một trò chơi có luật.

"Hòn xôi", tất nhiên, phải bé hơn "nắm xôi," hay "mâm xôi" nhiều. Và còn quá thấp giá nữa, so với lời chào của phú ông. Nhưng nó mới là cái giá vừa phải cho cái quạt mo. Cho nên thấy cái giá đó Bờm mới cười, mới gật. Bờm của chúng ta biết điều - Bờm không đòi hơn cái Bờm đáng được hưởng.

Nhưng sự đời thường không giống trong chuyện. Hãy tưởng tượng kẻ ra đề cho sự lựa chọn ấy không phải phú ông, mà là một tên ăn cướp, tay cầm dao, hoặc cầm súng, ở dây lưng lại tòn ten một cái khoá số 8 ở thời hiện đại! Sân chơi bình đẳng trong trường hợp ấy là không thể có rồi, luật chơi cũng không rồi. Sự lựa chọn tất nhiên cũng không nốt.

Nhìn lại đời mình, Lỗ Mỗ Tử tôi không biết nên buồn hay nên vui: chẳng bao giờ tôi bị rơi vào hoàn cảnh phải lựa chọn, cho dù là sự lựa chọn oái oăm của Bờm.

Xin tự giới thiệu với quý vị: Lỗ Mỗ Tử tôi lớn lên tại nước ngày xưa có tên là Đại Ngu, trong một xã hội mới được gọi là xã hội chủ nghĩa. Cái chữ "xã hội chủ nghĩa," xin thưa với quý vị, có nghĩa là trong xã hội đó quyền lợi của mọi thành viên được đặt cao hơn quyền lợi của cá nhân hoặc phe nhóm. Để thực hiện mục đích cao cả này, nước Đại Ngu đã có một Đảng cộng sản đứng ra lãnh đạo dân chúng. Lãnh đạo nghĩa là thế nào? Nghĩa là Đảng trông nom tất tần tật mọi sự từ thấp tới cao, trong mọi lĩnh vực, bất cứ việc gì cũng mó tay vào, khi bóp chặt, khi mơn trớn, lúc sai phái, khi hướng dẫn... Tận tình không chê vào đâu được. Thử hỏi trong hoàn cảnh được o bế như

thế người dân còn cần gì phải lựa chọn? Chẳng cần hỏi dân, Đảng đã lựa chọn hộ tất cả. Tức là Đảng đã lao tâm khổ tứ làm hộ cái việc lẽ ra bình thường dân phải làm là vắt óc suy nghĩ để mà lựa chọn.

Có Đảng, dân mình khoẻ re. Cứ việc ăn no ngủ kỹ. Lúc tỉnh thức thì làm cho đúng lời Đảng dạy. Là xong. Bởi vì Đảng không những chỉ có trí não "vô cùng sáng suốt," đường lối chính sách do Đảng vạch ra còn "duy nhất đúng đắn" nữa. Ai chưa nghe rõ thì vểnh tai lên mà nghe: "vô-cùng-sáng-suốt," "duy-nhất-đúng-đắn"! Tuyệt cú mèo! Đến cụ Khổng ngày xưa cho chí cụ Mác đương đại cũng không dám liều mạng mà xưng như thế!

Vui là phải.

Làm dân Việt sướng thật!

Nói cho đúng, thỉnh thoảng Đảng của Lỗ Mỗ Tử cũng cho Lỗ Mỗ Tử cơ hội để lựa chọn đôi ba thứ. Cho vui. Hoặc để tập. Tức là, để đám dân chúng như Lỗ Mỗ Tử khỏi ngồi không ăn sẵn hoàn toàn, không biết lựa chọn là cái gì. Mà cũng có thể Đảng lo xa: nói dại, lỡ có lúc dân bất ngờ phải lựa chọn giữa Đảng và một cái gì khác thì họ cũng không đến nỗi quá bỡ ngỡ.

Xin lấy chuyện này làm thí dụ: trong đơn vị bầu cử Quốc Hội của Lỗ Mỗ Tử có danh sách 17 vị để cho dân chọn. Cả 17 vị đều không phải ứng cử viên (đặc điểm của dân chúng tôi là thế: khiêm tốn lắm), rặt người được Đảng hoặc Mặt trận Tổ quốc của Đảng đề cử cả (phải là người của Đảng, phải có dây mơ rễ má với Đảng không nhiều thì ít thì Đảng mới đề cử chứ). Đã tưởng chỉ còn có việc bỏ cái tờ phiếu in sẵn tên 17 vị vào thùng là xong xuôi, để thời giờ làm việc khác. Khốn không phải thế. Trước ngày bỏ phiếu, cán bộ Đảng tới tận nhà dặn dò: này, đơn vị ta chỉ được bầu có 14 người thôi đấy nhá, nhớ gạch bỏ thằng thứ ba, thằng thứ năm, với con mẹ thứ mười một đi, chớ có quên. Té ra Lỗ Mỗ Tử vẫn có cái để mà lựa chọn. Nghĩa là phải tỉnh mắt mà chọn trong cái danh sách in lèm nhèm kia thằng thứ ba, thằng thứ năm, với con mẹ thứ mười một.

Rồi gạch rẹt rẹt. Chớ có nhầm. Có thế thôi.

Lỗ Mỗ Tử tôi thấy mình đúng là một thằng Bờm nhàn hạ. Đã có Đảng lãnh đạo rồi, Đảng bảo gì Lỗ Mỗ Tử nghe nấy. Lỗ Mỗ Tử nghe theo Đảng chứ không nghe thằng chó nào hết. Những người như Lỗ Mỗ Tử được Đảng vỗ vai khen ba tốt, bốn tốt hay năm sáu bảy tám tốt chi đó cơ đấy, kiểu như mấy ông Tây thuộc địa ngày trước xoa đầu khen thuộc hạ "Bồng, bồng!". Nhưng không phải ai cũng là công dân tốt như Lỗ Mỗ Tử đâu nhé. Khoảng thập niên 60, nghe nói ở khu Ba Đình, có một thằng cha rất cứng đầu. Và ngu nữa. Hắn không nghe Đảng dặn dò, đi bầu cử, gạch ai chẳng gạch lại gạch luôn lãnh tụ tối cao. Sau, hắn được Đảng cho đi "cải tạo" nhiều năm với kỳ vọng để cho hắn trở thành công dân tốt. Tốt rồi, chẳng hiểu nghĩ sao hắn nhảy tùm xuống sông Hồng tự vẫn. Chắc hẳn để vĩnh viễn không phải lựa chọn gì nữa.

Bây giờ nói tới cái lớn hơn: ấy là sự lựa chọn thể chế cho đất nước. Lại cũng Đảng "vô-cùng-sáng-suốt duy-nhất-đúng-đắn" của Lỗ Mỗ Tử lựa chọn hộ nhân dân, chọn sẵn, từ lúc nào không biết. Nhân dân khỏi phải đắn đo suy nghĩ. Không cần lá phiếu nào hết, ông Lê Khả Phiêu, đương kim tổng bí thư của Đảng, tuyên bố: "Đảng ta kiên quyết dắt dẫn nhân dân ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa *là con đường nhân dân ta lựa chọn.*"

Lỗ Mỗ Tử tôi cũng là nhân dân, lại là nhân dân tốt nữa, quyết không phải đồ bỏ, thế mà Lỗ Mỗ Tử chưa được Đảng hỏi ý kiến một lần coi Lỗ Mỗ Tử khoái con đường nào. Thì ra Đảng coi mình là cha mẹ dân, cha mẹ cần cóc gì phải hỏi ý kiến con cái, có phải không ạ? Có Đảng chọn hộ, càng khoẻ. Những người tối dạ, lại ương bướng, hoặc gàn dở, thân lừa ưa nặng, không chịu để Đảng chọn hộ, được Đảng giúp đỡ đến nơi đến chốn: Hoàng Minh Chính, Thích Quảng Độ, Thích Huyền Quang, Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu... được đưa đi cải tạo, cũng là nhằm cho họ trở thành công dân tốt thôi. Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự được cho tu huyền tại gia theo cái nghị định 31/CP do ông thủ tướng được cả người Việt ở trong nước lẫn ngoài nước coi là cấp tiến ký. Thử hỏi có tinh thần trách nhiệm nào cao như Đảng đối với dân không?

Không kể chuyện phải nằm trong trại giam vắt tay lên trán mà nghĩ ngợi, mấy vị thức giả có tư duy lôi thôi sẽ còn mệt dài dài vì sự lựa chọn không lúc nào ngơi của họ: chế độ dân chủ nào là thích hợp với dân tộc ta? Dân chủ đại nghị hay là dân chủ tổng thống chế? Con đường xã hội chủ nghĩa có thể mang trong lòng nó tính dân chủ hay không? Nếu không thì xoá bỏ nó cách nào đây? Thật là lằng nhằng. Thật là rắc rối. Trong khi đó Đảng đã chỉ ra rành rành: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ gấp triệu lần nền dân chủ tư

sản. Mà cái này không phải ông tổng bí thư Lê Khả Phiêu nói đâu nhá. Ông Lê Nin đấy. Cho dù cái nhà nước do ông Lê Nin dựng nên có chết nhăn răng ra rồi, chân lý vẫn còn đấy, vẫn tiếp tục soi đường chỉ lối cho ông Lê Khả Phiêu. Chứ lại không à? Không thế thì vía ông Lê Khả Phiêu cũng không dám quả quyết như thế.

Còn cái chuyện nước ta bây giờ có xếp hạng bét thế giới về thu nhập quốc dân tính theo đầu người thì đó chẳng qua chỉ tại bọn đế quốc sài lang tuốt. Không có chúng nó ấy à, nước ta đã đứng đầu thế giới này từ lâu.

Nói chuyện Đảng lựa chọn hộ dân có mà nói suốt ngày.

Đã bảo Đảng là "vô-cùng-sáng-suốt duy-nhất-đúng-đắn" mà. Chả thế mà các văn gia xã hội chủ nghĩa đua nhau xưng tụng Đảng ồn ào như ếch nhái gặp trời mưa. Nào là "ngọn đuốc soi đường," nào là "ngôi sao dẫn lối," đến mức có vị còn ví Đảng như "trí tuệ nhân loại" nữa. Người sáng tạo giỏi nhất trong lĩnh vực này là cựu thủ tướng Phạm Văn Đồng. Theo Lỗ Mỗ Tử tôi nhớ, thì vào thời của ông và ông tổng bí thư Trường Chinh, Đảng đã khéo chọn chữ "chuyên chính" thay cho chữ "độc tài," "chuyên chế." Ba chữ Việt nầy cùng một nghĩa, người phương Tây gọi là "dictature." Cái chữ "chuyên chính" Đảng chọn khéo đến nỗi có những vị chữ nghĩa bề bề, cả ở hải ngoại nữa, vẫn bị bé cái nhầm. Có vị nói: độc tài còn đỡ, chứ chuyên chính thì... ôi thôi, vô phương cứu chữa. Lại nữa, khi ở phương Tây người ta nói dân chủ cụt lủn thì Đảng của Lỗ Mỗ Tử liền sáng tạo ra một thứ dân chủ khác để phân biệt, gọi là "dân chủ tập trung." Nó có nghĩa là cho mày nghĩ rằng mày bằng ông, mày ngang hàng với ông, nhưng quyền lực "tập trung" trong tay ông, ông "quyết" thế nào mày được thế ấy. Cho nên, mới có "lãnh đạo tập thể," "trung ương tập quyền," "tập huấn," "tập trung cải tạo"...

Lại nữa, từ khi trên toàn cõi Việt Nam im tiếng súng, Đảng luôn luôn căn dặn nhân dân phải cảnh giác chống lại "diễn biến hoà bình." "Diễn biến hoà bình" mà phải chống, tức nó là âm mưu của những thế lực phản động và bè lũ tay sai. Chứ còn đứa nào vào đấy? Đảng ta không bao giờ chủ trương "diễn biến hoà bình" hết. Đảng ta chỉ thích "diễn biến không hoà bình" thôi. Cho nên mới mang súng đi giải phóng các nước láng giềng như Lào, Campuchea. Đặng mở rộng đất đai cho chủ nghĩa cộng sản. Tội nghiệp, Thái Lan là nước không may, cho nên mới không được giải phóng. Campuchea đã được giải phóng rồi, nhân dân Campuchea đã được hạnh phúc rồi mà không biết, bị "diễn biến hoà bình," thành thử mới ngô không ra ngô khoai không ra khoai như hôm nay.

Ngẫm đi rồi ngẫm lại, Lỗ Mỗ Tử thấy kể ra có lựa chọn mà hay hơn cũng nên.

Đảng hứa với Lỗ Mỗ Tử nhiều, mà Lỗ Mỗ Tử chẳng được hưởng bao nhiêu. Nói gì Lỗ Mỗ Tử, hay người dân nào khác. Từ ngày dân ta có Đảng, Đảng hào phóng cho dân nhiều thứ lắm. Đảng cho "tự do đi lại," "tự do cư trú," vậy mà động nhấc chân là phải trình báo, xin phép, phải khai báo hộ khẩu. Đảng cho "tự do ngôn luận," mà đến ông tướng Trần Độ, vốn người của Đảng, xin ra báo tư nhân đã không được thì chớ, lại còn bị xỉ vả là đồ phản động, nói chi tới ông hoà thượng Thích Quảng Độ, không được vinh dự ở trong Đảng ngày nào. Những người ưa kiện các cơ quan Đảng, chứ chưa phải kiện đích thị Đảng, như ông Hoàng Minh Chính thì đi tù vì tội "lợi dụng những quyền tự do dân chủ"...

Hiểu được tiếng Việt của Đảng xem ra khó thật.

Cũng như vậy, trong bài "Quốc tế ca" mà Đảng dạy cho Lỗ Mỗ Tử thuộc nằm lòng, có câu:

Đấu tranh này là trận cuối cùng
Lành-téc-na-xi-ô-na-lớ
Sẽ là xã hội tương lai.

Thế mà nào có thấy cái vân mòng xã hội tương lai ấy đâu cơ chứ? Nó thấp thoáng ở phương trời mù mịt nào vậy?

Trong khi đó thì Đảng, cũng lại rất hào phóng, tiếp tục cho dân một đống cuộc đấu tranh khác. Nào là "đấu tranh chống tham nhũng," "đấu tranh chống hối lộ," "đấu tranh chống phiền hà," "đấu tranh chống mại dâm"...

Nhiều quá!

Thôi thôi, ta quay về với cách lựa chọn của Bờm vậy. Đảng như phú ông, còn ta làm Bờm. Tức là đổi chác thì đổi chác, nhưng không chơi cái lối vừa ra giá, vừa chọn hộ.

Ta chọn lấy.

Ta khiêm tốn, chọn cái tối thiểu, cái vừa giá, nhưng hơn Bờm một chút, ta bắt phú ông phải nghe lời.

Ngay lập tức.●

CHUYỆN BẦU CỬ Ở HÀ NỘI

KIỀU DUY VĨNH

Buổi sáng tại nhà ông Phan Hữu Văn (thợ mộc) phố Nguyễn Công Trứ.

Ông Văn đang ngồi uống nước trà. Cửa lúc nào cũng mở vì là nhà bán hàng.

Có tiếng xe máy dừng đỗ ở trước nhà.

Một cán bộ Công an, quân hàm đại úy, tắt máy đi vào, đến cửa nhìn thấy ông Văn đang ngồi một mình bèn dừng lại, và lên tiếng dõng dạc nói vào:

"Tôi là đại úy Tâm, ở trên Sở Công An xuống đây để thông báo cho ông rõ. Qua quá trình theo dõi những tiến bộ của ông từ khi đi cải tạo về, hôm nay Sở quyết định cho phép ông được đi bầu cử. Đây là một sự chiếu cố.

Vậy đến hôm bầu cử này, có bộ quần áo mới đẹp đẽ nào dành cho ngày lễ, ngày Tết thì mặc vào, mặt mày phải hớn hở, đầu tóc phải chải chuốt nghiêm chỉnh, phải đi đến phòng bỏ phiếu thật sớm.

Ở đó, đã có cán bộ bầu cử hướng dẫn cụ thể. Họ bảo bầu cho ai thì bầu người đó, bảo gạch tên ai thứ cứ theo thế mà gạch chớ có làm khác đi, xong rồi đến lấy dấu đóng vào phiếu cử tri là đã đi bầu. Mấy hôm nữa tôi sẽ xuống kiểm tra xem có đúng như tôi bảo không, ông nghe rõ chưa. Thôi tôi đi."

Quay ngoắt người ra xe, nổ máy vụt biến mất không cần biết thái độ phản ứng ra sao, không kịp thấy ông Văn đứng phắt dậy bước vội ra cửa, vẫy tay gọi với: "Này, anh kia... dừng lại tôi bảo..."

Buổi chiều vẫn tại nhà ông Văn.

Một cán bộ văn hóa phường phụ trách bầu cử cầm một tập phiếu cử tri đi phân phát cho mọi người vào nhà ông Văn:

"Chắc sáng hôm nay ông đã nghe cán bộ của Sở Công An đến huấn thị rồi. Tôi không cần phải nhắc lại nữa. Đây là thẻ cử tri của ông..."

"Ra ngay, cút khỏi nhà tao ngay, cầm cái mớ giấy lộn ấy ra khỏi nhà tao cho khuất mắt. Tao đấm thèm vào cái quyền đi bầu, cái quyền công dân giả vờ của chúng mày, thằng tay sai kia.

"Cái gì là 'Đảng cử, dân bầu.' Trò bịp bợm. Từ bao nhiêu năm nay không có tao vẫn có cái Quốc hội ấy, vẫn có cái Hội đồng Nhân dân ấy. Chúng mày cứ bày ra trò hề và cứ dựng lên để che mắt thế gian lừa bịp thiên hạ.

"Mày bảo tao đi bầu à? Bầu cho ai? Bầu cho thằng chống buôn bán ma túy thì lại chính nó lấy xe đặc chủng công an đi chở thuốc phiện hú còi dẹp đường để đi cho nhanh à. Thằng Vũ Xuân Trường đấy.

"Bầu cho thằng trưởng ban chống buôn lậu, thì chính nó lại ăn hối lộ để cho các bố nó tự do buôn lậu à. Và chính nó khi ra tòa lại bảo: 'Cứ cái cơ chế này, người ta có thể đàng hoàng đem bom nguyên tử qua mặt Hải quan mà vào Sài Gòn được.'

Tên nó là Phùng Long Thất đấy.

Bầu ai? Bầu cho một lũ tham nhũng hối lộ, ăn cắp của công à.

Cút. Cút ngay..."

Anh chàng cán bộ bầu cử, luống cuống sợ hãi lập cập cầm tập phiếu cử tri chạy ra ngoài cửa và đi ngay đến đồn công an để bá cáo sự việc.

Nếu như trước đây thì chết đấy, nhưng hôm nay hơi khác, rất hay là câu chuyện lại có hậu.

Trưởng Công an phường hỏi:

"Thế ông ta có hành hung bác không? Có cầm dao, cầm đòn gánh đánh bác không? Có đấm, có đạp gì bác không?

- Không à.

"Thế ông ta có xông vào bác, giật lấy phiếu cử tri và xé nát ra không?

- Không hả.

"Thế ông ta có chạy theo bác đến trụ sở bầu cử, xé khẩu hiệu, xé cờ, đập loa truyền thanh, phá hòm phiếu không?

- Cũng không hả.

"Thế ông ta có ra đường chửi bới kêu gào mọi người tẩy chay chống lại bầu cử này không?

- Cũng lại không hả?

Nếu có những điều đó xảy ra thì tôi sẽ ra lệnh cho bắt ông ta ngay. Nhưng không có thì thôi bác ạ. Bác về đi. Đừng xé to câu chuyện ra làm gì mà xấu mặt cả lũ. Đảng và nhà nước đã tiên liệu rồi là sẽ có một số người độ 1% gì đó, sẽ không nhận phiếu cử tri và sẽ không đi bầu, sẽ có những lời ra tiếng vào trong cuộc bầu cử này.

Điều đó không có hại gì cho hòa bình thế giới và sự ổn định chính trị ở đất nước này cả.

Thôi nhé, bác về đi, tôi còn có việc đột xuất khác phải giải quyết đây.

Chào bác."

Hà Nội ngày 15-11-1999

TIỄN BẠN VỀ QUÊ

PHẠM PHÚ MINH

Năm ngoái, tháng Năm, bạn bè đã đưa tiễn Lê Đình Điểu đi về thế giới bên kia, và năm nay, gần giáp một năm sau khi bạn qua đời, lại tiễn bạn về quê, làng Thanh Lãm, Hà Đông, miền Bắc Việt Nam. (*) Đó là theo ý của người đã khuất, muốn những gì còn sót lại của thân thể mình được mang về đặt trong lòng mảnh đất làng xưa, nơi ông bà tổ tiên của mình đã cư ngụ và đã nằm xuống. Chính từ mảnh đất đó mới có Điểu với hình hài và cuộc sống mà chúng ta đã biết.

Ngày 20/4/2000 bình tro cốt của Điểu đã về đến làng Thanh Lãm và được an táng tại đây. Hình ảnh cánh đồng làng, nhìn từ mộ Điểu.

Ý muốn "quay về chết ở nơi ra đời" hay "được mang nắm xương tàn về nơi cố hương" là một ý muốn lâu đời của con người. Đó là tâm lý "trở về." Ra đời, lăn lộn với bao sướng khổ, tâm hồn con người ta vẫn luôn tưởng nhớ đến một nơi êm đềm nhất, được bảo bọc thương yêu nhất, là nơi nguồn cội. Thân xác, và thậm chí đời sống trần thế, thường được nhiều tín ngưỡng coi như là giả tạm (sống chỉ là gửi, thác mới là về), thế nhưng xưa nay con người vẫn rất coi trọng thân xác sau khi chết, có khi còn hơn lúc còn sống nữa. Vì thế mới có lăng tẩm, mộ phần đủ kiểu trong những nền văn minh khác nhau từ thượng cổ cho đến ngày nay. Vì thế chuyện tìm hài cốt của quân nhân Mỹ tại Cao Ly, tại Việt Nam dù mấy chục năm sau khi chiến tranh chấm dứt vẫn là mối quan tâm của chính phủ và dân chúng Hoa Kỳ. Vì thế tại Việt Nam gần đây mới có phong trào đi tìm mồ mả thân nhân phiêu tán trong chiến tranh, cùng với khả năng ngoại cảm nẩy nở khác thường nơi một số người để giúp cho công việc ấy.

Và mọi người nói chung gặp nhau ở một điểm: hài cốt là phải đem về quê. Điểu bạn tôi cũng cùng ý muốn ấy đối với thân xác của mình. Như lá trên cây rụng xuống gốc cây vậy. "Lá rụng về cội" là một hình ảnh để ví von một người trước sau gì rồi cũng nên về với chỗ nguồn gốc của mình. Một cái lá rơi rụng, nếu không gặp gió to thì theo sức hút của trái đất, tự nhiên nó phải xuống nằm bên gốc cây thôi. Tất cả sự phát triển sinh hóa của cái cây bắt nguồn từ chỗ ấy, từ khi mầm cây mới nhú khỏi mặt đất đến khi thành cành lá xum xuê. Đời sống của một cái lá, từ khi là búp non rồi trở thành một đơn vị chứa diệp lục tố với những sợi gân li ti chạy đều khắp bề mặt chuyên việc thu nhận ánh nắng và làm công việc hô hấp cho cây, đến lúc úa vàng xong nhiệm vụ rời cành rơi xuống đất, phải chăng cái chỗ thích nhất của nó là nằm bên cạnh gốc cây, nơi đã xảy ra một tiến trình dài của đủ mọi loại nhân

duyên để lá có cơ hội được góp mặt với đời? Thực ra lá với cây chỉ là một. Về nằm ở gốc cây tức là về với chính nó. Không gì thỏa mãn yên tâm hơn khi vừa xong một chu kỳ sống lại được về với chính mình. Nhớ thời mới trổ lộc lá ra đời tươi xanh mơn mởn, rồi qua bao cơn héo hắt vì nắng hạn, bao cơn run rẩy rách nát vì mưa gió, lá trưởng thành, làm những nhiệm vụ của mình, lúc thì rào rạt hớn hở, khi ủ rũ u buồn, cho đến ngày kiệt sức lìa cành. Về cội. Nằm im. Và tan biến dần để nhập lại với sự sống của cây, dưới một dạng khác.

Sự sống (và sự chết) của con người đối với chỗ quê hương của mình có giống như vậy không? "Rụng về cội" phải chăng là một ý muốn có tính chất bản năng, muôn loài phải lo vun đắp vững chắc nơi nguồn gốc của mình để cho sự sống của mai sau ngày càng cứng cáp mạnh mẽ hơn? Hay đó chỉ là một ý muốn thuần túy tình cảm, mong một sự "đoàn tụ" với ông bà cha mẹ là những người đã cho mình sự sống và nuôi nấng mình thành người? Lúc sống thì xông pha với đời, lập gia đình, sinh con đẻ cái, nhưng khi chết rồi thì phải về với những người đang chờ mình ở chỗ nguồn cội. Người Việt Nam có thành ngữ "về với ông bà" để chỉ cái chết. Cũng có thể coi đó là một định nghĩa cái chết, theo cách nhìn của người mình. (Trường hợp ông Hồ Chí Minh khi gần chết từ chối con đường về với ông bà để kiếm một con đường khác đi gặp những kẻ đồng đảng của ông ấy thì là một trường hợp đặc biệt, riêng lẻ, không giống người Việt Nam truyền thống).

"Về với ông bà" có nghĩa là hồn người chết sẽ được về ở cạnh hồn của tổ tiên bao đời trước. Nhưng tại đâu? Trong cái nhìn thân mật và cụ thể, nơi đó có lẽ không phải là Niết Bàn hay Thiên Đàng xa xôi, mà chính là tại làng quê gốc gác của giòng họ. Có thể là nơi bãi tha ma, có thể trong các nhà thờ họ hay ngay trên bàn thờ tổ tiên của mỗi nhà, hoặc thơ mộng hơn, có thể lẩn quất đâu đó trên ngọn cây, gốc lúa, giòng sông... nói chung hòa vào cảnh trí của quê hương. Một tập thể hồn thiêng nhiều đời cư ngụ ở đó, tạo thành một sức cuốn hút mời gọi êm ái khiến ai cuối cùng rồi cũng muốn hòa nhập vào. Phải chăng quan niệm thực tiễn đó gần gụi với tình cảm và điều kiện sống tự nhiên của con người, không phải gắng sức trải qua một quá trình tu hành của các tôn giáo để tìm một chỗ an nghỉ ở một địa chỉ khác xa lạ hơn nhiều. Dĩ nhiên các tôn giáo phải thuyết phục rằng ông bà cũng đã về địa chỉ kia rồi, về đấy rồi thì cũng sẽ gặp lại ông bà thôi, nhưng bình thường người ta chỉ thấy... về quê là chắc ăn hơn: mồ mả bao đời ở đó, giòng tộc sinh sống ở đó, thì ắt ông bà tổ tiên cũng ở đó, cần gì phải tìm kiếm ở đâu cho xa! Vả lại, với một người Việt Nam dân giã, cứ tưởng tượng sau khi chết phải đối diện với một ông Chúa mắt xanh nói tiếng Tây, hay một ông Phật tóc xoăn lầm rầm toàn tiếng Ấn Độ thì sao bằng "về với ông bà" ngay tại làng quê mình, biết bao quen thuộc thân thương!

Nguyễn Thụy Long viếng Lê Đình Điểu tại chùa An Lạc - Sài Gòn ngày 16-4-2000

Có lẽ vì thế mới có tên gọi "đạo Ông Bà" mà người ta thường ghi vào tờ khai lý lịch ở Việt Nam, cho rằng việc thờ cúng tổ tiên là cái "đạo" của mình. Đạo, hay tôn giáo, là một hệ thống giải thích, thuyết phục con người về những gì xảy ra với mình sau khi chết, luôn luôn kèm theo vô số điều kiện tu tập nghiêm nhặt phải thực hiện lúc sống. Quan niệm "về với ông bà" cũng đưa ra viễn tượng sau khi chết, nhưng dễ dãi, thân mật, không hù dọa, không khó khăn: chỉ là sự trở về trong phạm

vi gia tộc, trong tình thương của các thế hệ trước đối với con cháu của mình. Cái bàn thờ ông bà trong mỗi gia đình là chỗ tượng trưng sự nối kết thường xuyên giữa người đang sống với những lớp đã khuất, và sự khấn vái, cúng giỗ... chính là những nghi lễ của người theo "đạo Ông Bà." Cái đạo đơn giản này có vẻ phù hợp với một đặc tính của người Việt Nam mà nhiều nhà nghiên cứu đã nhận thấy: có nhiều khả năng cụ thể, thiếu khả năng trừu tượng.

Trường hợp Điểu từ Mỹ muốn đem tro cốt của mình về tận làng quê để chôn vào mảnh đất xưa thì là về với ông bà những hai lần, cả hồn lẫn xác. Chắc ý Điểu muốn thực hiện một chuyến đi về trọn vẹn, một chuyến về mà trải qua đời của mình với hai cuộc di cư bỏ xứ, Điểu thấy khó có cơ thực hiện lúc sống. Cuộc đời của Điểu với biết bao dự phóng, luôn luôn tích cực khai phá vùng đất lạ trong những hoạt động không ngừng nghỉ của mình, ai cũng tưởng với đặc tính ấy thì Điểu là người sẵn sàng "vui cảnh lạ đường xa," chuyện nằm xuống ở đâu chẳng coi là chuyện quan trọng. Nhưng Điểu lại muốn trở về, như lời dặn dò khi biết sẽ không thể qua khỏi bạo bệnh. Ước muốn cuối đời là ước muốn tối hậu, đúc kết một hoài bão mãnh liệt giấu kín trong lòng, và một khi đã buông bỏ nhiều thứ ưu tư của cuộc sống thì hẳn đã bộc lộ trên thần thức một cách trong suốt rõ rệt. Tự bản chất Điểu lúc nào cũng là một đứa con của quê hương.

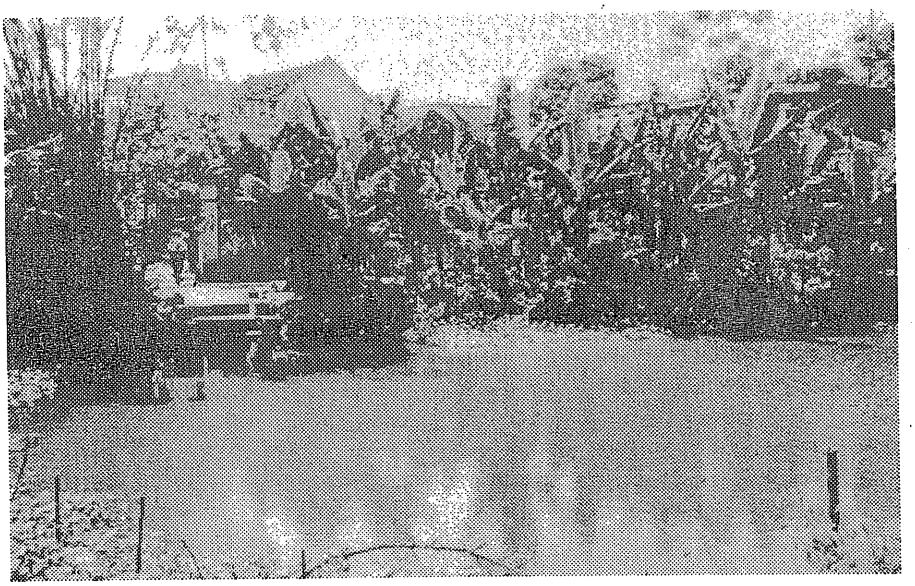

Làng Duyên Phúc, Thái Bình, quê ngoại của Điểu.

Khi tôi đang viết những dòng này thì Điểu (đúng hơn nắm tro của thân xác Điểu) đang trên đường về quê. Đang bay đâu đó trong bầu khí quyển của quả đất này để thực hiện một chuyến đi ngược lại với hành trình của đời Điểu trước đây. Chuyến đi được trù liệu từ hơn một năm trước, ngay từ khi Điểu còn sống. Chắc bạn tôi cũng đang háo hức mong gặp lại quê hương. Đầu tiên là Sài Gòn, nơi có biết bao kỷ niệm từ thời những năm đầu trung học lúc mới đi cư từ ngoài Bắc vào, rồi lớn lên, vào đại học, hoạt động sôi nổi trong môi trường sinh viên và văn nghệ, rồi ra trường làm thầy giáo, lập gia đình, rồi báo chí, Dân Vận, đi tù, cho đến ngày lên đường đi ra nước ngoài năm 1983... Suýt soát ba mươi năm. Tuy không phải là nơi quê cha đất tổ, Sài Gòn đã làm nên phần đời quan trọng nhất của Điểu. Xa Sài Gòn cũng đã mười bảy năm rồi, dừng lại thăm thú nơi này nơi kia trong mấy ngày cho thỏa lòng mong nhớ. Rồi lại lên đường ra đất Bắc, ngược con đường đã đi năm 1954. Về Hà Nội, về Hà Đông, và chặn chót là làng Thanh Lãm, nơi cội nguồn, nơi sẽ ở lại vĩnh viễn không cần phải đi đâu nữa.

Hãy yên nghỉ. Nhắm tro của thân xác đã nhập vào mảnh đất quê. Đó là thể phách. Còn phần tinh anh? Cũng nhập vào với khí thiêng sông núi, nơi quần tụ bao nhiêu tinh anh khác của tổ tiên. Biết đâu ở đấy bạn lại chẳng có sáng kiến lập nên một số "dự án" để biến những điều bạn ôm ấp suốt đời mình chóng thành sự thực? Nhưng nghĩ lại, một người như Điểu có thể nào chỉ bằng lòng quanh quẩn mãi mãi với lũy tre, đồng lúa, dòng sông... của chốn quê hương?●

14 tháng Tư, 2000

Chú thích:

(*) Tro cốt của Điểu được gia đình mang về Việt Nam vào giữa tháng Tư năm 2000, để an táng tại quê nhà.

MỘT THỜI ĐỂ TỰ HÀO

ĐOÀN THANH LIÊM

(Viết cho thế hệ thứ hai.
Và riêng cho các cháu, con
của Lê Đình Điểu và Trần Đại Lộc)

Vào giữa năm 1996, lúc tôi mới qua Mỹ được ba, bốn tháng, còn đang phải điều trị bệnh phổi, do Bệnh viện Santa Ana chăm sóc theo chế độ ngoại chẩn (outpatient), có lần tôi được Trần Đại Lộc chở đi bệnh viện. Trên đường đi mất chừng 15 phút, Lộc có gợi ý với tôi là "Ông nên giúp anh em ghi lại cái thời hoạt động xã hội trước năm 1975 ở quê nhà, lúc bọn mình còn trẻ trên dưới tuổi ba mươi." Tôi có trả lời với Lộc là để tôi bình phục, lấy lại sức khỏe rồi sẽ tính. Chẳng bao lâu sau thì Lộc phát bệnh nặng và đã ra đi vào năm 1997. Qua năm 1999, lại đến lượt Lê Đình Điểu cũng lại từ giã anh em để ra đi theo Lộc.

Đây là hai cái tang đau đớn cho lũ anh chị em chúng tôi vốn đã gắn bó với nhau từ gần 40 năm nay. Tuần vừa qua, mới giỗ đầu của Lê Đình Điểu (10 tháng Tư âm lịch), tôi lại bận một chuyện khác không thể tới Bellflower tham dự với chị Điểu, các cháu và bạn hữu được. Nhưng lòng lúc nào cũng tưởng nhớ về Điểu, về Lộc.

Phải nói ngay rằng tôi luôn rất tự hào được là người thân thiết, cùng một thời, lại đồng chí hướng với những người có tấm lòng đơn hậu, có tài năng và có sự hy sinh tận tụy như Lộc, như Điểu.

Bài viết này là để bày tỏ tâm sự với thế hệ thứ hai của con tôi, cháu tôi mà cũng là cho con, cho cháu của Điểu và Lộc. Cho nên tôi sẽ rất thoải mái, kể lại cho tụi nó một số chuyện "người thật, việc thật" của thế hệ cha, chú, bác các cháu đã sống ra sao, đã hoạt động thế nào ở miền Nam Việt Nam, trước ngày chế độ Cộng Hòa sụp đổ vào 1975.

Vào năm 1964 hồi còn làm sĩ quan ở Bộ Quốc Phòng, tôi được Nguyễn Phúc Khánh, Đỗ Anh Tài rủ đến sinh hoạt với các em trong Phong trào Học đường Phục vụ Xã hội. Nơi đây, tôi đã gặp Đỗ Quí Toàn, Trần Đại Lộc, Hồ Ngọc Nhuận, Trần Viết Ngạc, Hà Tường Cát... Các anh là những giáo sư dậy ở các trường Trung học tại Sài Gòn, đã tổ chức kêu gọi được một số mấy chục em học sinh cỡ tuổi 16-18 tham gia sinh hoạt tập thể và công tác xã hội, phần đông là chung quanh khu vực thành phố. Trong các huynh trưởng của Phong trào, tôi đặc biệt chú trọng đến Lộc và Nhuận là hai người nói giọng Nam, rất hoạt bát linh động. Nhất là Lộc mà điều khiển trò chơi, thì học trò hưởng ứng tham gia thật phấn khởi, rộn rã.

Tháng 11/1964 có nạn lụt rất lớn ở miền Trung, thanh niên, sinh viên và học sinh Sài Gòn đã tập hợp lại, quy tụ được rất nhiều "kiện tướng" từ các đoàn thể tổ chức như Hướng đạo, Thanh niên Thiện chí, Thanh niên Chí nguyện, Phong trào Học đường Phục vụ Xã hội, Sinh viên Phật tử, Sinh viên Công giáo... để thành lập "Ủy ban Phối hợp Cứu trợ Nạn nhân Bão lụt miền Trung." Tôi được Hoàng Ngọc Tuệ, vốn quen biết từ 1956 khi cùng ở Cư xá Sinh viên Phục Hưng đường Nguyễn Thông, kéo vào trong toán đi quyên góp quần áo, thực phẩm chủ yếu là gạo và mì khô cho Ủy ban Cứu trợ. Trong việc này, tôi nhờ được Trần Hữu Hải có xe con cóc "Deux Chevaux" chở đi khắp Sài Gòn, để vận động bà con mở rộng từ tâm, cứu người gặp nạn. Công tác cứu trợ kéo dài từ ba đến năm tháng này là cơ hội đầu tiên cho sự kết hợp đông đảo các anh chị em trẻ tham gia vào loại công tác xã hội có tầm vóc quốc gia. Nhờ vậy ý thức phục vụ xã hội đã được dịp đào sâu hơn, bắt rễ cùng khắp các phân khoa Đại học, các trường Trung và Tiểu học và nhất là nơi các Hội đoàn tổ chức thanh, thiếu niên đã được gây dựng nuôi dưỡng từ nhiều năm trước. Nhiều anh chị em đã xả thân, quên ăn bỏ ngủ để lo giúp đồng bào nạn nhân.

Trong công cuộc cứu trợ này, phải ghi nhận vai trò thật hữu hiệu của Đoàn Thanh niên Chí Nguyện Quốc tế (IVS=International Voluntary Service) do Don Luce đứng đầu, đã yểm trợ hết mình để Ủy ban có được thêm phương tiện di chuyển ra miền Trung. Người đứng ra liên lạc thường xuyên với Ủy ban là Charlie Sweet đã tỏ ra rất đắc lực.

Phải nói là công tác cứu trợ này khá thành công, làm anh chị em lên tinh thần, tăng khí thế để bước qua năm 1965, thiết lập được "Chương trình công tác Hè 1965" của Thanh niên, Sinh viên, Học sinh tại khắp các tỉnh ở miền Nam Việt Nam.

Có thể nói "Chương trình công tác Hè 1965" là một cuộc vận động đại qui mô chưa từng có từ trước, huy động được hàng mấy chục ngàn thanh thiếu niên tham gia sinh hoạt tập thể, dấn thân vào công tác xã hội phục vụ đồng bào ở ngoại ô thành phố cũng như tại các miền quê. Dù cường độ chiến tranh mỗi ngày thêm khốc liệt, với sự tham gia trực tiếp của quân đội Mỹ vào chiến trường, thì sinh viên học sinh vẫn phải tiếp tục việc học "đầu xanh đã tội tình gì" và chuyện tham gia sinh hoạt tập thể và dấn thân phục vụ đồng bào đều là cái phần bổ túc thật cần thiết cho việc giáo dục ở học đường.

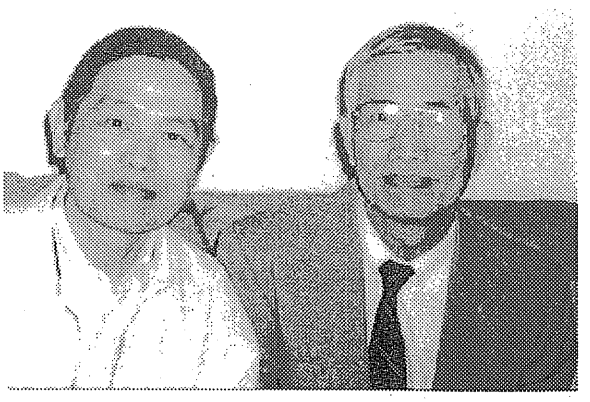

Tác giả (phải) và Lê Đình Điểu

Phần đông giới lãnh đạo của chương trình Hè này là ở vào cái tuổi trên dưới 25 như Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quí Toàn, Đoàn Viết Hoạt, Tôn Thất Chiểu, Đỗ Anh Tài, Trần Ngọc Báu, Phan Văn Phùng, Nguyễn Hữu An, Nguyễn Hữu Thái, Lê Đình Điểu, Trần Đại Lộc, Đỗ Thị Văn, Phạm Phú Minh, Trần Thị Thức, Hà Tường Cát, Phan Duy Chiêm, Nguyễn Hữu Doãn, v.v... Hoàng Ngọc Tuệ là Sĩ quan Quân Dược ở Pleiku, nhưng cũng luôn tìm cách về Sài Gòn hỗ trợ anh em. Trần Văn Ngô dẫn cả em là Trần văn Khởi đến tăng cường công tác giao tế, cùng với Trần Hữu Hải lúc đó làm việc chung ở Trung tâm khuếch trương kỹ nghệ. Các chị Phạm Thị Thân, Lê Thị Dung, Hà Dương Thị Quyên... trong phong trào Nữ Hướng Đạo, cũng yểm trợ hợp tác trong nhiều trại công tác và sinh hoạt trong khuôn khổ chương trình công tác hè.

Hồi đó, tuổi trẻ say sưa hát các bài trong Trường Ca Mẹ Việt Nam, Con Đường Cái Quan của Phạm Duy. Nghiêm Phú Phát, Vũ Dzũng, Phạm Ngọc Lân... điều khiển Ban Văn nghệ Nguồn Sống thật là sinh động, sôi nổi tạo thêm hào khí khởi sắc cho các buổi sinh hoạt văn nghệ tập thể, vui tươi lành mạnh.

Các huynh trưởng đều ý thức được sự quân bình giữa sinh hoạt vui chơi giải trí của tuổi trẻ ở thành thị, với sự dấn thân trong công tác xã hội phục vụ nhu cầu thiết thực của đồng bào ở ngoại ô và tại nông thôn.

Phải ghi nhận sự khuyến khích yểm trợ của chính quyền hồi đó, đặc biệt là của Phó Thủ tướng Trần Văn Tuyên, Bộ trưởng Văn hóa Giáo dục Bác sĩ Trần Ngọc Ninh, Bộ trưởng xã hội Trần Quang Thuận, Bộ trưởng Thanh niên Nguyễn Tấn Hồng v.v...

Cao điểm của chương trình công tác Hè 65 ở Sài Gòn là tổ chức được một "Công trường Thanh niên Tự do" (Freedom Youth Camp) tại khu Thạnh Lộc Thôn, Gò Vấp. Đây là một trại công tác rất qui mô nhằm xây dựng trên 100 căn nhà cho đồng bào nạn nhân chiến cuộc đến tạm cư trên khu vườn Phượng Hoàng gần An Phú Đông trên đường từ Gò Vấp đi Lái Thiêu. Công trường quy tụ đến 200 trại viên từ khắp các tỉnh về tham gia và kéo dài trong cả tuần lễ. Ban ngày các toán công tác chia nhau đi dựng nhà khung gỗ, lợp tôn, vách đóng bằng ván dăm bào. Buổi tối tập họp vui chơi đốt lửa trại, ca hát vui đùa. Đã có nhiều ca nhạc sĩ từ hàng ngũ sinh viên như Nguyễn Đức Quang, Phạm Ngọc Lân, Nghiêm Phú Phát, Nguyễn Thanh Hùng v.v... gây sôi nổi ở khắp các lều trại cũng như ở buổi sinh hoạt toàn trại.

Ban Báo chí do Lê Đình Điểu phụ trách đã ra bản Tin Công trường mỗi ngày, anh chị em xúm xít chuyền tay nhau đọc thật thú vị.

Có thể nói nòng cốt của Chương trình Công tác Hè 1965 gồm hầu hết là các nhà giáo trẻ, mới tốt nghiệp Đại học được chừng vài ba năm, và phần đông trước đây đã được đào tạo ở lò Hướng Đạo, ở Gia đình Phật tử, ở Sinh viên Công giáo, ở Thanh niên Thiện Chí - Công tác và Nghị luận v.v... Còn quần chúng đối tượng là các sinh viên, học sinh và thanh niên.

Kết quả đáng ghi nhận và lâu bền nhất của chương trình Hè 1965 là đã tạo tiền đề cho việc thiết lập được "Chương trình Phát triển Sinh hoạt Thanh niên Học đường" mà Lê Đình Điểu đã nghĩ ra tên tắt là CPS, do Bộ Giáo Dục bảo trợ. Như tên gọi của nó, chương trình này rất đa dạng, phong phú trong việc tổ chức các sinh hoạt ngoài chương trình học như thể thao, âm nhạc, công tác xã hội... những sinh hoạt nhằm phát triển con người học sinh một cách toàn diện. Kể từ 1966, CPS đã phát triển và tạo nên một không khí học hành, vui chơi, công tác rất hào hứng trong học đường.

Chỉ riêng với chương trình Công tác Hè 1965 và CPS từ 1966 trở đi, thì việc viết tổng kết công tác và sinh hoạt cho thật đầy đủ, cũng phải đến hàng mấy ngàn trang rồi. Đây có thể là một đề tài cho một cuộc nghiên cứu chiều sâu về phong trào sinh hoạt Thanh Thiếu niên ở miền Nam Việt Nam từ 1954-1975. Tôi hy vọng trong số các cháu thế hệ thứ hai, sẽ có được vài ba người nhận lãnh vực nghiên cứu, thâu thập, phân loại và đánh giá cái "sự nghiệp" này của thế hệ cha mẹ chú bác của họ, để làm luận án thi bằng Cao học hay Tiến sĩ. Điều này, tôi có gợi ý với Luật sư Phan Huy Đạt hiện vẫn còn dậy học ở Orange Coast College (OCC) và Đạt rất tán đồng công việc nghiên cứu như vậy. Cả anh "Huynh trưởng Du Ca" Nguyễn Đức Quang, Chủ nhiệm Nhật Báo Viễn Đông cũng đã hứa sẵn sàng vận động sponsor cho công trình nghiên cứu đó.

Cũng từ kinh nghiệm rút từ Chương trình Công tác Hè 1965, mà một số anh em bọn tôi đã thiết lập được một "Chương trình phát triển Cộng đồng ở các Quận 6, 7 và 8 ở Sài Gòn" từ tháng 8/1965 đến tháng 4/1971. Sự việc này, tôi đã ghi chi tiết ở bài bút ký "kỷ niệm ở Quận 8" đang trên Báo Thế Kỷ XXI số Xuân Đinh Sửu 1997 rồi khỏi cần nói dài dòng ở đây nữa. Phong trào Du Ca từ những năm 1966-1967 cũng sẽ là một đề tài thật lớn trong trang sử của thế hệ chúng ta.

Có nhiều chi tiết vui buồn cần ghi lại ở đây, đó là trong thời gian 1964-1970 đã có nhiều đám cưới của các cặp Cát-Dung, Toàn-Quyên, Doãn-Mai Hương, Điểu-Dung, Tài-Chi, Báu-Hằng, Ngô-Dung, Tuệ-Vĩnh, Hải-Hiền v.v... Tôi đề nghị vào dịp Lễ Valentine mỗi năm ta nên ghép thêm vào mục kỷ niệm tập thể Ngày Thành Hôn của các bạn hữu thân thiết chúng ta. Bây giờ thì nhiều bạn đã lên chức Ông Nội, Bà Ngoại cả rồi.

Về chuyện buồn, thì phải ghi lại các vụ Bùi Hồng Sĩ, Ngô Vương Toại bị khủng bố gây thương tật, may mà không đến nỗi vong mạng. Đó là các vụ khủng bố do phe Cộng Sản gây ra.

Từ ngày qua Mỹ, riêng tại Quận Cam, tôi đã phải chứng kiến những cái chết của Hùng Cường, Mai Thảo, Nguyên Sa, Trần Đại Lộc, Tô Thế Liệu, Nghiêu Đề, Lê Đình Điểu... Hùng Cường, Mai Thảo, Nguyên Sa, Nghiêu Đề là những nghệ sĩ rất được yêu thương quí mến, mỗi người mỗi vẻ. Trần Đại Lộc, Tô Thế Liệu, Lê Đình Điểu là những người từng dấn thân hoạt động xã hội ở quê nhà suốt hai thập niên 60 và 70 cho đến khi Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ.

Tất cả đều là những người cùng một thời với tôi. Mỗi người trong lãnh vực chuyên môn của mình, đều đã góp phần xứng đáng cho xã hội miền Nam Việt Nam. Những đóng góp đó thật là quí báu, đáng trân trọng. Tôi phải bày tỏ nơi đây lòng biết ơn chân tình của tôi đối với các nghệ sĩ đã cống hiến cho tôi được nhiều giây phút say mê thích thú; và nhất là đối với các bạn chí hữu của tôi trong công tác xã hội, trong việc hướng dẫn cho lớp đàn em thanh thiếu niên ngay từ cái thời bọn tôi vẫn còn trai trẻ ở bên quê nhà.

Và tôi muốn nhắc nhở riêng với lũ con, cháu của tôi rằng: Rất đáng cho các con tự hào về thế hệ Cha Bác của các con, về sự lương thiện, về đức hạnh và nhất là sự hy sinh tận tụy với đồng bào, với thế hệ đàn em giữa thời chiến tranh tàn khốc ở quê hương chúng ta.

Trần Đại Lộc là một nghệ sĩ tài hoa, lúc nào cũng muốn đem lại phúc lợi cho mọi người bằng niềm vui và vẻ đẹp, và suốt đời là một nhà giáo hết lòng với lớp trẻ, dù có còn đi dạy hay không.

Lê Đình Điểu là một tài năng hiếm có, làm việc rất nghiêm túc, hiệu quả với một tấm lòng nhân hậu, rất xứng đáng với danh hiệu đạt nhân quân tử.

Quả thật "Cọp chết để lại da, người ta chết đi để lại cái nết": Lê Đình Điểu, Trần Đại Lộc đã để lại cho thế hệ chúng ta một hình ảnh rất trong sáng của tình bạn chân thành, của lý tưởng phụng sự Quê hương, Dân tộc, của lòng nhân ái vị tha. Dù chẳng phải là bậc vĩ nhân anh hùng, các Anh đã góp phần làm cho thời đại chúng ta thêm rạng rỡ, thêm tươi nét. Các Anh là niềm tự hào của tất cả chúng ta.●

Quận Cam tháng 5, 2000

CHÀO HOA THÁNG SÁU

Tháng Năm trên trái đất có cả những cơn bão, và những vườn hoa muôn mầu vẫn trở lại với chúng ta. Ở Việt Nam có nơi chợt lo nạn hạn hán, thiếu nước, vì nước lũ trên rừng chảy vội vàng tuôn ra biển Đông. Người ở nước ngoài nói "thiếu nước" là nhớ nước nhà, nhớ quê hương, còn đồng bào chúng ta ở trong nước mà thiếu nước, nước cụ thể, thật sự là không có nước để làm mùa, là lo những cơn đói mùa thu sắp tới. Cuối năm ngoái có những đồng bào chúng ta ở Quảng Nam phải ăn cây xương rồng đỡ đói, ước mong năm nay đồng bào có gạo ăn cơm. Nhưng ở California thì quanh năm khô cạn mà người ta không lo thiếu nước dùng, vì những công trình thủy lợi từ hàng thế kỷ dẫn nước vượt núi vượt non, băng qua sa mạc đến tưới từng gốc cỏ mọc trong vườn.

Ở California có loài hoa cây to như loài phượng vĩ, đến đầu tháng Năm hoa tím nhạt nở bừng che tán hai bên đường, nhà thơ Hà Thúc Sinh gọi là Hoa 30 Tháng Tư, vì mỗi năm đến ngày đó là hoa bắt đầu xuất hiện. Tháng Năm ở Montréal vẫn còn hoa uất kim hương (tulip) đang mọc, những cánh nhung êm chum chúm như bàn tay chắp búp sen chào mặt trời, chào trái đất. Trên núi, những chùm cây hoa Mẫu đơn, người Pháp gọi là Pivoine, ngành mỏng manh nhoi lên khỏi mặt đất, những đụn non mảnh khảnh khép nép chui lên, da ửng hồng như còn thẹn, chúm chím những cụm lá non, chứa đựng những nụ mầm hứa hẹn sẽ cống hiến cho đời các đóa hoa hồng, trắng kiều diễm. Hoa đến chậm vì khí hậu lạnh lẽo, nhưng vì thế mà nỗi chờ đợi càng nao nức, tình yêu hoa càng nồng nàn hơn. Tháng Năm cũng có những trận mưa dầm sùi sụt, như nước mắt ngậm ngùi, như lời người yêu trách móc giận hờn nhau, nhưng rồi chỉ một ngày sau, nửa ngày sau, nắng lại lên, trời xanh trong vắt như mắt nhìn của chàng tuổi trẻ một ngày mới lớn, được em yêu thấy mình bỗng dại khờ, bầu trời xanh vẫn thế, những bãi cỏ hoa phơi phới vẫn lần lượt hiện ra lớp cũ tàn lại nở ra lớp mới như những đợt sóng thời gian, mười năm, mười lăm năm chưa bao giờ thay đổi. Những cơn mưa bão giận hờn, những trận gió cắt da lạnh lẽo bỗng nhiên lại biến thành bầu trời tràn đầy nắng ấm. Cơn nắng tháng Năm êm dịu như nụ hôn lần đầu mới thử có vị đắng cà phê, như lần thứ nhất miệng biết nói "yêu". Cõi biến thiên vẫn có một bầu trời bất biến. Trong không gian tịnh lắng chất chứa đầy những nỗi vô thường.

Và bây giờ là tháng Sáu, trái đất của chúng ta là cả một vườn hoa mênh mông chào mừng tháng Sáu. Những cây bạch dương khoe cánh tay trắng nõn trong khu rừng đọt non mới nhú ở nước Nga mênh mông, mỗi cành cây đang nẩy những nụ cười xanh. Ở Pháp những giàn nho đang náo nức truyền tin vui qua dây nhợ quấn quýt chuẩn bị một mùa trái mới đón thu sẽ về, dòng sông Vistula ở Ba Lan lại dào dạt chảy, dòng Elbe uốn lượn quanh những ngọn núi diễm lệ từ Tiệp qua Đức đổ về khối nước mênh mông miền Bắc. Trên thế giới vẫn có loài người, loài người vẫn sống, tình yêu của chúng ta vẫn tồn tại cho đến khi mỗi người nhắm mắt. Nhưng biết rằng sau khi chúng ta chết đi loài người vẫn tiếp tục yêu nhau, những thế hệ mới sẽ trông nom tiếp vườn hoa tháng Sáu. Chào Tháng Sáu, chào cuộc đời đằm thắm yêu thương.

TẠI SAO CANADA PHẢN ĐỐI?

Nhiều người ngạc nhiên tại sao nước Canada lại phản ứng rất mạnh mẽ sau khi chính phủ Hà Nội ra lệnh bắn chết bà Nguyễn Thị Hiệp, trước khi một phái đoàn cảnh sát Canada sang Việt Nam để điều tra thêm. Bà Hiệp bị xử tử hình vì đem theo ma túy trên đường về Canada, quê hương thứ hai của bà. Chính phủ Canada đã gửi hai công hàm yêu cầu hoãn việc hành quyết vì có những chứng cớ mới, nhưng chưa thấy trả lời thì bà Hiệp đã bị giết. Thủ tướng Canada tuyên bố trước Nghị viện rằng hành động của chính quyền Việt Nam "không thể chấp nhận được," và nhấn mạnh: "Chúng tôi đã làm mọi cách cho họ hiểu rằng hành động của họ không thể chấp nhận được." Chính phủ Ottawa ra lệnh ông đại sứ của họ không trở lại Hà Nội, và ngưng mọi giao thiệp

ở cấp bộ trưởng.

Canada là một nước đã bãi bỏ án tử hình. Nhưng đó không phải là lý do chính phủ Ottawa phải "làm mọi việc để cho Cộng Sản Việt Nam hiểu rằng hành động của họ không thể chấp nhận được." Lý do phản ứng mạnh mẽ của Canada sâu xa hơn một vụ xử tử hình, nặng nề hơn cái chết của người phụ nữ 43 tuổi, bà chết đi còn để lại mấy đứa con đang tuổi trưởng thành.

Không ai biết bà Nguyễn Thị Hiệp có chủ mưu buôn ma túy hay không, và nếu phạm tội thì tội nặng đến mức nào, có đáng xử tử hay không. Một người vô tình mang bạch phiến trong hành lý chắc không thể bị xử một án nặng bằng những người như đại úy công an Vũ Xuân Trường và những tay đứng giật dây đằng sau Trường. Các hành động phản đối của chính phủ Canada không phải để chứng tỏ rằng bà Hiệp hoàn toàn vô tội - sau khi bà bị bắt vì mang 5.4 ký lô bạch phiến, định lên máy bay về Canada. Chính phủ Ottawa phản đối vì Cộng Sản Việt Nam đã vi phạm những nguyên tắc luật pháp cơ bản của các xã hội văn minh. Quy tắc đầu tiên là: không bao giờ nỡ giết một tử tội, khi còn có những yếu tố khiến có thể nghi ngờ về tội phạm của con người đó, dù điều nghi ngờ là lớn hay nhỏ, dù yếu tố mới có thể hay không có thể gỡ bớt tội. Nguyên tắc trên bắt nguồn từ một nguyên tắc về công lý cao hơn nữa: guồng máy tư pháp có thể nhầm lẫn vì tha bổng một người có tội, nhưng phải dùng mọi cách để tránh không bao giờ buộc tội lầm lẫn. Cả hai quy tắc đó dựa trên niềm tin vào giá trị thiêng liêng của con người, vì niềm tin đó nên phải tôn trọng mạng sống và phẩm giá con người. Đó cũng là niềm tin cơ bản của quyền làm người.

Chính phủ Canada cho biết họ đã gửi cho Hà Nội các cuốn băng video và cát xét làm bằng chứng cho thấy bà Hiệp có thể đã bị đánh lừa khi mang năm tấm tranh sơn mài từ Việt Nam để trao cho một người đàn ông ở Toronto. Một phái đoàn cảnh sát Toronto đang chuẩn bị đi Hà Nội để trình bày kết quả cuộc điều tra của họ, để giúp Hà Nội tham khảo về vụ này. Chưa kịp đi thì bà Hiệp bị hành quyết. Cảnh sát Canada đã tìm ra Phú Hòa, người đàn ông ở Mississauga, ngoại ô Toronto. Người đồng lõa này, đã bị án 14 năm tù về buôn ma túy, và các người con của bà Hiệp ở Canada đã khai những gì, đó là các câu hỏi mà guồng máy tư pháp ở Canada đã biết một phần, muốn chia sẻ với Hà Nội để xét lại vụ án bà Hiệp. Cảnh sát Canada cũng bắt được ở phi trường Toronto một phụ nữ gốc Việt khác mang năm tấm sơn mài giống như bà Hiệp mang, trong đó cũng chứa bạch phiến. Người phụ nữ này cũng khai đã được một người khác nhờ mang, đã bị điều tra, và sau khi được coi là vô tình bị lợi dụng nên phạm tội thì đã được trả tự do. Người phụ nữ đó khai được thuê 100 đô la để mang tấm sơn mài cho ông Phú Hòa.

Ai ra lệnh hành quyết bà Hiệp ở nhà giam ngoại thành Hà Nội vào một buổi sáng sớm, trước khi chết bà vẫn kêu oan? Và tại sao những người đó lại ra lệnh giết bà trước khi phái đoàn cảnh sát Canada đem tài liệu mới sang Hà Nội?

Một giả thuyết có thể giải thích hành động vội vàng giết bà Hiệp là bọn buôn ma túy có gốc gác lớn muốn giết người bịt miệng trước khi chính quyền Canada đưa ra các bằng chứng mới.

Cuối cùng chính quyền Hà Nội đã làm lành với chính phủ Canada bằng cách cho đem trả di hài của bà Hiệp cho các con. Chúng ta cùng chia sẻ nỗi đau đớn của những người con bà Nguyễn Thị Hiệp. Chia sẻ cả nỗi đau lòng của các đồng bào ta cư ngụ tại Canada, vì báo chí cả nước này đã chú ý tới vụ hành quyết dã man đó. Dư luận Canada không thể tha thứ cho một chính phủ bất chấp các quy tắc và đạo lý cơ bản của các xã hội văn minh. Nhiều người Việt Nam cũng tự thấy xấu hổ về trình độ kém văn minh đó. Mong dư luận người bản xứ không coi đồng bào ta ở Canada là cùng một nền văn hóa, một trình độ với chính quyền cộng sản ở Việt Nam. Người Việt Nam ở trong hay ngoài nước thì cũng như nhau, không ai văn minh hơn ai, nhưng nhóm người đang cầm quyền ở Việt Nam thì thật sự kém văn minh, "không thể nào chấp nhận được."

Người Việt ở Canada có thể nói với các hàng xóm của họ như vầy: Chế độ độc tài và chủ nghĩa cộng sản là nguyên nhân tạo ra các hành động thiếu văn minh của những người cầm quyền ở Việt Nam; chứ giống dân Việt Nam chúng tôi, nền văn hiến của tổ tiên chúng tôi không dung thứ loại hành động dã man đó.

CỬA SỔ VÀ VĂN PHÒNG

"Hãy tách Văn Phòng ra khỏi những Cửa sổ." Nghe như một câu thơ tự do, nhưng đó là điều quan tòa Thomas Penfield Jackson ra lệnh cho ông Bill Gates: phải tách Microsoft ra, để giảm bớt uy thế chế ngự thị trường của công ty này. Vụ án "chống độc quyền" đã kéo dài từ năm năm nay, và đang tới hồi kết thúc.

Cửa sổ, là Windows, tên cái hệ thống điều hành (operating system) mà Microsoft đang chiếm độc quyền vì đa số các máy PC dùng "Cửa sổ" làm cho máy chạy. Văn phòng, tiếng Anh là Office, tên một nhu liệu (phần mềm) mà Microsoft đang bán để dùng với hệ điều hành đó. Công ty này bán rất nhiều "chương trình áp dụng" (applications) giống như "Văn phòng" để dùng trong "Cửa sổ." Quan tòa Penfield Jackson nhận thấy lâu nay công ty Microsoft từng lợi dụng địa vị độc quyền về Cửa sổ để lấn át các hãng sản xuất các chương trình áp dụng cạnh tranh với họ. Chính phủ Mỹ đã khởi đơn kiện công ty Microsoft, nhân danh luật chống độc quyền Sherman ra đời năm 1890.

Ra đời lúc chế độ tư bản cực thịnh, Luật Sherman nhằm phá độc quyền của các nhà tư bản. Từ đầu thế kỷ 20, chính phủ Mỹ đã dùng luật đó để kiện các công ty nổi danh như hãng dầu lửa Standard Oil của nhà tỷ phú Rockefeller khiến cho công ty này bị chia ra làm nhiều mảnh từ năm 1911, bây giờ các mảnh đó vẫn còn, như Esso hay Chevron, v.v... Một vụ chống độc quyền nổi tiếng khác là đem chia công ty viễn thông, điện thoại AT&T ra làm nhiều baby nhỏ, bây giờ cũng vẫn còn hoạt động và đang cạnh tranh với nhau. Chính phủ Mỹ làm đơn kiện dựa theo luật, chứ chính phủ không có quyền tự ý ra lệnh cho các tư doanh.

Những vụ án chống độc quyền kể trên có mục đích "bảo đảm thị trường có cạnh tranh để bảo vệ người tiêu thụ." Từ thập niên 1970 đến giờ, giá điện thoại ở Mỹ càng ngày càng rẻ, nhờ các công ty con từ AT&T đẻ ra cạnh tranh ráo riết. Điện thoại rẻ không phải chỉ giúp ích cho người dùng, mà còn giúp các xí nghiệp hoạt động nhanh chóng, hữu hiệu hơn, các sinh hoạt kinh tế khác phát triển nhanh hơn.

Vụ kiện Microsoft đặc biệt hơn hai vụ trên vì công ty này hoạt động trong một ngành kỹ thuật rất mới và đang thay đổi nhanh, không ai đoán trước được các sản phẩm và các thị trường sẽ biến đổi ra sao. Đó là một lý lẽ mà ông Bill Gates vẫn dùng để tự bào chữa. Ông nói rằng hôm nay nhà nước thấy Windows là độc quyền nhưng biết đâu mấy năm sau tình trạng đó sẽ lỗi thời, có những sản phẩm mới thay thế, Windows chẳng còn là độc quyền nữa. Điều đó thì đúng.

Nhưng các nhà kinh tế ra tòa làm chứng cho chính phủ Mỹ còn có một lý luận mạnh hơn, họ nói rằng tình trạng "chế ngự thị trường" của Microsoft sẽ làm "cản trở các phát minh mới." Đó mới là điều mà xã hội Mỹ cần tránh.

Trong vụ kiện Microsoft lý do chính không phải chỉ để bảo đảm cạnh tranh cho quyền lợi người tiêu thụ, như trong vụ AT&T hay Standard Oil ngày xưa. Lý do quan trọng hơn trong vụ này là bảo vệ một môi trường kinh tế khuyến khích người ta phát huy sáng kiến, bảo đảm các kỹ thuật sẽ tiến bộ. Giáo sư Paul M. Romer (Đại học Stanford) nói rằng nếu để cho Microsoft tiếp tục chế ngự thị trường với hệ thống Cửa sổ và tiếp tục bán những nhu liệu áp dụng trong Cửa sổ, thì các nhà sản xuất nhu liệu khác sẽ e ngại rằng họ khó lòng cạnh tranh nổi, họ sẽ nản chí, không hào hứng tìm tòi, sáng chế, soạn ra các chương trình áp dụng mới, cạnh tranh với các nhu liệu (kiểu như Văn phòng) của Microsoft. Khi phá vỡ mối liên hệ giữa Văn phòng và Cửa sổ, chia ra, thành một công ty chuyên bán hệ điều hành, một công ty khác chuyên bán các chương trình áp dụng, thì những nhà sản xuất nhu liệu khác mới thấy có khích lệ để tìm tòi, phát minh thêm, nhất là các công ty mới và nhỏ. Họ sẽ không sợ hãi trước địa vị chế ngự của Microsoft nữa.

Vụ án Microsft là một bài học về chống độc quyền. Độc quyền cản trở sáng kiến, phát minh. Ở nước ta, ông Phan Văn Khải đã từng nói với các tổng công ty rằng "độc quyền sinh ra cửa quyền." Nhưng nạn cửa quyền cũng chỉ là cái hại nhỏ, so với mối hại lớn là giết chết các sáng kiến. Độc quyền giết chết sáng kiến vì địa vị chế ngự của một số công ty sẽ tạo ra một môi trường không khích lệ người khác suy nghĩ, tìm tòi. Độc quyền kinh tế ở ngành nào thì làm giảm sự tiến bộ trong ngành đó. Nhưng độc quyền chính trị thì làm cho tất cả xã hội bị tê liệt. Cũng giống như ở Mỹ họ phải chia, tách các

đại công ty AT&T hoặc Microsoft, ở Việt Nam cần tách Đảng Cộng Sản ra khỏi nhà nước, tách việc quản lý kinh tế ra khỏi guồng máy chính trị, có thế thì mới hy vọng tiến bộ.

TẠI SAO CỔ PHẦN HÓA CHẬM CHẠP?

Đường lối cổ phần hóa được báo chí nhà nước ở Việt Nam mô tả là "Bước đi kiên quyết và thận trọng." Câu này rất hay, cần hiểu cho đúng. Lúc nào Đảng cũng tuyên bố những câu rất mạnh bạo, rõ ràng, không ai hiểu lầm được, rằng phải cổ phần hóa, nhất định cổ phần hóa, cương quyết cổ phần hóa, vân vân, đó là "Kiên quyết". Còn "thận trọng" nghĩa là gì? Nghĩa là cứ từ từ, chầm chậm, không đi đâu mà vội, chậm đến mức ỳ ra không làm gì cả, cũng xong!

Bắt đầu ở Việt Nam có 12 ngàn doanh nghiệp nhà nước cỡ lớn, bây giờ đóng cửa bớt, rút lại chỉ còn 6,280. Nhưng cho đến đầu năm 2000 mới có khoảng 400 doanh nghiệp được cổ phần hóa! .

Tại sao việc cổ phần hóa bị chậm chạp? Vì quyền lợi của các đảng viên gắn liền với những doanh nghiệp nhà nước, buông ra thì mất. Các kế hoạch cổ phần hóa cũng ưu đãi các quản đốc và cho cả các công nhân viên mua lại cổ phần từ tay nhà nước. Ở Sài Gòn có bà giám đốc mua số cổ phiếu trị giá 400 triệu đồng, lại được cho mua chịu 400 triệu nữa, coi như được nhà nước đem công quỹ ra tặng! Những cách "cổ phần hóa" chụp giật này ở bên Nga đã làm rồi, tha hồ sang đó học kinh nghiệm. Như vậy thì tại sao họ còn ngần ngại? Vì họ vẫn sợ sau này nếu làm ăn lỗ lã thì tự mình phải chịu trách nhiệm! Mà họ không quen chịu trách nhiệm!

Một tờ báo ở Việt Nam kể tâm sự của các công nhân xí nghiệp quốc doanh trước khi cổ phần hóa: "Không ít người lao động qua nhiều năm gắn bó với doanh nghiệp, dù thu nhập còn thấp nhưng luôn có niềm hãnh diện là cán bộ, công nhân Nhà nước và yên tâm về các chế độ. Chuyển sang công ty cổ phần, thu nhập và tương lai đều phụ thuộc vào hiệu quả của công ty cho nên có những băn khoăn..."

Tâm trạng này, có thể gọi là óc cầu an, ỷ lại, do chế độ kinh tế bao cấp nửa thế kỷ đã tạo ra. Lại thêm đầu óc muốn "làm quan," làm cho Nhà nước (viết hoa trong nguyên văn), vì trong các nấc thang giá trị thì Nhà nước cao hơn tất cả mọi thứ tổ chức xã hội khác. Đầu óc muốn "làm quan" có sẵn từ thời vua chúa, đến thời cộng sản càng được nuôi dưỡng vì nhà nước cộng sản còn vĩ đại hơn nhà nước thời vua chúa hay thực dân.

Óc làm quan tạo tinh thần vô trách nhiệm. Khi đi làm thì cái gì quyết định tương lai chúng ta, nếu không phải là hiệu quả của việc làm? Chúng ta quen sống với kinh tế thị trường sẽ ngạc nhiên khi nghe một người tỏ vẻ lo lắng vì "tương lai đều phụ

thuộc vào hiệu quả của công ty!" Nếu tương lai một người đi làm mà không phụ thuộc hiệu quả công việc làm ăn thì muốn nó phụ thuộc cái gì? Riêng ý nghĩ đó nếu không thấy là lố bịch, nguy hiểm, nếu không chịu thay đổi thì xã hội khó tiến bộ nổi. Trong một nước mà lương bổng, lợi tức của người đi làm lại không tùy thuộc hiệu quả của công việc thì kinh tế nước đó sẽ ra sao?

Tờ báo trên còn kể lể "tâm tư" của một cán bộ quản lý ở Hà Nội một cách rất thành thật: "Ngay cả giám đốc một công ty 'ăn nên làm ra', khi cổ phần hóa (ông ta) vẫn giữ cương vị giám đốc, (nhưng) đã bộc bạch rằng: 'mấy chục năm là cán bộ Nhà nước nay trở thành người làm thuê!'"

Lời than rất thành thật này cũng bộc lộ cái óc làm quan quá lớn và khó bỏ. Một ông Tây thuộc địa ngày xưa đã nhận xét rằng trong mỗi người "An Nam" đều có một ông quan. Ông giám đốc nói câu trên đúng là người An Nam kiểu mẫu. Làm cán bộ nhà nước thì lấy làm vinh dự, làm giám đốc một công ty tư thì thấy tủi! Không biết rằng chủ tịch, tổng giám đốc các công ty lớn nhất ở Nhật, ở Mỹ cũng chỉ là bọn đi làm thuê, cho các chủ nhân là cổ đông. Các chủ nhân thường khuyến khích các "người làm thuê" này bằng cách tặng cổ phần hoặc hứa phiếu để mua cổ phần, với mục đích làm cho quyền lợi của người quản đốc gắn liền với quyền lợi công ty. Các chủ tịch công ty IBM, Toyota hay Intel phải cố gắng để được công ty bổ nhiệm, rồi lại cố gắng để bảo vệ chức vụ của mình. Sự thẩm lượng dựa trên thành quả kinh tế chứ không phải nhờ "quan trên" cất nhắc. Kinh tế nước họ tiến là nhờ cơ chế đó, nó khiến cho ai cũng phải cố gắng cải thiện. Nhưng một ông giám đốc ở Việt Nam muốn tạo nên thói quen đó thì phải tập lâu lắm. Vì vậy ông ta vẫn thèm làm cho nhà nước hơn là đi kinh doanh. Nhưng không phải ông ta chỉ lo cái danh hão, sợ làm sở tư thì không sang trọng. Lý do chính là làm công ty tư thì phải tự mình phải chịu trách nhiệm.

Muốn cho chương trình cổ phần hóa tiến lên, đạt được mục đích là gia tăng hiệu năng công việc kinh doanh, thì phải cho các quan học tập thói quen mới. Nó cũng giống như tập bơi, không nhẩy xuống nước thì không bao giờ biết bơi.

CHẾT CÒN PHẢI CHỜ LỆNH ĐẢNG

Khi cựu thủ tướng Phạm Văn Đồng qua đời, nhiều người ở Việt Nam thương tiếc, vì ông được tiếng trong sạch, thanh liêm. Chắc nhờ được giáo dục trong một gia đình Nho học nên ông Đồng không bị lấm bùn dù sống giữa đống bùn.

Ông Phạm Văn Đồng có công đóng góp cho chế độ Cộng Sản Việt Nam trong hơn 40 năm, từ 1945 đến 1987. Nhà văn Dương Thu Hương là một người đã được chế độ đó nuôi dưỡng, huấn luyện, đã vào đảng Cộng Sản rồi bỏ đảng. Năm nay bà Dương Thu Hương mới nhắc lại năm 1975 khi từ rừng núi bước vào Sài Gòn theo đoàn quân chiến thắng, Dương Thu Hương đã khóc khi nhìn thấy sự thật về đời sống ở miền Nam Việt Nam, khác hẳn những lời đảng vẫn tuyên truyền. Bà nhận xét, "Chế độ của kẻ chiến thắng là một chế độ man rợ... Ngay lúc đó tôi hiểu rằng phe chiến thắng, tức phe mà mình đi theo, thực chất mà nói đó là mô hình của một xã hội man rợ, thiếu dân chủ." Dương Thu Hương nhận xét: "Cuộc chiến đấu này là một cuộc chiến đấu sai lầm vì nó không chống ngoại xâm mà là một cuộc chiến đấu giữa hai hệ thống."

Đó là một lời kết án nặng nề chế độ. Nhưng, chúng ta phải tự hỏi, tại sao có cả một thế hệ những người như ông Phạm Văn Đồng lại chọn con đường xây dựng một chế độ man rợ như thế? Lý tưởng của những người đó là gì? Tại sao nó lại sai lầm?

Một triết gia sâu sắc của thế kỷ này là Isaiah Berlin đã phân tích những lầm lẫn căn bản đó, ông đã nêu ra trong cuốn *The Crooked Timber of Humanity* , tạm dịch là "Thanh Gỗ cong queo của Nhân loại." Những suy nghĩ của Berlin nhằm phá bỏ chướng ngại vì "thuyết tất định lịch sử" mà Karl Marx thừa hưởng từ Hegel. Khi tin rằng lịch sử có một chiều hướng tất định, nhiều người đi tìm một giải pháp tối hảo, "A Perfect Solution" để nhào nặn xã hội loài người theo khuôn mẫu mà họ tin tưởng. Đây không phải là lần đầu tiên loài người phạm vào mối nhầm lẫn đi tìm một giải pháp tối hảo cho cõi nhân sinh. Nhưng các người theo chủ nghĩa Cộng Sản là lớp sau cùng thuộc loại đó, và họ là nhóm người tàn bạo khủng khiếp nhất vì niềm tin của họ chính là một thứ tín ngưỡng, nhưng tín ngưỡng này dựa trên thù hận chứ không dựa

trên lòng xót thương đồng loại. Họ tin rằng có thể xây dựng một hệ thống xã hội hoàn hảo, sau khi tiêu diệt hết các kẻ phản đối.

Đó là một ảo tưởng tai hại cho xã hội, như Dương Thu Hương đã viết trong cuốn *Những Thiên Đường Mù*. Trước đó, Berlin cũng nhấn mạnh nó nguy hiểm như thế nào. "Vì khi người ta tin rằng họ có thể tìm ra một giải pháp tối hảo thì dù phải trả bất cứ giá nào họ cũng không ngại: để cho nhân loại được sống vĩnh viễn trong công bằng và hạnh phúc và sáng tạo và hòa thuận - thì có giá nào không đáng trả? Để làm món trứng tráng đó thì không cần biết phải đập vỡ bao nhiêu quả trứng - đó là niềm tin của những Lenin, Trotsky, Mao, và cả Pol Pot." Trong một cuộc phỏng vấn, Berlin diễn tả trực tiếp hơn: "Họ tin rằng nếu cần đổ máu để xây dựng một xã hội lý tưởng, hãy đổ máu, không cần biết máu của ai và đổ bao nhiêu máu. Phải đập bể quả trứng mới làm được món trứng ôm lết siêu việt đó. Nhưng sau khi đã quen đập bể trứng mãi rồi họ không ngưng tay được - trứng vẫn bể mà món ôm lết thì không thành."

Yếu tố nào khiến cho những người cuồng tín vào một chủ nghĩa - chủ nghĩa Cộng Sản chỉ là một thí dụ - trở thành nguy hiểm như vậy? Điều nguy hiểm cho nhân loại nhất, là họ không hiểu thân phận con người, cho nên không chấp nhận cho mọi người được tự do lựa chọn. Những người rất lý tưởng không hiểu rằng có những lý tưởng của loài người lại xung khắc với nhau. Nhiều khi chúng ta không giải quyết được các xung khắc giữa các giá trị đáng quý như nhau, thí dụ, giữa tiến bộ vật chất, kinh tế, và giá trị của tinh thần thiểu tư quả dục trong nếp sống bình thản thanh nhàn; xung khắc giữa tự do và bình đẳng, giữa tính đột khởi của nhà nghệ sĩ và tính thận trọng của nhà khoa học, đức công bằng và lòng bác ái, tính nói thật và lòng khoan dung, tha thứ, v.v. Mỗi khi đề cao một lý tưởng này, chúng ta phải chấp nhận hy sinh phần nào một lý tưởng khác. Nhưng thân phận con người là phải lựa chọn trong hoàn cảnh bất toàn đó. Loài người nên giải quyết ra sao?

Trong một xã hội tự do, mọi người được phép lựa chọn, và sự lựa chọn chung cho tất cả mọi người thì được đem ra bàn bạc công khai. Nếu cần thì thỏa hiệp, hy sinh chút giá trị này để đổi lấy một chút giá trị khác. Cả xã hội sẽ bàn nhau nên tự do đến mức nào, trên giới hạn đó thì hạn chế bớt tự do để giữ đạo công bằng; nên áp dụng luật công bằng tới đâu thì tạm ngưng để khỏi thương tổn đức từ bi, bác ái, vân vân. Những quyết định đó là của chung xã hội, của tất cả mọi người. Tự do nói năng, bàn bạc, tự do lựa chọn, đó là căn bản của xã hội tự do. Khi chấp nhận như vậy thì mọi ý kiến, của mọi người, đều phải được coi là quan trọng như nhau, không ai bị từ chối quyền phát biểu.

Đó là điều mà những người theo cộng sản, từ thế hệ những ông Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh cho đến Pol Pot, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười không hiểu và không chấp nhận. Họ nhân danh giải pháp lý tưởng của họ, là chủ nghĩa Mác xít trong truyền htống Mao ít, họ thấy cần tiêu diệt những người khác ý kiến làm cản trở công cuộc thực hiện chủ nghĩa, lý tưởng siêu đẳng của họ. Họ giết Tạ Thu Thâu, Dương Tử Anh, Khái Hưng, Phan Văn Hùm, ám hại Huỳnh Phú Sổ, quản thúc Thích Quảng Độ, lập ra những trại Cổng Trời, Lý Bá Sơ, v.v.. Họ đập vỡ hết quả trứng này đến trứng khác. Mà không làm ra món ôm lết. Dân Việt Nam vẫn đứng hàng nghèo nhất thế giới, nạn cường hào ác bá nặng nề hơn thời Pháp thuộc, công viên ở Sài Gòn biến thành động mãi dâm lộ thiên, trẻ em suy dinh dưỡng không thể học, bao nhiêu nỗi khổ và nỗi nhục nhã dân tộc phải chịu đựng gần nửa thế kỷ qua. Như Dương Thu Hương viết, khi thấy không thể thực hiện được thiên đường thì "Họ quay ra nhặt nhạnh những hạt thóc rơi vãi," bòn rút được chút của cải nào cũng không từ. Bên trên thì không có phương hướng, bên dưới thì bất chấp luật lệ, đúng là cảnh mà Mạnh Tử mô tả một chế độ sắp tàn, "Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ."

Ông Phạm Văn Đồng không may sống cho đến ngày chế độ mà ông góp công xây dựng đang đi vào ngõ cụt tối tăm nhất. Những người như ông Lê Hồng Hà, Nguyễn Hộ, Hoàng Hữu Nhân, Trần Độ nhìn thấy cảnh đó, tự nhận ra sai lầm, lên tiếng cảnh cáo và yêu cầu thay đổi. Tiếc rằng ông Phạm Văn Đồng không nhìn thấy, hoặc không đủ dũng khí để lên tiếng như các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang, Trần Độ.●

VIỆT NAM: BỨC TRANH U TỐI DƯỚI MẮT BÁO CHÍ MỸ, PHÁP

ĐOÀN THANH LIÊM

Dịp kỷ niệm 25 năm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, hầu hết báo chí trên thế giới đều thẳng thừng cho điểm rất thấp về chính quyền Cộng Sản ở Hà Nội. Vốn dè dặt như tạp chí *Viễn Đông Kinh Tế* (Far Eastern Economic Review: FEER), thì cũng đặt vấn đề không biết đến bao giờ Việt Nam mới ngóc đầu dậy được sau 25 năm bị tàn phá về kinh tế xã hội ở miền Nam bởi chính sách hủ lậu của người Cộng Sản thắng trận.

Báo chí Pháp như *Nouvel Observateur, Figaro Magazine* mô tả rất chi tiết và trung thực về đời sống của người dân bình thường ở Việt Nam, về hoàn cảnh ngang trái của thuyền nhân bị cưỡng bức hồi hương về lại trong nước. Báo Mỹ như tờ *People,* viết rất nhiều bài về người và việc ở Việt Nam dưới chế độ xã hội chủ nghĩa rất khắc nghiệt đối với dân chúng.

Nói chung, thì là tất cả báo chí thế giới đều đồng loạt vẽ ra một bức tranh khá bi thảm và u tối về thực trạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào những tháng đầu của năm 2000.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu tóm lược đặc biệt về tờ *The Economist* của Anh và tờ *Wall Street Journal* của Mỹ, cả hai tờ đều có bài đặc biệt về Việt Nam dịp cuối tháng 4/2000:

1. Vẫn theo đuổi lối phân tích sâu sắc vấn đề dưới góc độ toàn cầu, *The Economist,* trong bài nhan đề The Longest War (Cuộc Chiến Dài Nhất) với ngót ba trang chữ nhỏ, đã nêu rõ chiều hướng thay đổi về cách đánh giá của dư luận Mỹ về chiến tranh Việt Nam trong bối cảnh chiến lược toàn cầu hóa hiện nay. Với sự kết thúc chiến tranh lạnh, rồi với cuộc tranh chấp ở Kosovo, chiến tranh Việt Nam đã được đánh giá như một sự thất bại, mà về lâu dài lại trở thành một chính nghĩa tất thắng (a winning cause). Người hùng John McCain đã góp phần đáng kể vào việc giải tỏa bớt được cái mặc cảm thua đậm vốn từ lâu đã đầy vò lương tâm của nhiều người Mỹ.

Gần đây, đã có những tác giả thẳng thắn lên tiếng rằng cuộc chiến ở Việt Nam cũng quan trọng như ở Hàn Quốc và ở Tây Đức, bởi vì đó là sự hy sinh đích đáng để bảo vệ cho lý tưởng Tự do, chống lại âm mưu lũng đoạn của hệ thống độc tài Cộng sản. Lập trường kiên định như thế mỗi ngày càng thuyết phục được sự tán đồng của nhiều giới trí thức Mỹ mà trước đây đã tỏ ra quá thiên vị về phía Cộng sản Việt Nam.

Dù là thất trận ở Việt Nam, nước Mỹ vẫn chiến thắng ở Đông Nam Á, và thắng cả trong toàn bộ chiến tranh lạnh, với sự sụp đổ tan tành của chính Liên Xô.

Kết cục lại là sự thất bại ở Việt Nam đã không hề thay đổi được mục tiêu hay hệ thống giá trị, mà nền ngoại giao Mỹ vẫn theo đuổi. Mà như Kissinger mới viết, cuộc chiến Việt Nam đã có thể tạo ra một thế hệ mới "đang đi tìm kiếm một cách thức thể hiện các giá trị Mỹ mà không phải chịu rủi ro." (in search of the riskless application of our values).

2. Với bài "History Proves Vietnam Victors Wrong" dài năm trang, báo *Wall Street Journal* phân tích khá chi tiết về hiện trạng Việt Nam sau chiến tranh. Hàng triệu người đã phải bỏ nước ra đi, hàng vạn người đã mất mạng trên đường vượt thoát khỏi chế độ Cộng sản. Cả triệu người bị tù đầy trong các trại cải tạo, trong đó ít nhất là trên 50,000 người đã bỏ xác trong tù. Nhiều triệu người bị phân biệt đối xử, bị gạt ra ngoài lề xã hội do bởi chính sách độc tôn đảng trị của người Cộng sản say men chiến thắng.

Sáu năm sau khi lệnh cấm vận được bãi bỏ, nhiều nhà đầu tư nước ngoài đã phải vội vã chạy thoát khỏi Việt Nam vì kinh hãi với nạn tham nhũng, nạn thư lại và tệ nạn bất cần luật pháp, bất kể đến việc giữ lời hứa thi hành hợp đồng đã ký kết.

Người Việt ở hải ngoại sau 25 năm đang càng ngày càng

trở thành một lực lượng đáng kể về kinh tế cũng như về khoa học kỹ thuật. Họ đã gửi về trong nước hàng chục tỉ đô la. Và riêng tại Quận Cam, di dân gốc Việt Nam đang làm thay đổi bức tranh xã hội thật rõ nét, và càng ngày càng tìm cách ảnh hưởng đến đường lối chính sách của Hoa Kỳ liên hệ với Việt Nam.

Dầu thế nào đi nữa, thì cả hai phía Việt Nam cũng như Mỹ đều phải có sự tương kính lẫn nhau, phải tìm cách vượt qua được những định kiến, những mặc cảm đã hằn sâu nơi tâm khảm của những phần tử quá khích nơi cánh tả cũng như cánh hữu, chỉ có sự lương thiện thẳng thắn trong sự lượng giá tình hình mới có thể giúp cho cả hai bên Mỹ Việt tiến tới được mối giao hảo tốt đẹp và bền vững.

Tóm tắt lại, giới báo chí Âu Mỹ gần như đồng thuận nhau trong việc lượng giá tình hình Việt Nam một cách khá trung thực, và cũng đã tỏ ra khá vô tư trong việc gợi ý định hướng tương lai cho Việt Nam. Vấn đề còn lại là Hà Nội có chịu tiếp thu những lời lẽ "chúng khẩu đồng tình" như thế không? Hay là vẫn lại hát bài hát cũ mèm "Đổi mới chứ không đổi màu" mà Lê Khả Phiêu mới nhắc lại hồi đầu năm, nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày khai sinh ra Đảng Cộng Sản Việt Nam.

NGHỊ LỰC HIẾM CÓ CỦA MỘT THIẾU NỮ TỐT NGHIỆP HARVARD

THANH THẢO

Tốt nghiệp đại học Harvard đã là khó khăn đối với đa số sinh viên, trường hợp của cô Brook Ellison, một sinh viên danh dự, với luận án mang tựa đề: "The element of Hope in Resilient Adolescents," tạm dịch là "Yếu tố hy vọng trong những thanh niên/thiếu nữ đầy nghị lực" là một trường hợp hiếm có.

Khi còn là một học sinh lớp bảy, cô Brook Ellison đã bị xe hơi đụng phải, bị chấn thương não, gẫy và dập hầu hết tất cả những phần xương chính trong thân thể mình. Brook Ellison đã trải qua 36 giờ hôn mê trong bệnh viện, khi tỉnh giấc, được biết rằng mình sẽ mất hết cảm giác từ cổ trở xuống và sẽ trở thành một người bất toại tứ chi suốt đời, câu hỏi đầu tiên của cô bé Brook là: "Chừng nào tôi trở lại trường được?" và "Liệu tôi có phải ở lại lớp vì học thua bạn không?"

Sau khi xuất viện, dù với thương tật nặng nề, Brook Ellison chưa bao giờ ở lại lớp. Trái lại, cô là học sinh xuất sắc theo những lớp học danh dự (honors courses). Vào ngày 7 tháng Sáu này, gần như chuyện không tưởng, Brook Ellison, 21 tuổi, sẽ tốt nghiệp cử nhân ngành tâm lý học và sinh vật học, với điểm A- trung bình. Với thành tích của mình, cô đã được chọn là người đọc diễn văn đại diện cho khối sinh viên năm cuối vào ngày này. Nhưng con đường cô đã chọn là một con đường đầy gian nan, và cô đã không thể hoàn tất việc học nếu không có sự giúp đỡ của mẹ cô, bà Jean Ellison, 48 tuổi, một giáo viên, đã bỏ hết công việc của mình để trở thành y tá 24 giờ bên con gái, và cũng là người ngồi bên cạnh con mình trong lớp hàng ngày, kể từ năm Brook vào lớp tám.

Bà Jean Ellison cho phóng viên *New York Times* biết rằng: "I am the brawn, she is the brain," "Tôi chỉ là bắp thịt, còn cô ấy mới là khối óc" để chỉ vai trò của mình trong việc giúp con gái theo học. Brook phải đeo một bộ máy nặng nề gồm một bộ phận điều khiển xe lăn và máy điện toán nhỏ gắn trong miệng, ở trong hàm lợi trên và một ống dưỡng khí tiếp tế oxygen vào khí quản 13 lần mỗi phút, khiến giọng nói của cô có nhiều lúc trở thành khó nghe. Brook phải đọc vào máy điện toán có hệ thống đánh chữ theo giọng nói, và dùng lưỡi của mình để điều khiển máy điện toán hầu sưu tầm những dữ kiện cần thiết cho bài thi, nhưng cô không thể lật sách nếu những điều cô cần tìm không có trên mạng lưới điện toán. Cô cũng không thể nào phát biểu ý kiến của mình trong lớp vì cô không thể giơ tay lên cho giáo sư hay giảng sư nhìn thấy. Và đó là những lúc cô cần đến sự giúp đỡ của mẹ cô, bà Jean Ellison. Những lúc như thế này, bà Jean trở thành cánh tay mặt, theo cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen, của con gái.

Tuy nhiên, sự thành công của Brook Ellison còn phụ thuộc nhiều phần vào trường Đại Học Harvard. Dù được đến 1,510 điểm trên tổng số 1,600 điểm trong cuộc thi vào Đại Học, cô Brook chỉ ghi danh vào hai trường, một là trường Đại Học New York tại Stony Brook, và Harvard, tại Cambridge, Massachussetts. Cô chỉ dự định rằng nếu được nhận, sẽ đóng khung lá thư

nhập trường của Harvard và treo làm kỷ niệm mà thôi, nhưng sau khi tiếp xúc với nhân viên phòng nhập học tại trường, cô đã được khuyến khích hết sức để có thể nhập học. Sau khi theo học tại Harvard, Brook đã được giúp đỡ tận tình. Chẳng hạn như trường đã dành cho mẹ cô một căn chung cư ngay bên cạnh, hay dành cho cô những chương trình phụ cấp và học bổng để cô có thể trả đủ học phí thường niên lên đến 30 ngàn mỹ kim một năm. Trường còn giúp cô xin được những khoản tiền chi phí về thuốc men cũng như y khoa cần thiết để cô có đủ điều kiện theo học cho đến lúc ra trường. Ngoài ra, trường còn đặc biệt quan tâm hơn khi cho đời những lớp cô Brook ghi danh học đến những phòng có lối và chỗ dành riêng cho những người ngồi xe lăn. Ngay cả những người bạn mà Brook đã quen biết khi theo học tại Harvard cũng cho rằng ý chí của cô khiến họ cảm thấy chính họ cần phải cố gắng thêm để xứng đáng là bạn của một người tàn tật đầy nghị lực như cô. Không phải Brook chỉ có biết học, cô cho hay cũng được dự những buổi tiệc trong trường, và cũng uống bia, nhưng cô không tập thành thói quen, và cô còn đùa với phóng viên rằng "Nếu tập thành thói quen, tôi sẽ là người say khi điều khiển xe lăn, như thế tôi sẽ bị gán tội danh say rượu lái xe lăn." Khi những nhân viên trường Harvard cho hay cô là một trong những trường hợp hiếm có trong lịch sử của trường, vì là người tốt nghiệp cử nhân với toàn thân bất toại, Brook chỉ cười và trả lời rằng thành công của mình chẳng có gì đáng kể.

Nhưng không phải chỉ có viện đại học Harvard mới cho câu chuyện của Brook Ellison là đáng kể, mà những nhà giáo dục và ngay cả giới điện ảnh cũng đã liên lạc với cô Brook Ellison để tổ chức những buổi nói chuyện về gương cố gắng không ngừng trước nghịch cảnh. Brook còn được một người đại diện trong lãnh vực văn chương và điện ảnh thuộc công ty nổi danh William Morris, tại Beverly Hills sẵn sàng giúp cô trong việc xuất bản cuốn sách về đời cô mà triển vọng được Hollywood mua tác quyền để đóng thành phim là chuyện không xa vời. Được hỏi về những dự định tương lai, Brook Ellison chỉ nói rằng "Bất cứ nơi nào có những người cần được khích lệ tinh thần, nơi đó sẽ là chỗ tôi hy vọng có mặt." Nghe Brook Ellison nói chuyện, và nhìn khuôn mặt rạng rỡ của cô, có lẽ người nào gặp nghịch cảnh cũng phải cảm thấy mọi khó khăn trong đời sống đều có thể được vượt qua với ý chí và sự cố gắng không ngừng.

DIỄN HÀNH CỦA MỘT TRIỆU BÀ MẸ

Theo lệ thường tại Hoa Kỳ, trong ngày Mother's Day, các bà mẹ, bà vợ được nghỉ ngơi để thân nhân, đặc biệt là con cái, có dịp tỏ lòng yêu thương qua việc thăm hỏi, tặng quà cáp và tổ chức tiệc tùng. Tuy nhiên, không giống như những năm trước, Mother's Day năm nay (nhằm ngày 14/5/00) khoảng một triệu bà mẹ không theo thông lệ quây quần bên gia đình mà cùng diễn hành tại khoảng 60 thành phố khác nhau để đòi hỏi luật khe khắt hơn về súng đạn.

Đây là những bà mẹ đa số là người Mỹ trắng, sống tại những vùng ngoại ô, thường không đi làm và bận bịu chở con cái đi tập các bộ môn thể thao sau giờ học, thường được gọi là "Soccer Moms." Những bà mẹ này đã đáp lại lời kêu gọi trên một trang nhà điện toán mang tên Million Mom March, hay đọc những tờ truyền đơn được các bà mẹ khác phân phối tại các trường học của con mình. Vào ngày hiền mẫu, họ sẽ đáp xe bus, hoặc về thủ đô Washington, hoặc tụ tập tại những trung tâm thành phố nào gần nhất để cùng bày tỏ quan điểm rằng quyền hạn của những người xử dụng súng không thể nào quan trọng bằng sự an toàn căn bản của xã hội, chỉ có thể có được nếu luật kiểm soát súng khắt khe hơn được áp dụng. Bà Donna Dees-Thomases, 42 tuổi, có hai con, cũng là một trong những bà mẹ "Soccer Moms," là người khởi xướng cuộc dien hành này. Một tuần lễ sau khi xem tin tức trên truyền hình và thấy cảnh những em bé mẫu giáo bị bắn tại Granada Hills, California, vào tháng Tám năm ngoái (1999), bà đã nẩy sinh ý định thành lập một nhóm những bà mẹ có cùng ước nguyện chống lại luật súng hiện quá dễ dàng để góp phần đem lại môi trường sống yên ổn hơn cho con em. Với ý định này, bà đã nộp đơn xin và được chấp thuận cho mười ngàn bà mẹ cùng diễn hành tại Tòa nhà quốc hội để bày tỏ nguyện vọng của mình. Nhưng từ ngày công việc của

bà Donna Dees-Thomases được chú ý đến và được sự hỗ trợ của những người nổi tiếng trong giới truyền thông như bà Rosie O'Donnell, rồi sự tiếp tay của những bà mẹ khác vào thăm trang Million Mom March, với những tổ chức tương tự tại các địa phương và khoảng 60 thành phố khác nhau toàn liên bang, cuộc diễn hành của các bà mẹ ngày 14 tháng Năm này được ước tính sẽ có khoảng một triệu người tham gia. Từ những đô thị như vùng vịnh San Francisco, các bà mẹ đi làm phải thay phiên nhau dành thời giờ lên lưới điện toán, ghi danh người tham gia từ chín giờ sáng đến nửa đêm, đến những nơi yên tĩnh như Sacramento, nơi các lão bà trên 80 tuổi trong những viện dưỡng lão cũng ghi danh theo chuyến xe bus đến nơi tụ họp gần nhất. Chỉ trong vòng hai tuần lễ, đã có 13 thành phố tham gia bằng việc tổ chức những cuộc diễn hành tương tự tại địa phương. Còn về tài chính, Hội "Cuộc Diễn Hành của Một Triệu Bà Mẹ" đã bán được một trăm ngàn (100,000) áo thun để cổ võ cuộc diễn hành Million Mom March, MMM, với giá $25 mỹ kim mỗi áo. Vì vậy, cuộc diễn hành này hiện đang là đề tài bàn luận khá sôi nổi trong giới chính khách Hoa Kỳ, nhất là những người có sự quan hệ mật thiết với Hiệp Hội Súng Quốc Gia, tức hội National Rifle Association, NRA. Giới chính khách Hoa Kỳ phải quan tâm vì tháng 11 năm nay, chức vụ của họ có thể bị ảnh hưởng do những lá phiếu của... hàng ngàn bà mẹ từ những địa phương họ đại diện. Ngay cả ứng cử viên Tổng Thống George W. Bush còn phải có những lời tuyên bố sẽ là một Tổng Thống độc lập, không lệ thuộc vào Hiệp Hội Súng Quốc Gia khi đắc cử. Theo thống kê mới nhất của Pew Research tháng trước, 66 phần trăm người Mỹ, trong đó có đến 73 phần trăm phụ nữ, cho rằng luật kiểm soát súng quan trọng hơn quyền xử dụng súng. Và vì vậy, đây có thể là yếu tố quyết định trong cuộc tổng tuyển cử năm 2000.

Sự đoàn kết của các bà mẹ này nhất định phải là mối lo cho Hiệp Hội Súng Quốc Gia, NRA, và những người ủng hộ quyền của người xử dụng súng. Bà Betsy Storm, 46 tuổi, thuộc thành phố Chicago, tiểu bang Illinois, phát biểu cùng phóng viên Matt Bai của báo *Newsweek*: "There are more mothers than there are gun lobbyists... You can't mess with a million mothers trying to protect their families." Xin tạm dịch: "Xã hội có nhiều bà mẹ hơn là những người vận động hành lang cho quyền xử dụng súng... và những người này không thể đùa nổi với một triệu bà mẹ đang cố bảo vệ gia đình họ."

CÁNH TAY MẶT CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY GENERAL ELECTRIC

Hơn một thập niên qua, chủ tịch Jack Welch của công ty General Electric được giới đại tư bản xem như một vị thần, với khả năng điều hành và kỷ luật hiếm có. Tuy nhiên, cho đến thời gian gần đây, người ta mới chú ý đến

Rosanne Badowski

một phụ nữ lịch thiệp, duyên dáng, ngồi trong một góc phòng chỉ cách cánh cửa tự động bên ngoài phòng họp của ông chủ tịch vài bước. Đây là một phụ nữ thông minh, và là người quyết định gần như hoàn toàn lịch sinh hoạt công việc của ông Jack Welch. Đó là nữ bí thư Rosanne Badowski. Rosanne kiểm soát từ danh sách những người quen biết hay thân nhân của ông Welch trên máy điện toán,con số lên đến 2,924 tên, cho đến lịch trình du lịch, những buổi họp thân, sơ, những bữa ăn tối, ăn trưa, những tiệc tiếp tân, hay cả những buổi chơi Khúc côn cầu (Golf) của ông chủ tịch.

Rosanne Badowski, 43 tuổi, là một trong tổng số khoảng 3.2 triệu bí thư, phụ tá cho các chủ tịch, giám đốc, hay tổng quản trị của những đại công ty tại Hoa Kỳ. Những bí thư này vẫn thành công đáng kể về nhiều mặt, nhất là lương bổng, thường ở mức trên $100 ngàn Mỹ kim hàng năm, chưa kể phúc lợi, mặc dù kỹ nghệ điện toán có phát triển đến mức nào chăng nữa. Bởi lẽ, máy điện toán tối tân đến đâu cũng chưa thể

thay thế được nhiệm vụ của các bí thư. Nhiệm vụ của những bí thư này không đơn thuần là xếp đặt lịch sinh hoạt cho chủ, mà còn duyệt xem buổi tiếp tân nào đáng tham dự, nơi nào chỉ cần gọi điện thoại, công việc nào cần phải làm trước, khi nào và nơi nào cần phải gửi tặng phẩm, lá thư điện toán nào cần phải được đọc và trả lời ngay, những thư nào chỉ cần duyệt xong rồi bỏ v.v... Những phụ tá đắc lực như Rosanne Badowski là những tài sản đáng giá nhất của các giám đốc và những đại công ty, vì theo lời của ông Gerard Roche, một chuyên viên hàng đầu của công ty tìm nhân lực Heidrick & Struggles "một bí thư đắc lực có thể tăng năng suất của chủ lên gấp hai, ba lần." Chủ tịch Welch nhận xét về vai trò của Rosanne: "Tôi rất mừng rằng Rosanne nhận việc phụ tá cho tôi vì cô ấy không những là cánh tay mặt của tôi, mà còn kiêm luôn cả tay trái nữa."

Công việc của một bí thư nổi tiếng như Rosanne Badowski không phải là không đòi hỏi những sự hy sinh đáng kể. Từ 7 giờ 30 phút sáng cô đã phải có mặt tại sở, nhận những cú điện thoại cần thiết, hẹn những buổi họp, và ngay cả đoán xem những lúc nào ông chủ sẽ cắt ngắn một buổi họp, để đưa những người không có hẹn vào gặp, hay chuyển những cú điện thoại không có trong lịch trình. Vì đã làm việc với ông Welch trên 12 năm, thường những phỏng đoán của cô rất chính xác. Vì công việc đòi hỏi, cô Badowski phải ở lại sở sau khi nhiều người đã về, thường là cho đến 8 hay 9 giờ tối. Vào cuối tuần cô phải vào để đọc thư điện toán và sửa soạn những chương trình cần thiết cho tuần lễ tới. Cô còn phải tháp tùng ông chủ tịch trong những chuyến công du vì thời gian ngồi trên phi cơ là lúc họ bàn về những gì sắp đến... Với Rosanne Badowski, thời khóa biểu bận rộn như trên đã không cho phép cô có thú tiêu khiển, hay có những chuyến du lịch dài hàng năm.

Vào tháng Tư năm 2001, ông Jack Welch sẽ nghỉ hưu, Rosanne không nhất thiết phải nhận làm việc tiếp tục tại General Electric. Theo bà Melba Duncan, một chuyên viên tìm bí thư cho các đại công ty tại Manhattan, một bí thư với kinh nghiệm và tên tuổi như Rosanne Badowski có thể nhận được lương bổng và phúc lợi lên đến $200 ngàn Mỹ kim hàng năm nếu cô nhận lời làm việc cho một công ty khác. Nhiều người cho rằng đây là dịp để Rosanne Badowski thay đổi môi trường làm việc với số lợi nhuận tăng gần gấp đôi. Bây giờ cô Rosanne Badowski sẽ không còn phải sợ có ai đề cập đến tên cô với câu "Cô ấy chỉ là một thư ký ấy mà" như cô đã hằng suy nghĩ hơn 12 năm về trước.

KHOA HỌC GIA GỐC VIỆT KHÁM PHÁ GENE BỆNH TĂNG ÁP NHÃN

(NV)

Vừa rồi, một khoa học gia gốc Việt Nam, Tiến sĩ Nguyễn Đức Thái, đã được cơ quan cấp bằng phát minh của Hoa Kỳ thừa nhận là người đầu tiên khám phá ra gene cho bệnh glaucoma là bệnh gây mù mắt nhiều nhất trên thế giới. Ông đặt tên cho gene này là TIGR (chữ tắt của Trabecular Meshwork Inducible Glucocorticoid Response).

Tiến sĩ Nguyễn Đức Thái

Kết quả ông đạt được là do công trình hợp tác với Bác sĩ Jon R. Polansky, một nhà nghiên cứu y học của Đại học UCSF. Kết quả nghiên cứu này đã đặt một nền tảng mới cho việc nghiên cứu về bệnh mù do glaucoma. TIGR gene hiện thời được rất nhiều nơi nghiên cứu và sẽ có nhiều hiệu quả sâu rộng trong y tế.

Kết quả nghiên cứu của TS Thái đã được chọn làm "môn bài" (bằng chủ quyền) đầu tiên về gene glaucoma và có hiệu lực quốc tế của Đại học UCSF. Môn bài có nhan đề "Phương thức chuẩn đoán và chữa trị glaucoma và các bệnh liên hệ", số PCT/US95/14024 do Nguyễn D. Thái, Jon Polansky và Weidong Huang đứng tên tác quyền.

Việc khám phá ra TIGR gene của TS Thái đã được loan truyền rộng rãi trên các hệ thống thông tin trong và ngoài nước Mỹ. Dịp này TS Thái đã được các cơ quan truyền thông uy tín như đài truyền hình CNN, đài số 5, 26 và KTLA phỏng vấn. Những

công trình nghiên cứu tiên phong của nhóm TS Thái và gần đây của các phòng thí nghiệm khác về TIGR gene đã gây được tiếng vang trong giới y học nói riêng và đại chúng nói chung.

Vài hàng tiểu sử

Ông Nguyễn Đức Thái sinh ngày 9 tháng 12-1946, tại Vạn Điềm, Nam Định, Việt Nam, năm 1972 tốt nghiệp Đại học Dược khoa, Sài Gòn. Sau khi tốt nghiệp, ông đã nỗ lực nghiên cứu và giảng dạy về bộ môn tân sinh học của Đại học Dược và Y khoa Việt Nam cùng lúc với việc hành nghề dược sĩ tại Việt Nam từ sau khi tốt nghiệp cho đến năm 1975.

Chưa đầy ba tháng sau khi đến California, Dược sĩ Thái được nhận vào Đại học Y khoa California ở San Francisco (University of California, San Francisco — UCSF) với tư cách dự khuyết trong chương trình Cao học Dược khoa. Bằng nhiệt tâm nghiên cứu, Dược sĩ Thái đã khắc phục được những khó khăn lúc ban đầu để được hội đồng khoa chính thức nhận vào học trình tiến sĩ.

Luận án tiến sĩ của Nguyễn Đức Thái đã đoạt giải danh dự trong kỳ thi giải thưởng cao học thường niên tại Đại học UCSF, năm 1980. Và năm sau, ông hoàn thành học trình tiến sĩ, cũng tại đại học này. Sau khi tốt nghiệp, Tiến sĩ Thái tiếp tục công việc nghiên cứu tại UCSF, hiện thời là thành viên của ban giảng huấn về bộ môn Nhãn khoa chuyên nghiên cứu về bệnh mù mắt do nhãn lực mắt (glaucoma).

Vào thập niên 1980, Đại học UCSF đi tiên phong trong việc phát triển ngành tân sinh học về gene (recombinant DNA). Cũng như nhiều người nghiên cứu mới tốt nghiệp, Tiến sĩ Thái đã hăng hái theo đuổi việc nghiên cứu về bộ môn tân sinh học này. Ông đã làm việc với các nhà nghiên cứu tên tuổi ở đây, trong đó có Giáo sư John D. Baxter, John Shine là những người đi tiên phong và thành công trong việc tìm kiếm được các gene chủ yếu trong y khoa, gồm gene về tăng trưởng (growth hormone); giáo sư James Cleaver, người đầu tiên xác định về gene của bệnh Xerdoma Pigmentosa liên hệ đến ung thư da và các cơ quan khác. Giáo sư Cleaver hiện là hội viên của Hàn Lâm Viện Khoa Học Hoa Kỳ.

Tiến sĩ Nguyễn Đức Thái hiện là trưởng phòng thí nghiệm sinh học phân tử về bệnh glaucoma Bộ môn Nhãn khoa, tại Đại học UCSF.

Bệnh glaucoma

Về bệnh lý, glaucoma (tiếng Việt gọi là bệnh cương nước hay tăng áp nhãn) là một trong những nguyên do chính gây mù mắt và có ảnh hưởng đến khoảng 70 triệu người trên thế giới. Bệnh glaucoma có nhiều hình thái khác nhau, phần lớn bệnh thường phát hiện ở những người trên 40 tuổi và được gọi là bệnh glaucoma người lớn. Điều nguy hại là người bệnh bị mất thị giác rất chậm nên thường không thể đoán biết được. Nếu không khám phá kịp thời, bệnh nhân sẽ bị mù và không thể chữa được.

Điều thiếu sót hiện nay là việc chuẩn đoán mất thường không tiên đoán được bệnh lý trước khi bệnh xẩy ra hoặc có thể không chính xác. Vì lý do này, việc tìm kiếm gene cho bệnh glaucoma trở thành một "bảo vật" cần thiết trong các công trình nghiên cứu về bệnh này. Về khía cạnh bệnh lý, glaucoma có lẽ là một trong những bệnh phức tạp nhất trong y học, bởi vì bệnh này liên hệ đến nhiều y tố như tuổi tác, môi trường sống, ảnh hưởng của các chất nội và ngoại tiết, yếu tố di truyền, yếu tố tăng trưởng, pha hệ và còn nhiều yếu tố khác chưa được rõ. Như vậy một điều đương nhiên là các chương trình nghiên cứu về bệnh glaucoma từ trước đến nay đã đòi hỏi nhiều phương thức cũng như nỗ lực hợp tác của nhiều nhóm nghiên cứu. Đã có nhiều kết quả đạt được từ những nỗ lực này, tuy nhiên việc tìm kiếm gene cho bệnh glaucoma luôn là một bí ẩn đối với các nhà nghiên cứu về bệnh này.

Người ta ước lượng hàng trăm ngàn người có nguy cơ bị bệnh glaucoma ở Hoa Kỳ và hàng triệu người trên thế giới sẽ được chuẩn đoán dựa trên TIGR gene. Việc chuẩn đoán này sẽ giúp cho các bác sĩ nhãn khoa những tin tức cần thiết trước khi bệnh phát hiện để ứng dụng những phương thức trị liệu hữu hiệu.

Việc ứng dụng gene TIGR để chuẩn đoán glaucoma đang được hãng InSite Vision thực hiện, đây là một công ty dược khoa chuyên về mắt ở Alameda, California. TS Thái hiện là cố vấn khoa học của công ty này. Hiện nay, cùng với nhiều nhóm thí nghiệm khác, chương trình nghiên cứu của TS Thái và sự hợp tác của ông với BS Polansky nhắm vào việc tìm hiểu nguyên nhân của TIGR gene cho bệnh glaucoma.●

PHỎNG VẤN, TRÒ CHUYỆN cùng nhà văn NGUYỄN HUY THIỆP, nhà thơ PHẠM TIẾN DUẬT và nhà văn nữ Y BAN

Người thực hiện: THẾ DŨNG

Mặc dù chuyến văn du của ba nhà văn Việt Nam từ Hà Nội tới Đức quốc đã diễn ra một cách tốc hành và bí mật từ ngày 12.03.00, nhưng phóng viên Việt ngữ của Đài phát thanh Tự Do Berlin (SFB 4), đã liên hệ và tiếp xúc được với họ. Chiều ngày 19.03.00, nhà thơ Thế Dũng, cộng tác viên văn nghệ của đài, nguyên ủy viên Ban Chấp Hành, Trưởng Ban Lý Luận Phê Bình của Hội Văn Học Tỉnh Hải Hưng nhiệm kỳ 1984 - 1989, nguyên Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Đông Âu - Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại nhiệm kỳ 1996-1998, đã thực hiện các cuộc trò chuyện và phỏng vấn qua làn sóng điện với nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, nhà thơ Phạm Tiến Duật và nhà văn nữ Y Ban. Sau đây là cuộc nói chuyện ấy (có lược bỏ bớt vài đoạn), viết lại từ băng ghi âm của Đài phát thanh Tự do Berlin (Sender Freies Berlin).

I. Tất Cả Chúng Ta vẫn Còn Đang Đi Trên Đường

(Với nhà văn **Nguyễn Huy Thiệp**)

1. Thế Dũng:

Chào anh Nguyễn Huy Thiệp.

Nguyễn Huy Thiệp:

Chào anh Thế Dũng.

2- Thế Dũng:

Kể từ khi gặp và quen biết anh tới nay đã hơn 15 năm. Hình như nước Đức đã đón các anh trong những cơn mưa tầm tã. Nhiều độc giả Đức đã đọc *Vàng Lửa* và *Không Có Vua*. Vậy xin hỏi thật trong những ngày qua, ở đâu đó trên nước Đức, anh đã gặp được Mẹ Cả, gặp được Con gái Thủy Thần của anh chưa?

Nguyễn Huy Thiệp:

Ồ, tôi và anh như thế là đã gặp nhau cách đây 15 năm rồi nhỉ. Quả là thời gian đi rất là nhanh. Đúng ra thì tôi phải có mặt ở trên đất Đức khoảng độ mười năm trước thì như thế nó mới hợp lý. Tôi nghĩ rằng cái số phận của dân tộc, đất nước Việt nam so với những dân tộc và đất nước khác thì bao giờ cũng bị lỡ trớn đi một cơ hội khoảng chừng từ 100 cho đến 200 năm. Còn đời riêng của mỗi cá nhân con người Việt Nam so với đời con người ở các nước khác, các dân tộc khác thì bao giờ cũng bị lỡ trớn khoảng độ từ 10 cho đến 30 năm. Tôi là một nhà văn xuất hiện cách đây hơn mười năm khi mà phong trào đổi mới bắt đầu có ở Việt Nam. Và đúng ra trong thời kỳ mà tôi và anh gặp nhau từ 15 năm trước thì cũng là cái thời điểm mà tôi đến Đức rồi thì mới phải. Còn những câu chuyện tôi viết mà vừa rồi anh có kể ra như là những hình ảnh mơ ước ở trong những trang viết của tôi thì tôi vẫn đang đi tìm đấy...

3- Thế Dũng:

Tôi phát hiện ra nỗi ám ảnh lớn trong nhiều trang viết của anh về một Biển cả chưa tới được, về mẹ Cả, về Con gái Thủy thần, về một Nữ tính nguyên thủy thường xuyên bị tha hóa, bị làm nhục. Tôi nghĩ sẽ đến lúc nhà văn Nguyễn Huy Thiệp sẽ trở thành nhà thơ. Gần đây, đọc *Con Gái Thủy Thần 3*, đọc truyện anh viết về Tú Xương, gần đây nhất đọc *Đưa Sáo Sang Sông* của anh tôi thấy linh cảm của mình rất có lý. Anh nghĩ sao về linh cảm của tôi?

Nguyễn Huy Thiệp:

So với những câu chuyện tôi viết cách đây khoảng mười năm thì thâm tâm tôi thực sự cảm thấy những chuyện tôi viết gần đây nó có một cái gì đó như là thiếu sức sống, nó nhợt nhạt hơn đi rất nhiều. Và tôi vẫn cứ viết truyện ngắn đấy, nhưng mà phần lớn thì tôi viết như một người giữ nhịp cầm canh thôi. Chứ còn cái thể loại mà tôi tập trung nhiều hơn, đấy là những vở kịch. Trong khoảng thời gian vài ba năm gần đây tôi viết nhiều vở kịch. Và tôi hy vọng rằng tới một lúc nào đấy tôi sẽ công bố được những vở kịch của tôi.

4. Thế Dũng:

Tôi đoan chắc trong ảo tượng Mẹ Cả, Con Gái Thủy Thần, và một Biển-cả-chưa-tới-được của anh có tàng chứa một ẩn số Triết học và Mỹ học rất riêng. Anh có thể tiết lộ một chút về tâm niệm này của tôi không?

Nguyễn Huy Thiệp:

Chúng ta luôn luôn ảo tưởng và lúc nào chúng ta cũng ảo tưởng. Cuộc sống nó chứa ẩn cả những cái hiện thực và cả những cái ảo tưởng nữa. Con người nếu thiếu những cái ảo tưởng đấy thì cũng rất khó sống. Những câu chuyện mà tôi viết ra cũng chứa ẩn rất nhiều ảo tưởng, rất nhiều mơ ước. Nhưng mà nó cũng có nhiều những yếu tố hiện thực. Và trong cái quá trình của cuộc đời người cầm bút viết văn, tôi cũng cố gắng làm thế nào đó biến một số cái ảo tưởng, mơ ước hoặc một phần nào đó của những ảo tưởng, mơ ước ấy trở thành hiện thực. Hình như nhiệm vụ của người nghệ sĩ nói chung là phải biết kích động, biết làm cho con người ta mơ ước, có những mơ ước lớn. Và cố gắng làm sao đấy biến được những cái ước mơ đó — dĩ nhiên không phải là làm được tất cả — thế nhưng cũng phải cố gắng biến những cái ước mơ ấy thành hiện thực. Chứ không để cho nó lâm vào tình trạng chỉ là những ảo tưởng hão huyền.

5. Thế Dũng:

Anh đã trở thành một tên tuổi quan trọng của nền văn học Việt Nam hiện đại. Lúc thì làm thày giáo, khi thì vừa làm văn nhân vừa làm doanh nhân. Khi sống như ẩn nhân lúc thì sống như kỳ nhân bị bảo quản quá kỹ lưỡng. Xem ra danh phận văn chương của anh cũng truân chuyên chả kém Thúy Kiều. Hình như đời sống ông thày giáo lịch sử cũng có rất nhiều ảnh hưởng sâu sắc tới những tuyệt tác trong văn nghiệp của anh như Vàng Lửa, Kiếm Sắc, Phẩm Tiết v.v...?

Nguyễn Huy Thiệp:

Những câu chuyện lịch sử thì nó cũng là những câu chuyện lịch sử thôi. Cuộc đời của tôi cũng đã trải qua rất nhiều chặng đường khác nhau. Từ một anh giáo viên trở thành một người kinh doanh. Rồi trở thành một người làm nhiều nghề: làm gốm, vẽ tranh. Rồi làm đủ thứ. Và tôi cố gắng tự làm phong phú cho cuộc sống của mình. Một phần cũng là do cái đời sống trong xã hội Việt Nam. Chính bản thân anh cũng đã từng trải qua thì anh biết rõ rằng là nhiều khi cũng phải tìm nhiều cách thức khác nhau để có thể đảm bảo được cuộc sống cho mình. Nhất là cuộc sống đấy mà muốn có tự do nữa thì lại còn rất khó. Nó đòi hỏi rất nhiều các phương tiện khác nhau, kể cả vật chất, kể cả tinh thần và kể cả tình cảm nữa. Nghệ sĩ là người luôn luôn mong muốn cuộc sống phiêu lưu và tự do. Tôi cũng là một người đã từng có nhiều phiêu lưu và tự do. Nhưng đấy là câu chuyện của ngày hôm qua. Xa xưa rồi. Và bây giờ tôi cũng đã là người có tuổi rồi. Tôi cũng đã bắt đầu thu dọn cho mình một cuộc sống khác, đòi hỏi sự an nhàn hơn. Nietzsch có nói rất đúng về ba giai đoạn phát triển của con người. Đó là giai đoạn từ Hài nhi trở thành Mãnh sư và rồi từ Mãnh sư lại trở thành Hài nhi. Có lẽ là bây giờ tôi đang ở giai đoạn sau rồi đấy (cười).

6. Thế Dũng:

Theo tôi ở Việt Nam, anh là một trong số những nhà văn hiếm có đã khởi viết một cách dữ dội sắc sảo bằng một sức nhìn Tâm Linh để giải phẫu những vùng khuất lấp, những miền quá vãng lừng danh trắc trở của đời sống tinh thần người Việt trong cả góc nhìn đương đại và lịch đại. Anh nghĩ gì về vai trò của thế giới Tâm linh và những lối nhìn Huyền học trong đời sống văn chương Việt Nam trong những năm qua và trong những thập kỷ trước mặt?

Nguyễn Huy Thiệp:

Yếu tố Tâm linh là một yếu tố rất là cần thiết nhưng mà rất khó nói. Tôi nghĩ là con người ta dù thế nào đi chăng nữa thì bao giờ cái sức mạnh của Bản năng, rồi sức mạnh của tự nhiên vẫn là điều to lớn hơn cả. Nó ảnh hưởng đến quyết định cho số phận, cho đường đi nước bước của những con người. Tôi cũng không biết nói gì về những vấn đề của Tâm linh đâu. Nhưng bao giờ tôi cũng cố gắng trong cái cách ứng xử của mình, hay là trong cách viết văn hoặc trong tất cả mọi thứ; tức là tôi cố gắng bằng sự chân thực nhất, bằng con đường đơn giản nhất để đạt được cái mà mình muốn thực hiện. Tức là bao giờ tôi cũng muốn bằng những con đường ngắn nhất, trực tiếp nhất, bằng những con đường đơn giản nhất để mà đến được với chân lý.

7. Thế Dũng:

Anh đã hai lần qua Mỹ. Và có lẽ đây là lần đầu tiên anh đến nước Đức thống nhất sau hơn mười năm bức tường Berlin đổ vào bảo tàng lịch sử. Những ngày qua anh gặp gỡ nhiều người và đã đi qua nhiều quang cảnh nước Đức. Trong anh đã xuất hiện cái lạc thú giang hồ sót lại mình tôi chưa?

Nguyễn Huy Thiệp: (Cười)

Tôi cũng đã đi nhiều nơi. Hai lần đi Mỹ. Lần này thì tôi đến Đức, cái cảm giác cô đơn trong tôi rất rõ. Kể cả hai lần đi Mỹ cũng vậy. Lần đến Đức này cũng vậy. Tôi vẫn nói đùa với các bạn tôi đến Mỹ cũng thế, đến Đức cũng thế, rồi ở Việt Nam cũng vậy thôi. Tức là đều cảm thấy là làm người thì rất khổ. Nhưng mà làm người Việt Nam thì nó khổ hơn. Khổ hơn người Đức. Khổ hơn người Mỹ và khổ hơn nhiều người ở những dân tộc phát triển khác. Việt Nam nó là một nước nhược tiểu, một nước chậm phát triển. Mặc dầu tôi có là một nhà văn danh tiếng ở Việt Nam đi nữa thì tôi vẫn phải chịu cái số phận là nhà văn ở một đất nước nhược tiểu, ở một dân tộc chậm phát triển mà thôi.

8. Thế Dũng:

Anh Thiệp này! Chắc anh cũng mê tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung. Tôi thì tôi rất sướng khi ở trong nước bạn đọc được công khai đọc chưởng Kim Dung và thưởng thức tác phẩm Kim Dung qua phim chưởng Hồng Kông. Tôi có hứng thú khi ví cây bút trong tay anh có lúc cũng giống như cây kiếm trong tay Lệnh Hồ Xung với độc cô cửu kiếm trong Tiếu Ngạo Giang Hồ. Nhưng nhớ đến chân dung của Nhạc Bất Quần thì tôi lại chẳng thích ví von như thế nữa. Nhưng thử hỏi tìm đâu ra một Trương Chân Nhân trong văn giới để có thể ví anh như chàng Trương Vô Kỵ trên văn trường? Anh thích Lệnh Hồ Xung hay thích Trương Vô Kỵ?

Nguyễn Huy Thiệp: (Cười)

Kim Dung là một trong những nhà văn lớn. Tôi nghĩ thế. Và với cái phong độ lớn của ông ta thì nhiều khi những điều lặt vặt ở trong tác phẩm của ông ta, ông ta cũng đầy những cái thiếu sót, đầy những cái sai lầm lặt vặt khác. Nhưng nhìn chung những điều đó nó không ảnh hưởng gì đến toàn bộ phong độ lớn lao của ông ta. Thế còn về những nhân vật của Kim Dung thì mỗi một nhân vật có cái cung cách riêng của nó. Tôi là một người cũng khâm phục Kim Dung nhưng mà tôi không sống như những nhân vật trong tiểu thuyết của ông ta đâu!

9. Thế Dũng:

Lần này chuyến văn du của anh thật là tốc hành và được giữ bí mật một cách đáng ngạc nhiên. Lần trước, ngày 13 tháng Năm 1999 tôi và Lê Trọng Phương cùng với các bạn văn khác ở Đức đã đợi anh hụt ở Berlin. Lần này ngọn gió lành nào hay nói khác đi tổ chức nào đã đưa anh tới nước Đức một cách cẩn trọng làm vậy?

Nguyễn Huy Thiệp:

Tôi phải rất cảm ơn Hội hữu nghị Đức Việt và cảm ơn ông Chủ tịch của Hội. Ông ta đã cố gắng một cách rất là nỗ lực để có được chuyến đi này của đoàn chúng tôi. Và riêng đối với cá nhân tôi thì gần như là ông ta đã có một sự chú ý, một sự chăm sóc đặc biệt. Đó là một cái điều rất may mắn cho tôi. Tôi cảm thấy mối quan tâm của Hội Hữu nghị Đức Việt và của ông Chủ tịch Hội là một mối quan tâm rất là tuyệt vời. Và tôi nghĩ, sở dĩ chúng tôi đạt được những cái thành công ở trong chuyến đi này cũng là nhờ ở sự giúp đỡ rất là to lớn của Hội hữu nghị Đức Việt và cá nhân ông Chủ tịch.

Thế Dũng và Nguyễn Huy Thiệp (phải)

10. Thế Dũng:

Tôi ao ước giữa thanh thiên bạch nhật
Cuộc thoát y thành thật của Hồn người

Cho đến giờ phút này anh có cho rằng ao ước ấy của tôi là một chuyện hão huyền ?

Nguyễn Huy Thiệp:

Thế Dũng vốn là một nhà thơ. Tôi vẫn biết là nhà thơ thì rất là mơ mộng. Mơ mộng là điều rất cần thiết nhưng mà cuộc sống hiện thực cũng là điều cần thiết. Ta cố gắng làm sao để đừng có mơ mộng hão huyền quá. Đồng thời cũng đừng thực dụng quá cho một cuộc sống quá vật chất mà đánh mất đi những mơ ước của mình. Tôi cũng không biết nói thế nào; nhưng thành thực tôi mong Thế Dũng cũng như những người Việt Nam khác ở Đức và ở khắp nơi trên thế giới sẽ có một cuộc sống may mắn, đạt được những điều mơ ước của mình. Dĩ nhiên không phải là tất cả. Nhưng ít ra là biến được một phần của những

mơ ước đó trở thành hiện thực cho chính cuộc đời của mình. Cho chính số phận của mình.

11. Thế Dũng:

Có lúc nhớ tới anh tôi đã viết: Không có vua- thú thật, Tôi đành làm vua tôi! Cảm ơn anh! Cầu chúc anh gặp được Mẹ Cả và Con gái Thủy thần... Tất cả chúng ta vẫn còn đang đi trên đường phải không anh ?

Nguyễn Huy Thiệp:

Vâng! Cảm ơn Anh Thế Dũng, cám ơn tất cả các bạn.

*

II. Tôi cũng đang mơ ước những con đường cao tốc cho các con chữ của mình

(Với Nhà Thơ **Phạm Tiến Duật**)

1. Thế Dũng:

Chào Nhà Thơ Phạm Tiến Duật.

Phạm Tiến Duật:

Chào Nhà thơ Thế Dũng.

2. Thế Dũng:

Có lẽ đã hơn hai mươi lăm năm nay anh không phải ngồi trên những chiếc xe không có kính chắn gió nữa. Nhưng vừa rồi, tôi có đọc ba bài thơ mới nhất của anh: *Tôi mơ ước một con đường cao tốc, Gửi các em bé ở sân bay Tà cơn,* và bài *Đường dài*. Phải chăng dải núi Trường Sơn và những người Việt Nam trên những con đường rừng ấy là một ám ảnh khôn nguôi trong văn nghiệp của anh?

Phạm Tiến Duật:

Hoàn toàn đúng. Có lẽ không chỉ là vì những năm chiến tranh mà vốn quê tôi là một vùng rừng núi ở Phú Thọ. Tôi có câu thơ: *từ cây lại trở về cây, từ rừng lại trở về đây gặp rừng.* Có lẽ cái số tôi luôn luôn gắn bó với rừng núi. Đến nỗi, có lúc tôi tả phố ở Hà Nội, loanh quanh thế nào lại quay ra tả rừng, tả núi. Cho nên cái việc viết về Trường Sơn, nghĩ về Trường Sơn và cái chặng đường chiến tranh của tôi quả là một cái ám ảnh không thể dứt được.

3 .Thế Dũng:

Tôi sống ở Berlin đã hơn mười năm nay, vẫn thường xuyên đọc các nhà thơ nhà văn ở trong, ở ngoài nước. Chắc anh vẫn tâm đắc với câu Kinh Phật trong bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm: "Khi ngươi mở mắt ra là khi ngươi nhìn vào thiên hạ. Khi ngươi nhắm mắt lại là ngươi nhìn vào chính bản thân ngươi vậy" ? Hiện nay trong cương vị Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Thơ của Hội Nhà Văn Việt Nam anh cho rằng Thơ Việt Nam hôm nay đang ở trong trạng huống mở mắt ra hay đang ở trong trạng huống nhắm mắt lại?

Phạm Tiến Duật:

Đây là câu hỏi rất là hay. Việc hướng nội hay hướng ngoại trong thơ mà sử dụng câu kinh Phật để tự hỏi làm thơ trong trạng thái mở mắt hay làm thơ trong trạng thái nhắm mắt ấy thì tôi nghĩ rằng, trước đây, cái tỷ lệ làm thơ bằng sự mở mắt nhiều hơn còn bây giờ tỷ lệ làm thơ bằng thạng thái nhắm mắt đã tăng lên. Đó là một điều đáng kể. Hay nói khác đi, như một lần tôi đã nói trên một tờ báo ở Mỹ, đại ý là: trong thời chiến thì Thơ giống như năm ngón tay phải nắm lại thành nắm đấm. Còn trong thời bình thì năm ngón tay Thơ ấy phải được xòe ra. Suy cho cùng ra thì làm thơ bằng sự mở mắt là cần, làm thơ bằng sự nhắm mắt cũng cần. Một nền thơ lớn là một nền thơ được tiến hành với cả hai điều đó.

4. Thế Dũng:

Trong đời sống văn chương tất nhiên có những cuộc giao lưu thuần túy mang tính chất giao tế hành chính như là một sự trang sức cho một chính sách ngoại giao nhân dịp. Hiện nay, ở trong nước người ta có thể theo dõi, đọc và suy nghĩ về các nhà văn Việt Nam hải ngoại như thế nào? Anh có nghĩ đó cũng là việc rất quan trọng trong công tác đối ngoại của Hội Nhà văn Việt Nam hay không?

Phạm Tiến Duật:

Rất cần thiết và rất quan trọng. Hiện nay chúng ta đang ở năm cuối cùng của thế kỷ 20. Bất kỳ một nước nào cũng phải làm công việc tổng kết văn học một thế kỷ đã qua. Trong đó có vấn đề văn học hải ngoại. Do vậy vừa rồi có một số tác giả ở nước ngoài, thậm chí ở Mỹ cũng được in ở trong nước. Chắc là các anh ở bên này cũng theo dõi được. Và ngay từ xa xưa, lâu rồi, như là hàng hơn hai mươi năm trước cũng đã có tác giả Việt kiều ở Pháp như là anh Nguyễn Hồi Thủ chẳng hạn, cũng đã có tác phẩm in ở trong nước. Nhưng thực ra, vấn đề này theo tôi được quan tâm chưa đầy đủ. Cần phải hiểu và chia người Việt ở hải ngoại gồm có mấy khối người. Khối thứ nhất là khối người đi từ rất lâu rồi. Do lịch sử xa xưa. Từ trước năm 1945 đã đi rồi. Đã ở nước ngoài rồi. Thậm chí là đến hai ba thế hệ rồi. Loại thứ hai rất là đông là trường hợp năm 1975 và sau 1975 mà chủ yếu là người miền Nam đi ra nước ngoài. Và khối thứ ba là những người từ Hà Nội đi học tập, đi lao động, đi công tác rồi

sau đó vì cớ này hay cớ kia mà ở lại sống và làm việc rất lâu hoặc định cư ở nước ngoài. Thì chúng tôi quan tâm chưa đầy đủ hay là không đủ lực lượng để mà quan tâm. Mà trong đó có rất nhiều tài năng. Tài năng là đáng quý. Và do thế, tôi nghĩ rằng, thời gian tới Hội nhà văn sẽ quan tâm nhiều hơn đến lực lượng sáng tác ở hải ngoại.

5. Thế Dũng:

Gần đây tôi có đọc Trường ca *Tiếng Bom Và Tiếng Chuông Chùa* của anh. Thiết nghĩ, trong khi cảm thấu và gói ghém sự tương phản bi tráng của hai vang động này vào thi phẩm, chắc chắn anh sẽ có những đánh giá hoặc chí ít anh cũng có những linh cảm về vai trò của Phật học trong đời sống Tâm linh của người Việt? Nếu tôi không lầm thì cách đây hơn hai mươi năm khi gặp anh ở căn nhà riêng tại phố Yên Thế Hà Nội tôi đã thấy anh khoe là đang đọc nhiều Kinh Phật?

Phạm Tiến Duật:

Rất đúng. Rất đúng. Tôi không chỉ đọc Kinh Phật. Tôi còn đọc Kinh Thánh. Tôi còn đọc một phần của Kinh Coran. Nói chung là tôi rất thích thần học. Tuy nhiên tôi là người châu Á thì những gì thuộc về phương Đông buộc tôi phải hiểu kỹ hơn những vùng khác. Cho nên tôi nghiên cứu Kinh Phật từ rất lâu rồi chứ không phải chỉ bây giờ. Tuy nhiên thì Kinh Phật nó khác Kinh Thánh ở chỗ Phật nói như sau: Phật không bao giờ viết Kinh, Phật chỉ viết một nửa của Kinh thôi. Tức là không có một bộ Kinh nào đầy đủ cả mà người đọc phải viết nốt nửa thứ hai, nửa kia. Cho nên Kinh Phật không chỉ có một bộ mà có rất nhiều bộ. Thì nhà thơ có thể soi mặt vào trong cái quyển Kinh Phật ấy và không những chỉ thấy gương mặt mình mà còn làm cho dạ mình sáng lên. Cái điều bổ ích không phải là làm cho văn mình dồi dào mà trước hết làm cho tâm hồn mình dồi dào. Khi Tâm hồn mình dồi dào thì có lẽ văn mình sẽ dồi dào. Do đó mà tôi đọc Phật.

6. Thế Dũng:

Theo tôi anh là một trong số ít những nhà thơ thông tấn tài hoa của văn chương Việt Nam hiện đại. Hình như do có bản mệnh phùng thời đắc thế cho nên anh là kẻ đồng hành truân chuyên không mệt mỏi với bất cứ thứ thời tiết nào của thế sự. Những bài như Tiểu Đội Xe Không Kính, Lửa Đèn, Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây, Vòng Trắng... xứng đáng được khắc lên những vách núi của đường rừng Trường Sơn. Đó là những thi phẩm của một thời trận mạc. Giờ đây anh đã có thể chuẩn bị xuất bản một thi tập của thời mở cửa chưa?

Phạm Tiến Duật:

Rất cám ơn, có lẽ vào cuối năm 2000 này thì tôi sẽ in một tập thơ có tên là Nhóm Lửa (những vần thơ không khói súng). Tuyển thơ này gồm những bài thơ tôi viết trong vòng 15 năm gần đây mà tôi chưa từng đưa vào bất kỳ một tập thơ nào. Và tôi muốn để cho mọi người thấy, nó sẽ hiện hình rất rõ đời sống của người Việt Nam ta trong những năm tháng vừa rồi. Ngoài ra tôi muốn nói thêm là vừa rồi tôi cũng đang làm một cái tiểu thuyết. Tôi nghĩ, có lẽ cuối năm nay thì xong. Cũng muốn để cho bạn đọc tò mò ngay từ bây giờ. Tôi sẽ công bố tiểu thuyết đầu tay của tôi vào cuối năm. Tiểu thuyết có tên là *Nước và Lửa.*

7. Thế Dũng:

Lịch sử thế kỷ Hai mươi là lịch sử đường rừng
Thế kỷ mới chính là đường cao tốc
Nhưng kìa lũy tre và tiếng người tôi yêu đang nhắc
Vẫn cần những con đường nho nhỏ đến nhà nhau.

Tôi rất thích cái tinh thần nghị luận thông tấn rất trữ tình trong những câu thơ trên của anh. Rồi anh sẽ lại đi trên những con đường cao tốc khác nhau trên mặt đất của thế kỷ mới. Tôi nghĩ các nhà văn Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài cần phải để cho Trí Tuệ và Tâm Hồn mình thường xuyên hành trình trên những con đường cao tốc của Tư Tưởng và Tâm Linh thế kỷ 21.

Đừng khép cửa Cô đơn dâng thành quách
Uổng công què để gỡ bãi mìn xưa!

Có lúc nhớ Trường Sơn, tôi đã gào lên như vậy trong thơ. Có phải thế không hả nhà thơ - kiêm phó Ban Đối Ngoại của Hội Nhà văn Việt Nam?

Phạm Tiến Duật:

Hoàn toàn tuyệt diệu. Tôi nghĩ rằng những câu vừa rồi không chỉ là một câu hỏi mà còn là tiếng vọng của chính tâm hồn tôi.

*

III. Cứ thấy sự bắt chước văn người khác là tôi dị ứng một cách khủng khiếp

(Với nhà văn **Y Ban**)

1. Thế Dũng:

Chào chị Y ban! Chị đã Tốt nghiệp trường Đại học Viết văn Nguyễn Du sau khi tốt

nghiệp Sinh học ở Đại học Tổng hợp, và giảng dạy ở Đại học Y khoa Thái Bình. Như thế An Ton Tsekhop chắc sẽ là một trong những tấm gương về bút pháp truyện ngắn của chị?

Y Ban:

Tất nhiên Tsekhop cũng là một trong những thần tượng của tôi.

2. Thế Dũng:

Thế còn Ivan Bunin chị có thích không ?

Y Ban:

Chắc là anh biết một thời gian dài trong chiến tranh, các tác phẩm Nga được dịch ở Việt Nam rất nhiều. Cả cái thủa đó, từ lúc tuổi thơ tôi đã rất yêu thích văn học và những tác phẩm văn học của Liên Xô thì tôi được đọc khá nhiều.

3. Thế Dũng:

Sau khi đoạt Giải thưởng cao của tạp chí Văn Nghệ Quân Đội và nhà Xuất bản Hà Nội, chị thấy nội lực sáng tác của chị có khác trước nhiều không? Chị thấy vai trò của các Giải thưởng Văn học đối với sự phát triển đời sống

Y Ban (trái) và Minh Tâm

sáng tác của chị ra sao?

Y Ban:

Thứ nhất là khi mà người ta được cái giải thưởng thì nó như là được một sự may mắn. Như các cô hoa hậu bây giờ, các cô ấy đổ xô vào thi hoa hậu để có được một sự may mắn. Nhưng sau đó là bị một sức ép rất là nặng. Thứ nhất là tất cả những người được Giải thưởng cao thường sau đó không viết được gì. Nhất là ở tạp chí Văn Nghệ Quân Đội. Sức ép thứ hai là đòi hỏi của bạn đọc cao hơn. Viết thế nào đây, liệu có bằng được cái cũ hoặc là cái mới nó sẽ được xem như thế nào. Tất cả các sức ép đó làm cho tôi phải nghỉ đến một năm, tôi không viết nữa. Nhưng về sau, tôi nghĩ rằng, phàm là nhà văn thì phải viết. Hãy viết đi, cho nó thế nào thì cứ cầm bút mà viết. Sau đó thì tôi viết lại. Cố gắng mà viết. Cứ thế tôi viết và không quan tâm đến cái giải thưởng nào nữa. Tôi nghĩ là nhà văn phải viết và cố gắng viết. Cho nên tôi viết rất nhiều. Và mọi người có phần nói rằng là tôi viết dễ dãi.

4. Thế Dũng:

Vâng, cảm ơn chị! Những kinh nghiệm riêng của chị thật là thú vị cho nhiều người viết trẻ. Có một lần nào đó tôi đã từng nghe nhà văn Garcia Markez nói rất thấm thía về ý nghĩa và tác động của các giải thưởng văn chương đối với những người viết. Thưa chị Y Ban, tôi thì tôi thấy rất vui khi mà biết chị là người thường xuyên và chị có một sự chủ tâm thường xuyên viết về số phận phụ nữ. Điều đó có một lợi ích rất lớn cho người đọc là khi các nhà văn đàn ông viết về phụ nữ thì chắc chắn không thể hay bằng chính những người phụ nữ tự viết về cuộc đời của họ. Vậy nhà văn nữ nào đã từng là kẻ quyến rũ chị nhất?

Y Ban:

Có ba nhà văn nữ rất rất quyến rũ tôi. Nhưng tôi chỉ nhớ tên chị em nhà văn Charlott Bronti đã viết *Jane Eyre* và *Đồi Gió Hú*. Và thứ hai là bà nhà văn viết *Cuốn Theo Chiều Gió*. Nhiều việc quá đến nỗi tôi không còn nhớ được cả tên của người ta. Và một bà nhà văn Úc viết cuốn *Tiếng Chim Hót Trong Bụi Mận Gai*. Và tôi rất yêu mến các nhà văn đó.

5. Thế Dũng:

Chị đã ra nước ngoài nhiều lần chưa và nước Đức đã có thể gợi hứng sáng tác cho chị trong những ngày vừa qua không?

Y Ban:

Lần đầu tiên tôi được ra nước ngoài và tôi được đến nước Đức. Thời gian tôi ở Đức quá ngắn để cho tôi có thể sáng tác được về nó. Nhưng tất nhiên tôi đang là phóng viên báo *Giáo Dục Và Thời Đại* cho nên việc viết một bài báo thì có thể. Hôm nay chúng tôi đã đến một trang trại nuôi bò và có rất nhiều vấn đề lý thú. Chắc là tôi sẽ viết báo. Còn về văn chương thì rất khó. Bởi vì đối với tôi, tôi không ngợp trước tất cả cái gì mới lạ hoặc cái gì mình vừa nhìn thấy. Mà tất cả nó phải từ từ ngấm vào máu tôi đến lúc nào đó nó bật ra thành ý nghĩ, tôi không phải suy nghĩ gì cả, chỉ đặt bút và các dòng chữ nó sẽ hiện lên trên trang giấy.

6. Thế Dũng:

Chị có hay đọc các nhà văn Việt Nam ở Hải ngoại không ? Trong số những nhà văn Việt

Nam ở nước ngoài mà chị đọc được thì chị thích đọc ai hơn cả?

Y Ban:

Rất tiếc là các nhà văn Việt Nam ở nước ngoài tôi rất ít đọc. Bởi vì bây giờ ở trong nước, người ta xuất bản và dịch các tác giả nước ngoài rất nhiều. Và hầu như chúng tôi ngợp trước các tác giả đó. Cho nên chúng tôi không có hoặc là chưa có thời gian để đọc những nhà văn Việt Nam ở nước ngoài. Nhưng hôm qua nhân ở nhà anh Trần Văn Cung thì tôi có đọc một tác giả nữ mà ở trong nước chúng tôi đã đọc nhiều, là Phạm Thị Hoài, và một tác giả rất mới là Lê Minh Hà. Chúng tôi thấy rằng, dù sao thì cái nguồn cảm hứng để viết cho 70 triệu người ở trong nước nó vẫn nhiệt huyết hơn nhiều. Không biết ý nghĩ này có phải chỉ từ tôi hay không. Nhưng anh hãy tin tôi, bởi vì tôi là biên tập viên. Đối với trường hợp Phạm Thị Hoài thì khác vì đã xuất hiện từ trong nước. Nhưng còn nhân vật sau đó thì anh phải tin một điều là tôi là biên tập viên trang Văn hóa Văn nghệ, hàng ngày tôi đọc rất nhiều truyện ngắn của các tác giả trẻ thì tôi thấy với nữ tác giả ở nước ngoài này mà Nguyễn Mộng Giác đã có lời tựa rất hay và đầy ưu ái thì tôi thấy chỉ thuộc vào tầng lớp viết như là mới vào nghề, như của mấy em sinh viên. Câu văn rất trơn tru nhưng thử hỏi là nó tải được bao nhiêu thì không thấy tải được nhiều lắm.

7. Thế Dũng:

Chị có thể cho biết là sắp tới chị có những dự định xuất bản và sáng tác gì không ?

Y Ban:

Tôi in truyện ngắn đầu tiên năm 1989. Sau đó tôi được giải. Từ đó tôi xuất bản được bốn tập truyện ngắn. Lẽ ra, nếu không bị trục trặc tôi đã có thể mang sang Đức tập truyện ngắn mới tinh của tôi xuất bản năm 2000 ở nhà xuất bản Thanh Niên có tựa đề là *Miếu Hoang*. Trong tập này tôi bắt đầu tự đổi mình. Trước đây nếu như mọi người ở trong nước gọi tôi là nhà văn phụ nữ viết về phụ nữ thì bây giờ tôi thử đổi sang các đề tài khác xem sao. Với tập này, tôi đang hồi hộp chờ đợi xem bạn đọc ở Việt Nam sẽ đánh giá tôi như thế nào. Liệu cái mà tôi đổi mới, tôi tự tìm đi một hướng khác có được công chúng chào đón hay không. Theo người biên tập ở nhà xuất bản Thanh Niên thì đây là một tập được. Rất được ở cái chỗ tôi đổi mới, chuyển sang bút pháp khác. Tất nhiên là những dòng viết của tôi về phụ nữ thì vẫn theo truyền thống, là tinh tế trong vấn đề tả người phụ nữ và rất dễ đọc. Còn những cái mà tôi đang đổi, đang khác đi tuy chưa tới với công chúng nhưng theo người biên tập viên thì nó rất chặt chẽ và nó có thể là một hướng đi mới của tôi sau này.

8. Thế Dũng:

Tôi muốn có thêm một trắc nghiệm nhỏ nữa về cảm thụ văn chương: Chị có thể so sánh Phạm Thị Hoài và Lê Minh Hà theo cách nhìn của chị khi chị đọc hai người này được không? Họ đều là hai tác giả nữ...

Y Ban:

Hôm qua chúng tôi có nói chuyện vui với nhau. Chị Lê Minh Hà vốn là giáo viên dạy văn. Chị ấy có nói là câu văn trong nước không được trong sáng và phong phú. Nếu người ta soi vào đó để mà học tiếng Việt thì quả là có thế. Nhưng anh phải biết rằng bây giờ tiếng Việt của mình đang ngày càng phát triển cực kỳ phong phú, nhất là ngôn ngữ ngoài đường ngoài chợ. Lối viết của Phạm Thị Hoài phải nói rằng rất thông minh. Nhưng mà chị ấy thông minh ở một điều nữa là biết nhặt những ngôn ngữ ở đường phố vào tác phẩm của chị. Trước kia tôi học ở Đại học Tổng hợp, có cái định luật của Động học, nói rằng không phụ thuộc vào đường đi mà chỉ phụ thuộc vào điểm đầu và điểm cuối. Có nhiều con đường để đến một điểm mà người ta muốn. Ngôn từ nó tải cái mà người ta muốn nói. Ngôn từ của chị Phạm Thị Hoài rất là phong phú, chị ấy nhặt rất nhiều ngôn từ của đường phố, không phải ngôn từ xalông, nên khi đọc lên thì nghe rất là khoái trá, thích ngay lập tức. Nhưng khi đọc xong rồi, bảo nhớ lại xem nó còn cái gì thì rất khó... Có một điều tôi rất buồn là hiện tại trong nước một số các nhà văn mới bước vào nghề đã bắt chước theo giọng của một số nhà văn đi trước như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài. Cho nên, khi bắt đầu đọc bản thảo của họ, mặc dầu không biết điểm đầu điểm cuối nó ra làm sao, nhưng cứ thấy bắt chước văn người khác là tôi dị ứng một cách khủng khiếp. Và tất cả truyện ngắn nào đến tay tôi mà tôi nhìn thấy nó hơi hướng giống như thế là lập tức tôi cho... nốc ao.

9. Thế Dũng:

Cảm ơn nhà văn Y Ban. Khi trò chuyện với chị tôi đã nhớ tới bài thơ Người Đàn Bà Một Mình Đi Đường của Nữ thi sĩ Blaga Dimitova. Chúc chị nhiều nghị lực và can đảm để hành trình trên sinh lộ văn chương của mình.●

Berlin 19.03.00

BÀN CHẮN CUỐI TUẦN

truyện
TRẦN MỘNG TÚ

Tâm ngồi đối diện với cụ Vũ. May quá! Hôm nay Tâm không phải ngồi tay trên hay tay dưới cụ. Ngồi tay trên cụ, mà cụ không ù, hoặc mình ù tay trên cụ, thì suốt canh chắn cụ sẽ cằn nhằn đến nhức mình nhức mẩy. Mà ngồi tay dưới cụ thì khó lòng mà ăn được cây bài cụ đánh ra. Tâm đánh vòng trước cây nào thì vòng sau cụ đánh ngay cây đó. Chơi chắn đánh lành (hay đánh đì) là chuyện tự nhiên. Vì "chắn đánh đì, xì tháu cáy" là châm ngôn của những người chơi bài. Nhưng cụ Vũ đánh bài sắc nước lắm. Cụ tính cây còn, cây hết như thần. Cụ xé cả chắn ra để đánh đuổi cho nhà dưới không ăn được. Hoặc cụ ăn một cây, mà cụ không đánh nốt cây còn lại, cụ đợi cho nhà dưới đánh đi, rồi cụ mới buông cây bài ra.

Bà Nhân ngồi tay trên cụ. Cây tam vạn vừa bốc lên, bà Nhân gọi ù, cụ Vũ giơ tay ra ngăn lại:

"Khoan đã, tam vạn thì tôi ù 'Bạch thủ, chì, hai tôm.'"

Cụ Vũ chỉ có một cửa, vì ngồi ở tay dưới, nhưng đến đúng cửa của cụ, nên cụ ù chì. Bà Nhân kêu ầm lên:

"Con thấy cụ có đôi cửu vạn, con tưởng cụ chờ bát sách, để lấy lèo, ai ngờ cụ xé tam ra chờ."

Cụ cười tủm tỉm:

"Tôi làm gì có chi chi, mà chờ bát sách."

Tâm ngắm nụ cười của dì, cô ứa nước mắt nói thầm trong đầu: "Không biết mẹ đã biết chưa? Chắc là chưa ai cho mẹ biết, nên mẹ mới bình tâm như vậy."

Cả buổi sáng hôm đó cụ Vũ đỏ lắm, cụ ù

hai ba hội liền, thỉnh thoảng mới có người chen vào một ván. Khi cụ ngả bài xuống ù một ván bài rất lớn. Ván "kính tứ cố," tức là toàn bài trắng cả, chỉ có bốn cây đỏ, là bốn ông cụ. Ù như thế tức là cụ ăn cả hội. Chắn đánh gom mười đồng thì cụ ăn nguyên năm mươi đồng, và mỗi người còn phải nộp tiền bốn ông cụ, nghĩa là thêm mười sáu đồng nữa cho cụ. Cô Út kêu lên:

"Ù 'kính tứ cố' độc lắm, mẹ đừng lấy tiền, chỉ ăn ván bạch định thôi."

Cụ Vũ cười bảo:

"Chẳng có độc gì cả, các cô chung tiền cho tôi, tôi già rồi, không có kiêng. Có đi bây giờ cũng đúng lúc rồi."

Cô Chi nhìn cô Út nói:

"Cứ để cho mẹ ăn, bài của mẹ không có nhị vạn và tứ vạn, không sao cả." (Tứ vạn có hình cái xe, và nhị vạn có hình hoa đào. Người nào ù ván kính tứ cố thì hay sợ, vì bốn ông cụ tượng trưng cho bốn người khiêng hòm, lại có hoa và xe đi theo, có nghĩa là sẽ có tang tóc).

Tâm lại ngắm nghía cụ. Chiếc khăn lụa cụ chít trên đầu hơi trễ ra đằng sau, đám tóc bạc đằng trước trán, xổ tung ra, lòa xòa xuống mặt. Khuôn mặt trái xoan đầy vết nhăn, nhưng hai con mắt tròn và nhiều lòng đen vẫn long lanh sáng. Tâm thấy đau nhói ở ruột. Cô lẩm bẩm trong đầu một mình: "Hoa đào xe và bốn ông cụ. Mẹ đã biết chưa! Tội quá, mẹ đã biết chưa!"

Nhưng Tâm vẫn nói theo cô Chi:

"Thôi, cứ để mẹ ăn tiền đi, không sao đâu."

Cụ Vũ là dì ruột của Tâm, cụ năm nay 85 tuổi. Tâm mất mẹ cả mười năm nay rồi, nên khi cụ Vũ sang Mỹ, Tâm mừng lắm. "Sẩy cha còn chú, sẩy mẹ áp vú dì." Tâm mong sao cho cụ Vũ sống đến 100 tuổi, vì họ bên ngoại của Tâm (ngay cả bên nội nữa) những người lớn tuổi đã đi qua cuộc đời của họ rồi. Chỉ còn sót lại mình cụ, Tâm thường gọi cụ bằng mẹ thay bằng dì hoặc bằng bà.

Cụ Vũ vừa sẩy thai vừa sanh tất cả là mười bốn lần. Cụ bỏ mất một cô lúc mới sáu tháng, và một cậu tử trận năm hăm bảy tuổi. Bây giờ cụ còn lại sáu ông con trai và hai bà con gái. Ba người con trai ở Việt Nam. Hai ở tiểu bang California, và một ông ở Canada. Cụ sang Mỹ do con trai bảo lãnh, nhưng cụ không ở với con trai, mà lại ở nhà cháu và cô con gái út, ở thành phố Seattle. Cụ ở với cô em gái Tâm. Tuần nào nhà cô Chi cũng tổ chức đánh chắn cho cụ. Nói là cho cụ, chứ thực sự cô Chi cũng mê lắm. Cô có hai người bạn đứng tuổi cũng mê đánh chắn như cô. Đánh chắn thì phải có năm người mới đủ một bàn chắn. Tâm thì không thể cuối tuần nào cũng tham dự được, cô còn nhiều việc khác phải làm. Chỉ thỉnh thoảng tuần đó mà chồng cô đi vắng hay đi leo núi với bạn, thì cô mới đến hầu bài cụ được. Những lần không có cô thì bốn người vẫn chơi. Gọi là đánh "bí tứ." Cụ Vũ thì miễn sao được cầm quân bài là cụ vui. Cụ chỉ mong sao cho ngày nào cũng là ngày thứ bẩy, để cụ được chơi bài. Bao giờ mà thứ năm thứ sáu, gặp hôm cụ bị cảm, thì cụ không dám kêu ca gì. Thậm chí có ho cụ cũng nhịn, vì sợ kêu ốm là con cháu không cho cụ chơi bài vào ngày thứ bẩy.

Cây bài vừa bốc lên, chưa kịp ném xuống mặt bàn cụ đã hạ bài xuống ù. Con cháu ngồi chơi với cụ không có ai tinh tường như cụ. Tai cụ đã hơi ngãng nhưng mắt cụ vẫn sáng ngời. Tính tiền bạc với cụ thì phải cho rõ ràng phân minh. Cô Út của cụ bảo:

"Mẹ bao giờ cũng nhớ tăng lên, chứ không giảm xuống."

Như thế có nghĩa là cụ gửi một ván "tôm" thì cụ nhớ là cụ gửi một ván "lèo." Vì ván lèo hơn ván tôm một đồng.

Khi không có Tâm đến chơi bài thì cô Út của cụ thế chân. Cô mới học chơi mà cô còn giỏi hơn Tâm, cô lại có tính gan nên cô bao giờ cũng gò bài để ù ván to, có cước sắc chứ không chịu ù suông (suông là ván bài ít tiền nhất). Cô hay vừa cười, vừa nói, những lần cô ù được ván bài to, hay mất ù ván bài nhỏ vì tính tham:

"'Ăn thua mình gan' mà chị."

Cô Út đã hơn bốn mươi tuổi, mà chưa lập gia đình. Điều này làm cụ Vũ không an lòng, cụ chỉ sợ khi cụ ra đi mà cô Út vẫn chưa có người lo cho cô. Thực ra thì cô Út chỉ có cái nhu cầu lấy chồng như các phụ nữ khác, chứ không có cái nhu cầu cần một người lo cho mình. Cô thông minh, nhanh nhẹn, nhan sắc đằm thắm nhưng chắc cô cao số. Nói là cụ Vũ không yêu con gái bằng con trai, thì cũng có phần nào đúng. Lúc nào cụ cũng nói về các ông con trai của cụ, mặc dù các ông không có ở bên cạnh săn sóc cụ, chỉ có hai cô con gái cụ, là ôm lấy cụ thôi. Ông cả thì có gọi điện thoại cho cụ hằng tuần, và thỉnh thoảng vẫn nhớ đồng quà, tấm bánh cho cụ. Còn hai ông con thứ thì lâu lắm, cả năm mới nhớ đến cụ, nhưng mỗi lần có ông nào nhớ đến cụ, thì cụ

sung sướng đi khoe mọi người. Gửi cho cụ một trăm đồng, thì cụ nói là gửi cho ba trăm. Chắc là cụ nghĩ, nói số tiền nhiều lên gấp ba, thì lòng hiếu thảo của các ông con cụ, sẽ tăng lên gấp ba chăng?

Tâm nhìn đồng hồ đã gần mười giờ tối, cô nói:

"Chơi hết hội này thì nghỉ, con về đến nhà thì cũng mười một giờ, sợ trễ quá."

Cụ Vũ không bằng lòng. Từ trưa đến giờ cụ đen lắm, trống luôn mấy hội bài, bây giờ cụ vừa ù lại thì Tâm muốn nghỉ. Đâu có được, cụ nói dỗi:

"Còn sớm lắm, đánh chắn mà ngồi được có mấy tiếng thì đánh làm gì?"

Mọi người đưa mắt nhìn Tâm, ý muốn Tâm ở lại lâu thêm nữa, để chiều cụ.

Tâm đành im lặng, ở nán lại cho đến thật khuya.

Quả thật càng về khuya, cụ Vũ càng sáng suốt, cụ toàn ù thập điều, bạch định. Cụ không nhầm, lẫn một cây bài nào. Biết cụ ngãng tai, mấy người trẻ tuổi thì thầm với nhau:

"Cụ đâu có lẫn, cụ còn sáng suốt lắm."

Cuối cùng thì canh bạc cũng phải tàn. Cụ Vũ thu được về số tiền cụ đã thua mà còn được thêm hai, ba chục nữa. Nhưng đời nào cụ khai cụ được, và cũng chẳng có ai dám hỏi cho ra nhẽ là cụ thua, được bao nhiêu.

Đã có một lần Tâm sốt sắng định đổi hộ cụ cái tờ giấy một trăm đồng. Thì cụ quắc mắt lên hỏi Tâm:

"Tôi có thiếu cô đồng nào đâu, mà cô đòi đổi tiền của tôi?"

Tâm đành cười xòa. Mấy chị em xúm lại nói Tâm: "Ai bảo trêu vào cụ."

Tết này cụ Vũ 86 tuổi ta, cụ nặng 72 cân Anh, cụ có thấp hơn thời son trẻ một chút, nhưng lưng cụ vẫn thẳng, trí óc cụ vẫn minh mẫn tùy từng trường hợp. Điều nhớ, điều quên của cụ cũng lạ lùng. Cụ muốn nhớ thì cụ sẽ nhớ, cụ muốn quên thì nhắc đến mười lần cụ vẫn quên. Cụ nhớ rất rõ, các ông con trai cụ đã cho cụ những gì, đã gọi điện thoại mấy lần trong một năm. Nhưng cụ lại quên bẵng ngay việc cháu cụ, hoặc con gái cụ mới làm cho cụ ngày hôm qua.

Trước khi về, Tâm kéo cô em họ ra một góc nhà, khuất tầm nhìn của cụ Vũ, hạ giọng hỏi em:

"Mẹ biết chưa?"

Cô Út mắt đỏ hoe, lắc đầu.

Tâm nói:

"Chị thấy như vậy là không đúng. Trong vòng mười lăm tháng mẹ mất hai người con, mà mẹ không được biết. Tội quá!

Cô Út đưa tay quẹt ngang những giọt nước mắt đang ứa ra:

"Em đã bàn với các anh. Anh Bách thì thấy nên cho mẹ biết, nhưng anh Thông và anh Quốc thì bảo phải giấu. Mẹ đang có bệnh tim, mẹ già quá rồi. Biết cũng chẳng thay đổi gì được. Nhỡ mẹ không chịu đựng được thì sao!"

Thư, chị của cô Út, người phụ trách chia bài cho hội chắn, ở trong bếp đi ra. Cô vừa khóc vừa nói:

"Em chẳng biết thế nào là đúng! Không cho mẹ biết thì mang lỗi với mẹ, mà cho mẹ biết sợ mẹ có đủ sức không?"

Tâm bảo:

"Người mẹ có quyền đau đớn cho cái chết của con mình."

Cô Út cãi lại chị Tâm:

"Chị ơi! Con người không cần cái nhu cầu đau đớn. Cả hai anh của em chết ở Việt Nam. Nếu không nói thì mẹ vẫn đinh ninh là cụ còn cả ba người con trai ở quê nhà. Bây giờ nói cho mẹ biết, ngoài việc mất hai con lớn, mẹ còn thương Bình, bỗng dưng trở nên trơ trọi một mình. Cả một gia đình cha mẹ, anh em mười mấy người, tản mạn mười phương. Sống thì xa tắp chân trời. Đang ở bên cạnh thì vùi chôn lòng đất.

Tâm đặt tay lên vai cô Út:

"Thượng Đế lúc nào cũng cho người mẹ đủ sức gánh vác những bất hạnh xẩy ra từ con cái. Nếu là địa vị chị, chị không muốn ai giấu giếm chị."

"Chị còn trẻ hơn mẹ những ba, bốn chục năm tuổi, chị chịu được, mẹ mong manh lắm!" Út cãi lại.

"Năm ngoái, khi Tòng mất, chị đã đem chuyện của gia đình mình ra hỏi ý kiến bạn bè. Chị hỏi cả người Mỹ, người Việt thì ai cũng cho việc chị em mình giấu mẹ là sai. Cụ Mary 70 tuổi, một người bạn già, cùng đi lễ nhà thờ với chị nói: 'Con tôi tử trận ở Việt Nam, mấy chục năm sau người ta mới tìm thấy bộ xương, mới xác định về cái chết. Tôi vẫn muốn biết rõ từng chi tiết: Con tôi chết như thế nào, chết ở địa điểm nào. Tôi biết mở tập hồ sơ ra cũng giống như mổ xẻ lại một vết thương, đã thành sẹo. Nhưng tôi là mẹ, tôi muốn biết tất cả những cái gì thuộc về con tôi, dù có làm tôi đau đớn.' Một bà cụ khác, người Việt Nam,

mẹ của bạn chị thì nói với chị là: 'Cháu ơi! Dì của cháu đã 86 tuổi rồi, cụ biết rõ chuyện sinh tử là chuyện đời người. Ai cũng phải chết. Người đi trước, người đi sau. Trên thế gian này, chuyện con cái mất trước cha mẹ, đâu có phải chỉ xẩy ra cho một mình dì của cháu.'"

Cô Út nói:

"Không em nhất định không cho mẹ biết, cả anh Thông và anh Quốc cũng đồng ý với em. Bây giờ nếu mẹ biết mất hai người con trai một lúc, mẹ sinh bệnh ra, rồi ai là người săn sóc. Biết đâu mẹ chẳng sống được 100 tuổi, nếu mẹ không bị đau buồn gì."

Cô Thư nói thêm vào:

"Chị ơi! Hôm trước em nói xa, nói gần với mẹ. Em bảo mẹ là anh Bang đang bị ung thư gan, anh ấy đau lắm, mẹ nhớ đọc kinh cho anh ấy. Mẹ bảo: 'Ừ, mẹ vẫn đọc kinh cho nó.' Hôm sau em hỏi lại, thì mẹ quên mất rồi. Mẹ bảo: 'Thằng Bang đau gan, nhưng khỏi hẳn rồi.' Em bảo: 'Anh ấy xong rồi, anh ấy đi rồi.' Mẹ không nghe rõ em nói gì."

Thư vừa nói, vừa nấc lên khóc, cô hỏi chị:

"Chị Tâm à, hay là khi mình già rồi, thì Chúa cho mình hết nợ chồng con, cho nên mẹ với vô tâm về chuyện anh Bang như thế."

Tâm ôm hai vai Thư:

"Người đàn bà có thể hết nợ với chồng, nhưng không bao giờ hết nợ với con cả. Có thể ngày hôm nay mẹ quên, nhưng ngày mai mẹ lại nhớ ra. Tuần trước mẹ mới kể lại cho chị nghe chuyện Bang bị cộng sản bắt ở Quảng Trị, năm 1965. Em còn nhớ khi anh ấy được thả. Mẹ ra Quy Nhơn đón Bang về không?"

"Em nhớ chứ, anh ấy mất tích hai năm, được lãnh tiền tử rồi, mà lại sống trở về. Mọi người trong gia đình đều đinh ninh là anh ấy chết, chỉ có Bố em là không tin. Ông cụ bấm tử vi bảo 'Nó chỉ bị hạn thôi, thế nào nó cũng về.' Mà mẹ em lúc đó không tin bố. Cụ kêu khóc ầm ĩ, nói rằng: 'Nhà nước đã cho lãnh tiền tử, thì đúng là nó đã chết rồi.' Cụ đi vào nhà thờ xin lễ cho con trai. Xin lễ cầu hồn, chứ không phải xin lễ cầu bình an. Sau đó cụ khóc ngất, khóc ngầm, khô héo cả năm trời."

THẢO CHI

BIỂN XANH VÀ LOÀI DI ĐIỂU

Trước mặt mênh mông đại lộ
sao mình chẳng thấy lối đi?
Chắc mình đang lo, đang sợ
phút giây nói tiếng phân kỳ!
Chiếc xe loanh quanh bỡ ngỡ,
hai ta lệ ứa bờ mi.
Em về bên anh vội vã
bây giờ thưa anh... em đi.

Em muốn chúng mình đi lạc
hôm nay và muôn kiếp sau,
đời chẳng còn chi. Mất mát!
(Có chăng là chuỗi ngày sầu
và câu ca dao Mẹ hát
dỗ con giấc ngủ dài lâu.)
Anh ơi mình là bụi cát
cuồng quay trong ngọn trốt nào,
gió ngừng trơ thân sa mạc
trở mình nghe thấm cơn đau!

Em muốn mình đi, đi mãi
như loài di điểu bay hoang
lạc vùng biển xanh xa ngái
tưởng đâu vừa tới địa đàng,
lượm vỏ sò phơi trên bãi
cát vàng lóng lánh, mênh mang...
anh ơi, anh thì sao nhỉ?
có muốn cùng em lạc đường?
Anh tìm làm chi tấm bảng
chỉ anh lối đến phi trường.

Cuối cùng thì mình cũng tới
nơi nầy, điểm hẹn? Chỗ xa?
Máy bay gầm gừ thúc hối,
chào nhau lòng thấy xót xa!

Thư ngừng một lúc lấy hơi, rồi đăm đăm nhìn vào mặt Tâm nói:

"Chị đừng thắc mắc gì về việc mẹ không biết anh Bang chết. Mẹ đã khóc anh ấy chết một lần rồi. Anh ấy chết lần này nữa là lần thứ hai. Mẹ đã trả cái đau đớn rồi, bây giờ để mẹ yên."

Tâm thở dài, buông Thư, chui vào xe:

"Tùy các em. Thế còn Tòng thì sao?"

"Đã giấu thì phải giấu cả hai người chị ạ. Thật ra em cũng hoang mang không biết mình làm thế là đúng hay sai. Nhưng còn quyền của các anh em. Các anh ấy không cho nói, em đâu có dám nói."

Mười lăm tháng trước Tòng ở Việt Nam mất trong một tai nạn xe cộ. Hai cha con chở hàng trên xe gắn máy, bị một chiếc xe vận tải ủi vào lề đường. Tòng ngã xuống, đầu đập vào thành xi măng vệ đường, hôn mê hai ngày thì mất. Cô con gái chở bố thì chỉ bị xây xát nhẹ.

Tin Tòng chết bất thình lình báo sang Mỹ làm hoang mang cả họ. Không ai dám cho cụ Vũ biết. Vì Tòng là người con thân nhất với cụ. Cụ vẫn nhắc đến hằng ngày là: "Cho tôi về Việt Nam, tôi ở với cậu Tòng, cậu ấy hợp với tôi lắm. Hồi còn ở nhà cậu ấy vẫn chở tôi đi đánh chắn cuối tuần."

Bây giờ lại tiếp theo cái tin Bang chết. Mọi người con của cụ mới thấy bị rơi vào một tình trạng khó xử. Làm sao mà báo cho mẹ một lúc về hai cái tang? Mà giấu nữa thì có đúng hay không?

Tâm nhìn lên bàn thờ, những cây nến nhỏ thắp thành một hàng dài, cháy lung linh, ánh sáng tỏa ra, rọi xuống chiếc băng mầu tím có hàng chữ "Xin cầu cho Linh Hồn An Tôn." Tiếng khóc của Thư và cô Út con cụ Vũ rấm rức ở trong phòng ngủ của Tâm. Tâm gạt nước mắt mình bằng lưng bàn tay, quay vào dỗ dành hai em:

"Hai em phải ra đọc kinh, mọi người đang đợi, không được khóc nữa."

Tâm nói xong thì chính cô cũng ôm lấy hai em vừa bật lên tiếng khóc. Một lúc thật lâu, Tâm cố cầm lòng, cất tiếng hỏi Thư:

"Mẹ đang ở đâu?"

"Mẹ đang ở nhà chị Chi. Buổi chiều mẹ ở đằng em, nhưng em nhờ cháu đem bà lên chị Chi, nói dối là em phải đi ăn cơm khách."

Tâm đủn lưng hai em ra ngoài, nói:

"Các em ra đi kẻo mọi người chờ, để chị gọi cho mẹ một tiếng."

Tâm đứng trước máy điện thoại, cô thở vào thật sâu, tĩnh tâm một giây trước khi cầm máy gọi cụ Vũ.

"Bà đấy phải không?" Tâm nói to.

"Ừ bà đây, ai đó."

"Con, con Tâm đây, bà đang làm gì đó?"

"Bà sắp đi ngủ."

"Sao tối nay bà ngủ sớm thế."

"À, bà ngủ sớm để lấy sức. Cô quên ngày mai là thứ bẩy à? Mà ngày mai cô có đến không?"

Tâm khựng lại một giây, rồi hấp tấp trả lời:

"Dạ, có, có ngày mai con đến."

"Ừ, bà đi ngủ đây, mai cho cô ngồi tay dưới tôi."

Tâm buông điện thoại xuống. Hai tay cô ôm chầm lấy mặt mình, cô khóc không thành tiếng.

"Tội nghiệp bà quá, bà ơi! Bà có biết là bà mất cả hai ông con trong có mười lăm tháng trời? Bà không có một cái linh tính nào sao? Hay là bà đã hết hẳn nợ chồng, nợ con rồi."

Ở ngoài nhà, tiếng đọc kinh bắt đầu vang lên đều đều.

Trong một khoảnh khắc, bỗng đầu óc Tâm trở nên trong suốt, trống rỗng và cái tâm của cô cũng ngưng xúc động, cô chẳng còn nhìn thấy cái hình ảnh bi thảm nào khác ngoài cái bàn chắn của ngày cuối tuần.

Tiếng cụ Vũ vang lên bên tai Tâm:

"Khoan đã, tam vạn thì tôi ù."

Rồi lại tiếng của cô Út rót vào tai bên kia Tâm:

"Chị ơi! Con người không cần cái nhu cầu đau đớn."

Đúng, em cô nói đúng. Cụ Vũ 86 tuổi rồi, cụ đang cần được bình an ở những ngày tháng cuối. Cụ không có cái nhu cầu phải đau đớn.

Ba tháng sau, vào một buổi tối Tâm nhận được tin người em họ thứ ba. Thông, trưởng nam của cụ Vũ bị đau gan nặng, đang được đưa vào nhà thương để làm những thử nghiệm.

Tâm bàng hoàng cả người. Đầu óc Tâm tê hẳn đi, cô không biết mình phải làm gì nữa. Tâm đứng nhìn trân ra ngoài cửa sổ. Đêm tù mù, đêm buồn bã. Ánh đèn đường hắt lên những cây thông cạnh nhà thứ ánh sáng yếu ớt, rụt rè. Gió thổi xao xác những cành thông va vào nhau, va vào nhau. Tâm bặm môi nói trong tiếng nấc:

"Thông ơi! Đừng rơi... đừng rơi nhé."●

5/2000

Y KHOA VÀ NHỮNG LẦM LẪN CHẾT NGƯỜI

Bác sĩ NGUYỄN VĂN TUẤN

Trong mục *Đời sống quanh ta* và qua tiêu đề *Y khoa và những lầm lẫn chết người* (Thế Kỷ 21, số 129 tháng Giêng 2000), tác giả Trần Quán Niệm viết "[Trong nước Mỹ] *Hàng năm có chừng 120 ngàn bệnh nhân kém may mắn, chết vì những lỗi lầm của bác sĩ và nhà thương.*" Có lẽ để cho dễ hiểu, tác giả còn so sánh con số này với số lượng tử vong vì tai nạn máy bay trên không (329 người hàng năm), chết đuối dưới sông, biển (khoảng 5000 người), tai nạn xe cộ trên đường lộ (khoảng 44 ngàn người), và chết vì tham chiến ở Việt Nam (58 ngàn). Thoạt đầu, đọc qua bản tin này tôi cũng giật mình, không ngờ giới bác sĩ, nhân viên y tế lại gây ra nhiều tai nạn như thế! Bài viết này không nhằm "bảo vệ" ngành y tế, cũng không phải để phản bác những nhận xét [mà thật ra có nhiều điều tôi đồng ý] trong bài viết của tác giả Trần Quán Niệm, nhưng chỉ muốn làm sáng tỏ một vài điểm liên quan đến vấn đề này.

Những thống kê bẻ bàng

Thực ra, chưa ai biết chính xác mỗi năm có bao nhiêu người bị thiệt mạng và thương tích do những lỗi lầm của giới y khoa gây ra. Nhưng, các nhà khoa học có thể ước đoán con số này. Theo một bản tường trình của Viện Y khoa (Institute of Medicine), trực thuộc Viện hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ (National Academy of Sciences, USA), hàng năm có khoảng 44 ngàn tới 98 ngàn người Mỹ bị thiệt mạng vì những lỗi lầm liên quan tới điều trị trong bệnh viện. Trong số này, có khoảng bảy ngàn người bị chết vì những lỗi lầm về thuốc men. Chi phí hàng năm liên quan tới những trường hợp thương vong này được ước tính khoảng 8.8 tỷ đô la.

Nhưng nếu so sánh những con số trên đây với các ngành nghề khác thì tôi e rằng sẽ không mang lại công bằng cho giới y khoa, vì (i) sự so sánh đó không tính đến thời gian "nạn nhân" bị đặt vào tình thế hiểm nguy; và (ii) phần đông "khách hàng" của bác sĩ và bệnh viện là những người có bệnh tật, có khi bệnh rất trầm trọng, khác với các khách hàng của hãng hàng không hay xe bus. Theo thống kê của các công ty bảo hiểm nhân thọ, ngành nghề có xác suất tử vong cao nhất là nhảy dù (skydiving) với trung bình 129 người tử nạn cho một triệu giờ hành sự, kế đến là hành khách máy bay (16 cho mỗi triệu giờ bay), lái xe gắn máy (9 cho mỗi triệu giờ lái), bơi lội (1.1 cho mỗi triệu giờ bơi), lái xe (0.5 cho mỗi triệu giờ lái), và lỗi lầm trong chẩn đoán hay chữa trị (0.5). Như vậy, đi khám bác sĩ và điều trị trong bệnh viện vẫn còn rất an toàn.

Tuy nhiên, dù so sánh cách nào đi nữa, dù có biện minh thế nào đi nữa, thì con số thương tích và tử vong trong ngành y tế vẫn là quá cao và không thể chấp nhận được, nhất là nó lại xảy ra trong một ngành nghề có nhiệm vụ số một là cứu người, một ngành hoạt động dựa trên nguyên tắc cơ bản là *"trước hết, không hại người" ("primum non nocere")*. Vấn đề này còn là một sự nhức nhối, bẽ mặt cho một nền y khoa tiến bộ vào hàng số một trên thế giới như Mỹ.

Quả thật có nhiều trường hợp lỗi lầm không hề được công bố trên các báo chí công cộng, mà chỉ được giải quyết qua điều đình giữa bệnh viện hay bác sĩ và nạn nhân. Chỉ có vài trường hợp do khám phá ngẫu nhiên hay do bất đồng trong thương lượng mới gây ra sự chú ý của giới báo chí và truyền thông, như trường hợp của ông Willie King, người vào năm 1995, thay vì được giải phẫu chân trái lại bị nhầm lẫn cắt một phần chân phải, tại Bệnh viện Cộng đồng Tampa (University Community Hospital in Tampa, Florida)! Nhưng, trên mặt tổng quan, những lỗi lầm y khoa đều được ghi nhận, hệ thống hóa và phân tích cẩn thận trên các diễn đàn y khoa chuyên môn từ nhiều năm qua. Khoảng 35 năm trước đây, tiến sĩ Shimmel ước đoán có khoảng 20% bệnh nhân nhập viện bị thương tích một cách không cần thiết (tức là do nhầm lẫn, sai sót trong việc chữa trị), và 20% trong số này nghiêm trọng, có thể gây ra tử vong. Theo một nghiên cứu do Hiệp hội Y tế

California (California Medical Association) thực hiện vào thập niên 1970s, có khoảng 4.6% trường hợp thương tật do bệnh viện gây ra có thể dẫn đến kiện cáo và bồi thường tai nạn theo luật pháp hiện hành (lúc đó) của tiểu bang. Theo một cuộc điều nghiên quan trọng trên hồ sơ bệnh lý của hơn 30 ngàn bệnh nhân được chọn một cách ngẫu nhiên trong 51 bệnh viện vào năm 1984 thuộc tiểu bang New York, nhóm nghiên cứu thuộc trường đại học Harvard khám phá ra 3.7% bệnh nhân bị thương tích; trong số 3.7% này, có gần một phần ba do cẩu thả trong khi điều trị và 70% là do lỗi lầm của các nhân viên y tế (bác sĩ, dược sĩ, y tá, v.v.)

Thực ra, chẳng riêng gì ở Mỹ, lỗi lầm về y khoa cũng xảy ra ở các nước Âu châu và ngay cả Úc châu, một nước thường rất tự hào về an toàn y khoa trong mấy thập niên trước đây. Trong một cuộc nghiên cứu trên hơn 14 ngàn hồ sơ bệnh lý vào năm 1995 ở Úc, các nhà nghiên cứu thuộc đại học Newcastle ghi nhận tỷ lệ thương tật là khoảng 8%, còn cao hơn ở Mỹ (3.7%)! Con số này cũng có nghĩa là hàng năm có khoảng 18 ngàn người bị chết và 50 ngàn người bị thương tật vĩnh viễn do những lỗi lầm trong bệnh viện (dân số Úc lúc đó là 17 triệu).

Nhiều trường hợp nhầm lẫn chết người thường xảy ra trong các bệnh viện. Mà bệnh viện ngày nay đã dần dần biến thành những trung tâm cấp cứu, chuyên chữa trị những bệnh ngặt nghèo. Điều này có nghĩa là bệnh nhân nhập viện thường ở trong một tình trạng nguy kịch và nguy cơ bị tử vong cũng cao hơn các nơi khác. Trong những trường hợp khẩn cấp, kinh nghiệm cho thấy những dấu hiệu lâm sàng quan trọng có liên hệ đến tính mạng bệnh nhân như sự suy yếu của hệ thống hô hấp, tuần hoàn có khi bị bỏ lơ, suy diễn sai, hay không được quản lý tới nơi tới chốn bởi bác sĩ và y tá. Thông thường, khi phân tích những lỗi lầm y khoa, người ta thường chú trọng vào cá nhân hay một nhóm cộng sự viên có dính dáng vào việc chăm sóc nạn nhân, mà ít khi nào để ý tới cách vận hành của các bộ phận chuyên môn trong bệnh viện. Cách làm này thường dựa vào sự kiểm tra tất cả các dữ kiện, kể cả phương pháp chữa trị, và qua đó mà xác định xem một cách làm khác có thể đưa đến một kết quả khác hay không. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu cho thấy lề lối tổ chức bệnh viện có ảnh hưởng một cách sâu xa vào thái độ làm việc của cá nhân. Vì thế, muốn thay đổi hệ thống chăm sóc, thay vì chú trọng vào việc tìm lỗi phải từ cá nhân, các nhà nghiên cứu lâm sàng đang tìm cách sửa đổi lề lối tổ chức và vận hành của các bộ phận có quan hệ tới việc chăm sóc, chữa trị các bệnh nhân với bệnh nặng và khẩn cấp.

Lỗi lầm y khoa: những điều không tránh khỏi

Y học không phải là một môn khoa học chính xác như toán học. Mối quan hệ khẳng định (deterministic relationship) kiểu như "cho một yếu tố X, ta có thể xác định kết quả của Y" ít khi nào, nếu không muốn nói là không, tồn tại trong y khoa. Hầu hết các loại bệnh kinh niên có bệnh lý rất phức tạp, vì có nhiều (có khi quá nhiều) nguyên nhân gây ra bệnh. Tìm ra nguyên nhân chính xác và cơ chế vận hành, liên đới của chúng không phải là một chuyện dễ dàng. Trong nhiều trường hợp, khoa học hiện đại vẫn phải bó tay trước sự phức tạp này. Những bệnh phức tạp như loãng xương, ung thư, viêm khớp xương, v.v., mặc dù hàng tỷ đô la đã được đổ vào trong nghiên cứu khoa học, nhưng y khoa vẫn chưa chinh phục hoàn toàn hay thậm chí hiểu hết căn nguyên, nguồn cội của chúng. Do đó, mỗi khi đọc kỹ những sách giáo khoa về y khoa, người đọc sẽ thường xuyên thấy cụm từ đại khái như "nguyên nhân chính xác của căn bệnh này chưa rõ ràng" (e.g. "the causes of the disease are not definitely known" hay "The pathogenesis of the disease remains unknown"). Do đó, lầm lẫn, sai sót trong y khoa, là những điều không thể tránh khỏi. Mỗi chẩn đoán đều có một sai số nhất định (không lớn thì nhỏ), và những sai số xảy ra ở nhiều giai đoạn trong quá trình chẩn đoán và điều trị.

Trong mỗi quyết định y khoa đều có một phần *đúng* và một phần *sai*. Phần đúng là dựa vào hệ thống kiến thức được thu thập qua thí nghiệm và phân tích khoa học. Phần sai có thể bao gồm những yếu tố có tính ngẫu nhiên, nằm ngoài sự hiểu biết, tiên đoán, khả năng và sự kiểm soát của người chữa bệnh. Thực ra, ngay cả phần đúng cũng có yếu tố sai sót trong đó, vì ngay cả các thí nghiệm khoa học cũng không thoát khỏi lỗi lầm và sơ suất. Mà chẳng riêng gì con người, ngay cả các thiết bị máy móc quang tuyến hiện đại trị giá hàng triệu đô

la cũng có một mức độ sai sót ngẫu nhiên nhất định. Mức độ sai sót trong thử nghiệm sinh hóa học dựa trên máu hay nước tiểu còn cao hơn. Chẳng hạn như trong việc xác định mức độ mỡ trong máu (cholesterol level), độ sai sót do kỹ thuật đo lường có thể lên đến 20%. Bệnh nhân có thể bị chẩn đoán sai một cách rất dễ dàng, nếu chỉ dựa vào kết quả của một thử nghiệm. Thành ra, trong mỗi chẩn đoán đều chứa một sự không chắc chắn (uncertainty).

Tìm ra nguyên nhân và chẩn đoán bệnh đã khó, nhưng tìm ra cách chữa trị tối ưu lại càng khó hơn. Trong nhiều bệnh, có hai phương thức chữa trị căn bản: phẫu thuật và dùng thuốc. Trong mỗi phương pháp chữa trị đều gắn liền với một sự rủi ro, không nhỏ thì lớn. Trong nhiều trường hợp phẫu thuật, sự nhiễm trùng và biến chứng thường rất xảy ra. Trong một vài trường hợp (như aneurysm), giải phẫu, dù rất an toàn trên lý thuyết, cũng vẫn có những rủi ro không thể tiên đoán trước được, và mỗi rủi ro đều có một xác suất tử vong. Phần đông các loại thuốc dùng để điều trị (treat hay relieve), chứ không có khả năng chữa khỏi (cure), bệnh. Và dù điều trị hay chữa, mỗi loại thuốc đều gây ra một vài tác hại. Có khi sự tác hại chỉ được khám phá ra sau vài mươi năm sử dụng. Một trong những loại thuốc được xem là "thần dược" vào những thập niên 70s và 80s là oestrogen hay HRT (hormone replacement therapy), thường được dùng điều trị những bệnh như loãng xương cho phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh. Nhưng sau nhiều năm nghiên cứu và theo dõi, ngày nay, người ta đã bắt đầu nghi ngờ tính "thần dược" của thuốc này, vì nó có thể tăng xác suất mang bệnh ung thư ngực (breast cancer). Rất hiếm, nếu không muốn nói là không bao giờ có, thần dược.

HẠO NHIÊN

CHỚ MẮNG...

Chớ mắng sao yêu quá đỗi nhiều
Họ tên chừ nhớ chẳng bao nhiêu
Mê đi tìm thấy Người Trong Mộng
Chưa gặp nên đành lại phải yêu.

ĐỌC SÁCH KHUYA

Tịch mịch chung quanh thức một mình
Đèn soi trang sách trải mông mênh
Hồn người hiển hiện từng con chữ
Sông núi trăng sao thấm đẫm tình.

Vấn đề y đức

Công chúng, đặc biệt là bệnh nhân, thường hay có kỳ vọng rất cao vào các bác sĩ. Nhưng bác sĩ không phải là siêu nhân, mà chỉ là những con người thường, thậm chí trung bình. Tức là, họ cũng phạm lỗi lầm trong khi hành nghề. Thực ra, chẳng riêng gì ngành y, nhầm lẫn và sai sót xảy ra trong tất cả các ngành nghề, và trong mọi trình độ làm việc. Nhưng khác với các ngành chuyên môn khác, trong ngành y, người ta ít khi nào (xin nhấn mạnh: "ít" chứ không phải là "không") nhắc tới lỗi lầm. Trong các trường y, sinh viên thường được dạy không được nhầm lẫn, vì giới y khoa Tây phương quan niệm nhầm lẫn là tội lỗi. Quan niệm nhầm lẫn là tội lỗi, là sự thiếu sót về đạo đức nghề nghiệp đã được thấm sâu vào giới y khoa một cách thâm căn cố đế. Điều này cũng có nghĩa là người thầy thuốc không muốn, hay không có can đảm, nói về nhầm lẫn của mình hay đồng nghiệp, bởi vì nó quá đau lòng. Cố nhiên, đó là một quan niệm rất tư là thụ động, sai lầm và có khi nguy hiểm.

Nhưng cần phải phân biệt loại lỗi lầm xuất phát từ sự bất an, bối rối và áp lực cứu người trong những tình huống khẩn cấp, và loại lỗi lầm phạm bởi bác sĩ (hay bất cứ nhân viên y tế nào) do trình độ chuyên môn kém, lơ là trong nghề nghiệp, thiếu thái độ nghiêm túc trong việc nhận lãnh trách nhiệm. Loại lỗi lầm thứ hai này có thể tóm gọn trong ba chữ: thiếu y đức. Ngày nay, vì nhu cầu kinh tế và chạy theo lợi nhuận, không hiếm bác sĩ không còn để ý tới y đức là gì. Ngày xưa, Lê Hữu Trác (hiệu là Hải Thượng Lãn Ông), một người thầy thuốc lớn của Việt Nam trong thế kỷ thứ 18, từng nhận xét rằng người thầy thuốc khi nói đến người bệnh mà không có lương tâm, không có đạo đức thì khác gì "bọn giặc cướp" (1). Trong tập sách *Y âm án*, ông nêu ra một số tội lỗi mà người thầy thuốc cần phải tránh: (i) tội *lười biếng*, chẩn đoán qua loa, không xem xét cho đến nơi đến chốn đã vội kê đơn thuốc, cốt cho xong chuyện; (ii) tội *keo kiệt*, bủn xỉn, sợ bệnh nhân không có tiền trả cho mình đủ vốn mà

không đưa thuốc cần thiết; (iii) tội *tham lam,* biết bệnh nhân sắp chết nhưng lại không bảo thật, cố tình kéo dài chữa trị để làm tiền; (iv) tội *lừa dối,* mới thấy người bệnh đã nói ngay bệnh khó, bệnh nặng để làm cho người ta sợ hãi mà lấy nhiều tiền; (v) tội *bất nhân,* khi thấy bệnh khó đáng lý nên nói thật hết lòng cứu chữa, nhưng lại sợ mang tiếng là thất bại hoặc sợ không thành công mà không được hậu lợi nên không chịu chữa, đẩy bệnh nhân đến chỗ bó tay chịu chết; (vi) tội *thất đức,* khi gặp những bệnh nhân mồ côi, góa bụa, tàn tật, cùng khổ, không có tiền đến cầu cứu thì cho là chữa mất công vô ích mà bỏ qua không chữa hoặc có chữa nhưng không cố gắng; (vii) tội *dốt,* sức học còn non, nhận xét bệnh còn lờ mờ đã vội dùng thuốc sai lầm, dẫn đến nguy hại cho sức khỏe người bệnh. Ngày nay đọc lại những dòng chữ này, tôi chắc nhiều người trong chúng ta đã trải qua ít nhất là một lần gặp một bác sĩ thiếu y đức. Cá nhân người viết bài này đã gặp khá nhiều bác sĩ như thế. Trong một lần đi khám bệnh ở Cabramatta, một Tiểu Saigon ở Sydney, anh bác sĩ trẻ làm tôi vô cùng thất vọng về cái mớ kiến thức chuyên môn thuộc hạng khoa học thường thức và quan trọng hơn nữa, về y đức của anh ta. Khi biết được tôi vừa về từ Mỹ, anh ta làm ngay một cuộc điều tra chẳng liên quan gì tới công việc của người thầy thuốc; anh ta hỏi tôi một cách dồn dập về giá khám bệnh ở Mỹ, thu nhập và loại xe được ưa chuộng trong giới bác sĩ Mỹ! Có thể nói ngày nay, bệnh nhân khó tìm được một người thầy thuốc lý tưởng, có lòng nhân từ, tế độ, đức che chở nuôi nấng bệnh nhân; càng khó tìm hơn người thầy thuốc lo cái lo, vui cái vui của bệnh nhân, hay người thầy thuốc chỉ lấy việc cứu sống người làm nhiệm vụ mà không cầu lợi, kể công.

Sống với rủi ro một cách sáng suốt!

Nhưng nói chung, người thầy thuốc có lương tâm nào cũng muốn giúp bệnh nhân, nhưng mức độ và phạm vi mà họ có thể giúp còn tùy thuộc vào kiến thức và khả năng của họ. Và trong quyết định chữa trị, bác sĩ phải dựa vào kiến thức của mình để đi đến một quyết định tối ưu. Nhưng kiến thức là một vấn đề của xác suất. Chẩn đoán cũng là một vấn đề của xác suất. Vì thế, không có lý do gì bệnh nhân phải đặt niềm tin một cách mù quáng vào bác sĩ hay nhà thương, mà phải chủ động suy xét trường hợp của mình một cách cẩn thận.

Thế nào là "cẩn thận"? Theo tôi, đó là sự cân nhắc, lý giải sao cho mỗi lựa chọn mà ta quyết định phải mang lại tối đa lợi ích và tối thiểu rủi ro. Hãy lấy ví dụ một bệnh nhân nam 55 tuổi với bệnh ung thư phổi và chứng phình vách động mạch (aneurysm). Về chữa trị chứng phình vách động mạch, bệnh nhân có hai lựa chọn: một là không muốn chữa trị gì cả, và hai là giải phẫu (clipping). Nếu chọn phương án thụ động (không chữa trị), thì động mạch của bệnh nhân có nguy cơ bị vỡ với xác suất là 1% mỗi năm, và khi vỡ, xác suất chết là khoảng 83%. Ngoài ra, vì bệnh nhân có ung thư phổi và theo ước đoán của các nhà nghiên cứu, xác suất tử vong vì bệnh này là khoảng 7.1% hàng năm. Với các số liệu này và dùng một mô hình toán học, ta có thể ước đoán rằng nếu không giải phẫu, bệnh nhân có thể sống khoảng 12 năm và 7 tháng. Mặt khác, nếu chọn phương án giải phẫu, thì bệnh nhân phải chấp nhận một xác suất tử vong do phẫu thuật gây ra là khoảng 4% (tức là bệnh nhân có cơ may sống sót sau giải phẫu khoảng 96%). Và với tỷ lệ tử vong vì ung thư phổi như trên, ta có thể đoán rằng nếu bệnh nhân chọn phương án giải phẫu thì tuổi thọ trung bình có thể kéo dài khoảng 13 năm và 7 tháng. Như vậy, giải phẫu có thể kéo dài tuổi thọ khoảng một năm. Nhưng bệnh nhân cũng cần phải lượng xét xem chất lượng của cuộc sống trong một năm đó có xứng đáng để chấp nhận một sự hiểm nguy trong giải phẫu hay không. Đó là một quyết định cá nhân. Những tính toán đã được đơn giản hóa này chỉ là một ví dụ nhỏ mà bệnh nhân phải suy tính thận trọng mỗi khi quyết định chọn một phương án điều trị.

Trong xã hội hiện đại, mọi thành viên, dù muốn hay không muốn, phải chịu lệ thuộc lẫn nhau để tồn tại. Trong một hàm số đời sống phức tạp đó, sự sai sót, rủi ro ngẫu nhiên là điều khó tránh khỏi, và nhiều khi sự việc không xảy ra như tạ tiên đoán hay dự định. *Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên.* Vấn đề không phải là tìm cách tránh những rủi ro này (vì ta không thể nào tránh khỏi), nhưng phải học cách sống với hiểm nguy một cách sáng suốt.●

Ghi chú:

(1) Lê Hữu Trác. *Hải Thượng y tông tâm lĩnh,* 6 tập. Hội y học Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh tái bản, 1986. Tập II, tr 332.

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

ĐOÀN XUÂN KIÊN

(Tiếp theo và hết)

(1) khuynh hướng thứ nhất - tạm gọi là khuynh hướng 'bảo tồn' - cho rằng duy trì tiếng mẹ đẻ là để bảo tồn văn hóa truyền thống của cộng đồng song ngữ trong hoàn cảnh sinh hoạt đa văn hoá. Dạy học theo phương hướng song ngữ là gia tăng khả năng hội nhập xã hội, tạo ổn định tâm lí của học viên trẻ, đồng thời cũng tăng thêm sự bén nhạy về khả năng ngôn ngữ và khả năng nhận thức của trẻ. Để được như vậy, việc dạy và học theo phương pháp song ngữ cần được duy trì liên tục từ những cấp học nhỏ cho đến lứa tuổi thiếu niên;

(2) khuynh hướng ngược lại - tạm gọi là khuynh hướng 'chuyển tiếp' - thì cho rằng giáo dục song ngữ sẽ khiến cho trẻ thiên về khuynh hướng tách li, cô lập, tự hạn hẹp tầm nhìn xã hội. Về khả năng ngôn ngữ, trẻ song ngữ thường cũng không đạt tiêu chuẩn mong muốn về khả năng diễn đạt cả hai ngôn ngữ ở trình độ cao, làm hạn chế khả năng hội nhập xã hội, và điều này chẳng có lợi gì cho việc học tiếng mẹ đẻ nữa. Vì thế chỉ nên duy trì việc học tiếng mẹ đẻ của cộng đồng ngôn ngữ thiểu số ở một chừng mức giới hạn nào đó mà thôi.

Dù là theo quan điểm 'bảo tồn' hay 'chuyển tiếp', có một điểm đáng nói là nơi nào chủ trương giáo dục song ngữ cũng đều tận dụng khả năng chuyển dịch ngôn ngữ để giảng dạy tiếng mẹ đẻ cũng như dạy ngôn ngữ dùng làm chuyển ngữ của cả xã hội. Tận dụng lợi thế của cả hai ngôn ngữ là then chốt của phương pháp tạm gọi là phương pháp song ngữ. Đấy là kinh nghiệm của cộng đồng song ngữ ở Québec.

Vào những năm 1960, cộng đồng thiểu số nói tiếng Anh ở Québec áp dụng phương pháp dạy song ngữ cho trẻ như sau: người ta muốn cho trẻ nói lưu loát tiếng Pháp ngay từ những ngày mới cắp sách đến trường. Vì thế các cô giáo cứ cho trẻ tự do nói tiếng mẹ đẻ (tiếng Anh) với cô giáo, nhưng các cô giáo - vốn cũng là những người song ngữ - sẽ đáp lại trẻ bằng tiếng Pháp (lúc này chỉ là ngôn ngữ thứ nhì đối với trẻ). Dần dần trẻ có thể nói lưu loát ngôn ngữ thứ nhì (tiếng Pháp) này.

Đến giai đoạn sau của bậc tiểu học trẻ mới lại dùng tiếng Anh. Chương trình nghiên cứu thực nghiệm này đã dẫn đến một mô thức dạy học như sau: giai đoạn mẫu giáo hoàn toàn dùng tiếng Pháp; đến giữa học trình tiểu học thì trẻ được học khoảng 60% thời gian cho tiếng Anh và 40% cho tiếng Pháp; lên bậc trung học thì trở lại hoàn toàn bằng tiếng Pháp. Mô thức giáo dục song ngữ này xem ra được ủng hộ nhiều vì những thành đạt tỏ ra rất khích lệ. Mức độ lưu loát cao hẳn lên so với trước kia, thái độ của trẻ nói tiếng Anh đối với cộng đồng nói tiếng Pháp cũng trở nên tích cực hơn so với các thế hệ trước được dạy theo phương pháp truyền thống.

Những kinh nghiệm giảng dạy tại các cộng đồng song ngữ đều xác nhận rằng việc tận dụng khả năng chuyển dịch ngôn ngữ để ứng dụng vào giảng dạy ngôn ngữ sẽ giúp đỡ học sinh rất nhiều so với học chuyên một ngôn ngữ mà thôi. Một vấn đề có liên quan đến trường hợp của chúng ta: phương pháp song ngữ có thể ứng dụng được chăng đối với hai ngôn ngữ khác hẳn nhau về tính cách, như trường hợp tiếng Việt và một ngôn ngữ Ấn Âu? Phương pháp song ngữ không phải là phương pháp so

sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các ngôn ngữ, mà chỉ nhằm giúp học viên tiếp thu hai cơ cấu ngôn ngữ qua sinh hoạt nói năng mà thôi. Do vậy sự gần gũi hay khác biệt tính cách giữa hai ngôn ngữ không phải là điều kiện để áp dụng phương pháp song ngữ.

Từ những lợi thế của phương pháp song ngữ dẫn đến một hệ luận cho việc làm mới việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại là: cần xúc tiến biên soạn những tài liệu giảng dạy có thể phù hợp với phương pháp song ngữ. Vả chăng cũng là điều phải lẽ thôi. Thời thế đã đổi khác, hoàn cảnh đã khác, đối tượng học viên cũng đã không như trước kia. Giáo dục không thể đứng chân tại chỗ cũ mãi, tự giam hãm mãi trong ao tù của quá khứ.

3. Phân bố chương trình giảng dạy tiếng Việt tại hải ngoại

Mỗi quốc gia có thể chế giáo dục riêng cho mình. Cộng đồng người Việt định cư tại các nước đều phải thích ứng với chế độ giáo dục tại đó, do vậy lịch phân phối chương trình học có thể khác nhau tùy theo điều kiện mỗi nơi. Trong chừng mực nào đó chúng ta chỉ nên bàn những điểm chung nhất về một lịch phân phối chương trình dạy và học tiếng Việt mà các nơi đều có thể đáp ứng được.

Điểm chung đầu tiên là: trừ các tuần lễ nghỉ giữa học kì và các kì nghỉ dài trong một năm học, trung bình mỗi năm học kéo dài khoảng 30-32 tuần lễ. Một điểm chung khác nữa là: tại một phần lớn các nước định cư, việc dạy và học tiếng Việt tùy thuộc vào các tổ chức cộng đồng, và các lớp tiếng Việt thường chỉ có thể hoạt động vào ngày cuối tuần. Mỗi tuần lễ học sinh phải học nhiều môn học khác nhau, do vậy trung bình mỗi tuần học sinh có thể học được ít nhất là hai tiết học môn tiếng Việt, và giờ học môn tiếng Việt khó có thể nhiều quá bốn tiết mỗi tuần.

Thế có nghĩa là thì giờ dạy và học tiếng Việt không được nhiều, chỉ thu lại một vài giờ mỗi tuần. Điều kiện khách quan này dẫn đến việc hoạch định một chương trình học có tính cách dài hạn, kéo dài suốt thời kì tiểu học và trung học, tối đa là 12 năm. Nhìn như thế thì không phải là thiếu thốn thì giờ cho lắm nếu không nói là khá phong phú. Vấn đề đặt ra cho các giới quan tâm đến việc giáo dục tiếng mẹ đẻ tại hải ngoại là: chương trình học sẽ phân phối như thế nào?

Một chương trình học môn Tiếng Việt có hiệu quả cần phải hội đủ một số yếu tố sau đây:

(1) Học sinh có đủ điều kiện học nghe và nói, đọc và viết một cách cân đối, không quá nghiêng về hội thoại, cũng không thể nặng phần học từ chương như phương pháp quen thuộc xưa nay;

(2) Chương trình học cần chuyên chở năm nội dung như đã trình bày ở trên kia;

(3) Chương trình học cần nhắm mục đích giúp trẻ năng động phát huy khả năng ngôn ngữ của chính mình chứ không nhắm giúp trẻ thụ động tiếp nhận kiến thức do thầy cô giáo giảng giải các tác phẩm văn chương dưới hình thức giảng văn;

(4) Chương trình tiếng Việt cần theo sát mục đích yêu cầu của toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông, là nhắm phát triển tư duy độc lập của học sinh trong một môi trường lớp học tôn trọng sự phát triển tự do sáng kiến cá nhân.

(5) Để thực hiện được một chương trình dạy và học tiếng Việt có hiệu quả cũng cần phải đặt phương châm "thầy giáo hướng dẫn, học sinh chủ động làm việc." Mỗi giờ học là một khung cảnh sinh hoạt mà học sinh phải được tạo điều kiện tham gia vào việc thu nhận kiến thức cho chính bản thân mình chứ không thụ động tiếp nhận kiến thức do thầy cô giáo truyền đạt cho.

Một thí dụ điển hình cho phương hướng phân bố thời lượng và phương pháp giảng dạy môn học Tiếng Việt ở giai đoạn đầu tiên đã được cụ thể hóa trong việc biên soạn các Giáo Án cho từng bài học theo đó học sinh được tạo điều kiện làm việc theo phương hướng như kể trên.

4. Dạy học đọc ở bước đầu tiên (học vỡ lòng)

Mọi chương trình dạy và học tiếng mẹ đẻ đều bắt đầu với phần nhập môn. Ý nghĩa của việc nhập môn này rất lớn, vì đấy là lần đầu tiên học sinh được tiếp xúc với thế giới ngôn ngữ viết của ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ vốn là một thế giới mới mẻ đối với các cháu. Giai đoạn nhập môn này chính là giai đoạn mà chương trình dạy môn Tiếng Việt xưa nay vẫn gọi là "học vỡ lòng" hoặc "học đánh vần."

Chúng ta không thiếu sách dạy học vần tiếng Việt. Những sách này đều đã được soạn ra từ lâu, đã từng dạy dỗ không biết bao nhiêu là thế hệ thiếu nhi Việt học chữ quốc ngữ từ

đầu thế kỉ XX đến bây giờ. Nhìn chung các sách soạn ra đều theo một trình tự như nhau: (1) giới thiệu bảng chữ cái của chữ quốc ngữ, rồi đi vào chi tiết để giới thiệu các nguyên âm và phụ âm tiếng Việt; (2) dạy các vần tiếng Việt bao gồm vần mở và vần đóng; (3) các phép ghép từ.

Truyền thống dạy học đánh vần tiếng Việt trước nay thường không chú trọng phát âm đúng các âm vị, mà thường chú trọng giới thiệu chữ viết. Đây là một nhược điểm dẫn đến tình trạng không khắc phục được lỗi phát âm địa phương.

Có thể nói là trong suốt bao nhiêu năm, kể từ 1917 là năm ra đời bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Đồng Ấu, các sách dạy học vần ra đời sau này chỉ là nối theo truyền thống biên soạn của QVGKT. Ở đây, lại một lần nữa chúng ta thấy công lao mở đường của nhóm soạn giả Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận.

Những tiến bộ của khoa ngữ học cho phép thế hệ thầy cô giáo hôm nay nhìn lại các công trình biên soạn đã lâu đời nhằm đáp ứng nhu cầu của những thời kì đã qua. Nhìn từ quan điểm ngữ học thì có thể nhận ra những điểm cần bổ sung cho hệ thống "học vần" được trình bày trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Đồng Ấu. Xin đưa ra một số gợi ý như sau:

Ở phần (1) giới thiệu bảng chữ cái, chúng ta có thể thấy là giới thiệu bảng chữ cái sẽ dẫn đến những rắc rối không thể giải quyết được, chẳng hạn cùng phát âm là / i / mà có khi viết là i, có lúc lại viết là y, hoặc là cùng đọc là /g/ mà lại vừa viết là g, vừa viết gh... Vậy thì thầy cô giáo muốn giới thiệu các âm vị tiếng Việt hay là giới thiệu chữ viết? Ngay cả việc giới thiệu bảng chữ cái cũng phải đặt lại: thầy cô giới thiệu thế nào về các trường hợp c/k/q, g/gh/ ng/ngh, i/y ? Các trường hợp vừa kể viết khác nhau nhưng đọc như nhau cả, trong khi đó ba trường hợp sau đây lại được kể là ba đơn vị khác nhau a/ă/â , trong khi chúng là những cặp đối lập của hai đơn vị a/ă và ơ/â.

Thiết tưởng một bảng giới thiệu hợp lí phải giúp học sinh nhận biết được các đơn vị phát âm của tiếng Việt. Việc giới thiệu như thế cần bắt đầu từ hai thành phần cơ bản của một tiếng là nguyên âm và thanh điệu; sau đó là các đơn vị phụ âm đầu và phụ âm cuối. Phân loại như thế sẽ làm sáng lên tính cách hệ thống của cấu trúc âm tiết tiếng Việt.

Giai đoạn (2) dạy về các vần trong tiếng Việt. Có 149 lối ghép vần trong tiếng Việt. Cho đến nay bao nhiêu thế hệ học sinh Việt cứ học thuộc lòng các vần từ đơn giản đến phức tạp. Chúng tôi thấy là có thể rút ngắn thời gian học 149 vần tiếng Việt bằng cách hệ thống hoá hai loại vần: vần mở (còn gọi là vần thông) và vần đóng (còn gọi là vần cản). Ta biết là khuôn vần của tiếng Việt gồm có thành phần âm chính (tạo thành vần mở) hoặc các âm chính kết hợp với các âm cuối mà thành (tạo thành vần đóng). Khi đã biết phát âm các phụ âm cuối như đã được học ở giai đoạn (1) trước đó rồi thì việc học vần sẽ không còn gì phức tạp nữa, không cần phải tốn quá nhiều thì giờ để học đủ 149 vần như phương pháp hiện hành.

HOÀNG XUÂN SƠN

HOÀI SƠN

Củ mài
thiêm thiếp dung nham
một đi nhớ núi
mỗi hàm oan
chia
ngày ngày
lặng lặng
khuya khuya
trường sơn mây hiểm
trăng lìa cội
du
người xưa
đầu
ở sương mù
có khi phiên nắng
chờ thu
hình hài
cắm hồn
lộn bước thiên thai
một đi khuất núi
một hoài
sơn khê.

tháng mười một chín chín

Nhưng có một câu hỏi đáng đặt ra ở đây là: học vần có cần thiết hay không? Nếu khi trẻ được học tiếng *tam* các cháu cần phải học vần *am* thì tại sao lại không được học các lối kết hợp giữa phụ âm đầu và nguyên âm: *ta*? Nói cách khác, vần của tiếng Việt có thật là một cấu trúc riêng biệt cần phải học mới biết đọc một từ của tiếng Việt không? Nên chú ý là vần trong học vần không phải là khuôn vần trong thơ phú, vì vần thơ luôn có thanh điệu. Tách thanh ra khỏi khuôn vần là một việc làm không thực tế, và do vậy việc dạy đọc trở nên cầu kì mà học sinh phải học một cấu trúc không thật.

Giai đoạn (3) là học ghép từ. Thật ra giai đoạn này đã lồng vào trong hai giai đoạn trên rồi, nếu việc học vần thật sự được dạy chu đáo. Một từ/tiếng trong tiếng Việt được cấu tạo do bốn thành phần: âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh điệu. Học sinh được học kĩ các nguyên âm để biết nhận ra các âm chính, và các phụ âm đầu để nhận ra các âm đầu, phụ âm cuối để nhận ra các âm cuối, học sáu thanh để nhận ra bậc cao thấp của mỗi tiếng được học. Tất cả các đơn vị vừa kể cộng lại chỉ có 52 âm vị mà thôi. Nếu được học kĩ cách phát âm 52 đơn vị này, và nhận rõ các đồ vị để ghi lại 52 đơn vị nói trên là học xong phần gọi là "học đánh vần." Đây là một hướng đúng để giúp trẻ Việt học đọc tiếng Việt ở giai đoạn đầu tiên.

Trên đây chúng tôi có nhắc đến sáu thanh của tiếng Việt. Sách Quốc Văn Giao Khoa Thư - Lớp Đồng Ấu có 34 bài học vần, nhưng các tác giả để đến bài thứ 14 mới dạy trẻ học về thanh. Chúng tôi cho rằng như thế không hợp lí: thanh phải được học ngay từ bài học đầu tiên. Một tiếng đơn giản như A!, Ồ! Ư? Uả? đã phải có ba thanh ghép với ba nguyên âm mới thành đấy chứ! Cho nên dạy về thanh ngay từ bài đầu tiên là hợp lí cả về mặt ngữ âm học cũng như về mặt sư phạm.

Trong bài này, chúng tôi không có ý đi vào chi tiết việc phân bố chương trình dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại. Đây chỉ là những ý tưởng để dẫn về một đại cương kế hoạch chung mà cộng đồng hải ngoại trước sau gì cũng phải để tâm giải quyết. Một chương trình tiếng Việt cho trẻ Việt tại hải ngoại hiện nay chưa ra đời thật sự, cho dù các trung tâm dạy tiếng Việt đang có mặt khắp nơi tại các quốc gia có người Việt định cư. Các trung tâm vẫn theo một quán tính là nối dài những sinh hoạt mình đã quen làm khi còn ở trong nước. Có sao thì cứ lặp lại nguyên vẹn. Cho gọn! Nhưng điều đáng buồn là hoàn cảnh nay đã khác, đâu có thể quay trở lại ẩn mình trong quá khứ mãi được! Vả chăng, giá sản giáo dục môn Tiếng Việt của chúng ta trước 1975 có phải đâu là toàn hảo, mà có nhiều điều đến nay cần phải duyệt xét lại!

Ngày hôm nay chúng ta có thừa phương tiện kĩ thuật để làm tốt việc dạy học, kể cả môn Tiếng Việt. Có thể dùng phương tiện thính thị, thậm chí cả CD-Rom để giúp đỡ cho việc dạy và học tiếng Việt. Nhưng mà phương tiện kĩ thuật chỉ là yếu tố hỗ trợ cho sự nghiệp giáo dục mà thôi, nó không thể thay thế nội dung chương trình giáo dục được. Bài viết này mong làm một cố gắng nhỏ góp vào việc suy nghĩ cho một hướng tìm tòi mới cho nội dung một chương trình dạy học tiếng Việt tại hải ngoại mà chúng ta sẽ hướng đến. Đấy chính là một công phu mà tập thể hải ngoại sẽ tự hào trong việc góp phần canh tân giáo dục cho đất nước ngày mai vậy.●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

ĐI GIỮA LÒNG QUÊ HƯƠNG

Ký

HOÀNG NHƯ AN

Khoa Nhi, nhà thương đa khoa Thanh Hóa,

Căn phòng nhỏ, sàn nhà đen lấm lem, tường cáu ghét loang lổ. Phòng kê chừng mươi cái giường sắt sát nhau chỉ chừa lối đi nhỏ. Mỗi giường trải một tấm chiếu đen xì. Trên mỗi giường là một bà mẹ, một ông bố, hoặc cả mẹ lẫn bố, bế một đứa con nhỏ, hay nếu là đứa lớn hơn thì nằm thẳng trên giường. Trên chiếc giường gần cửa ra vào nhất có cả hai "gia đình." Một bà mẹ ngồi trên giường cạnh một đứa bé độ năm, sáu tuổi. Một bà mẹ khác thì ngồi cạnh mé giường, tay ôm một em bé chừng một hai tháng, môi xanh trắng, hơi thở hơi gấp gáp, nước da vàng.

Tôi quay hỏi chị Bác Sĩ đang cầm hồ sơ:

"Em bé này bị gì vậy chị?"

"À ! Em này mới vào đây hôm qua."

Tôi hỏi thẳng bà mẹ:

"Em bé đau sao vậy chị?"

"À! Cháu bị vàng da quá, ở nhà uống thuốc mà không khỏi. Cháu cũng bị mấy vết bầm ở đây này."

Vừa nói, chị vừa lật áo em lên cho tôi xem. Quả thật, em bị mấy vệt bầm tím lớn ngay bụng bên trái. Trên cao hơn là một cục u ngay dưới nách. Môi em nhợt nhạt thiếu máu, hơi thở gấp gáp nhưng em vẫn có vẻ tỉnh táo. Tôi hỏi tiếp:

"Vậy em có bú được không. Có nóng sốt, ho cảm gì không?"

"Cháu bú được ạ. Cháu không sốt hay ho chi cả."

"Cháu được mấy tháng rồi chị?"

"Cháu hai tháng."

Tôi cảm thấy bối rối, một đứa bé hai tháng vàng da, chỉ có thể là bệnh gan, hoặc ống dẫn mật bị tắc vì dị dạng, hoặc viêm gan. Nhưng em có vẻ thiếu máu và đang bị chảy máu dưới da. Chị bác sĩ phụ trách khu đã mau mắn: "Cháu này bị chảy máu vì thiếu vitamin K. Cháu vào hôm qua, đã được truyền máu và tiêm vitamin K rồi."

Chị có vẻ rất thành thạo về bệnh này mặc dù chị chưa có một dữ kiện thử nghiệm gì của em cả. Ông Clarke, một bác sĩ nhi khoa Mỹ đã từng qua Việt Nam nhiều lần và ở lại rất lâu, cứu bồ tôi:

"Đúng, em này bị "bệnh xuất huyết của trẻ sơ sinh" do thiếu vit K gây ra. Trường hợp này tôi thấy rất nhiều. Vì Việt Nam không có chính sách tiêm vit K cho tất cả các trẻ em sơ sinh như ở Mỹ."

Khốn khổ, thảo nào tôi chưa từng thấy bệnh này ở Mỹ. Không, khốn khổ cho các em bé sơ sinh Việt Nam, vì ngay trong phòng này và phòng bên cạnh có hai trường hợp nữa y hệt như vậy, chỉ có nặng hơn mà thôi. Vì trẻ sơ sinh thường bị thiếu vit K. Nếu không chích thêm ngay, em bé có thể bị chảy máu rất nhiều nơi trong cơ thể. Một em đang bị coma do xuất huyết não và một em thì đã nằm bệnh viện nhiều ngày rồi mà vẫn chưa thuyên giảm.

*

Tôi là một thành viên trong một phái đoàn y khoa 40 người gồm ba bác sĩ giải phẫu chỉnh hình, một giải phẫu mắt trẻ em, bốn bác sĩ gây mê, hai bác sĩ gia đình, bốn bác sĩ nhi khoa, hai bác sĩ sản phụ khoa, một bác sĩ sinh thiết, một bác sĩ ung thư, nhiều y tá phòng mổ, y tá phòng hồi sức, các sinh viên, kỹ sư về máy móc, người Mỹ trắng, đen, vàng, người Phi, người Úc... Chúng tôi đến Việt Nam với mục đích chính là giải phẫu sứt môi và hở hàm ếch cũng như mắt cườm, lé hay sụp mí cho các em

bé Việt Nam. Ngoài mục đích chính trên, phái đoàn còn muốn thăm dò về tình trạng y tế của các vùng quê hẻo lánh để mang đến cho các vùng ấy một chút giúp ích nhỏ nhoi nhưng cũng rất là lớn lao vì có thể cứu sống ít mạng người.

Phái đoàn này nằm trong PROJECT VIETNAM, một chương trình trợ giúp về y tế cho các trẻ em Việt Nam do tổ chức AMERICAN ACADEMY OF PEDIATRICS bảo trợ. Chương trình này cũng được sự tiếp tay của nhiều cá nhân cũng như đoàn thể như MEDICAL MISSION, một tổ chức trợ giúp y tế đã hoạt động từ nhiều năm qua cũng cùng một mục đích như Project Vietnam, chỉ có khác là họ đi khắp các nước trên thế giới, không chỉ riêng Việt Nam như mình.

Project Vienam là con đẻ của hai bác sĩ Kiều Quang Chẩn và Quỳnh Kiều. Đây là lần thứ hai phái đoàn này đã về Việt Nam thực hiện những cuộc giải phẫu như kể trên. Trong một vài chuyến đi trước, chị bác sĩ Kiều đã mang về giúp cho nhà hộ sinh xã những dụng cụ cấp cứu cho trẻ sơ sinh như "ambu bag," một thứ túi để bơm vào mũi và miệng em bé sơ sinh bị ngạt, máy hút, và những chỉ dẫn căn bản về cấp cứu. Năm sau, khi trở lại nơi cũ, chị rất hài lòng nghe các "bà mụ hương thôn" báo cáo là tử suất sơ sinh của các bà là 0% nhờ những dụng cụ chị để lại. Chính những kết quả nhỏ nhưng thực tiễn như vậy đã làm nức lòng nhiều người và số người trong phái đoàn từ 24 người lần trước tăng lên tới 40 người lần này với dự định số ca mổ sẽ lên tới hơn 100 cũng như nhiều dự định về giáo dục y khoa được đem ra thực hiện.

Bốn mươi người từ nhiều tiểu bang nước Mỹ cũng như từ Úc cùng lên đường với một tấm lòng và hai bàn tay sẵn sàng làm việc. Các người Mỹ và người Úc rất vô tư. Đối với họ, Việt Nam cũng như những nước khác như Phi Châu, Columbia, v v..., có những em bé nghèo cần giúp thì họ sẵn sàng góp một bàn tay thôi. Nhưng những người Mỹ hay Úc gốc Việt thì có nhiều mối ưu tư hơn. Nhìn về quê hương nghèo nàn tơi tả, nhìn những người dân, trẻ em nghèo vất vưởng tranh sống trong những điều kiện khó khăn nhất, lại thêm thiên tai thảm khốc trong những tháng vừa qua, lòng người nào mà chẳng cảm thấy muối xát kim châm. Nhưng ngoài lòng thương cảm ra, họ còn có một mối lo ngấm ngầm trong bụng: mối lo bị chụp lên đầu chiếc nón cối vì đã "dám" về quê giúp người. Để dẹp nỗi lo ấy qua một bên, họ tự nhủ: "Bão lụt mấy năm qua, toàn thể dân tị nạn hải ngoại đều nức lòng quyên góp để giúp những nạn nhân trong nước, dù biết rằng phải tìm trăm mưu ngàn kế để tiền cứu trợ đến tận tay nạn nhân. Ngay cả như vậy mà cũng không thể nào tránh được thất thoát vô túi người tham nhũng. Những người trong phái đoàn này cũng giống như những người đã bay về Việt Nam để trao tận tay nạn nhân số tiền quyên góp. Vì chính chúng tôi đã bay đến tận nơi làm việc để đem đến trực tiếp những giúp đỡ cho các em mà không qua một trung gian nào cả."

Nhà thương đa khoa Thanh Hóa

(Tác giả kể chuyện hai ngày đầu tiên khi trở lại quê hương, chúng tôi xin bỏ bớt vì khuôn khổ tờ báo)... Buổi chiều, cả phái đoàn trực chỉ nhà thương đa khoa Thanh Hóa, vừa được xây xong và khánh thành trước đó một tuần. Ngôi nhà mới xây quét vôi trắng nổi bật giữa những tòa nhà khác cũ kỹ vàng vọt nhiều rêu bám. Cả phái đoàn được ông giám đốc nhà thương tiếp đón và đưa vào một phòng họp nhỏ trong một khu bệnh viện cũ. "Formalities, formalities." Tất cả mọi người được giới thiệu cho nhau, chừng năm sáu chục cái tên và chức vị đưa ra. Ai mà nhớ nổi.

Trở về toà nhà mới, tổng hành dinh. Bước từng bậc thang lên tới lầu ba, nơi đây không hề có thang máy. Và tôi một lần nữa bị "phục kích" bởi những bậc thang không đều, bậc thấp bậc cao, chỉ thấy ở Việt Nam. Lần đầu tiên là ở khách sạn Hoa Lư ở Ninh Bình, tôi đã suýt té mấy lần. Óc tôi chắc phải tự điều chỉnh dữ để khỏi té. Chân mình vừa quen bước lên vài bậc thang bỗng dưng hụt hẫng vì một bậc thấp hẳn đi hoặc cao hơn những bậc khác nhiều quá. Nơi đây cũng vậy. Thường thì bậc cuối cùng bao giờ cũng thấp hẳn hơn những bậc khác. Làm như các ông thợ này cứ tùy hứng muốn làm bậc thang cao bao nhiêu thì làm, đến bực cuối cùng thấy hơi cao hơn những bậc khác thì cứ chia làm hai cho tiện.

Lầu ba của tòa nhà hoàn toàn dành riêng cho những phòng mổ, là nơi tất cả những vụ mổ của phái đoàn sẽ được thực hiện. Những thùng đựng dụng cụ phòng mổ mang đi từ Mỹ đã được chất đống trong một phòng cửa khóa cẩn thận. Còn chờ đi lấy chìa khóa. Cả bọn đi xem những phòng mổ của nhà thương mới. Có tất cả bảy, tám phòng mổ thật rộng, không

thua gì phòng mổ bên Mỹ. Nhưng tất cả chỉ có thế, chỉ có bốn bức tường trắng, không một dụng cụ trang bị. Những chiếc bàn mổ nằm chơ vơ giữa phòng. Điệu này phái đoàn sẽ phải làm việc rất vất vả trong những điều kiện thật thô sơ. Không sao, các bác sĩ trong phái đoàn đã có kinh nghiệm và đã đem hết tất cả những dụng cụ nào có thể mang theo, mỗi thành viên trong phái đoàn đã phải dành số pounds hành lý của mình cho những dụng cụ này, vậy mà vẫn phải trả thêm tiền cả mấy trăm đô.

Chìa khóa đã mang đến. Mọi người xúm vào căn phòng, mở mở gói gói, phân chia dụng cụ, thuốc men, quần áo, đồ chơi. Cả một quang cảnh hỗn độn nhưng phấn khởi. Cả phái đoàn đều cảm thấy nô nức muốn bắt tay vào việc ngay tức khắc.

Phái đoàn Y Tế tại Thanh Hóa.

Để mặc cho những chuyên viên phòng mổ lo sắp xếp dụng cụ, những thứ mà chỉ có họ mới quen thuộc, tôi và một bác sĩ khác cùng các sinh viên đi xuống Khu Răng Hàm Mặt để khám cho các em. Khu này nằm trong một tòa nhà cũ kỹ, quét vôi vàng vọt. Sàn nhà đều giống nhau, lấm lem, tường đều giống nhau, loang lổ. Phòng nhỏ, nhiều giường sắt. Trên từng giường là những bà mẹ, ông bố, mặt hốc hác lo âu, tay bế những đứa nhỏ bị sứt môi hay hở hàm ếch. Đa số các em từ hai, ba tuổi trở lên. Chỉ có một vài em dưới hai tuổi. Những người này đã lặn lội từ những vùng núi xa xôi hẻo lánh cách nhà thương hàng ba bốn mươi cây số, bỏ hết cả công việc làm ăn để đem con đi chữa bệnh. Họ đã phải có mặt ở nhà thương này từ vài ngày trước, và có lẽ sẽ phải ở đó lâu hơn một tuần nữa. Ở đây, khác với bệnh nhân HMO bên Mỹ, họ không hề bị hối hả phải rời nhà thương sớm để "cut cost" (cắt giảm chi phí). Ngược lại, nhiều khi chính họ phải "năn nỉ" bác sĩ cho về!

Nhiều em quá, "so many children, so little time." Các bác sĩ chỉnh hình khám thật nhanh vì họ là những người đầy kinh nghiệm trong nghề giải phẫu sứt môi và hàm ếch. Ông Harold McComb từ Úc qua là một nhà tiên phong trong việc sáng chế ra những phương pháp mổ vá hàm ếch. Ông đã về hưu nhưng sẵn sàng góp một bàn tay trong công tác thiện nguyện này. Một số các em phải bị từ chối không mổ vì nhiều lý do, thường là vì vết hở quá rộng, cần phải mổ nhiều lần trong một thời gian dài, cần phải ghép xương, một việc mà phái đoàn chưa thể làm được vì cần có thời gian lâu dài, một tuần không thể giải quyết được. Tội nghiệp các bà mẹ và các ông bố. Họ thất vọng ra mặt và cố kêu nài với tôi, khuôn mặt Việt Nam mà họ nhìn thấy. Tôi biết nói gì hơn, có những việc quá khỏi tầm tay nhỏ bé của mình. Tôi chỉ biết giải thích thật cặn kẽ cho họ biết để họ không có cảm giác là đã bị bỏ sót vì "thiên vị," hay vì một lý do nào đó ngoài lý do y khoa.

Để cho cô bác sĩ trẻ kia tiếp tục theo các ông bác sĩ Thẩm Mỹ làm việc, tôi qua khu Mắt để phụ khám các em cần mổ mắt. Nơi đây ông bác sĩ giải phẫu mắt Steve Prepas ngồi trong một phòng, chung quanh có các bác sĩ Việt Nam. Các em được đưa vào từng em một để khám. Các em khác và cha mẹ mới đầu còn đứng mấp mé ở cửa để nhìn, dần dần tràn vào phòng thành hình vòng cung bao vây đoàn khám bệnh. Nhiều em mắt bị cườm bẩm sinh, nếu chữa ngay lúc bé tí thì còn hi vọng thấy

ánh sáng. Nhưng những em này đa số đã lớn, có em đã 14 tuổi mà bị cườm cả hai bên. Dù có giải phẫu bây giờ, chưa chắc các em đã nhìn thấy được vì thần kinh thị giác đã bị suy thoái từ lâu. Thật khó khăn cho ông bác sĩ Mắt duy nhất của phái đoàn, phải quyết định ai được mổ ai không (thoạt đầu có hai ông ghi tên đi nhưng cuối cùng một ông bận việc gì đó nên không đi được, trách nhiệm hoàn toàn trút lên người còn lại). Một lần nữa, tôi phải chứng kiến nét mặt thất vọng của bố mẹ các em bị từ chối.

Cũng may là nhà thương Thanh Hóa có tới bốn bác sĩ về Mắt. Ông Prepas cuối cùng nhận mổ rất nhiều ca, với điều kiện ông sẽ mổ làm mẫu một vài ca, còn lại các bác sĩ Việt Nam sẽ mổ, ông chỉ là người giám sát thôi. Được biết công ty Alcon, một công ty chuyên chế tạo những dụng cụ chữa mắt đã đem một cái máy mổ mắt cườm tối tân ở Sài Gòn ra cho mượn bốn ngày để giải phẫu cho các em, cho cả một chuyên viên kỹ thuật đi theo để có gì trục trặc thì sửa ngay tại chỗ. Đa số các bác sĩ Việt Nam học rất nhanh và khéo tay nên bác sĩ Prepas rất thích thú.

Sau khi các bác sĩ mắt đã quyết định về những ca mổ, các bác sĩ nhi khoa xúm vào khám bệnh các em để chuẩn bị mổ. Đa số các em đã được chuẩn bị từ tuần trước và đã có những thử nghiệm căn bản trước khi mổ. Chúng tôi chỉ cần khám các em và coi lại những kết quả thử nghiệm và hình chụp tim phổi. Trời rét, các em mặc thật nhiều lớp áo. Em nào cũng gầy guộc, đen đủi, khác hẳn với những trẻ Việt Nam tôi khám hằng ngày ở Mỹ. Các em cũng ngoan hơn rất nhiều, bảo há miệng là há to ngay, nói "a" thật to và dài, bác sĩ tha hồ khám. Các em đều mang một vẻ nhẫn nhục cũng như cha mẹ các em. Tôi cũng giống như các em bé này, 40 năm về trước, cũng chầu chực ở Bệnh Viện Bình Dân để được khám tai, chầu chực ở Y Viện Tân Định để được nhổ răng, răng nào đau thì nhổ ráo nên bây giờ mất hết mấy cái răng hàm. Tôi cũng từng là một con bé đen đủi gầy gò, giương mắt lên nhìn các vị bác sĩ. Bốn mươi năm rồi, quê hương tôi vẫn chưa có gì thay đổi.

Bảy giờ tối, mọi việc đã được sắp xếp tạm ổn cho những vụ mổ ngày mai, Thứ Hai, 6 tháng 12, 1999. Cả phái đoàn lên xe buýt về lại khách sạn Thanh Hoá nằm ngay bên quốc lộ 1. Đoạn đường quốc lộ băng qua thành phố này lúc nào cũng tấp nập đầy xe, hầu hết là xe gắn máy và xe đạp. Xe ô tô cũng nhiều, lúc nào cũng bấm còi inh ỏi. Các bác tài đều cho rằng không bấm còi thì sẽ không tài nào lái qua những đám xe đạp và gắn máy. Nhưng thái độ của những vị lái xe đạp, xe gắn máy và ngay cả người đi bộ nữa, rất thản nhiên. Nghe tiếng còi, họ chẳng có vẻ gì là luống cuống hay gấp gáp tránh ra cả. Họ rất từ từ, hơi di chuyển một tí xíu thôi, một tí xíu vừa đủ cho xe lớn tiến lên. Tôi tự hỏi không biết thống kê số tai nạn xe cộ ở Việt Nam là bao nhiêu, chắc chính phủ chẳng có thì giờ chú ý gì đến ba cái lẻ tẻ ấy. Hoặc như tôi đã nghe: "Nhà nước cũng ra lệnh cấm bấm còi, ra luật lệ giao thông đấy, nhưng không có biện pháp theo dõi, trừng trị nên không ai nghe cả." Từng hàng xe đạp dàn ngang trước mũi xe thản nhiên "như người Hà Nội." Người nói chép miệng: "Thật đúng là như người ta nói 'Đường ta ta cứ đi, nhà ta ta cứ xây.'" Tôi nghĩ bụng ông này đọc lời nhạc Phạm Duy mà không biết, vì chắc ông ta chưa từng biết Phạm Duy là ai.

Lại một đêm ngủ khách sạn. Tuần này tôi sẽ chia phòng với một bác sĩ Nhi Khoa khác, cô Mai Khanh, một người trẻ, tốt nghiệp tại Mỹ, người gầy ốm, xinh đẹp và có một tinh thần phục vụ vô bờ bến. Không thể đếm được số lần cô đã về Việt Nam. Đa số là về trong những chương trình của hội SAP-VN tức Social Assistance for Vietnam, để khám bệnh và đem phương tiện giúp đỡ trực tiếp cho dân nghèo. Lần này cô đã có mặt ở Việt Nam từ tuần trước trong một phái đoàn nhỏ, đem tiền đã quyên được đến tận tay những nạn nhân lũ lụt miền Trung. Phái đoàn đã bị kẹt lại vài hôm tại Huế vì lụt lần thứ hai nhưng cũng đã hoàn tất công tác một cách tốt đẹp, đưa tiền được đến tận tay nạn nhân, hầu hết là những gia đình có thân nhân chết hay mất tích. Họ còn lặn lội đến tận nơi giúp tiền bạc cho những bệnh nhân phong cùi tại những địa điểm cô lập, hẻo lánh. Không thể tưởng tượng được tinh thần phục vụ của những người trẻ này, họ làm việc không biết mệt mỏi và thường rất im lặng.

Phái đoàn vừa trở lại kịp Thanh Hóa tối nay cũng như một bác sĩ chỉnh hình, ông Lê Thanh Cảnh vừa bay đến từ Úc. Như vậy tất cả mọi người đã trình diện đầy đủ, sẵn sàng bắt tay vào việc ngày mai. Trong bữa cơm tối hôm đó tại khách sạn, phái đoàn mới tới được giới thiệu. Thế là tất cả mọi người đã biết tên,

biết mặt. Chúng tôi cảm thấy một mối liên kết keo sơn như giữa những người thân trong một gia đình.

Các cuộc giải phẫu

Thứ Hai 6 tháng 12, 1999

Tám giờ sáng, tất cả mọi người đã có mặt tại nhà thương Thanh Hóa. Ai vào việc nấy. Phái đoàn mổ gồm các bác sĩ Thẩm Mỹ và Mắt cùng với các bác sĩ khoa Hàm Mặt và Mắt của nhà thương, các bác sĩ Gây Mê, các y tá phòng mổ, y tá phòng hồi sinh và các "thợ vịn" đều sẵn sàng. Thợ vịn vô cùng quan trọng trong những vụ mổ này vì phương tiện quá thiếu thốn và thô sơ. Các vị này phải thông dịch, giúp các bác sĩ gây mê trong việc "giúp thở" cho các bệnh nhân bằng những ống bơm tay.

Phải thán phục lòng can đảm và tận tâm của nhóm bác sĩ gây mê này, gồm có hai bác sĩ Việt Nam rất trẻ, tốt nghiệp tại Mỹ, bác sĩ Chẩn là một bác sĩ gây mê đầy kinh nghiệm từ những ngày phục vụ trong quân đội trước 75 cũng như gần 20 năm hành nghề tại Mỹ và một Y tá Gây mê người Hoa Kỳ có nhiều kinh nghiệm với trẻ em. Khác với điều kiện làm việc tại Mỹ, nơi những máy móc tối tân vây quanh, chỉ cần một liếc mắt đã có đầy đủ dữ kiện về bệnh nhân như áp huyết, nhịp tim, tâm điện đồ, nhịp thở, độ oxygen trong máu, nơi đây họ không có những xa xỉ đó, chỉ một mình họ với người bệnh, một dụng cụ nhỏ đo lượng oxygen trong máu, đồ đo huyết áp thô sơ... Họ cũng không được sử dụng những gas gây mê thông thường ở Mỹ vì cả nhà thương chỉ có một máy thở (respirator) cũ kỹ của Nga để lại. Họ phải dùng thuốc gây mê qua đường tĩnh mạch, một công tác rất khó khăn đòi hỏi nhiều kinh nghiệm. Như anh Chẩn đã nói: giống như một phi công phản lực bị tước bỏ chiếc máy bay, bắt buộc phải đi xe đạp vậy. Nhưng biết làm sao hơn, các bác sĩ gây mê của nhà thương này cũng phải "đi xe đạp" từ năm này qua năm khác thì sao?

Phái đoàn đã mang theo đầy đủ những trang bị để tạo tình trạng "vô trùng" tối đa trong phòng mổ như mạng che mặt, túi bọc giầy, áo khoác ngoài vô trùng cho những người đứng gần, trực tiếp với bệnh nhân v.v... Thuốc gây mê, thuốc cấp cứu, dung dịch truyền tĩnh mạch... đã được chuẩn bị đầy đủ cho ít nhất 120 vụ mổ, tất cả đều được đem theo.

Và ở tất cả các thời điểm, năm cuộc mổ xẩy ra cùng lúc với bốn bác sĩ gây mê và năm bác sĩ giải phẫu. Năm giường mổ nhưng chỉ có một cái đèn. Phái đoàn phải có thợ vịn chỉ chuyên cầm đèn soi cho bác sĩ mổ. Một anh y tá phòng mổ người Phi đã đeo một cái đèn ngay trước trán, cúi mình soi cho bác sĩ mổ. Anh Angelito này là một người nhiều sáng kiến, rất nhanh nhẹn và năng động. Mới tới, không biết nói tiếng Việt, anh cũng đã dùng ngôn ngữ tay huy động được các bà y tá Việt Nam giúp cho anh trong những công tác cho phòng mổ, những công tác thật tỉ mỉ và rất nhiều thứ để làm hầu giúp cho những vụ mổ được suông xẻ. Bốn bác sĩ gây mê nhưng mổ tới năm bệnh nhân cùng lúc vì anh Chẩn phải phụ trách một lúc hai bàn với sự phụ giúp của những thợ vịn, có thể là một kỹ sư về máy móc đi theo phái đoàn lo săn sóc, sửa chữa máy đem theo, nhưng này phải ngồi "monitor" (theo dõi) bệnh nhân. Tội nghiệp, họ đã được dặn là chỉ cần thiếu oxygen ba phút thôi là đủ hư óc, nên lúc nào mắt họ cũng chằm chằm nhìn vào cái máy đo lượng oxygen hoặc đo nhịp tim, nhịp thở bệnh nhân.

Song song với phái đoàn giải phẫu là nhiều phái đoàn khác với những nhiệm vụ khác nhau: phái đoàn Sản Phụ Khoa sẽ làm việc với các bác sĩ của nhà thương phụ sản Thanh Hoá, nằm ngay bênh cạnh, phái đoàn Nhi Khoa tham quan khoa nhi của nhà thương đa khoa, phái đoàn đi đến các xã thôn lân cận để khám bệnh cho thuốc và đồng thời làm những "khảo cứu" nho nhỏ có tính cách "y tế cộng đồng" như làm "hearing screening," thử tai, cho các em, lấy tỉ lệ cao huyết áp của những người lớn, dạy những lớp cấp cứu thông thường và tặng cho những phòng khám bệnh nho nhỏ những thứ như máy nebulizer trị cơn suyễn, thuốc trị hookworm, vit cho các em... Hai vợ chồng anh chị bác sĩ Kiều, người đã nghĩ ra và tổ chức chuyến đi này, đã lao tâm tổn trí nghĩ đến tất cả những việc có thể làm được trong cùng một chuyến đi, tận dụng tất cả nhân lực có được trong tay.

Dù là bác sĩ nhi khoa, tôi được cử đi theo phái đoàn phụ sản gồm có hai bác sĩ sản phụ khoa, một nữ hộ sinh (nữ hộ sinh của Mỹ cũng học rất lâu, đến bảy năm và có thể làm hầu hết tất cả nhiệm vụ của một bác sĩ sản phụ khoa trừ việc giải phẫu hoặc đỡ đẻ những trường hợp khó), một bác sĩ về sinh thiết (pathologist), tất cả là người Mỹ chính cống, chỉ biết một vài tiếng Việt như chào cô... Có một em sinh viên Việt Nam lớn lên ở Mỹ đi theo thông dịch nữa (can đảm thật).

Sau khi gặp gỡ phái đoàn đón tiếp của nhà thương phụ sản gồm có bác sĩ giám đốc, các bác sĩ phó giám đốc và nghe tường trình sơ qua về nhà thương này, chúng tôi được dẫn đi tham quan một vòng. Đây là một nhà thương lớn cấp tỉnh, riêng biệt với nhà thương đa khoa, có trách nhiệm săn sóc sức khoẻ cho một số lớn phụ nữ, có khu đỡ đẻ, khu kế hoạch gia đình, có cả khu trẻ em sơ sinh thiếu tháng (neonatal special care unit). Bệnh viện rất lớn với nhiều phòng sinh và phòng mổ, chứng tỏ số bệnh nhân được phục vụ rất đông.

Sau đó chúng tôi xuống khu ngoại chẩn, sẵn sàng bắt tay làm việc. Bà nữ hộ sinh thì gặp gỡ và làm việc với các nữ hộ sinh Việt Nam.

Khu ngoại chẩn đông nghẹt, bệnh nhân ngồi la liệt. Một lần nữa hình ảnh các nhà thương công ở Sài Gòn 40 năm trước hiện lên trước mắt tôi. Không có thì giờ cho những suy nghĩ tình cảm nữa, phải bắt tay vào làm việc ngay. Tôi phối hợp với các bác sĩ và y tá để sắp đặt một phòng khám, đặt hai giường khám song song nhau, chuẩn bị hết tất cả những dụng cụ cần thiết. Phải moi từ trong thùng (packed thật chặt với foam chẩy) một máy soi cổ tử cung (colposcopy), một thứ kính hiển vi to và di động dùng để soi và làm biopsy cổ tử cung được các bác sĩ Mỹ này mang theo để dùng và chỉ cách sử dụng cho các bác sĩ Việt, sau đó sẽ tặng lại cho nhà thương. Ở đây cũng đã có một máy khác. Phải mất cả hơn nửa giờ mới sắp xếp xong. Các bệnh nhân sau đó được hướng dẫn vào khám. Chẳng có một tí riêng tư nào cả. Phòng khám đầy người: các bác sĩ của khu, các nhân viên phụ, thông dịch viên... Tôi bắt đầu hỏi bệnh các bệnh nhân và thông dịch cho các bác sĩ phụ khoa.

"Chị bệnh gì, có bầu bao nhiêu lần, sinh mấy lần..."

Đa số bệnh nhân đã được chữa trị nhiều lần tại bệnh viện này và đều có một nguyên nhân đến khám bệnh giống nhau: bệnh viêm cổ tử cung.

Công việc tiến hành trôi chẩy trong bầu không khí thật hợp tác và vui vẻ. Tất cả các nhân viên bệnh viện đều cố gắng giúp phái đoàn làm việc hiệu quả tối đa. Các bác sĩ thì đều tỏ ra rất ham học hỏi. Các anh chị hỏi nhiều câu liên tiếp, muốn tôi thông dịch cho hai bác sĩ Mỹ. Phái đoàn gồm có một cô bác sĩ tên Peggy tuổi chừng *thirty something*, và một ông bác sĩ tên John *forty something*. Ông Mỹ này bụng bự, vui vẻ vô cùng. Ông hay đùa giỡn nhưng làm việc thật tận tụy. Đây là lần thứ hai ông tham dự vào phái đoàn nên ông có rất nhiều kinh nghiệm. Ông mang theo mấy túi xách dụng cụ lớn, từ găng tay đến mask, thuốc khám bệnh, thuốc chữa bệnh, que cotton, và một thứ mà ông không bao giờ thiếu là kẹo. Ông vui vẻ trả lời hết những câu hỏi của các bác sĩ Việt Nam. Mỗi một bệnh nhân khám xong, ông đều tự tay lấy thuốc, nhờ người lấy nước pha và cho bệnh nhân uống liền ngay tại chỗ (những thuốc mới sau này có thể chỉ cần uống một liều thôi là đủ). Bệnh nhân uống xong, ông rút túi tặng ngay một cái lollipop. Sau khi thấy một vài bệnh nhân được chữa trị tận tụy như vậy, một chị bác sĩ giơ tay hỏi tôi:

"Chị ơi, nhờ chị hỏi dùm em cái ông Mỹ này một câu."

"Vâng, chị cứ hỏi."

"Chị hỏi giùm em xem tên cái thuốc gì to to mà em thấy nẫy giờ bệnh nhân nào ổng cũng cho hết đấy."

"Thuốc nào đâu?"

"Cái thuốc có cái que ở đầu mà em thấy ổng cho thường lắm đấy."

Vỡ lẽ ra, tôi buồn cười quá bèn trả lời:

"Đấy là que kẹo chị ơi, không phải thuốc đâu."

Tất cả những người Việt Nam cười rộ lên. Hai ông bà Mỹ vội vàng hỏi:

"Chuyện gì mà họ cười vậy?"

Tôi giải thích cho hai người chuyện viên thuốc to nhiều màu mà nẫy giờ ông John phân phát rất hậu hĩ cho nhiều bệnh nhân. Ông John cười quá xá, nhưng cũng vội vàng bảo tôi:

"Nhờ bà nói rõ cho bệnh nhân biết đây là kẹo, không phải thuốc đâu nhé. Coi chừng họ đem về để nhầm chỗ thì chết."

Buổi trưa, phái đoàn được bác sĩ giám đốc dẫn đi ăn nhà hàng. Bà nữ hộ sinh gặp anh bác sĩ trưởng khu sơ sinh thiếu tháng nói tiếng Pháp rất giỏi mà bà cũng biết nói tiếng Pháp nên mọi việc rất trôi chẩy.

Buổi chiều phái đoàn sắp đặt một buổi thuyết trình cho các bác sĩ và nhân viên nhà thương. Một lần nữa tôi đóng vai thông dịch bất đắc dĩ. Hầu hết những danh từ y khoa Tây phương đã được dịch ra tiếng Việt, với những từ thật lạ tai. Mỗi lần tôi dùng một danh từ gì, họ đều đưa ra một từ khác tương đương mà mình không quen dùng. Thật là một cơ hội học hỏi cho tôi, vừa được học thêm về bệnh phụ khoa, vừa học thêm danh từ y khoa mới. Một lần nữa, các anh chị bác sĩ đều tỏ ra rất

ham học hỏi. Nhất là anh trưởng khoa là người nổi bật lên, chứng tỏ anh là người đã được tiếp xúc nhiều với giới y khoa tây phương. Hỏi ra, mỗi năm anh đều vào Sài Gòn ba tháng để tu nghiệp. Tất cả các danh từ y khoa dịch ra tiếng Việt tuy dùng hơi trúc trắc lúc đầu nhưng chắc dùng lâu ngày quen, tôi thấy họ dùng những danh từ như viêm tử cung lộ luyến, x quang... một cách rất tự nhiên. Tuy dễ học nhưng cũng có cái bất lợi là các anh chị này hoàn toàn không biết một danh từ y khoa tây phương nào cả. Khác với sinh viên y khoa Sài Gòn ngày xưa dùng nhiều danh từ y khoa tây phương nên dễ tiếp xúc với y giới tây phương hơn.

Đến khoảng bốn giờ chiều, phái đoàn sản phụ khoa mãn việc, tôi về lại nhà thương đa khoa. Các vụ mổ vẫn đang tiến hành. Tôi vào phòng hậu giải phẫu nói chuyện với Mai Khanh và Tammy đang trực phòng hậu giải phẫu và thăm chừng một vài em, gọi là học việc để một vài ngày nữa sẽ tới phiên mình trực. Có em đã tỉnh thuốc mê, có em vẫn còn thiêm thiếp. Các em mổ hở hàm ếch thì có vẻ đau đớn hơn các em mổ mắt vì vết mổ của các em to hơn và dễ chảy máu hơn nhiều. Cha mẹ các em túc trực bên giường và theo lời dặn một cách nhẫn nại. Mỗi em đều có bên mình một con thú nhồi mà các em ôm khư khư. Chị Quỳnh đã chuẩn bị sẵn sàng cho mỗi em một gói tặng phẩm gồm một cục xà bông, một cái bàn chải đánh răng và một ống kem đánh răng ngoài những thứ thuốc cần dùng của các em như trụ sinh, thuốc giảm đau, thuốc bổ... Nghe Tammy kể có nhiều em chưa bao giờ trông thấy cục xà bông nên không biết nó dùng để làm gì.

Được một chốc, các chị y tá khoa Hàm Mặt lại đến yêu cầu tôi khám bệnh tiền giải phẫu cho các em đã được lên danh sách mổ ngày mai. Một lần nữa các em và bố mẹ xếp hàng nhẫn nại chờ đến phiên khám bệnh. Bố mẹ các em này có vẻ mặt thoải mái và hồ hởi hơn vì biết chắc rằng con mình sẽ được mổ vào ngày mai. Trời rét, các em mặc năm sáu lớp áo. Vậy mà không em nào than van gì khi tôi yêu cầu cởi bớt một vài lớp trước khi đến phiên mình khám để đỡ mất thì giờ.

Ngày đầu tiên mổ được tất cả 18 ca, chín hàm mặt và chín mắt. Tất cả các bác sĩ và nhân viên phòng mổ trải qua một ngày thật căng thẳng.

Tối về đến khách sạn, tất cả mọi người đều thấm mệt. Mới có một ngày mà thôi đấy nhé. Mọi người tụ họp lại phòng ăn của khách sạn ăm cơm chung. Có một số vẫn chưa về. Nghe đâu có một em bị chảy máu hơi nhiều nên các bác sĩ phải đem trở lại phòng mổ may lại và sau cùng phải chuyền máu cho em. Bố em là người hiến máu tươi (tươi thật vì còn nóng, chưa bao giờ để tủ lạnh) cho em. Cuối cùng mọi việc cũng êm đẹp. Tôi về phòng. Trời lạnh không thể tưởng. Trời vẫn mưa rả rích, không kém gì những đêm mưa dầm ở Sài Gòn thuở nào, chỉ có lạnh hơn thôi. Phòng ngủ chẳng có máy sưởi gì cả. Chỉ có máy "điều hòa không khí" mà thôi. Vặn lên chỉ có gió thổi ra. Tôi đóng bộ cẩn thận, mặc nguyên cả áo *coat* leo lên giường. Chỉ có cách đó may ra mới ngủ được để ngày mai còn làm việc tiếp.

(Còn tiếp)

TULLY CLINIC

PHARMACY

VO, DAI D.

DƯỢC SĨ, TIẾN SĨ SINH HÓA

1693 FLANIGAN DRIVE, SUITE 104

SAN JOSE CA 95121

TEL: (408) 274-6698

* Bán thuốc theo toa bác sĩ
* Nhận Medical và bảo hiểm
* Tiếp đãi ân cần
* Chỉ dẫn tường tận
* Lựa chọn thuốc có phẩm chất cao

Giờ mở cửa:

Thứ Hai - Thứ Bảy: Từ 9:00AM - 7:00PM

Chủ nhân kính mời

TRÈM TRẸM PHÙ SA

Truyện
NGUYỄN TẤN HƯNG

Thắng thân mến,

Lâu quá rồi bọn mình không gặp lại nhau. Gần cả năm hơn kể từ ngày xa tàu lớn. Tao nghĩ mầy đã rời tuần dương hạm Vân Đồn, HQ 06, rồi phải không? Chẳng còn hộ tống những đoàn convoy đi Nam Vang? Còn thằng Thành chắc cũng đã rời tuần dương hạm Chí Linh, HQ 11, để đảm nhận chức vụ mới! Nói chung là bọn mình đã, từ lâu, được đổi lên bờ, những Duyên Đoàn dọc theo duyên hải hay những Giang Đoàn trong vùng sông ngòi, kinh rạch!

Phần tao cũng vậy, sau hơn hai năm hải hành dư ngày tháng để lãnh Hải Vụ Bội Tinh, tao được (hay nói đúng hơn là bị) đổi về làm Chỉ huy phó Giang Đoàn 71 Thủy Bộ... Hi vọng số phần của tụi mầy dễ thở hơn, chớ riêng tao từ ngày về Thủy Bộ, chu mẹt ơi, mệt nghỉ mậy. Đụng trận liên miên, tính mạng như chỉ mành treo chuông thiệt đó mầy ơi. Để tao kể sơ sơ chuyện hành quân sống chết cho mầy nghe...

*

Vầng thái dương từ từ ló dạng phía sau rặng cây cao. Những cây dừa lão lơ thơ rũ lá, phất phơ trong gió ngó xuống cánh rừng tràm âm u tĩnh mịch ngút ngàn. Những tia nắng hồng thắm, ấm áp đầu ngày đang cố gắng xuyên thủng lớp sương mù nhàn nhạt màu sữa tươi, đóng dày đặc theo bờ kinh, lềnh bềnh trôi trên mặt nước. Một khoảng trống giữa dòng đục ngầu phù sa, vẽ lên một vệt vàng thẳng tắp về phía xa xa. Lẫn lộn trong đó những điểm chấm phá của những đề lục bình xanh, đen đang lầm lũi làm những cuộc hành trình lang thang vô định. Mùi hoa tràm vào dịp đang xuân thoang thoảng bay trong gió sớm ngọt ngào, quyến rũ. Thỉnh thoảng một con vạc ăn đêm muộn màng vỗ cánh tung bay về tổ cũ, mong tìm giấc ngủ bình yên. Tiếng kêu thảng thốt, lạc hồn nghe buồn thúi ruột...

Đoàn tàu đang chầm chậm lướt qua cây "Cầu Duyên," đúng là cây... cầu ván đóng đinh đầu tiên. Rồi lần lượt sẽ đến cây "Cầu Nợ," "Cầu Vợ," "Cầu Chồng," "Cầu Cái," "Cầu Con"... những cây cầu không tên, bắc qua những con rạch đổ vào kinh Trèm Trẹm trong vùng Miệt Thứ, đã do nhân viên chiến đĩnh gọi như vậy ngõ hầu dễ dàng định vị trí. Riết

rồi quen, mà chẳng biết tên thật của nó là gì. Thường thì tới khoảng "Cầu Vợ," "Cầu Chồng" thì sẽ có đụng lai rai, nhưng xuống tới "Cầu Cái" là mười lần như một, sẽ nổ lớn...

Chẳng cần nói đâu xa, chỉ mới trong tháng qua, đoàn tàu yểm trợ bộ binh tiến chiếm căn cứ hỏa lực Rạng Đông của Việt Cộng đã bị tấn công dữ dội. Chẳng ai lạ gì về sự hiện diện của căn cứ hỏa lực này, kể cả các căn cứ hỏa lực Hòa Bình, Biện Nhị... nối tiếp theo, chỉ có điều là tất cả đều nằm trong vùng hầu như hoàn toàn do địch kiểm soát, nên khó tiêu diệt. Cơ sở đồn trú chắc chắn không khác gì những căn cứ hỏa lực của quân ta. Cũng hầm trú ẩn và giao thông hào. Có lẽ chỉ khác chăng là những ụ chứa súng kiên cố nằm phủ dưới tàng cây, bóng mát để khi bắn xong thì kéo súng vào trong, đề phòng phi cơ ta khám phá, bay đến oanh tạc.

Lần đó, kể ra, phải nói đúng là ba mặt giáp công. Có nghĩa là B 40, B 41 thụt từ hai bên bờ kinh và đạn súng cối từ trên trời rơi xuống. Lính biển tiếp cận chiến trường vùng này đều rành quá về thế đánh của Việt Cộng. Sát bờ thì có bọn du kích, đặc công chuyên sử dụng B 40, B 41 nằm trong những ụ núp kiên cố, đắp gần mấy bụi tre già hay gốc quau to, bên trên có thả mấy lớp dừa tròn nguyên cây, phủ đất. Mặt tiền làm sẵn lỗ châu mai giống giống những lỗ châu mai của các lô cốt đồn bót Nghĩa Quân, Địa Phương Quân. Xa bên trong một chút là những ụ súng máy, đại liên thường đặt trên những mô đất cao. Có khi liều mạng đặt cao hơn một chút ở các ngọn da, đọt dừa chẳng hạn. Rồi xa hơn nữa là những khẩu súng cối 82 ly, nằm sâu trong rừng rậm.

Các chiến đỉnh ta có điểm bất lợi là kẹt mấy hàng đáy, không làm sao chạy thênh thang giữa dòng được. Lỡ chạy gần kia mà rủi chân vịt cuốn lưới, cắt lưới nếu tàu không tắt máy thì rồi dân cũng thưa ra tòa án quân sự. Từ chết tới bị thương nếu dân chúng được đỡ đầu bởi mấy ông Cha chánh xứ họ đạo. Mà đi cạnh bờ thì kể như thí mạng cùi, hên xui may rủi vậy thôi. Việt Cộng chỉ cần căng sợi dây cáp ngầm là tàu ta cứ theo dây mà chạy thẳng vô bờ. Không có mìn đặt sẵn thì cũng bị phục kích, khó thoát. Còn bọn chúng muốn xài sang thì thả mìn nam châm tại chỗ, chìm ngầm trong nước cũng chẳng sai chạy đi đằng nào.

Kỳ vừa rồi thì cũng khoảng giữa "Cầu Cái" với "Cầu Con", Việt Cộng dồn hết lực lượng tấn công đoàn tàu. B 40, B 41 đâu mà nhiều quá, có chiếc trúng cả chục trái luôn, bốc cháy mù trời. Nhưng có chiếc nhờ giàn lưới chống B 40, B 41 nên đầu đạn dẫu có chui vào cũng còn kẹt cái đuôi, lửa đỏ xung quanh tàu mà bên trong không hề hấn gì. Tuy nhiên, lại có chiếc nổ tung, gãy làm đôi vì trúng mìn loại lớn. Đạn súng cối rơi như mưa bấc, tưởng như phủ trùm hết đoạn kinh, không ngừng nghỉ. Những cột nước dâng cao đồng loạt tưởng chừng dưới mặt nước có nguyên bầy cá ông. Hết chiếc bên bờ này đến chiếc bên bờ kia, chiến đỉnh trúng đạn quay mòng mòng... Phải sử dụng phóng lựu giây, M 79 giây, thay cho đại liên, nhỏ xuống đầu bọn nằm trong ụ bắn B 40, B 41 làm sao cho bọn nó không ngóc đầu lên được mới mong cứu nổi mấy con cá bị thương. Đó là phải nói trên trời đã có những chiếc A 37 thả bom napal lửa cháy ngợp trời, sức nổ tung cả bùn non lên tàu.

Đến lúc hải quân ta ủi bãi càn quét thì mấy tên tử thủ B 40, B 41 cũng đã theo các địa đạo, giao thông hào đào hình chữ chi chạy tuốt vào trong sâu. Cũng chẳng phải dễ dàng thanh toán bọn này đâu, nếu chưa triệt hạ mấy khẩu súng máy, đại liên phía bên trong. Trước khi cắm mũi ủi bãi phải làm cỏ bọn đâm sau lưng này thì mới mong an toàn trên xa lộ khi đổ quân lên bờ. Thấy bọn nó rớt từ ngọn dừa, đọt da như sung rụng ấy vậy mà lâu lâu cũng còn bị vài tên lì lợm lảng vảng bắn sẻ AK 47, chát chát chát... Kết quả, đại khái, thì cũng vài tên bỏ mạng trong ụ bắn B 40, B 41 và hiển nhiên vũ khí đạn dược chưa sử dụng kịp bị tịch thu vô số kể...

Ngẫm nghĩ lại giữa cảnh bom đạn, chết chóc tình cảm con người dường như cũng phai lạt, chết dần chết mòn theo. Quen rồi với những cái xác vô hồn không toàn vẹn. Quen rồi với những bạn và địch đã nằm xuống, làm xong nhiệm vụ những người trai thời chiến. Tất cả rồi sẽ trở về với cát bụi, nơi đó không còn thù hận, yêu thương, phê phán, khen chê. Chiến tranh đã làm cho con người sống với những giây phút riêng tư, những suy nghĩ cá nhân trở nên bất chợt. Lúc mất lúc còn, chập chờn như những giấc mơ trong thế giới vô hình nào đó. Chẳng ai không có một mái ấm gia đình ở hậu phương. Chẳng ai không có ông bà, cha mẹ, bạn bè và người thân. Chẳng ai không có... một người yêu, một người tình. Tần nghĩ đến Phương Loan ở Mỹ Tho, cũng như Thắng nghĩ đến Hoàng Kim ở cư xá Lữ Gia hay Thành nghĩ đến Kim Oanh ở Cần Thơ

với những trìu mến, dấu yêu.

Song, đó chỉ là bến chính. Lính thủy thường có nhiều bến đậu khác do hoàn cảnh đẩy đưa. Vì lần vừa rồi, đám cúng miễu bà Chúa Chè bên kia sông, sông Cái Lớn, bỗng dưng có người tìm đến tàu đang ủi bãi nghỉ ngơi cạnh một bên miễu, thông báo:

"Mấy anh ơi, bà chúa đang nhập đồng kêu em ra đây thỉnh ông quan to vô cho bà hỏi việc..."

Đám nhân viên ngơ ngác quay lại nhìn Tần làm chàng rất đỗi ngạc nhiên. Tại sao... bà biết "quan to" có mặt trên chiếc chiến đĩnh này? Thêm một ngạc nhiên lớn nữa là cô em đến mời sao mà xinh ơi là xinh. Bộ đồ bà bà nâu, quần đen lèng xèng của dân quê không che dấu được vẽ diễm kiều, ngây thơ của cô gái miền bưng biền ruộng rẫy nhưng có nước da trắng mát. Tóc dài buông lửng chấm ngang vai ôm khuôn mặt trái soan bầu bĩnh. Đường chân mày hình vòng cung tự nhiên đậm nét trên vầng trán thông minh. Sóng mũi thon gọn ngó xuống đôi môi chúm chím mọng đỏ như son. Tuy trong lòng vẫn dè dặt về vấn đề cán bộ đặc công Việt Cộng thường hay dò la móc nối các sĩ quan, Tần cũng lận khẩu Colt 45 dưới áo, bước lên bờ vờ hỏi:

"Chẳng hay cô nói thiệt hay nói chơi vậy?"

"Em nói thiệt mà. Bà linh lắm. Anh hên đó nên bà mới để ý mà kêu lên gặp mặt..."

Trời đất, hổng quen biết gì hết mà tự nhiên gọi anh xưng em ngọt lịm. Còn kèm theo nụ cười duyên dáng, ngây ngô lộ hàm răng trắng đều như bắp. Tần hỏi tới:

"Cô tên gì?"

"Dạ, em tên Bé Tư..."

"Nhà em ở đâu?"

Cô gái đưa tay chỉ về phía vườn ruộng xa xa:

"Dạ, ở phía đằng kia kìa, gần xóm đáy... Thôi, anh theo em đi lại đằng miễu lẹ lẹ lên đi, để bà chờ lâu quá bà quở..."

Chua choa, con nhỏ ăn nói có duyên ớn. Lại còn cái liếc xéo cộng thêm cái bộ điệu lẩy đưa, ngúng ngoa ngúng nguẩy sao mà dễ thương lạ. Chẳng đặng đừng, Tần nối bước theo Bé Tư về nơi làm lễ cúng miễu. Bà phán, đại để,... cuộc đời cậu đi làm ăn xa có quới nhơn phù hộ cho nên sẽ được an toàn rời khỏi nơi đây sáu bảy tháng sau, tự thân nên làm lành lánh dữ thì bà sẽ độ cho... Bà độ đâu chưa biết vì là chuyện tương lai, nhưng chuyện trước mắt là từ buổi chiều hôm đó Tần đâm ra tương tư con Bé Tư dễ nhìn, dễ mến kia. Chàng thường xuyên kiếm cớ cho tàu ghé lại một bên miễu để hi vọng được gặp lại người đẹp một lần. Thật bất chợt như lần đầu. Nhưng, đã bao nhiêu lần rồi mà vẫn... bóng chim tăm cá, bẵn bặt âm hao. Khuôn viên miễu bà trong những ngày không lễ lộc có vẻ hoang vắng, âm u, hiu hắt buồn. Và, duy nhất chỉ một lần, chàng bạo gan lẳng lặng dẫn thân đến miễu đốt nhang khấn vái. Thật ra, không phải nhờ bà ra oai cho gặp... người tình nhỏ yêu dấu một chiều, mà âm thầm cầu nguyện bà phò hộ chàng tai qua nạn khỏi, sớm rời bỏ vùng đất nặc mùi thuốc súng, âm thịnh dương suy này.

Chuyện tin vào dị đoan tướng số của các nhà lãnh đạo, tướng tá trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa không phải là không có. Cũng không phải là chuyện luận bàn trong lúc trà dư tửu hậu. Ngay cả tổng thống Ngô Đình Diệm, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng có các thầy tướng số, phong thủy, địa trạch riêng. Đối với Hải Quân, những vị Tư lệnh Vùng cũng không thoát khỏi những thông lệ này. Nhiều khi chỉ là đổi một trạm gác từ bên này sang bên kia hay gỡ bảng hiệu Bộ Tư Lệnh cất đi.

Chẳng cần nhìn đâu xa, ngay trước mắt Tần, những lệnh lạc của các Chỉ huy trưởng Chấm của Lực lượng đặc nhiệm Thủy Bộ tại vùng cũng đầy huyền thoại. Bộ chỉ huy Chấm Một, thường viết gọn là đơn vị 211.1, đồn trú tại căn cứ Xẻo Rô. Chỉ huy trưởng tiền nhiệm họ Nông, có thể đọc trại từ chữ Nùng, hậu duệ của Nùng Trí Cao cũng nên! Ông này sợ rắn! Lệnh ban ra cho nhân viên là ai giết một con rắn thì bị tám trọng cấm! Chỉ huy trưởng đương nhiệm họ Bửu, thuộc dòng dõi hoàng tộc. Miên Hường Ưng Bửu Vĩnh, như vậy là một trong những ông chú của vua Bảo Đại, Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy. Ông này lại kỵ rít. Lệnh ban hành cho nhân viên cũng không khác gì mấy, ai giết một con rít thì lãnh tám củ. Mà cái xứ rừng rú U Minh này kể cũng lạ đời, rắn rít đâu mà nhiều quá. Ngồi đánh domino quanh chiếc bàn con hay khòm lưng lẩn quẩn quanh bàn bi-da, thỉnh thoảng dòm xuống chân hay ngó xéo trên kèo nhà lại thấy rít đỏ, rắn đen thong dong lui tới. Lính tàu đánh giặc thâm niên thì Việt Cộng còn không sợ huống hồ gì sợ rắn với rít. Chỉ mỗi mình chỉ huy trưởng sợ thôi mới là quái dị. Mà không sợ cũng không được, vì mỗi khi mấy ổng thấy

rắn hay rít bị giết thì lúc đêm về, mười lần như một, căn cứ bị Việt Cộng pháo kích. Bởi vậy cho nên, kể cũng là một lý do chính đáng để tin vào tướng số dị đoan, Tần nghĩ.

Lại chuyện gần đây hơn nữa, chỉ mấy ngày qua thôi, tuồng như có điềm lạ, Tần than thầm. Đêm nào cũng vậy, cứ nghe chim cú kêu mãi. Đám thủy thủ canh gác thỉnh thoảng rẹt một tràng M 16 xua đuổi nó đi, hoặc có đứa nóng lòng bắn luôn cả phóng lựu M 79 định giết tại chỗ mà rốt cuộc chẳng làm nên trò trống gì. Cứ bay đi đâu đó một hồi rồi thì cũng bay trở lại. Đến nỗi trung sĩ nhứt Tám, Trần Văn Tám, thuyền trưởng chiếc Tango báo cáo:

"Chỉ huy phó có để ý gì hông? Vòng vòng đây có con chim cú bắn hoài hổng chết, tui nghi quá... chỉ huy phó!"

Tần cũng nghi lắm nhưng phải trấn an binh sĩ thuộc quyền:

"Mấy anh ra trận mà còn bày đặt tin dị đoan nữa hả? Chỗ nào lại không có chim cú?"

Tám từ tốn:

"Đành rằng chỗ nào cũng có chim cú, nhưng ít khi nó kêu ròng rã mấy ngày liền. Mà hình như nó chỉ muốn kêu ngay trước mũi tàu của mình mới là lạ..."

Cái thằng làm Tần thêm lo. Ông chỉ huy trưởng mới đổi về, tên Thuận trên Tần bốn khóa, nhát như cáy. Ngay cả chuyện luân phiên đi hành quân, tuần tiểu ổng cũng lựa những chỗ không ngặt lắm mà dành đi. Viện cớ cần thời gian học hỏi, kinh nghiệm chiến trường. Nhưng, theo Tần nghĩ, có lẽ tướng của ổng là tướng sát quân. Lần nào đi cũng đụng, nhân viên lớp chết lớp bị thương, chẳng khi nào không tì vết, sứt mẻ. Số của Tần thì có phần ngược lại, đi vào những chỗ phải nói toàn là hiểm địa, nhưng dẫu có đụng đi nữa cũng chẳng hề hấn gì. Bảo toàn lực lượng, nhứt là mạng sống đoàn viên.

Tuy nhiên, đi đêm sợ có ngày gặp ma. Chẳng lẽ đến phiên mình nên con chim cú ngầm báo trước. Lại đúng phiên chỉ huy trưởng ở nhà. Cuộc hành quân phối hợp giữa hai Giang đoàn 70 và 71 Thủy Bộ, mỗi Giang đoàn đưa đi gần một nửa quân số, chiến đĩnh yểm trợ bộ binh tiến chiếm căn cứ hỏa lực Rạng Đông của Việt Cộng lần thứ hai. Bên Quân vận cũng biệt phái một chiếc LCU chở quân dụng, đạn dược...

Cố xua đuổi những ý nghĩ chết chóc trong đầu, Tần buột miệng chửi thề, nạt vội đàn em:

"Đù me, mạng thằng nào cũng một viên đạn thôi, sao mà anh lo quá..."

Lại một câu nói chót lưỡi đầu môi của mọi người, không riêng gì đoàn viên binh sĩ mà luôn cả những sĩ quan Thủy Bộ. Cái kết luận không phải bi quan mà là thực tế không khác gì nhau của những ai đang tham dự những cuộc hành quân kéo dài hầu như vô hạn định. Nhiều lúc Tần cảm nhận được những gian truân khổ ải của nhân viên thuộc quyền là có thật. Cuộc sống bấp bênh, trôi nổi, bềnh bồng, không biết chuyện gì sẽ xảy đến ở ngày mai.

TRẦN MỘNG TÚ

NGŨ CỐC VÀ CHIM XA

Tình yêu là những hạt ngũ cốc
Đặt trong cóng sứ giữa trạc cây
Con chim ở bên kia dẫy núi
Có bay sang nhặt hạt tình này

Những hạt kê vàng thơm như mật
Máng trơ vơ ở giữa đất trời
Tình yêu treo trên cành trĩu nặng
Hạt kê nằm nghe tiếng mưa rơi

Nắm ngũ cốc theo gió tung bay
Những hạt nhỏ nằm vùi trong cỏ
Hạt vương lại sóc đến tha đi
Chẳng còn gì dành cho chim nữa

Con chim xa bây giờ ủ rũ
Ngậm tiếng hát bên kia khu rừng
Nắm ngũ cốc nẩy mầm trong cỏ
Thản nhiên thành những ngọn xanh um

Đêm ngày ăn ngủ không yên. Đang mơ mơ màng màng chợp mắt thì một quả MK 3 chống đặc công nổ tung... ầm, làm tỉnh giấc. Không kể những tràng M 16 của lính gác tác xạ vào những điểm nghi ngờ. Rốt cuộc rồi quan cũng như lính không ai dám ngủ dưới hầm tàu, phải giăng mùng ngủ trên boong, trên sàn dã chiến, gần mấy ụ súng. Một khi đã từng chứng kiến những cái xác chết thê thảm không toàn thây vì sức mìn tống bẹp dí lên trần. Đêm về còn đỡ đỡ, ban ngày thì nóng như điên trong chiếc hộp bằng sắt thép. Thèm một mái tranh trong tàng cây bóng mát giữa trưa hè.

Chuyện ăn uống cũng kham khổ không kém. Ngoài lương khô thịt hộp Ration C ăn cầm chừng tiền lính nào đã đủ đâu vào đâu. Mười mấy ngàn một tháng cho lương thủy thủ mà một tô phở đã năm bảy trăm rồi. Không đủ tiền ăn phở mỗi sáng thì tìm đâu ra tiền để gởi về nuôi vợ con, đối với những người có gia đình ở hậu phương. Nhiều lúc chỉ là mắm tôm cà pháo với dĩa rau muống luộc hay là một bát canh tập tàng với đủ thứ rau hái vội trên bờ với một mớ tép rang. Tần vẫn ăn chung với nhân viên chiến đĩnh, tàu này sang tàu khác. Như một thông lệ bất thành văn, hễ có mặt chỉ huy phó thì tổng khậu trên tàu mang thêm đũa, chén vậy thôi. Trong hoàn cảnh chật vật đó, cũng như tất cả sĩ quan khác, Tần không bao giờ đòi hỏi món ngon vật lạ. Họa hoằn những lần tổ đãi như cuối tuần vừa rồi. Chẳng biết Tám và nhân viên tùng đĩnh đã đào đâu đó ven bờ hai hang chuột, bắt về hơn những 50 con. Ông bà cha mẹ nội ngoại con cái cháu chắt gì gì chắc đều bị bắt hết, quay chảo hết. Riêng cho Tần hai con vàng lườm và xị rượu đế đã là một bữa tiệc lý tưởng có một không hai trong đời binh nghiệp.

Chính trong cảnh đói, khổ đó mà tính mạng lại cầm bằng như cỏ rác... mạng thằng nào cũng một viên đạn thôi... như Tần vừa nói, cho nên chuyện nhân viên bỏ tàu, đào ngũ cũng là chuyện thường tình. Nhiều chiến đĩnh, cấp số năm, sáu nhân viên chỉ còn hai ba đứa. Thủy Bộ là một, Ngăn Chận là hai, tận cùng bằng số bị đì của Hải Quân thì còn đày đi đâu được nữa. Thủy Bộ đi trước, Ngăn Chận đi sau, số phần như nhau, thằng nào cũng xí lắc léo..., câu nói đã trở thành câu đồng dao. Có lẽ chính vì vậy mà để cứu vãn tình thế, tư lệnh Lực Lượng Thủy Bộ, Đô Đốc Hoàng Cơ Minh, đã ra lệnh... hễ ai đi hành quân liên tục trong vòng một tháng thì sẽ được một tuần lễ và hai ngày đường đi bờ... Kể cũng đỡ cho căn phần hẩm hiu ăn gởi ở nhờ nơi rừng rú...

Mặt trời đã lên cao. Bầu trời xanh ngăn ngắt không một gợn mây. Màn sương tan loãng đi nhường lại cái phong cảnh thường nhật hằng ngày, tưởng chừng như rất quen thuộc ngay cả với những kẻ mới tới, sống tạm một vài tuần. Bóng nắng che khuất bởi hàng lau lách, cỏ đại ven bờ cũng thu nhỏ lại. Cơn gió nhẹ thoảng qua, cành lá lao xao lấp lánh. Thỉnh thoảng hiện ra một bến ghe trống trải, không người. Chiếc xuồng con động đậy, nhấp nhô theo sóng gợn lăn tăn.

Nhân viên chiến đĩnh đã cẩn thận mặc áo giáp nón sắt, càng súng bên vai ngay từ phút đầu. Nhiệm sở tác chiến. Đoàn tàu gần 20 chiếc như đang lừng lững tiến vào chỗ vườn không, nhà trống. Đã vượt qua cả "Cầu Cái" lẫn "Cầu Con" mà chẳng cần tốn một viên đạn. Hai bên bờ có vẻ im lìm lặng lẽ quá, không một ai qua lại chợ búa như mọi khi. Kể cả đám trẻ con cũng không chạy nhảy rong chơi quanh quẩn bên những căn nhà mái tranh, vách đất. Trong thanh vắng, hoang vu chỉ còn nghe tiếng máy tàu rì rầm, ru ngủ lúc xa lúc gần...

Bỗng dưng... ầm, một tiếng nổ long trời lở đất. Cột nước tóe lên, dâng cao hơn nóc tàu và sức ép dường như muốn đẩy các chiến đĩnh đang lềnh bềnh đội ngược lại. Chiếc LCU to lớn đềnh dàng, chở đầy quân trang quân dụng cho bộ binh bốc lửa, từ từ chìm xuống dòng phù sa. Còn thấy một vài nhân viên sống sót nhanh nhẹn phóng mình xuống nước. Trái mìn lớn quá. Súng nhỏ súng lớn tức thời nổ râm rang, tứ phía.

Hai mặt phản công. Mấy chiếc chạy trước quành lại, mấy chiếc sau trườn tới. Bắn xả vào hai bên bờ. Đạn M 16 súng cá nhân hòa trộn với tiếng đạn đại liên 30, đại liên M 60, đuôi sết 12.7 như một bản nhạc hùng viết toàn các nốt cao. Lửa đạn túa vào mảng rừng tràm thưa như pháo bông. Đạn M 79, bùng bùng bùng... điểm thêm những nốt nhạc trầm. Nhưng không bằng những quả đại bác 40 ly, cà nông Bô-phô đơn, khạc ra đều đều từ mấy chiếc Monitor. Những cây pháo đại đang bứng gốc các ổ du kích, đặc công cố tử thủ hai bên bờ... Vậy mà B 40, B 41 vẫn tiếp tục phóng ra chí chóe. Có trái bắn trật tàu, bay thẳng sang bờ bên kia, ầm..., gây ông đập lưng con. Bọn này kể cũng gan lì thiệt...

Ầm..., ầm..., ầm... liên tiếp mấy quả B 40, B

41 xối xả, trực xạ vào chiếc Tango bên kia bờ phải. Một trong những trái đó trúng ngay hầm máy, bốc cháy đỏ rực. Chiến đĩnh khựng lại, bất khiển dụng, chết máy tại chỗ. Một nhân viên chiến đĩnh bị hất bổng lên không, rơi tòm xuống nước, chìm ngụm. Tàu trôi theo sức nước, ẹo qua ẹo lại như nhảy Tango, rồi tấp vô cột đóng đáy. Nằm im không nhúc nhích. Nhân viên lái tàu nằm ngoẽo một bên lồng cu không cục cựa, chẳng biết đã bị trúng đạn chết tại chỗ rồi hay chỉ bất tỉnh nhân sự trong giây lát. Việt Cộng cũng ngưng bắn vào tàu, hầu như không muốn phí đạn vào một xác tàu ma. Nhưng, bất thình lình, hừm... một cuộn khói đen xịt ra từ sau lái, xác tàu ma đã sống trở lại, đang lùi ra giữa dòng. Như vậy, còn một nhân viên sống sót trong hầm máy và đang đứng dưới sàn chồm lên quay tay lái. Một loạt AK 47 trả lời nhắm vào hình người đang ngoẽo trên lồng cu mà Việt Cộng đoan chắc là người điều khiển con tàu, máu tươi bắn ra tung tóe khắp khung thành. Càng lấy làm lạ hơn là, xuất phát từ phía trước mũi, những trái M 79 bắn cầu vồng thay súng cối 81 ly lại bắt đầu nhả ra, bung bung bung... Tức khắc, một loạt B 40, B 41 đáp lời... Con tàu lắc lư, run run, khựng khựng mấy cái rồi tà tà ủi thẳng vào bờ... Biết nhân viên của mình tối thiểu cũng có hai đứa còn sống sót, Tần hét vang trong máy vô tuyến:

"Mười hai, Mười hai... đây Mười trả lời..."

"Mười hai, Mười hai... đây Mười trả lời..."

Sau vài lần... đầu kia vẫn giữ im lặng vô tuyến...

Tần la phóng đại:

"Mười Hai, Mười Hai... anh rút ra, nghe rõ trả lời... Mười sẽ tới cứu anh... Mười sẽ bắn yểm trợ cho anh rút ra, nghe rõ trả lời..."

Chẳng nghe thằng Mười Hai trả lời trả vốn gì hết, có lẽ nhân viên vô tuyến bị thương hay chết rồi, nên Tần ra lệnh cho chiếc Monitor của mình tiến tới, tập trung hỏa lực vào các ổ B 40, B 41 ven bờ. Trước khi bọn đặc công nhảy lên tàu, nhảy lên chiếc Tango, dùng làm bàn đạp tấn công mấy chiếc khác. May thay, Tần còn thấy rõ ràng từng trái lựu đạn ném tay được thảy ra sát bờ kinh từ phía sát mũi của chiếc Tango. Ầm, ầm, ầm... cây lá rạt một bên lòi ra lỗ châu mai, đang tua tủa nhả đạn về phía tàu. Tiếng chạm vào sắt thép vỏ thành tàu nghe... keng, chéo, chéo... Một quả Bô-pho bắn thẳng vào lỗ châu mai... đùng, lửa đỏ ngập tràn phía bên trong, đụn khói đen bốc lên hình tai nấm. Tiếng súng nhỏ AK 47 im bặt. Tiếng B 40, B 41 im bặt. Chỉ còn súng cối từ xa thỉnh thoảng bay tới. Và, trong giây lát, tình hình có phần lắng dịu trở lại...

Chiếc Monitor của Tần từ từ cắm mũi cạnh chiếc Tango, chàng nhảy lên tàu chăm sóc nhân viên. Trời, xác thằng Hạnh, thằng Bang, thằng Vàng, thằng Mai "tứ quí" bê bết máu trên sàn, hầm máy trong tư thế thật là thảm thương, chân tay co quắp, cong queo mà còn bị cháy xém một bên. Tần rưng rưng buông tiếng thở dài, nén xuống nỗi đau đớn khi vuốt mắt những thằng em thân tình, những đồng đội một thời từng sống vui, sống khổ cùng nhau. Lần về phía trước, rất ngạc nhiên khi thấy thằng Tám, trung sĩ nhứt Tám, máu me đầy người... đang run run cầm quả lựu đạn đã rút chốt, Tần lên tiếng:

"Tám, mầy bị thương rồi hả Tám... Chỗ nào mà máu me tùm la tùm lum vậy..."

Tám đóng chốt trái lựu đạn, mừng rỡ:

"Chỉ huy phó ơi, rát quá ông thầy ơi..."

Cứ sợ Tám sẽ hận mình bỗng nhiên nhảy qua chiếc Monitor sáng nay thay vì đi chiếc Tango của nó như thường lệ, hừm... cũng tại nó bàn cái chuyện chim cú kêu hoài qua đêm, nhưng không... trong tiếng kêu mệt mỏi đó còn những thân thương dành cho Tần như mọi ngày! Nhưng, lạ quá, tại sao hộp cấp cứu cá nhân lại đổ tung tóe dưới sàn tàu? Vải băng lại quấn đầy mình Tám? Tần hỏi:

"Ai băng bó cho mầy vậy?"

Tám ung dung trả lời trong khi Tần cầm tay đỡ đứng dậy:

"Tui băng mình ên, chỉ huy phó. Tui xịt luôn chai thuốc đỏ, trúng chỗ nào hay chỗ đó..."

Vỡ lẽ, Tần cười:

"Đù me, như vậy chắc mầy bị miểng B 40 thôi. Có đau chỗ nào không?"

"Thấy rát rát trước ngực đây, chỉ huy phó..."

Tần ôm Tám:

"Đù me, giỏi... Tao gắn lon thượng sĩ tại mặt trận cho mầy..."

Chiếc Zippo, mệnh danh là tàu phóng thủy hỏa, tàu xịt lửa xịt nước, đã vào vị trí. Mục tiêu là cánh rừng tràm, đước ven bờ trước mặt. Cạnh mấy bụi tre gai thật lớn. Mấy chục thùng xăng đặc đã khui ra trộn với xăng lỏng và máy bơm xăng bắt đầu chạy. Vòi lửa xịt xa hằng cả trăm thước. Đốt rừng. Đốt hết cho lòi ra mặt chuột Việt Cộng. Lá tràm dễ bắt lửa, thân tràm đầy nhựa bùng lên từng hồi, lan

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

NỖI RIÊNG

Cái đêm vằng vặc vành trăng
Giấu em trong lúa ta băng qua đồng
Lúa hôn em chín tới bông
Thơm lên mái tóc bềnh bồng trổ hương
Qua bờ chưa kịp yêu thương
Lối ai sột soạt bít đường ta đi
Nép vào chân cỏ rậm rì
Nghe đôi dế ruộng thầm thì nỗi riêng.

nhanh ra trong chớp mắt. Chẳng bao lâu, đám cháy đã lớn hằng cây số vuông. Biển lửa. Khói đen bốc lên ngợp cả vòm trời. Lần hồi, lòi ra cả căn cứ địa của địch nằm trong phía sâu. Mèn ơi, căn cứ hỏa lực Rạng Đông nằm đây mà nấm nay chẳng ai hay biết. Thành lũy bề thế, chắc chắn tưởng không thua gì các căn cứ Charlie, Delta của mình...

Tiếng máy liên lạc phối hợp giữa bộ binh, không quân và hải quân còn nghe rõ mồn một trên máy PRC 25 của các chiến đỉnh... Chẳng bao lâu, các chiến đấu cơ đủ loại F 5, A 37, Skyraider có mặt trên không phận ven kinh Trèm Trẹm. Bom thả trong sâu, rồi trong sâu nữa giữa cánh rừng tràm mênh mông. Ầm, ầm, ầm... nơi này, phía kia. Những đốm lửa hồng tươi, những cuộn khói bốc lên cao như diều lên gió. Nhằm chận đường rút lui, chém vè của địch? Lại thấy đạn phòng không túa lên như pháo Tết. Từng đợt từng đợt lấy lệ rồi cũng tắt ngủm... Xong, kể từ nay những khẩu 122 ly, 130 ly sẽ không còn cơ hội hoạt động, sử dụng nữa. Nếu không tháo gỡ mang đi thì cũng bị hủy diệt hay tịch thu. Các quận lỵ quanh vùng như Kiên An, Kiên Hưng, Thới Bình... không còn xảy ra những cảnh hãi hùng vì pháo kích mỗi chiều về hay mỗi đêm khuya.

Tiếp đến, trực thăng ào ào đổ tới. Tiếng đạn giây... hừm hừm hừm như cọp rống nghe biết đã. Trực thăng vận, đổ quân. Cả tiểu đoàn luôn thuộc trung đoàn 32, sư đoàn 21. Sẽ làm thịt bọn Pháo Cộng cho sạch cỏ phen này. Khỏi cần dọn bãi, bảo vệ bãi. Gì chớ trực thăng đổ quân thì dễ dàng thôi, cứ nhắm những lỗ trống do bom nặng cân tạo thành mà từ từ hạ xuống thấp là xà mật đất, không cần phải đáp. Gì chớ nhảy trực thăng thì hầu như lính bộ binh cũng đã được huấn luyện nhuần nhuyễn rồi.

Lo thu dọn chiến trường thôi. Xác của các đoàn viên, thủy thủ đã hy sinh đền nợ nước cùng những thương binh nặng cũng như nhẹ đã được lần lượt cấp tốc chuyển sang chiếc Alpha, loại tàu nhỏ tương đối có vận tốc nhanh, để đưa về lại căn cứ Xẻo Rô, bộ chỉ huy Chấm Một. Nghĩ đến cảnh rên la trong bệnh xá vì mổ xẻ cấp thời, thiếu phương tiện dụng cụ, cũng như một vài ngày sau tiếng khóc than của người thân đến nhận xác chồng, xác con sao mà thảm não...

Hoàn tất nhiệm vụ giao phó xong xuôi đâu đó, Tám mò đến bên Tần, giọng buồn buồn:

"Rồi sao chỉ huy phó, mình ăn ngủ, đóng đô tại đây cho đến khi có lệnh mới hả?"

Đang theo dõi đám lính của mình đang nhảy lên thanh toán mấy thằng đặc công bắn B 40, B 41 còn sót lại, Tần chẳng cần quay nhìn gương mặt bí xị của Tám bâng quơ trả lời:

"Ừa, mình nằm đây án ngữ, coi bộ binh đánh giặc. Mấy thằng Vẹm cùng đường ngu ngốc có chạy về phía nầy thì mình tóm cổ nó luôn."

Tám lo bổn phận:

"Vậy thôi để thằng em lục lọi coi có gì ăn được thì ăn dằn bụng, chỉ huy phó. Đã trưa trờ trưa trật rồi..."

Cởi nón sắt máng lên càng súng Bô-pho, Tần moi gói Cool trong túi, rút ra một điếu châm lửa hút, kéo một hơi dài nhả khói như khói tàu. Kiểm điểm lại thì ngoài chiếc LCU của Quân vận chìm tại chỗ, Giang đoàn 70 Thủy Bộ hai chiếc chìm, Giang đoàn 71 Thủy Bộ một chiếc chìm một chiếc cháy. Được coi như là những tổn thất nhỏ cho một chiến thắng lớn. Rồi, sẽ có công việc làm cho các tàu trục vớt với các toán người nhái. Dưới sự hộ tống, yểm trợ của các Giang đoàn 42, 43 Ngăn Chận...

Xa hơn nữa, những ngày sắp tới thì sẽ ra sao đây, Tần bâng khuâng nghĩ ngợi. Lại tiến chiếm các căn cứ hỏa lực Hòa Bình, Biện Nhị... Liệu bà Chúa Chè có còn độ cho chàng như lần này không? Mà sáu tháng hơn đã trôi qua rồi, sao lời tiên tri của bà chưa chịu linh ứng? Chàng vẫn tu thân, làm lành lánh dữ kia mà... chẳng lẽ bắt chàng mỏi gối chồn chân nơi đây mãi?

Bất chợt, Tần nhớ thương hình bóng Bé Tư quá đỗi. Người đã đem đến cho chàng một ước mơ vô vọng nhưng thêm vào đó một niềm tin để cuộc sống hưng phế thăng trầm trong thời buổi chiến chinh này có ý nghĩa. Đẹp đẽ, hiền lành, thùy mị, duyên dáng. Có phải Bé Tư chính là hiện thân của nàng công chúa Chè thời Gia Long tẩu quốc? Có lẽ nàng không cho chàng gặp lại để chàng còn bình thản lúc ra đi? Vì, gặp lại, biết đâu nặng nợ mà chàng phải chọn nơi này làm quê hương thứ hai? Thôi thì, cứ hãy để chàng ra đi nhưng lòng vẫn nhớ, như những vần thơ nhởn nhơ xuất hiện trong đầu. Chàng xé giấy thuốc viết vội:

Phù sa Trèm Trẹm đôi bờ
Ra đi có kẻ đợi chờ dáng ai
Hương tràm hẩn khác hương lài
Đường trường xa vẫn miệt mài vó câu

Phù sa Trèm Trẹm về đâu
Ra đi có kẻ nhớ màu mắt trong
Tàu lui, đời vẫn xuôi dòng
Mấy ai hiểu được cõi lòng ly tan

Phù sa Trèm Trẹm đôi đàng
Người đi kẻ ở muôn vàn đắng cay
Trèm Trẹm nước chảy chẳng hai
Mai về xứ Mỹ nhớ hoài người thương...

Tiếng súng... bộ binh đánh giặc vẫn ì đùng từ xa vọng lại. Trong khu rừng tràm ngút ngàn, hoang vắng...

*

Ê Thắng, mầy đâu có ngờ rằng trên đời nầy có nhiều chuyện khó tin nhưng mà có thật hả? Chính tao, tao còn sững sờ, chưng hửng thì nói gì đến mầy. Vì sau trận thư hùng với Việt Cộng đó, trời bất dung gian đảng, tao được đổi về Sài Gòn học khóa Tham Mưu trung cấp đó mầy. Cầm công điện đọc mà tay tao bắt run... Ậy da, nói mầy đừng cười, lúc đụng trận say mùi thuốc súng mình làm gan theo phản xạ tự nhiên dành quyền sống, đứng sổng lưng chỉ huy, đạn có con mắt nó tránh mình... chớ thật ra thằng nào mà hổng sợ chết? Phật còn nói, không riêng gì con người, con nào ngo ngoe được đều sợ chết, kể cả những con vi trùng mà mầy... Thì ra bà Chúa Chè đã độ tao và đã tiên tri số phần tao rất đúng mầy ơi. Ông chỉ huy trưởng tao còn muốn dụ dỗ... anh ở lại đây đi, tôi đề nghị anh lên nắm chỉ huy trưởng... Thôi, tao xin bái bai...

Ừa, mà rốt cuộc rồi... tao không được gặp con Bé Tư lần cuối mới là khổ đời đó chớ. Ôi, một lần chạm mặt nhau mà một đời tiếc nuối thương đau... Ý da, mầy đừng nói chuyện tao nhớ thương Bé Tư là xạo nghen Thắng, tao rành mầy quá và biết rõ là mầy đang nghĩ gì, hì hì... có thật đó mầy ơi...

Thắng nè, mầy thấy tao viết được hông mậy. Bài này gởi về báo Lướt Sóng thuộc Bộ Tư Lệnh Hải Quân của mình là ban biên tập chọn đăng liền đó mầy. Mèo khen mèo dài đuôi một chút nghen...

Thôi, cuối thư chúc mầy gặp nhiều điều may mắn, vạn sự như ý... Hẹn gặp lại mầy một ngày rất gần...

Bạn mầy,
Tần

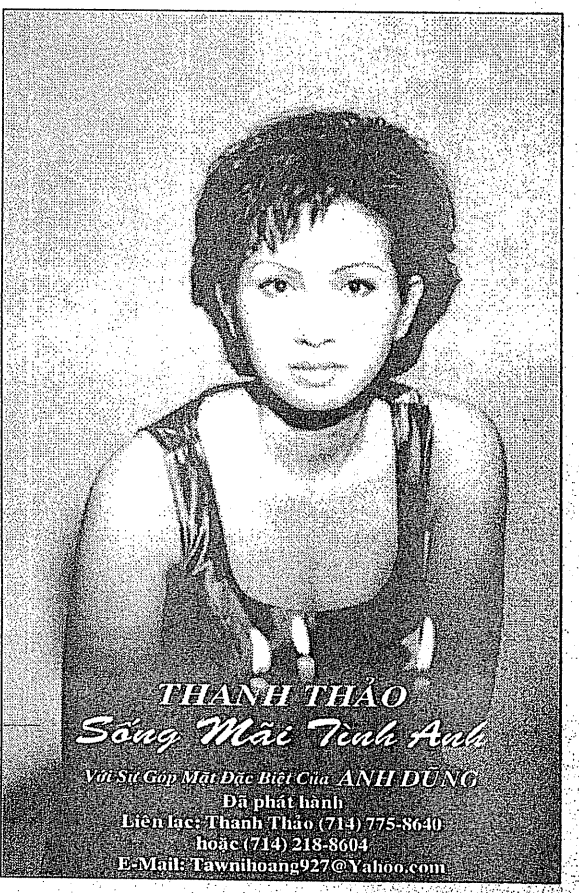

HÌNH TƯỢNG NGHỆ THUẬT

THÁI TUẤN

Tìm em như thể tìm chim...
(Ca dao)

Về lối vẽ tranh thủy mặc. Người Trung Hoa thường có câu:

Vẽ mây để thấy trăng.

Nét bút tới cỡ ấy, kỹ thuật kể đã vào bậc điêu luyện.

Câu nói có tính cách ẩn dụ, cũng cho thấy một thực tế về vấn đề hình thức và cả nội dung tác phẩm nghệ thuật. Có lần nghe bạn tôi nhắc tới câu nói đó tôi đã đùa anh: Thấy trăng rồi, còn thấy gì nữa. Anh cất tiếng cười vang: Để thấy cô gái đẹp tắm dưới ánh trăng.

Cũng đã bao lần, nhìn mây không thấy trăng. Chỉ có quê nhà xa lắc. Có khi nhìn mây hóa làn tóc dài tha thướt.

Tôi chợt nhớ câu:

Trông gà hóa cuốc.

Trường hợp định vẽ con gà mà ra con cuốc. Chắc chắn người vẽ phải tìm thày học thêm. Song nếu vẽ gà mà chỉ thấy gà thì cũng tựa nhìn mây mà chỉ thấy mây. Người thưởng ngoạn khó tính, có thể bảo: vẽ như thế nhìn con gà thật, còn thú hơn gà vẽ. Cái đẹp đã bí ẩn, nên cái vẽ thật muôn phần khó khăn.

Hình thức, nội dung cuốn tròn trong một vòng khép kín. Như bức họa không tìm ra, đâu là chỗ khởi đầu đâu là nơi chốn chấm dứt.

Các nhà phê bình nghệ thuật đã thường nói đến vấn đề nội dung phong phú. Một hình thức có thể chứa đựng nhiều nội dung. Và một nội dung có thể tạo nên nhiều hình thức.

Ai có thể nói lên cái nội dung chính yếu ở những trái táo của CEZANNE; ở nụ cười bất hủ trong bức họa LA JOCONDE; ở cái hình vuông trắng trên nền trắng của MALEVITCH. Không người thưởng ngoạn, hình sắc đóng khung trong bức họa bất động vô tri. Câm lặng như một sinh vật hóa thạch.

Tác phẩm nghệ thuật có thể là nàng công chúa thiêm thiếp giấc nồng, giữa cánh rừng hoang. Cần đến nụ hôn của chàng hoàng tử giải thoát cho nàng ra khỏi giấc ngủ triền miên.

Có người đi tìm cái đẹp.

Có người tìm kiếm ý nghĩa của cái đẹp. Cái đẹp vẫn ở đó. Hiện hữu nơi bầu trời trăng sao, nơi núi sông cây cỏ, ở mái nhà ngói cũng như

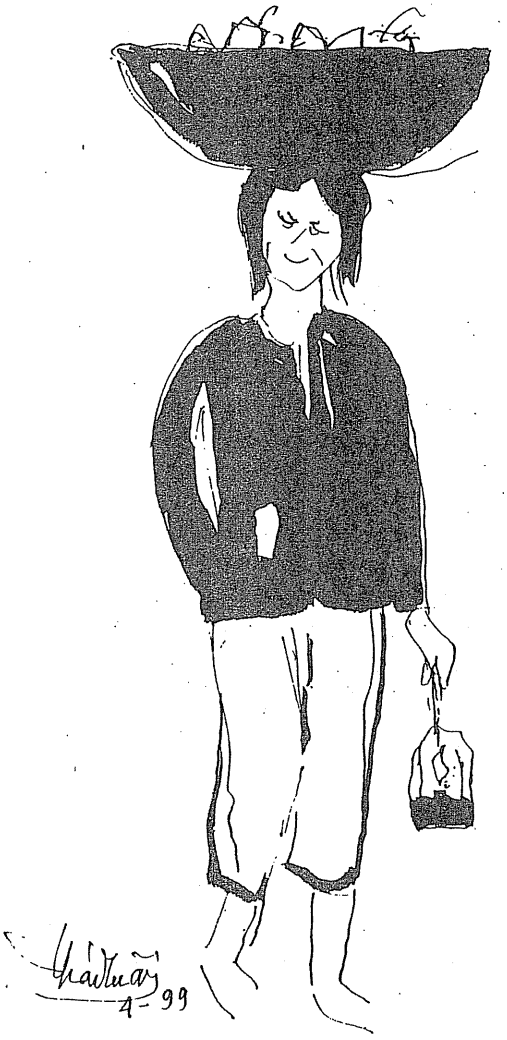

túp lều tranh. Ý nghĩa của cái đẹp thì mơ hồ trừu tượng. Trên con đường sáng tạo, bao thế hệ nối tiếp nhau tìm kiếm. Bao bạn đồng hành lũ lượt, cái đích vẫn xa vời. Có người sẽ hỏi: Thế, những bậc danh họa, những tác phẩm danh tiếng nằm trong các tàng viện nghệ thuật chẳng phải là cái đích đã đạt được hay sao?

Vẽ mây để thấy trăng. Cũng đã là một cái đích đã đạt được.

Song sự chuyển hóa của hình tượng tiếp theo vầng trăng thấy được, vẫn không cùng.

Nghệ thuật tựa một nơi danh lam thắng cảnh mọi người đã được nghe nói nhiều tuy nhiên chẳng ai tự hào là mình đã đặt chân tới được. Sống giữa cái đẹp mọi tìm kiếm sẽ không còn là điều cần thiết.

HIỆN TÌNH VĂN HỌC HIỆN THỰC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HÀ SĨ PHU

Tính cách Dân tộc, hoàn cảnh lịch sử, bản chất ý thức hệ cộng sản đã quyện vào nhau nhào nặn nên một tổng thể Văn hóa đặc sắc không bút náo tả nổi.

Nền Văn học "hiện thực xã hội chủ nghĩa" cố kéo dài hơi thở hào hứng thời kháng chiến một cách đuối sức, tỏ ra bất lực và mất phương hướng trước một thực tế mà nó không nhận thức nổi hay không dám nhận thức.

Một số tác phẩm bắt đầu bứt ra, thì tránh được sự giả tạo và đạt được sự phê phán sâu cay, nhưng càng sâu cay càng không có lối ra.

Giải thưởng Văn học nào cũng "có chuyện." Làm sao có thể tổ chức nổi một cuộc thi cho tử tế, khi mà bộ Từ vựng của xã hội đang đói phải làm lại, làm lại những từ ngữ cơ bản, viết lại những mệnh đề cơ bản, chẳng hạn: "Cách mạng" nghĩa là gì, "phản động" nghĩa là gì, "yêu Chủ nghĩa Xã hội" có phải là "yêu nước" không? ... vân vân...

Người chấm thì bị xé về hai chiều, "con người chính trị" phải đạo không còn chung sống nổi với "con người văn học" trong một thể xác như ở giai đoạn trước, và mỗi "con người" ấy trả lời những câu hỏi trên một cách trái ngược nhau. Làm sao có được "tác phẩm tương xứng với thời đại" khi nhà văn không thể nhìn thẳng vào thời đại bằng con mắt của riêng mình? Vừa phải nhìn bằng con mắt của người khác, lại vừa nơm nớp lo không biết trong cặp mắt kia, bên nào mắt thật bên nào mắt giả. Mắt vẫn mở, mồm vẫn lắp bắp, tay vẫn hí hoáy viết đấy nhưng bị thôi miên rồi.

Trong xã hội quái đản ấy đã bật ra bút pháp Nguyễn Huy Thiệp: Cái khốn nạn, lưu manh hết chỗ nói mà cứ bình thường như không, thương nó cũng dở, giết nó không nỡ, không lấn được cái đầu mối khốn nạn nó nằm ở đâu. Lắm điều tôi bại mà cứ như vô tình... Cái Thiện, cái Mỹ thì mong manh như mây khói. Phải chửi Trí thức! Phải chửi Đạo đức! Phải tốc ngược lịch sử lên để nhìn rõ những chân dung ngụy tạo! Cái nhạy cảm đạo đức tuyệt vời thiên phú của anh xui anh làm thế! Nhưng anh phải nén tấm lòng xót xa ấy, xã hội không cho anh xót xa, đất nước đang đi lên không được xuýt xoa. Vì thương con người mà không thể thương con người (tôi thích lời bình luận ấy của Hoàng Ngọc Hiến), vì quá xúc động nên phải viết lời vô cảm! Đọc những câu văn tục tĩu, vô cảm hoặc độc ác của anh, tôi cứ ứa nước mắt. Chỉ riêng cái vỏ bút pháp của anh đã chứa hết cái ruột gan của xã hội trong đó rồi. Cốt chuyện chỉ còn là cái cớ, lúc thực lúc hư.

Xã hội quái đản ấy cũng buộc phải đẻ ra thơ "Bút Tre" để phản ảnh nó, khi văn học chính thống cứ ngồi lù lù đó một cách vô tích sự. Tôi không nói ông Bút Tre ở Vĩnh Phú mà ông Ngô Quang Nam vừa mới viết sách ca ngợi. Cái ngớ ngẩn một cách chân thành, và chân thành một cách ngớ ngẩn, của người cán bộ văn hóa Vĩnh Phú kia chỉ là cái cớ để dân gian tải cái ngớ ngẩn giả vờ của mình, để riễu cợt những giá trị mà công khai họ cứ phải "hoan hô."

Thơ "Bút Tre thật" không ai thuộc làm gì, đọc rồi cũng không nhớ được, còn "Bút tre dân gian" thì mỗi lần nghe người ta đọc, tôi lại thấy cái sức sống mới mẻ, say sưa như thể chính người ấy đang sáng tác. Câu thơ Bút tre chính xác và thông minh, đa nghĩa, lại núp

dưới cái vỏ ngô nghê đơn nghĩa, để nhại chính cái thứ văn học công nông đại chúng tùy tiện giáo điều. Cười bò ra, rồi chảy nước mắt ... vì đau trong ruột. Tiếc rằng chưa tiện trích dẫn ở đây.

Còn những "cây đa cây đề" trong nền Văn học cách mạng thì cuộc đời văn học đều bị chia đôi:

"Vị nghệ thuật" nửa cuộc đời,
Nửa đời sau lại "vị" người ngồi trên!

[Xuân Sách, *Chân Dung Nhà Văn*]

Cái còn lại của những tài năng văn học tiêu biểu ấy là những tác phẩm thanh xuân đầu đời, của người nghệ sĩ tự do, những *Điêu Tàn, Lửa Thiêng*..., còn nửa sau là cái nửa "lựa ánh sáng trên đầu mà thay đổi sắc phù sa" [Xuân Sách; *Chân Dung Nhà Văn*] nên hỏng cả sự nghiệp lẫn nhân cách.

Người bị mất chung quy là Dân tộc. Những bài thơ di cảo "Bánh vẽ," "Trứ đi," "Ai, tôi" của nhà thơ Chế Lan Viên lỗi lạc đủ để tự phủ định toàn bộ cái nửa đời sau của cả một thế hệ văn nhân, nhưng những ngày cuối cùng của ông lại cho thấy những nghệ sĩ đã mất nửa đời người ấy họ đâu có thể tự do "về nguồn" theo lương tri của mình! Bởi họ không đủ điều kiện để thẳng thắn trả lời câu hỏi:

Cuộc đời hai nửa vì đâu?
Nửa say Quỷ kế, nửa đau Nhân tình!

[Hà Sĩ Phu, thư gửi Xuân Sách]

Dòng Văn học mới không thể không "phản tỉnh," tự mình "lật tẩy" mình để tự vượt qua, vượt qua mình, vượt qua một vùng Văn hóa thấp mà về với loài người nói chung.

*

Tóm lại không thể xây dựng nổi một nền Văn hóa Vô sản, vì không có một "giai cấp Vô sản tiêu biểu cho thời đại" như Mác tưởng tượng. Những xã hội trước đây đã lao theo con đường của Mác thì nay chẳng có con đường nào khác ngoài con đường trở về với Dân tộc truyền thống và mau chóng gia nhập vào Thời đại, mà nội dung hoàn toàn khác với nội dung Thời đại mà các Đảng Cộng sản thế giới trước đây ấn định.

Tình hình xã hội trong giai đoạn chuyển đổi tất nhiên rất phức tạp. Muốn có lối ra tốt đẹp nhất cho Dân tộc thì phải bắt đầu bằng cái nhìn Văn hóa và phải giải quyết một cách Văn hóa. Nếu tiếp tục duy trì trạng thái Văn hóa cũ đã kém sức sống thì tình trạng tranh tối tranh sáng sẽ là cơ hội để những thứ Văn hóa không lành mạnh xâm nhập và chiếm lĩnh. Trong điều kiện ấy xã hội sẽ có sự ổn định bề ngoài nhưng thoái hóa bên trong, xã hội có thể đạt những tiến bộ nhất định về Kinh tế nhưng sẽ thoái hóa về Văn hóa nói chung. Văn hóa thấp kém sẽ phá hoại tất cả.●

BIỂN BẮC

BUỔI ĐÔNG

Buổi đông qua còn lạnh se lòng
Trở về buốt giá đôi tay không
Băng đời từng mảng vụn nước cuốn
Dáng hồng chừ đã vào mênh mông

Tàn lá rục khua bước chân đêm
Cột điện thờ ơ lắng giọt mềm
Phố xưa thân thiết chợt xa lạ
Thoảng buồn đâu đó bước chân em

Luống trắng chôn vùi lộc biếc non
Cố giấu tình xưa vết hao mòn
Đã hoài con tim quên hình bóng
Chập chờn giấc ngủ càng nhớ hơn

Tin yêu như bông tuyết trong gió
Rụng tàn theo gian dối giấc mơ
Ngỡ mình như tán cây khô nhánh
Còn chăng chỉ là những vần thơ

Buổi đông qua rồi và qua nữa
Xuân sang đến Hạ buồn ướt mưa
Thu vàng hong không đủ lá ấm
Nên buổi đông qua lạnh sao vừa.

NHỮNG CHUYẾN MƯA QUA

Tùy bút

TRẦN YÊN HÒA

Những chuyến mưa của đời tôi, đến từ tuổi ấu thơ, đầy màu hoa cải, hoa cúc, hoa vạn thọ. Tôi yêu mưa và tôi cũng ghét mưa. Mưa, nằm trong chăn ăn bắp rang, ăn khoai chà ngào đường và nghe mẹ tôi hát ru những câu hát nhơn ngãi. Mưa đêm nằm nghe cha tôi kể chuyện đời xưa có ông Hoàng nào đó đã "rấm đậu thành binh" giúp vua tiêu diệt giặc thù. Cơn mưa rã rích đêm ngày của xứ miền Trung làm thúi đất thúi đai, đi đâu cũng lè kè trên mình chiếc áo tơi được chằm bằng lá nón. Cơn mưa tuổi thơ thắm đượm mùi vị quê hương cơ khổ. Tôi yêu mưa và tôi ghét mưa, trong những tháng ngày lớn lên làm lính tráng, lội đồi, trèo núi, dưới những cơn mưa dài không bao giờ dứt ở các địa danh: Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ, Gia Vực hay Quế Sơn, Tam Kỳ, Tiên Phước. Tất cả những cơn mưa chập chờn trong tôi nhiều cảm giác yêu thương lẫn buồn chán .

Tôi đã tập tành viết văn làm thơ cũng từ những cơn mưa ấu thơ ngủ trong chiếc mền ấm, cùng cha và anh Giảng, nằm gác chân lên nhau, lim dim ngủ và nghe tiếng mưa rơi tí tách ngoài hè.

Có lẽ, tình cảm tôi cũng lớn dần lên theo những cơn mưa, mưa giông tháng bảy, mưa phùn tháng giêng, hay mưa dài lê thê tháng mười, tháng mười một. Tôi coi những chuyến mưa qua là những chặng đời tôi đã sống, cảm giác thật mơ hồ, nhưng cũng thật tuyệt vời với tôi, từ những cơn mưa, tôi trở thành con người lãng mạn, tôi mê văn chương tự lúc nằm trong chăn nghe tiếng mưa ngoài trời, rã rích. Có lẽ thế cũng nên.

Tôi mê trở thành nhà văn hay nhà thơ trong những năm tôi mới chín mười tuổi đầu, khi tôi đã đi học và đọc được sách. Thuở đó, chị Khiêm tôi có một người yêu tên là Hiến, anh Hiến dạy lớp nhất trường tiểu học trong xã, anh tặng cho chị tôi mấy cuốn tiểu thuyết, đó là những cuốn *Lá Ngọc Cánh Vàng* của Nguyễn Công Hoan, *Nắng hanh vàng* của Lê Tràng Kiều, *Bên Giòng Sông Trẹm, Cho Tôi Sống Lại Một Ngày* của Dương Hà, tôi lén lút đọc mê mãi và khóc hết nước mắt, khóc chan hoà, khóc trệu trạo, khóc như cha mẹ chết, khóc như bị đánh đòn, tôi cảm động vì những câu chuyện tình éo le, bi thảm, những kết cục chia lìa, đau thương của các nhân vật, như vậy gọi là đa cảm sao, là lãng mạn sao? Và tôi yêu quá đi nhà văn đã viết ra các tiểu thuyết đó, tôi có một ước mơ lớn nhất đời tôi là được trở thành nhà văn, được gọi là nhà văn thì sướng quá.

Và tôi cũng muốn tôi trở thành nhà thơ nữa, tôi tham lam, cũng trong một bài thơ viết tay của anh Hiến viết cho chị Khiêm tôi, khi mối tình tan vỡ, tôi đọc cũng chảy nước mắt. Đó là bài "Thuyền đã xuôi dòng" của tác giả là ai tôi không biết:

Người ơi, thuyền đã xuôi dòng
Thì thôi đừng nhắc chuyện lòng ngày xưa
Đã đành qua nắng cùng mưa
Còn đâu bóng cũ mà mơ làm gì
Ngày xưa đã vỡ gương thề
Ngày xưa người đã yên bề tơ duyên
Tưởng rằng người đã vui quên
Bóng xưa lặng lẽ bóng thuyền đã xa
Người đi trên chiếc xe hoa
Người đi có kẻ xót xa tiêu điều
Thế rồi hết sớm trưa chiều
Mượn thời gian lấp mộ yêu một người
Cũng thì thôi thế thì thôi
Đã không duyên kiếp là đôi chúng mình
.....

Sau nầy, tôi cũng đã nhỏ không biết bao nhiêu là nước mắt cho những tiểu thuyết cũng như những bài thơ tương tự, loại nầy.

Quê tôi là một vùng quê hun hút xa phố thị, tôi lớn lên cũng khô cằn như con nít quê tôi, đi học tiểu học chỉ bận quần xà lỏn và áo

bà ba bằng vải thô, hình như tôi chỉ có một hai bộ gì đó, đi học, đi chơi, đá bóng lá chuối, đánh bóng chuyền, u mọi, đánh trổng, hoặc đi giữ bò, cắt cỏ, hốt phân, tưới rau, đến lúc ngủ, nghỉ, học bài, cũng chỉ trong một hai bộ áo quần kia thôi, chuyện nầy là chuyện thường của những học trò nhà quê, dù gia đình tôi cũng thuộc vào hạng khá giả trong xã. Chín mười tuổi tôi đã biết đi xa đến năm bảy cây số để cắt lá, cắt rạ, về bỏ chuồng bò làm phân, biết tát nước bằng gàu giai, gàu sòng để tưới những đám thổ cha tôi đang trồng đậu phộng hay trồng thuốc lá. Chín mười tuổi, buổi trưa nắng rát da người, tôi cởi trần dầm mình trên sân nắng, phơi lúa, phơi rơm, phải luôn luôn "trở" rơm bằng mũi đòn xóc cho rơm mau khô, hay đứng trên cối giã rau heo với cái nóng khô rang, hừng hực. Cứ như vậy, tôi vừa đi học, vừa làm việc phụ giúp gia đình và lầm lũi, âm thầm đọc sách, âm thầm mê chuyện văn chương, thi phú.

Buổi tối tôi thường ngủ chung với cha tôi và anh Giảng trên bộ ván mít vàng au được kê giữa nhà, phía trên là bàn thờ ông bà tổ tiên. Cha tôi thường hay xoa lưng tôi và ru tôi ngủ bằng những chuyện cổ tích không đầu không đuôi. Thấp thoáng trong những câu chuyện kể là hình ảnh của gia phả giòng họ nhà tôi. Quê tôi chính không phải ở đây, xứ An Mỹ nầy, đây chỉ là quê hương thứ hai từ ngày ông nội tôi, trên bước phiêu linh dừng lại. Có phải cái máu phiêu linh đó đã ẩn chứa trong tôi đến mãi bây giờ để tôi trở thành một kẻ mộng mơ, ưa lang bạt kỳ hồ. Gia phả tôi có ghi rõ về một giòng họ "con nhà quan" của tôi. Ông cố của tôi là một quan Án Sát và sau lên quan Tuần Vũ. Sao hồi nhỏ tôi thấy chuyện làm quan to lớn và hãnh diện thế kia, hình như cả họ nhà tôi đều ngưỡng vọng ông và coi ông như là ngôi sao sáng để con cháu sau nầy noi theo và hãnh diện. "Ông Ngài," đại danh từ vừa trọng vọng vừa tôn kính. Mẹ tôi, nhất là mẹ tôi, khi gọi đến "Ông Ngài" bà thường chắp tay và miệng luôn luôn khấn vái, như ông Ngài là đức bồ tát sẽ cứu nạn cứu khổ cho mẹ những lúc nguy nan. Cả họ nhà tôi đều trọng vọng ông, ngôi mộ của ông được đúc bằng đá tảng loại đá quí hiếm, bia mộ cũng được khắc trên một tảng đá to, được viết li ti những chữ Hán kể nào công đức của ông, nào những sắc phong vua ban. Tôi cũng trọng vọng và hãnh diện vì "Ngài" lắm chứ sao không? Nhưng sự ngưỡng vọng đó dần dần giảm đi khi lớn lên, không biết là cái mảnh bằng ông đậu để ra làm quan có hơn mảnh bằng của những anh em tôi trong họ hàng đang có?

Những ngày bên nội có giỗ kỵ, cha tôi thường dậy rất sớm, quần áo chỉnh tề, dẫn tôi về nội ăn giỗ. Tôi phải lội bộ hàng mười mấy cây số, băng qua những cánh đồng, đi trên con đường thiên lý (quốc lộ một), qua "vạn" Tam Kỳ rồi mới tới nhà của người cháu đích tôn trong giòng họ, căn nhà của ông xã Ba, người cháu đích tôn ấy, nằm bên giòng sông Tam kỳ, ngôi nhà ngói, ba gian hai chái rộng thênh thang, ngày giỗ ông Ngài nên con cháu về đông lắm, ông xã Ba đã đem những bức hoành phi, những câu đối, câu liễn mà ngày trước ông "Ngài" đi làm quan đã được vua ban hay bạn bè đồng liêu biếu tặng, ra treo đầy trên bàn thờ, trên những cây cột to của nhà tự đường. Nhìn lên bàn thờ nghi ngút khói hương, cứ mỗi cây cột là treo một tấm liễn, tôi thấy căn nhà tự đường như chật lại, đầy khói thuốc lá, đầy hơi người. Tôi thường bỏ ra mé bờ sông ngồi nhìn dòng nước lặng lờ trôi, những con chim bay trên trời xanh, và cả tiếng chim đâu đó hót trong lùm cây.

Hình như một hai năm tôi mới được cha tôi dẫn về nội một lần, mỗi lần đi bộ trên đường thiên lý, đi chân không trên lớp nhựa đường nóng bỏng, nên lớp da chân của tôi bị lột, đỏ au, đau, rát, nên tôi không muốn theo cha về quê nội nữa.

Bên nội tôi có được một ông Ngài để suy tôn, con cháu đời sau không còn chế độ quân chủ nữa nên không có ai ra làm quan để nối danh "Ngài" cho nên "Ngài" vẫn sừng sững trong lòng con cháu một cách lâu dài.

Ông nội tôi là một ông đồ thất chí, là một cậu ấm con cháu nhà quan nhưng học hành không đỗ đạt gì, ôm mớ chữ nho lỗi thời đem đi bán rong ở các xứ "nguồn," nơi chưa có trường dạy chữ quốc ngữ. Ông đi dạy học ở vùng Trường Xuân, Khánh Thọ, rồi lấy bà nội tôi và lập nghiệp ở đó, đến mấy năm sau, làm ăn không khá nổi nên ông đời xuống đất Quán Rường, ông bà lập nghiệp luôn ở đây và nơi nầy tôi được sinh ra.

Cho nên quê tôi ở không có giòng sông nào chảy qua, chỉ có những con suối, những con suối mùa đông mưa xuống nước lũ tràn bờ, mùa hè nắng cháy, nước cạn chỉ còn trơ cát, tôi tắm suối khi thả bò ra đồng, mỗi khi lùa bò về chuồng là tôi thả bò xuống suối bơi, tôi leo lên lưng bò bơi ra đàng xa, ra đến giữa giòng.

Khi những con bò húc nhau thì tôi bị té lọt tỏm xuống giòng nước sâu, loi ngoi lúc ngúc một hồi lâu mới nắm được cái đuôi bò kéo mạnh, tôi mới thót được lên lưng bò trở lại. Tôi chỉ giữ bò chứ chưa giữ trâu nên không được cảm cho lắm bài hát "ai bảo chăng trâu là khổ." Quê tôi ít ai nuôi trâu để cày, tôi thương những con bò trung thành với gia đình tôi, sống với tôi đến cả năm, mười năm, có con bò Sinh già quá, mẹ tôi đem bán cho "bảy đáp" giết làm thịt, tôi thương con bò, khóc đến mấy hôm liền.

Quê tôi nắng cháy da, mưa nhão đất, mưa kéo hết ngày nầy qua ngày khác, mưa rả rích, như đời tôi, những thăng trầm, hệ lụy, những niềm vui, nỗi buồn, những thành công, thất bại, trong hồi ức, tưởng niệm, tôi coi như đó là những chuyến mưa qua.

Thật thà mà nói, là ngày tôi lớn lên, tôi chỉ đọc "vụng" sách mà thôi, như mèo "ăn vụng" niu cá vậy, chị tôi được anh Hiến cho mượn mấy cuốn truyện đó, cất kỹ trên máng xối, sợ mẹ tôi bắt gặp vì mối tình không môn đăng hộ đối. Tôi để ý theo dõi và chộp ngay để đọc, đọc trong góc tối, trong bất cứ mọi xó xỉnh nào để chị tôi không bắt được, cốc trên đầu mấy cái và đòi lại. Tôi đọc miên man, thèm thuồng như trẻ con được cái kẹo quá ngon, phải ăn dè xẻn, ăn xong vẫn còn thèm thuồng .

Hồi đó, quê tôi chưa có một phòng đọc sách nào nên tôi không có sách đọc. Rất hiếm sách cho tuổi thơ của tôi, lục lọi những quyển sách cũ của cha tôi thì chỉ thấy cuốn cổ học tinh hoa, và những cuốn đặc san cổ học xuất bản hằng tháng của hội Cổ học Quảng Nam, mà cha tôi là hội viên. Những cuốn nầy được quay ronéo trên một loại giấy nhám xấu, thế mà tôi vẫn đọc ngấu nghiến.

Đọc sách là thú đam mê của tôi thuở thiếu thời. Tôi thích làm thơ nhưng chưa làm được bài nào; tôi thích viết nhạc và hát hò nhưng tôi biết tôi không có năng khiếu về bộ môn nầy, tôi thích viết văn nhưng chưa giám thử, đầu óc tôi chưa thoát ra khỏi cái làng An Mỹ nhỏ bé của tôi.

Những buổi trưa nắng cháy, được nghỉ ngơi, tôi thường nằm trên võng, trong một lùm cây rậm mát, ngó lên trời. Buổi trưa trời trong và nắng chói chang, nhìn những đàn chim chao lượn, chim tràу trãy có màu lông xanh đỏ thường bay lượn rất cao và hót véo von, chim chiền chiện cũng vậy, bay tít lên trời xanh, tôi lơ mơ nghĩ đến những nơi chốn xa xôi, Tam Kỳ, Hội An, Đà Nẵng, Huế, và nhất là Sài Gòn, địa danh quyến rũ tâm tưởng tôi vô cùng.

Tôi biết Tam Kỳ từ ngày tôi đi thi đệ thất và học ở đây suốt bảy năm trung học, ngôi trường Trung học Trần Cao Vân thân yêu đã gần gũi, ấp ủ tuổi học trò thơ dại của tôi với biết bao nhiêu kỷ niệm. Tôi còn nhớ rất rõ phía bên trái ngôi trường, lúc đó còn lợp tôn, tường quét vôi trắng, có một cây đa cổ thụ cành lá xum xuê. Vào những ngày cuối thu, trời bắt đầu trở lạnh và cây lá bắt đầu vàng thì hàng đàn sáo rừng từ đâu bay về tụ tập trên tàng cây kêu inh ỏi. Đến mãi bây giờ đàn sáo ấy vẫn hình ảnh đậm nét trong trí nhớ của tôi.

Trọ học ở thị xã Tam Kỳ suốt bảy năm trung học, tôi đã thuộc lòng hết những ngõ ngách, đường mòn, những lối đi ngang về tắt, từ Khổng Miếu đến toà hành chánh tỉnh, khu trường Nữ Trung học, bệnh viện tỉnh lỵ, đến Khu Nam, Phủ Cũ, rồi ga xe lửa, thôn Trường Xuân, qua An Thổ đi vào Phường Một. Phường Một có con đường mòn nhỏ duy nhất, khi qua khỏi cầu Tam Kỳ, con đường nhỏ chạy theo mé bờ sông cạnh hàng dương liễu xõa tóc reo vi vu. Nơi đây là nơi hẹn hò tình tự của những cặp tình nhân, thường là những học trò áo trắng...

Khu An Thổ có một con đường trồng đầy cây sưa, hoa có một màu vàng rất riêng, đến mùa sưa trổ bông, ngước mắt lên như được nhìn một khoảng trời vàng rực, màu hoàng yến trộn lẫn với màu vàng hoa cúc, một hỗn hợp rất khó pha màu, nhìn vào khiến sững sờ, nhức nhối.

Ở Tam Kỳ, sau nầy có một phòng thông tin, đầy báo chí từ Sài Gòn gởi ra. Mỗi khi có giờ nghỉ học, tôi là khách thường xuyên ở đây, tôi đọc hết các nhật báo không chừa một tờ, mê nhất là các tiểu thuyết đăng từng kỳ của các tác giả, như Tùng Long, Dương Hà, Tô Nguyệt Đình, An Khê, Hoàng Trúc Ly, Lê Xuyên... Đọc và mê, chỉ biết vậy thôi, tôi thương những mối tình dang dở, éo le, những hẹn hò của tình nhân, những hôn hít, những cuộc ái ân vụng trộm... những thứ này đã làm cháy bỏng sự khát khao trong tôi, khiến tôi mơ ước về dáng dấp một thiếu nữ nào đó trong mộng tưởng, một mối tình có chuyện hoan lạc, tuy thuở đó tôi hãy còn bé lắm, chỉ ở vào tuổi mười hai mười ba, thời kỳ tiền dậy thì của một thiếu niên.

Tôi thích đọc tiểu thuyết diễm tình hơn là

đọc chuyện kiếm hiệp, thích chuyện thật hơn là chuyện viễn mơ. "Thật," với những yêu thương, sự gian dối, lọc lừa, với những trò trai gái giống như con trai, con gái quê tôi, khi lớn lên, biết yêu, thường tìm đến nhau, hẹn hò ở các con đường vắng, dưới mái đình làng, trên cánh đồng lúa bát ngát không có ai thấy, hay trong những lùm cây rậm. Những mối tình thật như thế được các tác giả như Lê Xuyên, An Khê, Dương Hà viết lên, nên tôi thích hơn những chuyện kiếm hiệp như xa vời.

Đó là một thời trẻ dại, những tiểu thuyết lãng mạn, rẻ tiền đã thâm nhập vào tâm hồn tôi một cách vô tội vạ, mặc dù trong trong những giờ Việt Văn ở trường tôi cũng được học về các tác giả Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, những Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Đinh Gia Trinh, Nguyễn Công Hoan... Tôi yêu bài "Hoa Súng" của Đinh Gia Trinh lắm, học thuộc lòng đến độ bây giờ vẫn còn thuộc, yêu mối tình của Dũng và Loan trong Đoạn Tuyệt, yêu Mai trong Nửa Chừng Xuân của Khái Hưng, yêu Nắng Trong Vườn của Thạch Lam... nhưng tôi cũng vẫn tiếp tục đọc những truyện diễm tình của Dương Hà, Thanh Thuỷ, An Khê, Lê Xuyên. Sau nầy lớn lên tôi thấy sao không có một dòng văn học sử nào ghi về các tác giả nầy, tôi cũng biết là họ viết văn diễm tình, rẻ tiền, nhưng theo tôi, các tác giả nầy với hàng trăm tác phẩm dầy cộm để lại với đời, cũng phải trải qua hàng ngàn đêm thao thức viết lách làm kiếp con tằm nhả tơ, thì cũng đáng trân trọng, nhắc nhở lắm chứ.

Đến năm tôi học đệ tứ, anh Giảng tôi bắt đầu mượn được một số sách mới, đó là Xóm Cầu Mới, Cô Mùi, Dòng Sông Thanh Thuỷ của Nhất Linh, Khu Rừng Lau, Dòng sông Định Mệnh của Doãn Quốc Sĩ, cùng cơ mang nào là tạp chí, nhất là các tờ Sáng Tạo, Bách Khoa, Thế Kỷ Hai Mươi, Hiện Đại. Lần đầu tiên tâm hồn nhỏ bé của tôi được tiếp xúc với một nền văn học miền Nam đồ sộ, tôi say mê đọc, ngấu nghiến đọc, từ đó tôi biết thêm được Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Trần Lê Nguyễn, Nguyên Sa, Nguyễn Đình Toàn, Võ Hồng, Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Lê Tất Điều, rồi Phan Du, Cung Tích Biền, Du Tử Lê, Viên Linh... thế giới văn học trong tôi mở rộng ra bát ngát. Dù vậy, những lúc không còn sách đọc, tôi vẫn chui vào phòng thông tin thị xã Tam Kỳ tìm Dương Hà, An Khê, Hoài Điệp Tử như là những chỗ quen biết và thân thiết đã lâu năm.

Lên đệ tam, tôi bắt đầu làm thơ, những bài thơ non dại có những từ như tình đầu, hẹn cuối, đau thương, da diết, hồi hộp, bồn chồn (ngày nay tôi không còn nhớ được một bài nào), và tôi gởi đi đăng báo. Các tạp chí như Văn, Văn Học, Bách Khoa đối với tôi lúc đó là những người khổng lồ sừng sững, tôi đâu giám sờ đến. Tôi bắt đầu làm quen và gửi thơ đến các tuần báo như Tuần San Thứ Tư, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Ngày Mai. Một hôm tôi ra tiệm sách Nam Ngãi ở Ngã ba Tam Kỳ đọc báo cọp, thấy bài thơ của tôi đăng trên Tuần San Thứ Tư, tôi sung sướng quá, đến độ muốn la to lên, muốn mua hết tất cả các cuốn Tuần San Thứ Tư có đăng bài thơ tôi phát cho bạn bè cùng lớp và khác lớp. Nhưng tất cả tiền của tôi chỉ đủ mua được một cuốn. Tôi đem vào lớp, chỉ khoe với lũ bạn thân, tự nhiên tôi mắc cỡ không dám khoe với nhiều người, nhất là đám nữ sinh. Mấy thằng bạn đọc xong, không khen lấy một câu, tụi nó không mặn mòi gì với thơ và sự nghiệp thơ ca của tôi, cơn hào hứng của tôi xẹp xuống rất nhanh, mặc dù tôi biết mình vẫn tha thiết với thơ ca.

Ngày tôi vào Sài Gòn học Đại Học, mộng tưởng thơ văn vẫn còn đầy ắp trong tôi. Vẽ vời con đường tương lai ở Sài Gòn, tôi trù tính sẽ giành một nửa thời gian đi học để đỗ đạt, còn một nửa tôi sẽ dấn thân vào làng văn trận bút. Tôi đã đứng trước tòa báo Sống Mới hàng giờ, tần ngần, lo sợ, hồi hộp muốn vào trong tòa soạn để xin gặp nhà văn Dương Hà, vì ông nầy viết tiểu thuyết đăng hàng kỳ ở đây. Tay tôi cầm một phong bì dày cộm là một truyện ngắn viết tay, đứng nhìn kẻ ra người vào rất lâu mà tôi không can đảm bước vào, mỗi khi đôi chân dợm bước, thì như có ai nắm ghì tôi lại. Cuối cùng, tôi đến hộp thư trước toà soạn, bỏ phong bì vào đó và đạp xe về nhà trọ. Đó là một bức thư không có hồi âm.

Tôi cũng muốn gặp nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng lắm, muốn là bạn bè, thành viên của đám đó, nhưng cuối cùng thì tôi không gặp một ai, không tiếp xúc được với ai. Tôi đi vào lãnh vực thơ văn một mình, tự lực, viết được bài nào thì gởi báo, có khi được đăng có khi không. Nhiều khi tôi còn không có tiền mua báo để biết bài mình có đăng được hay không nữa! Thật sự, là vì tính nhút nhát, tôi cảm thấy tôi bơ vơ quá đỗi trong cuộc trường chinh của tôi đến với chữ nghĩa.

TRẢ LỜI ÔNG VĨNH SÍNH

TRẦN ANH TUẤN

Kính báo cùng độc giả: Trong *Thế Kỷ 21* số 133 (tháng 5, 2000), ông Vĩnh Sính có bài viết nhận xét về những dòng chữ chúng tôi viết về ông trong *Thế Kỷ 21* số 130&131 (tháng 2&3, 2000). Vì thế, trên số báo này, chúng tôi xin tạm ngưng bài tiếp theo trong loạt bài *Công Cuộc Nghiên Cứu Việt Sử Tại Bắc Mỹ (1975-2000)*, để thay vào đó là bài trả lời của chúng tôi đến ông Vĩnh Sính.

Bài viết của ông Vĩnh Sính quan trọng ở chỗ ông xúc phạm đến sự chuyên nghiệp (professionalism) và sự ngay thẳng (integrity) của chúng tôi. Nếu những gì ông Vĩnh Sính viết về chúng tôi mà đúng, thì chúng tôi không còn tư cách gì để tiếp tục loạt bài viết về Công Cuộc Nghiên Cứu Việt Sử Tại Bắc Mỹ (1975-2000) nữa. Vì thế, chúng tôi phải giải quyết vấn đề ông Vĩnh Sính nêu lên trước khi tiếp tục viết trên *Thế Kỷ 21*.

Đây là bài trả lời đầu tiên. Chúng tôi yêu cầu ông Vĩnh Sính cho biết ý kiến của ông để, nếu cần, chúng tôi sẽ tiếp tục trả lời ông trên *Thế Kỷ 21* hay trên bất cứ một diễn đàn nào khác, tuỳ ý ông chọn. Trân trọng, TAT.

Công cuộc Nghiên Cứu Việt Sử Tại Bắc Mỹ (1975-2000) là loạt bài của chúng tôi được đăng tải hàng tháng trên *Thế Kỷ 21*. Mục đích khiêm nhượng của loạt bài này là cung cấp một mách bảo thư tịch học cho những ai có nhu cầu, như quí vị phụ huynh tại hải ngoại, các trung tâm Việt ngữ, hay những ai muốn theo dõi đời sống văn hoá của cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ. Trước khi đi vào việc giới thiệu tác phẩm trong loạt bài này, chúng tôi sơ lược qua tác giả của những sử phẩm ấy như một lời cám ơn cụ thể đối với những người mà chúng tôi hân hạnh được thụ hưởng công trình tim óc của họ trong hai chục năm qua. Làm công việc giới thiệu này, chúng tôi không hề có tư tưởng khoe khoang quen biết tác giả này hay nhà nghiên cứu kia. Chúng tôi lại càng không phải lợi dụng cơ hội để báo ân báo oán một ai. Những ý tưởng này đã được chúng tôi công bố ngay trong bài đầu tiên.

Bài đầu tiên được đăng trên *Thế Kỷ 21* số 126 (tháng 10, 1999), trang 31-37, chúng tôi giới thiệu chín (9) tác giả. Và bài thứ tư được đăng trên *Thế Kỷ 21* số 133 (tháng 5, 2000), trang 89-96, chúng tôi giới thiệu hơn hai mươi (20) tác giả.

Loạt bài hiền lành này, vốn chỉ nhằm giới thiệu sách, không ngờ đã được nhiều người tiếp xúc để tỏ ý hoan nghênh. Đối với những vị liên lạc riêng, chúng tôi đã có những phương cách phúc đáp để khỏi làm mất thời giờ của độc giả *Thế Kỷ 21*. Nhân đây, và một lần nữa, chúng tôi xin cảm ơn những tình cảm quí báu mà quí vị, nhất là quí vị độc giả chúng tôi chưa hề hân hạnh quen biết, có nhã ý dành cho. Thật là một hân hạnh, và niềm an ủi lớn lao cho cá nhân chúng tôi trong nghề Sử. Chúng tôi cũng nhân dịp này cám ơn Toà Soạn *Thế Kỷ 21* đã liên tục cho chúng tôi mượn đất để chúng tôi có cơ hội tiếp xúc với độc giả qua loạt bài này cũng như bài về những đề tài khác.

Thế rồi mới đây, trong *Thế Kỷ 21* số 133 (tháng 5, 2000), ông Vĩnh Sính có bài Góp Ý Kiến Về Bài Công Cuộc Nghiên Cứu Việt Sử ... nhằm bầy tỏ những nỗi bất bình của ông về vài hàng chữ chúng tôi đã viết giới thiệu ông trong *Thế Kỷ 21* số 130&131.

Chúng tôi xin phúc đáp ông Vĩnh Sính, từng điểm một.

Điểm thứ nhất, ông Vĩnh Sính viết rằng trước khi giới thiệu về công trình nghiên cứu của 16 giáo sư đại học, chúng tôi đã dè dặt tuyên bố là đối với những người chúng tôi chưa từng biết rõ, sẽ xin để tồn nghi. Nói cách khác những người nào chúng tôi biết rõ, chúng tôi mới viết. Và do đó mà ông Vĩnh Sính ngạc nhiên vì trong thực tế, ông và chúng tôi không

hề biết nhau (ý của ông Vĩnh Sính, đoạn văn thứ hai, trang 97).

Trả lời: trên đây chúng tôi nhắc lại ý của ông Vĩnh Sính. Nếu chúng tôi hiểu sai ý ông, xin ông cho biết. Nếu chúng tôi hiểu đúng ý của ông, thì chúng tôi xin trả lời ngay rằng ông Vĩnh Sính đã đọc mà không hiểu bản văn chúng tôi viết. Mời ông đọc lại cả đoạn 2, trang 135 trong *Thế Kỷ 21* số 130&131.

Trong đoạn văn ấy, chúng tôi bắt đầu phần giới thiệu nhóm biên khảo bằng cách phân nhóm tác giả. Vào thời điểm chúng tôi viết bài, số tác giả biên khảo có 88 người (con số này sẽ thay đổi theo thời gian vì mỗi khi có sách mới trong năm 2000, chúng tôi sẽ tìm đọc và liệt kê thêm), chúng tôi đã biết được 16 người là (chữ là có gạch dưới) giáo sư đại học, 15 người là nhà văn nhà báo, 14 người là chuyên viên các ngành, 12 người là cựu quân nhân, 6 người là tu sĩ, 2 người là bác sĩ, 2 người là nhạc sĩ, và 21 người chưa xếp loại. Số 21 người này là số mà chúng tôi đề cập đến trong đoạn văn thứ hai của trang 135, trong đó có câu *"Còn những người chúng tôi chưa được hân hạnh biết rõ thì xin để tồn nghi"* mà ông Vĩnh Sính trích dẫn. *Tồn nghi* vì chúng tôi chưa biết 21 người này là ai để định danh thuộc nhóm nào, ngay đến tên tác giả trên bìa sách chúng tôi cũng chưa biết là tên thật hay bút hiệu của họ. Thí dụ như Nam Trực, tác giả của *Việt Nam: Khúc Quanh Lịch Sử 1995*, hay Đỗ Đức Thái, tác giả của *Thảm Họa Việt Nam. Chính Trường & Chiến Trường Việt Nam 1945-1975*, vân vân.

Đoạn văn ấy không hề liên hệ gì với đoạn văn thứ năm ở tuốt phía dưới, cuối trang 135, là đoạn văn giới thiệu nhóm giáo sư đại học. Ông Vĩnh Sính đã cắt chân một đoạn văn trên để lắp vào đầu một đoạn văn dưới thì làm sao ông hiểu đúng ý người viết được!

Thưa ông Vĩnh Sính, chúng tôi thông tin thiếu chính xác hay ông hiểu không chính xác đoạn văn tiếng Việt này ?

Điểm thứ hai, ông Vĩnh Sính không đồng ý với nhận định của chúng tôi khi chúng tôi viết rằng, nguyên văn câu của chúng tôi (?) mà ông trích lại: *"Một người chỉ viết một hai tập sách tức là viết một cách tài tử..."* (trang 97) để rồi ông căn cứ vào câu đó mà phân tích cái sai của chúng tôi.

Trả lời: Ông Vĩnh Sính đã hiểu sai câu văn tiếng Việt của chúng tôi, vì ông đã chỉ lấy phần chủ từ của câu văn chúng tôi viết mà cho rằng đó là một câu lọn nghĩa. Trong *Thế Kỷ 21* số 130 &131, vẫn đoạn hai nơi trang 135, câu chúng tôi viết như thế này mới là nguyên văn: *"Một người chỉ viết một hai tập sách tức là viết một cách tài tử- thì lấy nghề chính của họ mà xếp loại."* Chứ chúng tôi có khẳng định hễ ai chỉ viết một hai quyển sách thì nhất quyết chỉ là hạng viết tài tử đâu. Ai chẳng biết "quí hồ tinh, bất quí hồ đa." Ai chẳng biết "một áng văn hay, ngàn thuở đẹp!"

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông Vĩnh Sính khi ông viết rằng nhiều người trọn đời chỉ viết một bài thơ, một áng văn, hay một quyển sách cũng đủ để hậu thế nhớ mãi, và không biết bao người bạ đâu viết đó, xuất bản đến hàng chục cuốn sách mà cũng bằng không.

Đó là nhận xét thông thường và tổng quát. Trong thực tế, chúng tôi đã đọc, và đã thấy có những tác giả nằm trong trường hợp thứ hai mà ông Vĩnh Sính đề cập. Do đó, chúng tôi không xếp họ vào giới nghiên cứu, mà xếp họ vào ngành nghề của họ. Ông Vĩnh Sính, hoặc mỉa mai hoặc đãi bôi, gọi họ là những nhà nghiên cứu hay sáng tác trong ngoặc kép (trang 97). Phần chúng tôi, chúng tôi thẳng thắn và dứt khoát xếp họ đúng vào vị trí của họ, cốt không để họ lẫn vào những nhà nghiên cứu nghiêm túc. Cách phân biệt này khác với việc một số những người nghiên cứu được chúng tôi sắp xếp theo nghề nghiệp trong cái khung cổ điển mà chúng tôi thiết lập để giới thiệu toàn bộ các tác giả có sách viết về lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1975-2000 và được xuất bản tại Bắc Mỹ. Vì cách trình bầy có hơi rắc rối, phức tạp, và để tránh hiểu lầm, ngay trong bài đầu tiên trong *Thế Kỷ 21* số 126 (tháng 10, 1999), chúng tôi đã phải nói thêm cho rõ ý của mình, nguyên văn: *"Cho nên, cách tốt nhất để đánh giá một tác giả là xét chính những tác phẩm của họ"* (trang 33).

Khi quí vị độc giả đọc phần chúng tôi giới thiệu từng cá nhân, hẳn quí vị sẽ (hay đã) thấy sự khác biệt này rồi: người nào chúng tôi xếp theo nghề nghiệp vì tác phẩm, nói theo ngôn từ của ông Vĩnh Sính, "bạ đâu viết đó," và người nào chúng tôi xếp theo nghề nghiệp theo cái khung chung của loạt bài. Chúng tôi đã cố gắng diễn tả theo cách ứng xử truyền thống của người Việt. Trong bài viết của mình, ông Vĩnh Sính cho biết ông vẫn tự hào về truyền thống ứng xử của người Việt, sao ông không thấy chỗ tế nhị của sự diễn tả mà quay ra trách chúng tôi? Hay chúng tôi phải nhận

lỗi về sự diễn tả đến nỗi ông Vĩnh Sính không thấy được hậu ý?

Điểm thứ ba, ông Vĩnh Sính trách chúng tôi võ đoán, thiếu thông tin vì đã không liên lạc trực tiếp với ông hay tìm đọc quyển *Canadian Who's Who* để biết tiểu sử đầy đủ, nhất là những thành tích, của ông.

Trả lời: ông Vĩnh Sính đã hiểu nhầm những dòng giới thiệu tác giả của chúng tôi trong loạt bài chúng tôi viết trên *Thế Kỷ 21*. Chúng tôi không viết về một tác giả nào cả, chúng tôi chỉ giới thiệu họ mà thôi! Chúng tôi và các tác giả có mắc mớ gì nhau đâu mà chúng tôi phải viết về họ?!

Đề tài viết của chúng tôi là những sách nghiên cứu về lịch sử Việt Nam xuất bản tại Bắc Mỹ trong một phần tư thế kỷ, từ năm 1975 đến năm 2000, chứ đề tài nào phải là về ông này hoặc bà kia?! Giới thiệu các tác giả bằng vài nét chấm phá trước khi đi vào các tác phẩm sử học của họ không chỉ là một lời cám ơn tế nhị của cá nhân chúng tôi trong tư cách một độc giả, mà còn là một điều cần thiết để tránh sự đường đột và giúp độc giả của loạt bài chúng tôi viết có thêm một ít dữ kiện khi tìm hiểu hiểu nội dung các sử phẩm. Cũng xin nói thêm là vài chi tiết mà chúng tôi chọn lựa để giới thiệu là những chi tiết điển hình, theo ý chúng tôi dĩ nhiên, về mỗi tác giả. Chúng tôi đâu cần mua thêm rắc rối là theo lời khuyến cáo của ông Vĩnh Sính để, hễ viết về ai thì phải, nguyên văn, *"liên lạc trực tiếp với đương sự để nhờ cung cấp một số thông tin hay dữ kiện,"* rồi sau đó lại phải làm công việc rắc rối hơn nữa là *"cân nhắc và kiểm chứng những gì họ cung cấp"* (trang 98).

Điểm thứ tư, ông Vĩnh Sính chứng minh rất dài dòng để bác bỏ nhận định của chúng tôi, là những sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ của ông Vĩnh Sính hầu như chỉ diễn ra và được phổ biến ở Gia-nã-đại và Việt Nam.

Trả lời: Ông Vĩnh Sính tỏ ra rất bất bình về nhận định này của chúng tôi. Trong bài viết bốn trang (4) giấy, ông đã nhắc đi nhắc lại nhận định này tới sáu (6) lần nơi trang 97 (hai lần), trang 98 (hai lần), trang 99 (một lần), và trang 100 (một lần).

Trước hết, nhân được đọc bài ông góp ý, chúng tôi thành thật cáo lỗi cùng độc giả, và đặc biệt cáo lỗi cùng tác giả Vĩnh Sính là trong những dòng chữ giới thiệu tác giả trong *Thế Kỷ 21* số 130&131, chúng tôi đã sai sót khiến địa danh Bắc Mỹ đã không bao hàm Gia-nã-đại khi đề cập đến khung cảnh địa lý nơi tác giả Vĩnh Sính sinh hoạt. Chúng tôi dám mong tác giả coi đó là sai sót trong một trường hợp cá biệt vì nếu chúng tôi không bao hàm Gia-nã-đại vào Bắc Mỹ, thì chúng tôi đã không giới thiệu các tác giả tại Gia-nã-đại như giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ và Lê Kim Ngân trong bài thứ nhất (*Thế Kỷ 21* số 126), nhà văn Phạm Thăng trong bài thứ ba (*Thế Kỷ 21* số 132), giáo sư Trần Gia Phụng và Nguyễn Vy Khanh trong bài thứ tư (*Thế Kỷ 21* số 133), và nhất là giới thiệu chính tác giả Vĩnh Sính trong bài thứ hai (*Thế Kỷ 21* số 130&131).

Ngoài ra, thưa ông Vĩnh Sính, chứng minh những sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ của ông Vĩnh Sính thường chỉ diễn ra và phổ biến ở Việt Nam (và Gia-nã-đại) là điều dễ dàng vì đó là sự thật hiển nhiên. Chúng tôi bắt đầu làm công việc dẫn chứng.

Để mở đầu, muốn biết tình cảm của ông Vĩnh Sính hướng về đâu, chúng tôi không cần tìm đâu xa, mà đọc ngay chính bài ông Vĩnh Sính viết gọi là góp ý với chúng tôi trên *Thế Kỷ 21* số 133. Nơi trang 99, ngay dòng đầu của cột hai, ông viết nguyên văn: *"Tôi cũng không có gì cần phải che đậy hay giấu giếm: tình cảm của tôi đối với quê hương, đối với những người đồng hương (xin theo nghĩa rộng là Việt Nam chứ không chỉ là 'xứ Huế' nơi tôi sinh trưởng) không có giới tuyến."*

Tình cảm là kim chỉ nam cho hành động, vì thế, trong số sáu lần sách do ông Vĩnh Sính viết được xuất bản, bốn lần xuất bản ở Việt Nam tức 66 %, một lần xuất bản ở Gia-nã-đại tức 17%, và một lần xuất bản ở Hoa Kỳ tức 17 %. Chi tiết cụ thể từng lần xuất bản một, do chính ông Vĩnh Sính cung cấp, như sau. Bốn quyển xuất bản ở Việt Nam là *Nhật Bản Cận Đại*, tái bản (1992), *Việt Nam Và Nhật Bản Trong Thế Giới Đông Á* (1993), *Ký Sự Đến Việt Nam Năm 1657: An Nam Cung Dịch Kỷ Sự* (1999), và *Lối Lên Miền Oku* (1999). Một quyển xuất bản tại Gia-nã-đại là *Nhật Bản Cận Đại (1991)*. Một quyển xuất bản tại Hoa Kỳ là *Overturned Chariot: The Autobiography of Phan Bội Châu* (1999) do ông Vĩnh Sính biên tập và dịch thuật chung với Nicholas Wickenden.

Đó là nói về việc xuất bản sách. Còn về việc cộng tác với các tạp chí tập san chuyên môn cũng vậy, ông Vĩnh Sính cho biết ông cộng tác với một (1) tạp chí ở Pháp và ba (3) tạp chí ở Việt Nam. Đó là các tạp chí *Diễn Đàn Forum*

ở Pháp và *Xưa Nay, Nghiên Cứu Lịch Sử, Thời Báo Kinh Tế Sàigòn* ở Việt Nam. Điều đặc biệt là ông Vĩnh Sính, nhân dịp này, xác định rằng ông không hề cộng tác với một tập san nào ở Bắc Mỹ cả. Ông viết, nguyên văn: *"xin thưa rằng một số tập san có uy tín ở Bắc Mỹ cũng có nhã ý mời tôi đóng góp bài vở, nhưng rất tiếc cho tới nay tôi chưa có điều kiện đáp lại được tấm lòng tri ngộ của quý anh chủ biên"* (trang 100). Về việc có một số tạp chí tại Hoa Kỳ như tờ *Y Học, Công Giáo,* và nhiều tập san Phật Giáo đăng bài của ông, ông cũng cho biết là họ chỉ lấy từ những bài ông viết trên *Đất Việt*, một tập san xuất ở Gia-nã-đại, mà thôi [1].

Như vậy, trong khi hăng hái bày tỏ lập trường của mình, ông Vĩnh Sính đã phạm vào chính cái lỗi tự mâu thuẫn mà ông kết tội chúng tôi, là không kể Gia-nã-đại vào Bắc Mỹ. Bây giờ, Bắc Mỹ của ông cũng không bao gồm Gia-nã-đại rồi, thưa ông: ông đã xác định là ông không hề viết bài cho tạp chí nào ở Bắc Mỹ đồng thời ông cho biết ông chỉ viết bài cho *Đất Việt* mà thôi!

Với những sự kiện thực tế rõ ràng như thế, nhận định của chúng tôi, rằng những sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ của ông Vĩnh Sính hầu như chỉ diễn ra và được phổ biến ở Gia-nã-đại và Việt Nam, có gì là xa sự thực đâu?! Việc ông Vĩnh Sính bắt lỗi chúng tôi về danh từ Bắc Mỹ và chính ông cũng mắc lỗi này- đâu có thay đổi được sự thực là những gì ông viết và phổ biến thường chỉ xẩy ra ở Gia-nã-đại và nhất là ở Việt Nam?! Thực ra, khi ông đặt vấn đề "Bắc Mỹ của tôi" và "Bắc Mỹ của tác giả" (trang 98), chúng tôi đau lòng lắm. Chúng ta (hay đúng hơn, chúng tôi) thân phận tỵ nạn chính trị, hí hửng gì mà vơ đất lạ vào mình, thưa ông?!

Nhân đây, chúng tôi cũng muốn nói đôi điều về việc nghiên cứu ở Việt Nam hay nghiên cứu ở hải ngoại, và in sách ở Việt Nam hay in sách ở hải ngoại.

Chúng tôi không quá khích đến nỗi cho rằng hễ in sách ở Việt Nam là giúp chế độ hiện tại hay thiên Cộng [2]. Chúng tôi cũng không nghĩ rằng sách cứ in ở hải ngoại là chúng ta phải ủng hộ hay ca tụng. Đối với cá nhân chúng tôi, chỉ có sách viết hay hay dở, và chỉ có người nghiên cứu có bản lãnh tinh thần vững mạnh để giữ được sĩ khí hay không. Chúng tôi xin lấy vài thí dụ về việc nghiên cứu ở Việt Nam trong những năm gần đây. Nếu chúng ta không đọc sách in tại Việt Nam, làm sao chúng ta theo dõi được công cuộc nghiên cứu lịch sử Việt Nam ở trong nước? Và nếu chúng ta không đọc sách in tại Việt Nam, làm

THANH TÂM

CŨNG MỘT CHUYỆN TÌNH

Em lại kể về một chuyện tình
Cuộc đời làm vợ kẻ đào bông
Trách yêu chi một phút yếu lòng
Là vỡ tan đời mộng bình minh

Đêm góa bụa tưởng đời im ngủ
Bỗng vì đâu thức một vầng sao
Sầu luyến ái khi tình cho không đủ
Chọn lựa nào chẳng giấu một niềm đau

Trăng đã khuyết hôm nào từ biệt
Xa một lần là vĩnh viễn chia ly
Em đừng hẹn để ta đừng tưởng tiếc
Con đường xưa đã rớt rụng xuân thì

Đời đa đoan ta mệt nhoài thần trí
Em cứ buồn hệt số phận cung phi
Giam giữ tình như chút hương cất kỹ
Áo phong sương còn sưởi được những gì

Ngày gió núi rợn qua từng kẽ đá
Ta sống âm thầm lạnh lắm em ơi
Chân đã mỏi gối đã chồn bóng ngã
Ta đâu chờ mùa vẫn tới tả tơi

Mùa vẫn tới bao mùa gió nổi
Ta hết trông trời đến ngó đất
Em thì vẫn thế một dòng trôi
Sao kiếm được những ngày đã mất.

sao chúng ta đọc được những tác phẩm quí giá như bản dịch *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* bản năm Chính Hoà thứ mười tám (1697), bản dịch bộ *Tạp Chí Đô Thành Hiếu Cổ (Bulletin des Amis du Vieux Hué,* 1914-1944), bộ *Thơ Văn Lý Trần* của Viện Văn Học, hay quyển *Nghiên Cứu Chữ Húy Việt Nam Qua Các Triều Đại* của nhà Hán học Ngô Đức Thọ...?!

Khi giới thiệu tác giả Vĩnh Sính, chúng tôi không hề có ác cảm với ông. Sự thực trái lại. Đến đây, chúng tôi đành kê khai những nguồn giúp chúng tôi biết ông mà giới thiệu hay kiểm chứng về những gì chúng tôi viết về ông. Chúng tôi liên lạc với ba (3) người tất cả. Người thứ nhất chắc ông Vĩnh Sính phải biết. Đó là Đào Hữu Dũng. Anh Dũng hiện giảng dạy tại một đại học tại Nhật Bản, và là người cùng du học với ông Vĩnh Sính ở Nhật Bản trong thập niên 60. Anh Dũng đã kể trực tiếp với chúng tôi một số chi tiết về ông Vĩnh Sính. Người thứ hai ông Vĩnh Sính phải biết. Đó là Chung Hoàng Chương. Anh Chương hiện giảng dạy tại đại học cộng đồng San Francisco City College ở Bắc California. Anh Chương đã kể trực tiếp với chúng tôi về những sinh hoạt của anh và ông Vĩnh Sính trong những hội nghị, hội thảo, trao đổi văn hoá... tại Việt Nam trong mấy năm gần đây. Người thứ ba ông Vĩnh Sính phải biết. Nhưng chúng tôi xin miễn nêu danh tính vì tính cụ vốn ưa trầm lặng, không hề muốn ai đưa tên tuổi của mình lên báo chí.

Vì những chi tiết thâu lượm được từ các nguồn vừa kể, chúng tôi đã có lòng kính mến ông Vĩnh Sính dù chưa bao giờ hân hạnh được gặp. Chúng tôi cũng đã sử dụng ngôn từ lịch sự và trang trọng khi giới thiệu ông trên *Thế Kỷ 21* số 130&131 như độc giả của *Thế Kỷ 21* đã biết.

Chúng tôi không hề coi thường hay coi khinh người đối thoại giống như giọng văn ông Vĩnh Sính sử dụng trong bài *"Góp Ý Về Bài "Công Cuộc Nghiên Cứu Việt Sử..."* Chúng tôi quan niệm coi thường hay coi khinh người đối thoại tức là mình đã bất nhã, điều mà người có học phải tránh: nhân vô thập toàn, biển học mênh mông! Ai mà dám tự nhận mình là toàn bích, là đại diện cho người Việt Nam được ?!

Nếu ông Vĩnh Sính đọc lại một cách bình tĩnh và từ tốn đoạn văn chúng tôi giới thiệu đương sự, ông sẽ thấy chúng tôi có đôi chút tiếc nuối trong cách diễn tả: Âu cũng là một thiệt thòi (sic) rõ ràng ngụ ý tiếc một nhân tài mà cộng đồng người Việt tại hải ngoại không được hưởng bao nhiêu những khả năng đặc biệt của đương sự so với người Việt ở trong nước được hưởng!

Cuối cùng, chúng tôi nghĩ đáng lẽ ông Vĩnh Sính phải hài lòng về chúng tôi mới phải: nhân chúng tôi giới thiệu ông ngắn ngủi trong 1/4 cột chữ, ông đã có cơ hội sử dụng tới tám cột, tức dài gấp 32 lần để viết về cá nhân ông, từ cách xuất thân, thành tích dạy học, viết sách, diễn thuyết, trả lời phỏng vấn báo chí quốc tế, nói chuyện trên các đài phát thanh và truyền hình quốc tế, tham dự các cuộc hội thảo quốc tế, hưởng những trợ cấp nghiên cứu, đến việc được trao tặng các giải thưởng, vân vân và vân vân. Chúng tôi cũng rất mê túc cầu, nên nhân khi ông Vĩnh Sính đề cập đến "Giải Bóng Đá Quốc Tế Paris," chúng tôi xin ví von một tí. Chúng tôi đã đưa banh cho ông Vĩnh Sính đá phạt đền, ăn điểm ngon ơ mà sao ông, sau khi đưa banh vào lưới, lại nỡ quay ra đá luôn cả chúng tôi?!

Nhân trường hợp ông Vĩnh Sính, chúng tôi xin thông báo là, nếu tác giả nào muốn thảo luận với chúng tôi về những dòng chữ chúng tôi giới thiệu quí vị, chúng tôi xin sẵn sàng hầu tiếp trong tinh thần học hỏi lẫn nhau. Chúng tôi cũng mong đón nhận ý kiến của quí vị độc giả bốn phương để bài viết của chúng tôi đỡ những sai sót. Xin quí vị liên lạc với chúng tôi trên tờ *Thế Kỷ 21* này. Hoặc qua đường bưu điện: số Hộp Thư của chúng tôi là P.O. Box 1413, Alameda, CA 94501. Hoặc qua địa chỉ điện thư: Att4@aol.com. Liên lạc qua điện thoại không thuận tiện vì ban ngày chúng tôi không có nhà, cuối tuần lại bận việc gia đình và cộng đồng.

Chỉ xin có một yêu cầu: là những người trong học giới, chúng ta hãy lấy chữ Lễ mà đối đãi với nhau!

Alameda, tháng 5, 2000

1. Việc ông Vĩnh Sính lên tiếng xác định rằng ông chỉ viết cho *Đất Việt* ở Gia-nã-đại, còn bài của ông trên tất cả những tạp chí khác tại Gia-nã-đại và Hoa Kỳ đều là những bài được đăng lại từ *Đất Việt* cả, là một điều đặc biệt đối với những ai theo dõi sinh hoạt chính trị: *Đất Việt* là cơ quan ngôn luận của Hội Việt Kiều Yêu Nước tại Gia-nã-đại.

2. Nhưng nếu không tuân thủ những điều kiện do các giới chức cầm quyền hiện tại ở Việt Nam đưa ra, một tác giả ở hải ngoại đừng mong có sách được xuất bản ở Việt Nam!

Giới thiệu sách

HỒ XUÂN HƯƠNG, TÁC PHẨM*

Nguyễn Ngọc Bích biên soạn và hiệu đính,

Bài của CUNG TIẾN

(Nhân dịp cuốn sách này ra mắt tại trụ sở Vietnam Center, Saint Paul, Minnesota, ngày 6 Tháng 5, 2000, dưới sự bảo trợ của các hội đoàn ở Minnesota: Hội Văn hóa Việt Nam, Vietnam Center, Hội Cộng đồng VN, Asian Business and Community Foundation, và một nhóm Thân hữu Soạn giả.)

Trong lịch sử văn học nước ta không thiếu nhà thơ / văn nữ nổi tiếng. Đời Lý (1009-1226) ta có Diệu-Nhân Lý Ngọc Kiều (1041-1113), cháu gọi vua Lý Thánh Tông bằng ông, và Lê Thị Ỷ Lan (? 1117), nguyên phi của vua này. Đời Trần (1226-1369) ta có Nguyễn Thị Điểm Bích (? - ?) cung nhân của vua Trần Anh Tông, và Nguyễn Bích Châu (? - 1377), ái phi của vua Trần Duệ Tông. Điểm Bích là tác giả bài thơ Nôm sáng tác trong dịp nhận nhiệm vụ vua Trần giao phó lên núi Yên-tử để "thử thách" đạo hạnh của nhà sư / nhà thơ Huyền Quang, tức Lý Đạo Tái (1254(1334). Trong thời kỳ "Đàng-trong Đàng-ngoài" (1570-1786), ta có Đoàn Thị Điểm (1705-48), người dịch từ Hán sang Nôm tập Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn (sống khoảng đầu thk. XVIII). Dưới triều Tây Sơn (1786-1802), ta có Lê Ngọc Hân (1770-99), con gái thứ 21 vua Lê Hiển Tông và vợ vua Quang Trung Nguyễn Huệ, tác giả bài thơ Nôm khóc chồng, *Ai tư vãn* (1792). Rồi dưới đời Nguyễn (1802-1945), trên thi đàn Việt-nam xuất hiện Bà huyện Thanh Quan (? - ?), Sương Nguyệt Ánh (1864-1921), con gái nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (1822-89), Tương Phố (1896- ?) của *Giọt lệ thu* (1923), Mộng Tuyết (1914- ?) của *Phấn hương rừng*, và Anh Thơ (1921- ?) của *Bức tranh quê* (1941).

Thế nhưng ta không thể kể thơ của các nữ sĩ nói trên và thơ của Hồ Xuân Hương bằng cùng một hơi thở được. Bởi không gian thi ca của nữ sĩ họ Hồ là một không gian hoàn toàn khác biệt.

Nhà thơ nữ tài hoa họ Hồ sinh năm nào, mất năm nào, cũng như sáng tác nhiều nhất vào giai đoạn nào của cuộc đời: đây là các vấn đề hiện chưa ai biết chính xác. Thế nhưng, dựa trên những phát hiện mới đây, ở trong và ngoài nước, các nhà nghiên cứu văn học suy đoán rằng bà sống cả dưới triều Tây-sơn lẫn mấy thập kỷ đầu triều nhà Nguyễn. Theo học giả Nguyễn Ngọc Bích, trong cuốn sách mới của ông được ra mắt hôm nay, *Hồ Xuân Hương: Tác phẩm,* thì bà ra đời khoảng năm 1770 và qua đời khoảng 1840.

Những tài liệu rải rác cho biết: Hồ Xuân Hương quê làng Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an (nay thuộc Nghệ-tĩnh). Ông thân sinh là Hồ Phi Diễn, một ông đồ nghèo, bỏ Trung ra Bắc dạy học ở Kinh-bắc (nay là Hải-dương) và lấy một cô gái họ Hà làm vợ lẽ và sinh ra Hồ Xuân Hương. Về sau gia đình dọn về Hà-nội, và có một thời gian sống ở một nơi gần hồ Tây bây giờ. Khi trưởng thành, bà có làm một ngôi nhà nhỏ gần hồ ấy và đặt tên là "Cổ-nguyệt đường" [古月堂 = "Nhà trăng xưa"], vì hai chữ Hán "cổ" và "nguyệt" lập thành chữ "Hồ" [胡], tên họ bà.

Bà đã từng du ngoạn nhiều nơi thắng cảnh ở miền cao nguyên cũng như bình nguyên đất Bắc và làm thơ lưu niệm, như Đồ-sơn, Vịnh Hạ-long, Hà-đông, Ninh-bình, Thanh-hóa, Tuyên-quang, Sơn-la ...

Vẫn theo truyền thuyết, nhà thơ nữ có giọng chanh chua, chát chúa, "ngáo ngổ" và đầy tự tin này của chúng ta thông minh tuyệt vời, và nhận được một vốn văn học cổ điển khá sâu và rộng (chứ không phải "ít học" như một số người vẫn thường nói). Bằng chứng cho nhận xét sau này chính là những bài thơ chữ Hán của bà trong tập Lưu Hương Ký, được phát hiện và phổ biến gần đây và bao gồm trong cuốn sách của Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích.

Cuộc đời tình duyên của bà rất "éo le, ngang trái," theo lối nói thông thường ngày xưa của Á-đông ta, như ta đã "dò" biết qua tác phẩm của bà. Bà đã có khá nhiều tình nhân

(mà bà gọi yêu, theo kiểu tay chơi, là "tình-nhi"), nhưng không đưa tới "hạnh phúc" theo quan niệm xã hội phong kiến của ta hồi bấy giờ, tức là đưa tới hôn phối. Thế rồi, bà đã có hai đời chồng, mà cả hai lần làm lẽ, và cả

G.S. Nguyễn Ngọc Bích. Buổi ra mắt sách "Hồ Xuân Hương - Tác phẩm" tại Vietname Center, St. Paul, Minesota 5/6/2000

hai lần góa phụ. Lấy nhau được ba hay bốn năm, thì người chồng thứ nhất (thứ tự trước sau còn là nghi vấn) qua đời: đó là Trần Phúc Hiển, tham-hiệp (chức quan lo về hành chánh) trấn Yên Quảng (Quảng Yên ngày nay), ăn hối lộ dân, bị triều đình vua Gia-long bắt giam một năm rồi kết án tử hình. Chính người chồng này là đối tượng bài thơ nổi tiếng của bà, Khóc ông Phủ Vĩnh-tường, vì trước kia ông ta đã từng nhậm chức tri phủ ở đó một thời gian. Người chồng thứ hai (?), tên Nguyễn Công Hòa, đội-tổng xã Sơn-dương, huyện Phong-châu, Vĩnh-phú, cũng chết sớm, và là đối tượng cho bài thơ bốn câu nổi tiếng không kém của bà: Khóc Tổng Cóc (tên tục của ông ta).

Trước, sau hay giữa hai giai đoạn có chồng này, bà đã có ít nhất sáu người tình, mà nổi tiếng nhất tất nhiên là đại thi hào Nguyễn Du (1766?-1820), tác giả Truyện Kiều, sau đến nhà văn/thơ/nghiên cứu văn hóa Phạm Đình Hổ (1768-1839), tác giả *Vũ trung tùy bút*. Trong phần đầu sách, Gs. Nguyễn Ngọc Bích chủ yếu trình bày các sáng tác và thơ xướng/họa bằng cả Hán lẫn Nôm của bà trong tập *Lưu Hương Ký*: chúng là bằng chứng "sống" cho các cuộc tình duyên lỡ dở đó.

*

"Chúa dấu, vua yêu một cái này"

Hồ Xuân Hương được biết nhiều nhất qua những bài thơ bằng chữ Nôm của bà. Theo tình hình văn liệu hiện có, thì bà đã sáng tác khoảng 50 bài, phần lớn theo thể Đường luật, và nhiều nhất là thể "thất ngôn bát cú" (mỗi bài tám câu, mỗi câu bảy chữ), chen với các bài "tứ tuyệt" (bốn câu). Trong các bài thơ đó, bà mô tả cảnh ngộ cá nhân và gửi gấm tâm sự riêng tư của mình. Đó là cảnh ngộ một người phụ nữ thông minh, tài hoa, nhưng gặp nhiều bất hạnh trong đời: khao khát một mối tình đẹp, lý tưởng như trong văn chương, nhưng lại rơi vào phận làm lẽ cho hai người mình không thương yêu mấy, và lại đều thua kém mình cả về trí thức lẫn tư cách. Đó là tâm sự của một người chung niên bất mãn: gặp người tình nào cũng cắt tóc thề bồi, rồi cứ thầm hỏi rằng:

"Muôn kiếp biết là duyên có vẹn?" ("Tự thán", tr. 69)

nhưng rồi cuộc tình nào cũng đã kết thúc ở sự chia ly. Bởi bản thân bà là kẻ đắm say (passionate), dám đi tới cùng, "at any price", để đạt tới điều mình ước muốn, cho nên, giá như:

"Được lứa tài tình cho xứng đáng!"

thì chắc hẳn bà đã

"Nghìn non muôn nước cũng tìm theo!"

(trích bài thơ bà họa nguyên vần một bài xướng của "tình-nhi" Tốn Phong, tr. 44).

Chất liệu thơ bà là cuộc sống hàng ngày của con người bình thường, với những ham muốn, những tâm tư, những tình tự rất trần thế. Chất liệu thơ bà còn là những cảnh, vật thiên nhiên: kẽ núi, mom sông, mưa thu, nắng hạ, với những fauna và flora cũng chỉ tục trần thôi, nghĩa là không hề được làm thăng hoa, thánh-hóa hay thần-tiên-hóa. Thế nhưng, dù là trong thế giới con người hay thế giới tự nhiên, tất cả những cảnh và vật đó đều được lồng trong một không khí dồn nén, ức chế của một tình dục chưa thỏa mãn: đó là tâm trạng day dứt (Gs. NNB cho là "bệnh hoạn") của chính bà. Cho nên, dưới ngòi bút của bà, từ một con ốc, một quả mít, khóm rêu, hòn đá, cho tới cái mõ, cái chầy, cái quạt, cái gầu, cái bánh trôi...; từ những công tác lao động như tát nước, dệt cửi, cho tới những hoạt động giải trí như đánh đu, chơi cờ..., thảy đều trở thành phương tiện và cơ hội để bà bộc lộ cái tâm trạng nói trên. Trong một xã hội thấm nhuần tinh thần đạo đức Khổng giáo, giữa một thời mà "Đàn ông chớ kể Phan Trần / Đàn bà chớ kể Thúy-vân, Thúy-kiều" đã là một câu khuyên răn nghiêm khắc được truyền khẩu rộng rãi, thì thơ bà quả là táo bạo thật đấy!

Ở trên tôi có nhắc tới một vài nét trong văn

phong của bà: giọng chanh chua, chát chúa. Các đặc tính này được biểu lộ rõ nhất trong các bài thơ bà quan sát và phê phán tình trạng suy đồi, thối nát của một số tăng lữ thời ấy: những sư hổ mang, vãi rắn rết, trốn việc quan đi ở chùa, ngồi tụng kinh gõ mõ đấy mà cứ "mê mẩn đời," vì đã bị thứ "thần" gì tới ám ảnh. Bà nghĩ rằng cái bọn "đầu trọc lốc / Chẳng phải Ngô, chẳng phải ta" này tu lâu sẽ có ngày lên "sư cụ" (nói lái) để [cái ấy] nó "ngất nghểu trước tòa sen," chứ sẽ chẳng bao giờ tới được cõi Phật, vì bản thân chỉ là một phường "trái gió" (người Bắc phát âm là "chái dó"; ở đây hiểu theo ý nói lái) mà thôi (xem bài "Chế sư", tr. 209, và "Kiếp tu hành", tr. 212).

Về mặt ngôn ngữ, cũng là để đề cao cái dung tục của con người tầm thường "ở đây và bây giờ," bà thường dùng lối nói bình dân đã được kết tinh trong kho tàng ca dao, thành ngữ và tục ngữ của dân tộc ta. Đây là cái mới, cái lạ, nó tách biệt thơ bà với thơ các nữ thi sĩ "cổ điển" khác đồng thời trong văn học sử nước nhà, đã nhắc tới ở đoạn mở đầu.

Ngoài thơ Nôm, mới đây, năm 1964, người ta còn phát hiện được những bài thơ chữ Hán của bà được thâu tập trong một cuốn tên là *Lưu Hương Ký*. Nội cái tên sách này cũng đã chứng tỏ tài dùng chữ của bà.

Chữ Hán 琉香記 có nghĩa là "Những bài ghi nhớ của [HX] Hương [người huyện Quỳnh] Lưu". Nhưng vì "lưu" trong Hán-tự có nhiều chữ đồng âm dị nghĩa (homophones), và một trong các chữ "lưu" này có nghĩa là "còn để lại" [留], nên tên sách cũng có thể dịch là "Ghi nhớ dư hương." Phải chăng ấy là những hương tình còn sót lại ở Cổ Nguyệt Đường, nơi bà đã thường đón tiếp khách tri âm ngày xưa? Chắc là đúng thế, vì nếu không tại sao có mấy câu này trong bài thơ (tr. 50) tiễn đưa một "tình-nhi" khác, tên Mai Sơn Phủ, một "khối tình lớn" sau Tốn Phong:

Nước mắt trên hoa là lối cũ,
Mùi hương trong nệm cả đêm thâu.

Nếu vậy, thì rõ ràng Lưu Hương Ký (dù chỉ gồm mấy chục bài thơ ngắn thôi) đã gói ghém một quan niệm triết học khá mới, đi trước *A la Recherche du temps perdu*, dày mấy ngàn trang, của Marcel Proust cả một thế kỷ: ấy là dùng văn học để đi tìm lại những quãng đời đã mất.

Tập này gồm 24 bài thơ Hán và 26 bài thơ Nôm, do người tình Tốn Phong đề tựa năm 1814. Khác với những bài thơ Nôm của bà phần lớn theo thể thơ Đường luật, nhiều bài chữ Hán của bà lại được sáng tác theo các thể loại khác như phú, từ, hành và điệu ca. Vì các thể loại này cho phép nhà thơ sử dụng các câu ngắn dài xen nhau, cho nên thơ nghe như ca khúc, nhất là thể từ (lời thơ soạn theo các điệu cổ nhạc Trung-hoa có sẵn, như Dương liễu chi, Hậu đình hoa, Chiêu quân oán, vv.). Bài thơ tiễn đưa người tình Mai Sơn Phủ in trong Hồ Xuân Hương: Tác phẩm (tr. 51), là một thể từ, dùng điệu Ức Giang-nam. Đọc lên (cả bản Hán-Việt lẫn bản dịch quốc ngữ của Đào Thái Tôn) với mô hình lặp đi lặp lại nhiều lần chùm câu nhịp lẻ 3+3+7+5 chữ/phách, ta thấy nhịp tiết (rhythm) của bài thơ không khác gì nhịp tiết một khúc nhạc thế kỷ XX của Igor Stravinsky hay Olivier Messiaen, hay ít nhất cũng của Leonard Bernstein (tôi nghĩ tới bản "America!" trong *West Side Story*)!

Nhưng khi đọc lần đầu các sáng tác trong tập Lưu Hương Ký, Hán cũng như Nôm, điều gây ngạc nhiên nhất cho những ai xưa nay đã biết thơ họ Hồ, là cái văn phong thanh tao, tế nhị, nghiêm chỉnh, đoan trang của chúng, khác hẳn với những bài thơ Nôm "táo bạo" đầy hình ảnh gợi tình [erotic] của bà mà họ đã thuộc lòng. Chính đó là lý do khiến người ta nghi vấn về sự "authencity" (tính xác thực) của tập thơ: có phải đích thực là thơ của Hồ nữ-sĩ, hay là một tác phẩm ngụy tạo? Tại sao lại có thể có hai "hơi thơ" khác nhau dường ấy, một "thanh" một "tục," một "trời" một "vực," trong cùng một con người?

Thế nhưng chính đó cũng là lý do mà những "fans" của chủ nhân Cổ Nguyệt Đường phải tri ân Gs. Nguyễn Ngọc Bích đã mất nhiều năm, tốn nhiều công tìm kiếm, tra khảo để khẳng định nguồn gốc tác giả của tập thơ. Sau đó ông còn làm cái công việc bạc bẽo là biên dịch và chú giải một số sáng tác trong tập đó (cùng những bài thơ nôm quen biết của nàng) để hôm nay đem cống hiến cho chúng ta những hạt châu của một thiên tài văn học Việt-nam. Đó là những hạt châu được tạo thành từ một tâm thức đau khổ của một kiếp hồng nhan.●

Minneapolis-St. Paul, MN
4 tháng 5, 2000

* *Hồ Xuân Hương, Tác Phẩm*, Nguyễn Ngọc Bích biên soạn, Tổ hợp xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản, 273 trang, giá US$20.00 (ở xa thêm $2.00 cước phí). Liên lạc: Cành Nam Publishers, 2607 Military Road, Arlington VA 22207, USA. Tel: (703) 525-4538.

QUẬN CAM

Hội Ái Hữu Gò Công tổ chức Giải cổ nhạc

** Nhiều nghệ sĩ, soạn giả cải lương có mặt*

Lần đầu tiên một giải cổ nhạc miền Nam được tổ chức khá qui mô tại miền Nam California quy tụ nhiều nghệ sĩ tài danh của sân khấu miền Nam Việt Nam trước 1975 về họp mặt trong đêm chung kết và phát giải tại nhà hàng Paracel, ngày 1 tháng Năm 2000 với gần 500 khán giả tham dự do Hội Ái Hữu Gò Công và Công Ty Thực Phẩm Tây Hồ tổ chức.

Sau các vòng sơ kết và tứ kết được tổ chức trong tháng Tư vừa qua với khoảng 30 thí sinh tham dự, cuộc thi chung kết hôm nay có kết quả như sau: Giải nhất, Cao Minh Hùng, với bản Tình Anh Lính Chiến ($700.00); giải nhì, cô Thạch Như Hằng với bản Công Ơn Nuôi Dưỡng ($600.00) và giải ba về cô Phùng Thị Minh Loan, bản Lá Trầu Xanh ($500.00). Các thí sinh được giải an ủi là Thạch Nguyên Thanh, Bùi Thị Diễm Thúy và Nguyễn Thị Ngọc Vàng (hiện kim và quà tặng).

Ban giám khảo gồm có các nghệ sĩ Thành Được, Dũng Thanh Lâm, Phượng Liên, Hương Huyền, soạn giả Yên Lang, nhà văn Ngành Mai...

Theo lời ông Nguyễn Minh Chiêu, Hội trưởng Hội Ái Hữu Gò Công và cũng là Chủ tịch Công Ty Thực Phẩm Tây Hồ trong phần mở đầu, cổ nhạc miền Nam ở hải ngoại cũng như nền sân khấu cải lương có vẻ đang chìm dần trong quên lãng. Ông cùng với một số thân hữu cố gắng phục hồi lại nền cổ nhạc miền Nam và đi tìm những tài năng mới để thay thế cho các bậc đàn anh đàn chị đang từng bước đi vào tuổi cao niên. Ông Chiêu hy vọng kỳ thi cổ nhạc này sẽ mở đầu cho những hoạt động khác trong tương lai.

Nghệ sĩ Thành Được bày tỏ sự cảm động nhìn thấy các lớp trẻ vẫn còn tha thiết và yêu mến bộ môn cổ nhạc miền Nam và ông cũng hy vọng sân khấu cải lương sẽ được hồi sinh. Các nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm, Phượng Liên, Hương Huyền và Thành Được đã lên sân khấu hát cho khán giả nghe những trích đoạn và được hoan nghênh nhiệt liệt. Nhiều ý kiến cho rằng bảo vệ nền cổ nhạc miền Nam cũng là một cách giữ gìn cái căn cước văn hóa của người Việt tị nạn.

Nhà văn Nghiêm Xuân Hồng qua đời

Luật sư Nghiêm Xuân Hồng, cựu bộ trưởng, cũng là một nhà văn, nhà nghiên cứu tôn giáo, đã qua đời ngày 7 tháng Năm 2000 tại tư gia ở Westminster, Nam California, hưởng thọ 80 tuổi.

Ông sinh trưởng tại Hà Đông, Bắc Việt năm 1920, đậu luật năm 1945 nhưng không hành nghề luật, di cư vào Nam năm 1954, là tác giả nhiều tác phẩm như *Đi tìm một căn bản tư tưởng, Luyến ái quan, Sự phát triển của các đảng phái chính trị, Từ binh pháp Tôn Nghô đến chiến lược nguyên tử* và vở kịch *Người viễn khách thứ mười*... Một trong những tác phẩm cuối cùng của luật sư Nghiêm Xuân Hồng là *Ma chướng trong đường tu* (viết về bộ kinh Lăng Nghiêm). Với pháp danh Tịnh Liên, về cuối đời ông trở thành một nhà nghiên cứu Phật giáo, đã dành nhiều thì giờ để giảng dạy về kinh Phật tại chùa Liên Hoa, Garden Grove.

Lễ hỏa táng thân xác ông đã cử hành vào ngày 12-5-2000 tại nhà quàn Peek Family, thành phố Westminster.

Ra mắt tác phẩm Giữa Hai Miền Mưa Nắng

Gần 300 văn nghệ sĩ và khách yêu văn chương đã dự buổi ra mắt tác phẩm thứ hai của nhà văn Hoàng Mai Đạt: Giữa Hai Miền Mưa Nắng tại Hội Quán mới khai trương của đài phát thanh Little Saigon Radio vào chiều ngày Mồng 6 tháng Năm năm 2000.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho rằng tác giả là lớp người nối liền thế hệ di dân thứ nhất (lớp già) và thế hệ thứ hai sinh ra hoặc đến Hoa Kỳ khi còn rất nhỏ. Nhận xét về cuốn sách, ông cho biết trong phần thứ nhất, tác giả nói về cuộc sống của mình ở tại Hoa kỳ bằng một giọng bình thường, không lên gân nhưng với rất nhiều tình cảm; phần hai nói về những xúc cảm của ông khi trở về Việt Nam, sau hơn 20 năm xa xứ. Và chính phần này đã bộc lộ giá trị tư tưởng và nghệ thuật diễn đạt của tác giả.

Ông Phạm Phú Minh, chủ nhiệm *Thế Kỷ 21*

so sánh hai cuốn sách ra đời cùng một thời điểm, có nhiều điểm tương đồng: GHMMN của Hoàng Mai Đạt với Mùi Hương Quế của Dương Như Nguyện. Hai nhà văn, một nam một nữ, cùng thế hệ, cùng có những băn khoăn do đặc tính di dân của mình mang lại: lớp người lưng chừng, mang dấu tích của cả hai nền văn hóa.

Giáo sư Bùi Vĩnh Phúc cho biết ông đã đọc Hoàng Mai Đạt từ 15 năm trước đây, tác giả tuy tốt nghiệp ngành điện ảnh nhưng viết tạp ghi rất xuất sắc, cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt.

Nhà văn Hoàng Mai Đạt được thính giả biết nhiều qua phần biên tập tin tức hằng ngày trên làn sóng điện, trong dịp ra mắt sách này nhiều người mới có dịp nhìn tận mặt người đã chọn nhiều tin "hấp dẫn" đủ mọi thể loại cống hiến cho họ.

Nhạc sĩ Thu Hồ qua đời

Nhạc sĩ Thu Hồ, 82 tuổi, đã qua đời vào ngày 19-5-2000 tại Little Saigon, Nam California. Ông người tỉnh Thừa Thiên, có khiếu về âm nhạc và thơ từ thuở niên thiếu, và đã vào Nam sinh sống từ năm 18 tuổi.

Ông sáng tác bản nhạc đầu tay "Quê Mẹ" năm 1943. Thập niên 50, ông được mời cộng tác với đài phát thanh Pháp Á, từ đó giọng ca và tên tuổi Thu Hồ được cả nước biết đến. Ông đã viết nhiều nhạc phẩm: *Sầu ly biệt, Tiếng sáo chiều quê, Tìm cả rừng chiều, Khúc ca Đồng Tháp*...

Ngoài tài năng của một nhạc sĩ và ca sĩ, Thu Hồ còn là tài tử điện ảnh, kịch sĩ và là người viết kịch bản. Trước kia ban kịch Thẩm Thúy Hằng thường diễn các vở kịch do ông viết.

Lễ an táng của ông được cử hành tại Vườn Vĩnh Cửu, nghĩa trang Westminster, ngày 27-5-2000.

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ trình diện Ban chấp hành mới

Cùng với buổi khai mạc phòng tranh của hai họa sĩ hội viên Suzie Vương và Huỳnh Thượng Chí, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (Vietnamese American Arts & Letters Association, viết tắt VAALA) đã mở một cuộc tiếp tân để giới thiệu thành phần Ban chấp hành mới. Đây cũng là tín hiệu về một giai đoạn hoạt động trở lại của Hội sau một thời gian im tiếng. Khoảng hơn ba trăm người đã đến phòng Sinh hoạt của báo Người Việt, Westminster, Nam California buổi trưa ngày 21 tháng Năm, 2000, xem tranh, dùng bữa ăn nhẹ, đồng thời thăm hỏi và đóng góp ý kiến cho hoạt động sắp đến của Hội.

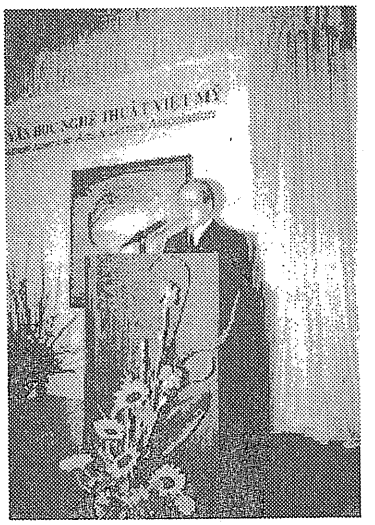

Chủ tịch Hoàng Ngọc Tuệ đang đọc diễn văn.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu đã nói lý do Hội tạm gián đoạn hoạt động trong thời gian qua: VAALA đã mất một cột trụ quan trọng khi nhà báo Lê Đình Điểu qua đời. Nay thì Hội tiếp tục tổ chức các sinh hoạt với một thành phần mới trong Hội Đồng Quản Trị cũng như trong Ban Chấp Hành.

Dược Sĩ Hoàng Ngọc Tuệ, tân Hội trưởng, nói đến những sinh hoạt sắp tới để phát huy nền văn học nghệ thuật Việt Nam tại hải ngoại, đồng thời tìm tòi và giới thiệu đến những tài năng trẻ dòng sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam và Hoa Kỳ.

Ban Quản Trị mới gồm có:

Chủ Tịch Hoàng Ngọc Tuệ, Phó Chủ Tịch Đỗ Quý Toàn, Tổng Thư Ký Lê Đình Y Sa, Ủy viên Tài chánh Phan Mỹ Sương.

Ban Giám đốc gồm có các ông Huỳnh Thượng Chí, Lê Khắc Lý, Phạm Phú Minh và hoạ sĩ Suzie Vương. Giám Đốc điều hành: nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu. Thủ quỹ: Phạm Phú Minh.

Ủy viên các bộ môn:

Văn học: Phạm Xuân Đài; *Nghệ thuật trình diễn*: Nguyễn Vương Hương, Trần Thế Quang; *Nghệ thuật tạo hình*: Huỳnh Thượng Chí, Suzie Vương; *Thanh niên*: Lê Cẩm Thanh và Mai Ngọc.

Các Chi hội trưởng VAALA tại địa phương: Nguyễn Văn Cường tại Oklahoma; Ái Khanh tại Florida; Ngô Thanh Tùng tại San Jose.

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ là một hội văn-hóa-vô-vị-lợi nhằm mục đích giới thiệu những sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt

Nam và Hoa Kỳ đến với giới thưởng ngoạn. Hội đã tổ chức hàng trăm buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật: giới thiệu sách báo, băng, đĩa nhạc, tổ chức hội thảo về văn học nghệ thuật, trình diễn âm nhạc, mở lớp dạy hội họa, âm nhạc v.v... Trong quá khứ Hội đã tạo được những ấn tượng tốt đẹp, và hy vọng sẽ mang lại một sinh khí mới trong thời gian tới.

Kịch Đoàn Hải Ngoại giới thiệu Video vở kịch Trà Hoa Nữ

** Kịch Đoàn Hải Ngoại được Hollywood mời cộng tác.*

Tại vũ trường Majestic vào đêm thứ Bẩy 20 tháng Năm năm 2000 với sự tham dự của khoảng 400 văn nghệ sĩ, thân hữu và khán giả mến mộ, Kịch đoàn Hải ngoại đã tổ chức một tối sinh hoạt đặc biệt để giới thiệu cuốn Video kịch Trà Hoa Nữ.

Đạo diễn Quốc Thái đã lên sân khấu cảm tạ sự hiện diện và đóng góp của những anh chị em nghệ sĩ, mạnh thường quân và sự hưởng ứng nồng nhiệt của khán giả đã làm cho Kịch Đoàn Hải Ngoại vững bước trên con đường phụng sự nghệ thuật.

Nữ tài tử Mai Phương, nhân vật chính trong vở Trà Hoa Nữ, cũng là người phóng tác tiểu thuyết này của Alexandre Dumas fils và góp phần lớn trong việc dàn dựng vở kịch, đã ngỏ lời cảm tạ những nghệ sĩ đóng góp trong việc thực hiện vở kịch này.

Khán giả cũng đã được xem một số trích đoạn của cuốn video Thiên Tình Sử Trà Hoa Nữ với sự đóng góp của các nghệ sĩ thuộc nhiều thế hệ: Mai Phương, Trần Hùng, Carol Kim, Hương Huyền, Mai Lan, Tuấn Hùng, Thu Ba, Ngọc Nuôi, Bảo Hiền, Lê Tín, Ngọc Phu, Vũ Thái Bình, Tuý Thanh, Michael Minh, Đoàn Danh cùng với một số nghệ sĩ trong làng tân nhạc. Một số nghệ sĩ có mặt trong cuốn video Trà Hoa Nữ đã lên sân khấu ra mắt khán giả.

Chương trình văn nghệ thật sống động với cặp sóng thần trên sàn nhẩy Quốc Dương và Thùy Vân cùng với sự góp mặt đặc biệt của của ban The Little Entertaiment Dancers. Chương trình văn nghệ đặc biệt với các ca sĩ Thanh Lan, Thái Hiền, Tuấn Ngọc, Quang Bình & Trang Thanh Lan....cùng với các MC Nam Lộc và Nguyễn Ngọc Ngạn.

Đến phút cuối cùng của đêm văn nghệ ra mắt Trà Hoa Nữ, MC Phạm Long mới tiết lộ việc Kịch Đoàn Hải Ngoại đã được giới điện ảnh Hollywood Hoa Kỳ chú ý và đang đề nghị hợp tác để làm phim theo một tác phẩm của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn.

Hơn 25 ngàn khán giả VN tham dự nhạc hội gây quỹ xây tượng đài

Hơn 25 ngàn người thuộc cộng đồng Việt Nam cùng với khoảng 150 nghệ sĩ lần đầu tiên biểu dương khí thế và đóng góp mạnh mẽ trong một công cuộc chung là quyết tâm xây dựng một tượng đài Việt Mỹ nhằm tạ ơn chiến sĩ Việt Mỹ đã hy sinh vì lý tưởng Tự Do. Nhiều đợt khán giả chấp nhận nắng cháy da vào giữa trưa và lạnh lẽo vào buổi chiều tối, trong suốt ngày Chủ Nhật 21 tháng Năm, 2000, tại khu đất bên cạnh Civic Center của thành phố Westminster để theo dõi một chương trình nhạc ngoài trời thật phong phú.

Đại Nhạc Hội này do Tổng Hội Sinh Viên Miền Nam California chủ trì, phối hợp tổ chức cùng với rất nhiều đoàn thể tại miền Nam California. Tất cả các nghệ sĩ sau khi lên sân khấu hát đã mang thùng tiền đi đến từng khán giả để xin tiền và kết quả được công bố từng giờ.

Chưa từng có một lực lượng nghệ sĩ hùng hậu như thế: Ý Lan, Tuấn Ngọc, Thái Thảo, Ninh Cát Loan Châu, Ngọc Minh, Khánh Hoàng, Mai Phương, Quốc Thái, Lan Anh, Ngọc Minh, Phương Hồng Quế... rất nhiều các ban nhạc như Chí Tài, Moonflower và một loạt rất nhiều các MC nổi tiếng như Việt Dzũng, Minh Phượng, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Cao Kỳ Duyên, Việt Thảo, Hồng Vân, Vy Lan..., với sự điều hợp tổng quát của Nam Lộc, Tùng Giang, Tony Hoài, Diễm Phúc...

Trong số nhiều tiết mục văn nghệ có những tiết mục thật đặc biệt như lần đầu tiên nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, một MC thường trực của các chương trình Paris By Night đã hát trước hai chục ngàn khán giả. ông đã hát bản Em Đi với một giọng khá trầm ấm và được khán giả hoan nhênh nhiệt liệt.

Hai ca sĩ trẻ Huy Phong và Huy Phát, đến từ San José đã hát một bản nhạc Rap gây xúc động mãnh liệt nơi khán giả. Đó bản "25 Năm, Tôi Là Ai" bằng cả hai lời Việt Mỹ. "*... 25 năm xa xứ trôi qua, khi nhìn lại tôi, tôi không biết tôi là ai. Tôi là Việt hay tôi là Mỹ. Tại sao tôi lại ở nơi nầy...* Khán giả đã vỗ tay nhiệt kiệt hoan hô hai ca sĩ trẻ, đã cùng với em giơ tay nhìn nhận mình là nguồn gốc Việt Nam và kết án chế độ độc ác của Cộng sản.

Liên Hội Cựu Chiến Sĩ, hội Thủy Quân Lục Chiến cũng đóng góp một hoạt cảnh hành quân của một đơn vị chiến đấu VNCH. Trước đó ông Nguyễn Phú Cường đại diện đơn vị 101 và các bạn trong Liên Hội Cựu Chiến Sĩ tự nguyện đóng góp gần 9,000 đô la. Theo ông cần phải tìm một vị trí xứng đáng để xây dựng tượng đài để nhiều người có thể dễ dàng đến tưởng niệm.

Cho đến gần bảy giờ tối, số khán giả vẫn tiếp tục đổ về địa điểm trình diễn. Một số nghệ sĩ vì bận đi xa cũng đóng góp bằng cách tặng CD, băng video cho ban tổ chức bán xung vào quỹ xây dựng tượng đài. Theo ban tổ chức cho biết, tổng số tiền thu được, trên 100,000 USD, do sự đóng góp tự nguyện của đồng bào trong đại nhạc hội này, sẽ để trong quỹ sinh viên và sẽ sử dụng trong việc xây dựng tượng đài với sự đồng ý của Cộng Đồng.

Qua đại nhạc hội Tạ Ơn Chiến Sĩ kể trên, Cộng Đồng Việt Nam đã biểu lộ quyết tâm xây dựng một tượng đài Việt Mỹ tại vùng Little Saigon với một khí thế và đóng góp chưa từng xẩy ra trước đây.

Nhà xuất bản Tân Văn (Nhật Bản) giới thiệu tác phẩm mới

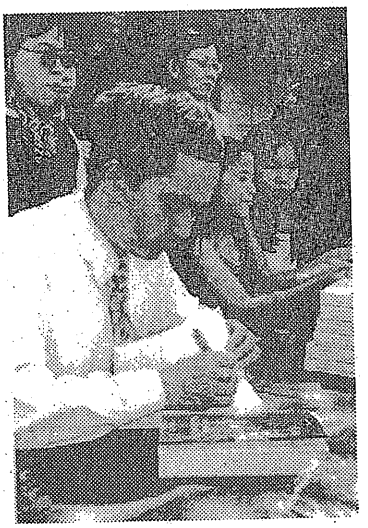

Đỗ Thông Minh ký sách

Các tác phẩm mới của bốn tác giả Việt Nam từ bốn xứ khác nhau của quả địa cầu đã cùng nhau họp mặt, trong một buổi chiều mùa xuân ấm áp tại Miền Nam Cali trong hội quán xinh xắn mới khai trương của đài Little Saigon Radio (LSR), với sự hiện diện hơn một trăm văn nghệ sĩ và khán thính giả vào chiều ngày Chủ Nhật Mồng 7 tháng Năm 2000.

Học giả Đỗ Thông Minh, chủ trương nhà xuất bản Tân Văn, Đông Kinh, Nhật Bản, đã giới thiệu những tác phẩm mới*Chân Dung Những Tiếng Hát* của Hồ Trường An, *Bóng Người Dưới Trăng* của Nguyễn Ngọc Ngạn, *Nước Nga Dưới Mắt Người Việt* của Lan Hương và *Vòng Quanh Thế Giới,* và *Nhật Bản Dưới Mắt Người Việt* của chính ông Đỗ Thông Minh.

Ông Đỗ Thông Minh từ Nhật qua, đã phối hợp với đài phát thanh Little Saigon qua sự điều hợp của MC Phạm Long, để các tác giả tuy không hiện diện tại phòng ra mắt sách nhưng đã có thể nói chuyện "live" với với mọi người tại Hội Quán LSR. Đây là một sáng kiến mang đến cho khán thính giả nhiều thích thú, vì họ được dự cuộc hội thoại qua đường giây viễn liên với cô Lan Hương ở Nga, với Hồ Trường An ở Pháp và với Nguyễn Ngọc Ngạn ở Canada. Chính nhờ lối hội thoại trực tiếp này mà tuy nghìn trùng xa cách, người tham dự ra mắt sách vẫn cảm thấy gần gũi và hiểu các tác giả hơn.

Nữ tác giả Lan Hương, tốt nghiệp về bang giao quốc tế tại Nga, hiện là thông tín viên tại Nga của đài LSR và của đài RFI, là nhịp cầu nối liền cộng đồng người Việt ở Nga với các nơi khác trên thế giới. Với tác phẩm này Lan Hương càng tô đậm vai trò giới thiệu văn hóa nơi mình sinh sống với người Việt khắp nơi.

Nhà văn Hồ Trường An từ thành phố Troyes, Pháp qua đường giây hội thoại đã nói đến tác phẩm *Chân Dung Những Tiếng Hát* xuất bản trong dịp này là một trong ba cuốn có thể dầy cả ngàn trang viết về những nghệ sĩ Việt Nam trải qua nhiều thế hệ.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, từ Toronto, Canada, nói lý do ông thử chuyển hướng từ những tiểu thuyết xã hội qua... chuyện ma. *Bóng người dưới trăng* gồm 30 truyện, là cuốn đầu tiên trong thể loại mới này.

Giáo sư Trần Đức Thanh Phong giới thiệu tác phẩm *Nhật Bản Dưới Mắt Người Việt* của học giả Đỗ Thông Minh, kể chuyện một du học sinh Việt Nam sang Nhật rồi biến cố 1975 làm bị kẹt lại bên Nhật và đã tìm cách vươn lên. Trong khi đó cuốn *Vòng Quanh Thế Giới* do nhiều người soạn cùng với ông Đỗ Thông Minh là cuốn chỉ nam cần thiết cho người Việt Nam muốn đi du lịch. Ông đã soạn khá nhiều tự điển Hán Văn, Chữ Nôm, Nhật Ngữ và Việt ngữ. Ông cũng rất có lòng với văn hóa Việt Nam đã cố công lập nhà xuất bản Tân Văn tại Đông Kinh, Nhật Bản từ năm 1986 trong hệ thống Mékong Center hầu phát huy nền văn hóa và học thuật không những cho Việt kiều tại Nhật mà còn cho cả người Việt ở khắp nơi trên thế giới.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Rừng Phong, Thu Đã...

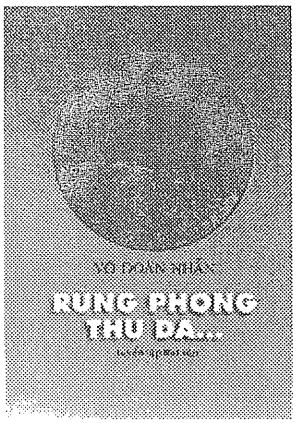

tuyển tập thơ văn của Võ Doãn Nhẫn, tác giả xuất bản, 264 trang, không ghi giá bán. Liên lạc với tác giả: điện thoại (619) 449-0324.

Võ Doãn Nhẫn là một giáo sư dạy triết bậc trung học trước năm 1975. Các bài văn và thơ tập hợp thành cuốn này đều được viết sau năm ấy, tác giả nói vì thế nên viết trong một tâm trạng không vui, và đó là lý do sách có tên *Rừng Phong, Thu Đã...* Một câu Kiều được trích lơ lửng (giống như *Nửa Chừng Xuân* của Khái Hưng) có lẽ để nói về mọi chuyện ở trong một giai đoạn mới, đất nước đã được nhuộm một màu khác như lá cây rừng mùa thu; phần khác về chính mình thì tác giả cũng đã vào khoảng hơi hơi xế chiều của cuộc đời...

Tác giả viết nhiều thể loại, truyện ngắn, tùy bút, tiểu luận, phiếm luận, và làm thơ. Văn của ông, tùy thể loại đều chứa đựng, với những liều lượng nặng nhẹ khác nhau, những suy nghĩ triết học. Về truyện ngắn, ông hay viết về quê hương, gia đình pha trộn ký ức thời thơ ấu và hiện tại, đem lại những hình ảnh có giá trị cổ điển của từng thời. Kỷ niệm học đường của ông, từ thời còn nhỏ dại hoặc khi đã lớn, là những mảng quá khứ có giá trị về mặt gây xúc cảm cũng như lưu giữ một chút vang bóng cho ngày sau. Nhưng ông đặc biệt thành công với loại truyện không cần chuyện mà chỉ dùng như một cái khung để chuyên chở một chủ đề. Các vấn đề và biện luận ông đưa ra thường là độc đáo, được chuyên tâm suy nghĩ sâu, biến loại truyện này thành một loại đặc sắc của riêng ông. *Về một cái chết* chẳng hạn, là một truyện rất hay, chỉ dùng đối thoại của vài nhân vật làm phương tiện, và dựa trên tri thức triết học, ông luận về việc Từ Hải chết đứng, với một cái nhìn hoàn toàn mới mẻ và thuyết phục. *Trái táo* cũng là một truyện loại như thế kết hợp truyền thuyết ông Adam và Eva trong kinh thánh với chuyện Kiều và Từ Hải của Nguyễn Du để đi đến luận điểm: phụ nữ không yêu đàn ông, họ chỉ *cần* đàn ông thôi. Những truyện và bài tiểu luận chuyên chở một ý tưởng triết lý kiểu như vậy của Võ Doãn Nhẫn đã mang lại một luồng ánh sáng khác lạ trong việc luận giải văn chương mà phần lớn chúng ta chỉ quen đi trên những lối mòn do người trước để lại. Suy nghĩ và sáng tạo trên những lối đã mòn là một điều khó. Triết lý là sự đi tìm hiểu ý nghĩa rốt ráo của sự vật, những gì do các triết gia viết ra thì thường khó hiểu đọc rất nhức đầu, nhưng triết lý dưới dạng văn học thì thường đem lại sự thâm trầm thỏa mãn cho người đọc: người ta tìm thấy nhiều ý nghĩa sâu xa từ những chuyện bình thường trong đời sống.

Xen kẽ các bài văn là những bài thơ của ông, mang lại sự chao lượn bay bổng lên trên cái nền rậm rạp của tản văn. Với người yêu thơ, chúng vừa làm nhiệm vụ của những bức minh họa cho cuốn sách, vừa lộ cho thấy một khía cạnh khác của tâm hồn và khả năng tác giả.

Ăn Trưa, Nghe Kể Chuyện Tình

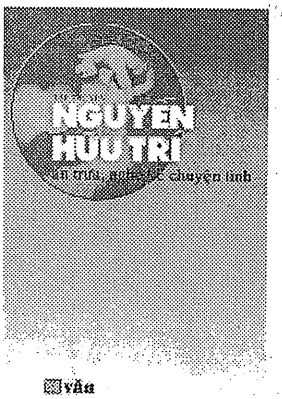

tập truyện của **Nguyễn Hữu Trí**, Văn xuất bản, 167 trang, giá US$9.00, ngoài nước Mỹ $11.00. Liên lạc: Văn, P.O. Box 611626, San Jose CA 95161, USA. Tel: (408) 263-5283.

Ăn Trưa, Nghe Kể Chuyện Tình là tên một truyện trong sách, nhưng giá không có một truyện có tên như thế thì nhan đề ấy vẫn có thể dùng cho cả cuốn truyện. Nói chung là chuyện tình được kể lại. Tất cả đều là chuyện yêu đương

của người phụ nữ, nhưng từ nhiều tâm trạng và bối cảnh rất khác nhau, đến độ người đọc phải ngạc nhiên tự hỏi sao tác giả có thể trải qua kinh nghiệm đa dạng, hoặc tưởng tượng nhiều chuyện phong phú đến như vậy. Nhân vật có thể là một cô gái lai mới đến xứ Mỹ vài ba năm trải qua tâm trạng nhớ và hờn giận người yêu trong một cuối tuần; một người đàn bà ở Hà Nội có người chồng du học ở Nga, vẫn trông ngóng thương yêu mà không hề biết chồng đang phản bội mình; rồi một chuyện tình ly kỳ của "người đàn bà mù ở Bắc Kinh"... Phần nhiều chuyện nào cũng "rắc rối" nhiều tình tiết éo le, với một kết thúc khá bất ngờ, nhưng những gì còn đọng lại trong lòng người đọc không phải là sự quyến rũ bởi cái ly kỳ, mà là nỗi đau. Say đắm, hoan lạc, chung thủy trong tình yêu hầu như chỉ để chuẩn bị cho một gãy đổ, và cái bóng cay đắng của nó luôn luôn phủ lên phần cuối những câu chuyện tình ở đây. Chủ ý của tác giả hình như là: xin các bạn hãy nếm vị cay đắng ấy, đó là điều bắt buộc, không nếm qua thì không biết được ý nghĩa đích thực của tình yêu và của cuộc đời.

Một vài truyện không thuộc chủ đề tình yêu, khá độc đáo. Truyện Ba Tôi chẳng hạn, nói về sự hiện diện của linh hồn sau khi chết. Người cha hiện hồn về trò chuyện với đứa con gái nhỏ của mình, cho đến một hôm bỗng mới *nhận thức ra là mình đã chết,* và phải quyết định chết thêm một lần để đi xa hẳn, khỏi "về" nữa. Hồn người chết phải giác ngộ ra khỏi quán tính u mê của kiếp sống thì mới gọi là siêu thoát được. Rõ ràng là "chuyện ma" nhưng tác giả viết rất dung dị, trong sáng, chứng minh được một nhận thức của mình về đời sống tâm linh.

Mấy Nẻo Đường Của Nghệ Thuật Và Chữ Nghĩa

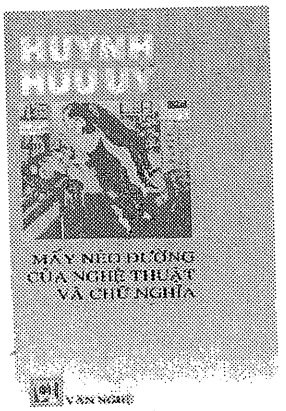

tiểu luận của **Huỳnh Hữu Ủy**, Văn Nghệ xuất bản, 279 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ $15.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA. Tel: (714) 934-8574.

"Nghệ thuật" ở đây hiểu là hội họa và điêu khắc; "chữ nghĩa" là văn chương. Còn gọi là "mấy nẻo đường" vì mỗi bài đề cập đến hoặc một họa sĩ hoặc một nhà văn nhà thơ, và những người được chọn đều có tính cách độc đáo riêng, là một nẻo đường riêng biệt.

Viết về những người làm nghệ thuật, hay đúng hơn về những tác phẩm nghệ thuật của họ, trước hết người viết cần là một người sành nghệ thuật, kế đó phải biết diễn đạt các nhận định của mình một cách nghệ thuật. Đọc Huỳnh Hữu Ủy người ta không nghi ngờ gì về sự chín muồi của tác giả trong lãnh vực mà ông đang đề cập. Khi thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật, ông như con tằm ăn lá dâu. Khi viết về tác phẩm và tác giả ấy, ông như con tằm đang nhả ra tơ. Sợi tơ óng ánh chính nó là tác phẩm nghệ thuật. Những gì Huỳnh Hữu Ủy viết ra tự nó đã có vẻ đẹp riêng. Dùng một vẻ đẹp để tả một vẻ đẹp, đó là cách giúp sự thưởng thức của người đọc một cách hữu hiệu nhất. Làm sao đem lại cho độc giả hình ảnh thật về tác phong và văn thơ của Bùi Giáng, của Nguyễn Đức Sơn, làm sao vẽ lại bằng chữ nghĩa nét họa muôn màu muôn vẻ của Nghiêu Đề, Đinh Cường, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Picasso, Chagall, Hàn Cán, Itô Shinsui...? Tùy phẩm chất của sợi tơ nhả ra mà những hình ảnh ấy đến với người đọc trung thực tới mức độ nào.

Với nghệ thuật, Huỳnh Hữu Ủy là người vừa nhạy cảm vừa có vốn hiểu biết phong phú. Những nhận định của ông thường khá sâu sắc, và được viết ra, tuy gọi là tiểu luận, nhưng nhiều nơi văn ông như tùy bút, diễn đạt các đặc tính văn chương hay tạo hình một cách thơ mộng, lung linh, chẳng khác nào đó chính là hình ảnh phản chiếu những cái đẹp mà ông đang đề cập đến. Đi trên "những nẻo đường" của ông, người ta như đồng hành với từng con người văn nghệ với hành trang của họ, và ở cuối đường, cảm thấy kiến thức cũng như sự cảm nhận nghệ thuật của mình phong phú lên nhiều.

Thượng Đế, Thiên Nhiên, Người, Tôi & Ta

biên khảo của **Cao Huy Thuần**, Trung tâm Văn hóa Khuông Việt xuất bản, 150 trang, giá US$12.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Một cuốn sách mỏng, nhưng rất nặng ký. Có lẽ là một trong những cuốn sách đáng đọc nhất trong rừng sách Việt Nam hiện tại. Gồm sáu bài, nguyên là các bài giảng, in thành sách

có thể xem là những bài biên khảo, về triết lý luật và tư tưởng Phật giáo. Tác giả là một người có thẩm quyền để nói về luật, vì là giáo sư luật tại trường đại học Amiens, Pháp quốc, và cũng là người sống theo truyền thống và nghiên cứu sâu rộng Phật giáo.

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta luôn luôn sống gần luật lệ, nhưng không mấy khi được hiểu căn nguyên về môn này, tức là triết lý của luật. Tác giả với cái uyên bác đại học, đã tóm lược lịch sử phát sinh ra luật trong thế giới Tây phương từ thượng cổ cho tới ngày nay. Làm việc đó cũng có nghĩa là trình bày tư tưởng căn bản liên quan đến sự thành hình luật lệ của các triết gia Hy Lạp cổ đại như Platon, Aristote, đến Do Thái giáo, Công giáo; thời trung cổ với St Thomas tổng hợp văn hóa Hy Lạp, La Tinh và văn hóa Ki Tô đồng thời liên kết được đức tin với lý trí; qua Descartes, Spinoza, Leibniz của thời Phục Hưng với cuộc cách mạng tư tưởng *ý chí, Tự do, Lý trí*; đến thời cận và hiện đại với ảnh hưởng của tư tưởng Ki tô giáo, cá nhân chủ nghĩa được đề cao tuyệt đối... Chương thứ năm là chương rất đáng chú ý, vì đề cập đến một trào lưu tư tưởng rất mới; nếu cho đến gần đây Tây phương chỉ nói đến quyền của con người thì bây giờ, *quyền của thiên nhiên* được đưa vào triết lý luật. Trong quá khứ, thiên nhiên được coi như nguồn của cải cho con người khai thác, còn *Deep Ecology* của ngày nay cho rằng tất cả mọi hình thức sống đều có một giá trị nội tại, thiên nhiên là điều kiện cần thiết của mọi sự sinh tồn, người cũng như thú. Các tác giả như Stone, Leopold, Routley, Godfrey-Smith... kêu gọi xem thiên nhiên như chủ thể của luật pháp, từ đó có một cái nhìn tổng thể về con người, về sự sống, về thiên nhiên, để đi đến một đạo đức mới.

Thật ra điều gọi là mới ấy đối với Phật giáo không mới, vì đó vẫn là chủ trương căn bản của đạo Phật từ nghìn xưa: hết thảy chúng sinh đều có Phật tính. Khái niệm chúng sinh trong Phật giáo rất rộng, con người cũng chỉ là một chúng sinh. Tác giả đã dẫn chúng ta đi qua hơn hai mươi thế kỷ tư tưởng Tây Phương để cho thấy bây giờ Tây phương bắt đầu nhìn thấy những vấn đề trong căn bản tư tưởng Phật giáo.

Cuốn sách nói toàn tư tưởng của các triết gia, nhưng đừng thấy thế mà ngại. Tác giả có tài tóm lược một cách ngắn gọn, sáng sủa và đôi chút dí dỏm nữa, những chuyện rất khó tiêu. Ở trên đã gọi đây là một cuốn sách nặng ký. Nặng ký chứ không nặng nề. Trái lại, khi đọc những vấn đề khó mà được trình bày thành dễ, thì có khi lại thấy nhẹ nhõm. Nhất là khi đến đoạn Deep Ecology gặp tư tưởng Phật giáo thì người đọc có thể thở phào như đọc một thiên truyện có hậu. Trái đất và con người đầy thương tích ngày nay rồi có sẽ được chữa lành bằng tư tưởng mới nhưng thật ra rất cũ này chăng?

Tình Tự Dân Tộc

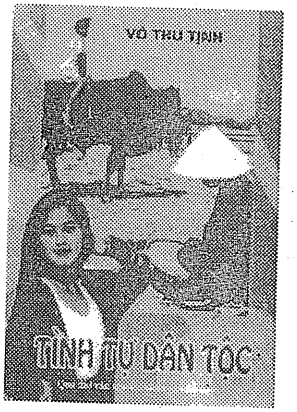

biên khảo của **Võ Thu Tịnh**, Xuân Thu xuất bản, 362 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Xuân Thu, P.O. Box 97 Los Alamitos, CA 90720, USA. Tel: (714) 828-9222.

Tình tự một dân tộc biểu lộ nhiều nhất qua văn chương của dân tộc đó. Mà tình tự thành thật và tươi mát nhất lại phát xuất từ quần chúng dân giã vô danh, qua những tiếng hò, câu hát, truyện kể của họ, làm thành nền văn chương truyền khẩu. Nếu ví văn chương bác học như những cây hoa mọc trong những chậu sứ quý, bày trong các hoa viên sang trọng, thì văn chương "bình dân" hay truyền khẩu như là hoa ngoài đồng nội, rào rạt và mạnh mẽ, có một vẻ đẹp tươi sáng không trau chuốt. Đó chính là vẻ đẹp hồn nhiên của đất nước, và tính chất của nó đại diện cho linh hồn của nhiều thế hệ nối tiếp nhau trên đất nước ấy.

Tác giả Võ Thu Tịnh đã làm bộc lộ được nhiều vẻ đẹp và đặc tính của văn chương truyền khẩu của xứ ta. Theo ông thơ tự nó bộc lộ cái bản thể người làm ra nó, và văn chương truyền khẩu thì lại là *những công trình ứng tác*

bằng ngôn ngữ Việt Nam một cách trực nhiên nhất, từ đó chúng ta có thể *khám phá, tìm hiểu về tình tự của dân tộc Việt Nam thời xưa, tức là nguồn cội của tình tự dân tộc Việt Nam ngày nay và trong muôn thuở.*

Vì sách là tập hợp của nhiều bài viết rời nên không có một cấu trúc chung, mặc dầu tinh thần "tình tự dân tộc" thì vẫn nhất quán. Qua các nghiên cứu ca dao và truyện cổ tích, ta có thể gặp các chủ đề như Duyên nợ và Tình yêu, Tình nghĩa vợ chồng, Ca nhạc trong tình yêu, Nhận thức quan của người Việt, Phật giáo v.v... Tác giả cũng có những bài chuyên biệt, như "Ngôn ngữ ký ức trong thi ca truyền khẩu," hoặc "Những câu thơ vô nghĩa trong thể hứng" mang lại những giảng luận mới mẻ và thú vị về những quy luật cùng cách sử dụng ngôn ngữ của những tác giả vô danh làm nên nền văn chương truyền khẩu. Cũng có một số bài về văn nôm của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến cùng một số đề tài bên ngoài nền văn chương dân gian.

Tác giả là người có nhiều kiến thức văn học nên các bình giảng của ông luôn luôn có những điểm mới và độc đáo, và ông đã lặn lội sâu để có những trích dẫn lạ từ kho tàng văn chương. Nhờ thế đọc một đề tài đã rất nhiều người nói tới rồi mà vẫn thấy hấp dẫn, vẫn có nhiều điều để học hỏi. Và đọc xong, cảm thấy trong lòng dâng lên man mác một mối cảm hoài. Có lẽ đó là mối tình tự dân tộc mà tác giả muốn khơi lên.

Xứ Nắng

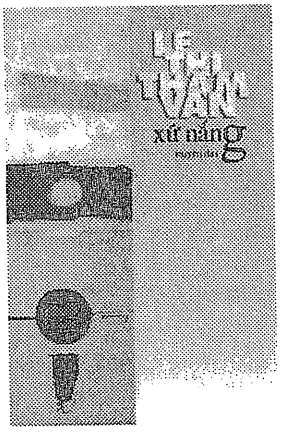

truyện dài của Lê Thị Thấm Vân, Anh Thư xuất bản, 159 trang, giá US$8.00. Liên lạc: P.O. Box 360923 Milpitas CA 95035 USA.

"Truyện" được kể theo một lối riêng biệt, những cảm nhận, ý nghĩ của tác giả trong một chuyến về Việt Nam. *Xứ Nắng* đây là xứ Việt Nam. Bối cảnh của câu chuyện - nếu có thể gọi là chuyện - là Dục Mỹ, nơi cư ngụ gia đình chồng của người đàn bà kể chuyện xưng tôi, một mình từ Mỹ về thăm. Người đọc nghĩ đó là một nhân vật tiểu thuyết cũng được, mà nghĩ là chính tác giả thì chắc cũng chẳng sai.

Các mảnh rời ghi chép về những ngày ở đấy, có khi chỉ là mấy dòng cảm tưởng, có khi là mấy trang kể lại sự việc hoặc của quá khứ, hay của hiện tại thuộc gia đình ấy, điển hình của một hình ảnh không vui trong đời sống Việt Nam. Tác giả không viết truyện theo lối thông thường, với lối sắp xếp chương hồi, bố cục cùng tả tình tả cảnh đối thoại cổ điển; tác giả luôn luôn ghi lại một cách rất mãnh liệt, rất đậm nét những cảm xúc triết học của mình trước từng sự từng việc ở đây. Lối viết cô đọng, mỗi chương có lúc giống như một bài thơ văn xuôi, trở thành một đoản khúc, mà thường một người trầm tư sau khi đắn đo lựa chọn, chắt lọc một ít từ ngữ thích đáng để diễn đạt ý tưởng của mình.

Trong những ngày về thăm gia đình chồng mỗi chạm mặt với một tình huống, với bà mẹ chồng, với những người em chồng trong cái xứ Dục Mỹ hừng hực nắng ấy là mỗi lần tác giả bật ra một phản ứng từ nội tâm. Nếu tác giả là người sống trong nước thì chắc không có những phản ứng thư thế, nhưng đây là một người đàn bà ba mươi tuổi lớn lên trong xứ Mỹ, mỗi một cảnh ngộ gặp phải như một nhát dao chém. Các xúc cảm, nhận xét đều gắt gao hơn bình thường, vì hình như ngoài cảnh ngộ mang nhiều vẻ bi đát của gia đình chồng, tác giả còn phải luôn luôn tự khẳng định vị trí tâm thức của người đàn bà Việt Nam nơi mình. Một cái nhìn tràn đầy nữ tính và triết lý thích hợp và cần thiết trong một tình huống như thế, nhất là nơi đây phải chạm mặt với biết bao cái không vui: nghèo nàn, bệnh tật, đau khổ. Các trang viết như là một quá trình làm phân tâm học cho chính mình, nói ra được để vơi đi...

Cuốn truyện đã xong. Câu chuyện đã kể, đã phơi bày. Tôi như trút bỏ trên vai gánh nặng ngàn cân. (tr. 158)

Lấy chồng ở Mỹ là một chuyện: yêu nhau, đời sống đầy đủ, hạnh phúc; nhưng về thăm nhà chồng tại Việt Nam là một chuyện khác, là đi vào một thế giới nối dài của đời sống vợ chồng ở đây, một thế giới chưa biết. Và cùng lúc khơi lên một vấn đề phức tạp vẫn ẩn dấu: vấn đề căn cước đích thực của người di dân. Thực trạng của một chuyến đi đã một lúc làm đôi ba chuyện, tạo dịp cho một người phơi bày mọi nỗi đau từ ngoại giới đến nội tâm. Để sau đó tác giả cảm thấy: *Bước chân tôi đi nhẹ nhõm hơn.*

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights),* CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

Ý NGUYỆN CỦA CỐ GIÁO SƯ LÊ BÁ KÔNG LÀ TIẾP TỤC XUẤT BẢN

NHỮNG SÁCH GIÁ TRỊ HỮU ÍCH CHO NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

NHỮNG MÓN QUÀ TINH THẦN QUÝ GIÁ VÀ ÍCH LỢI

MODERN ENGLISH

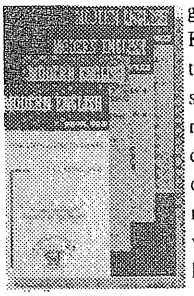

Kinh nghiệm hơn 40 năm của cố giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách rất giá trị này, được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi.

Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

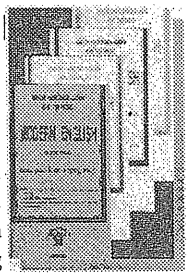

Hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác.

Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ.

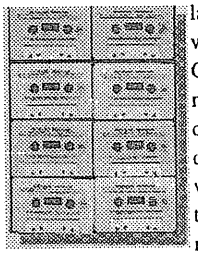

Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.

#ME - US$99.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng, bìa bọc plastic.

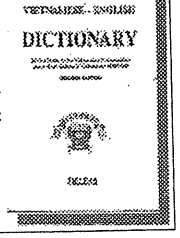

#METĐ - US$120.00

VẦN VIỆT NGỮ

Tập 1. Nhóm Lửa Việt. Phương pháp giáo khoa mới nhất, soạn rất công phu, hình vẽ đẹp, in màu mỹ thuật. Các em sẽ tiến bộ mau chóng nhất.

Tập 2. Đỗ Đức Tường và Nguyễn Thị Lộc. Đây là phương pháp mới nhất do hai nhà giáo kinh nghiệm biên soạn rất công phu. Sách lại được trình bày vui tươi làm các em càng yêu học tiếng Mẹ đẻ hơn.

#VVN - US$12.00 cả bộ.

TRUYỆN KIỀU CHÚ GIẢI

Thi phẩm bất hủ của Nguyễn Du. Chú giải đầy đủ nhất của nhà văn Vân Hạc Lê Văn Hòe. Sách dày 604 trang, in trên giấy trắng đẹp mịn, bìa 4 màu do họa sĩ Huy Liêm trình bày và có 6 họa phẩm giá trị của họa sĩ Tú Duyên làm phụ bản, diễn tả những giai đoạn thăng trầm về đời nàng kiều. Rất tích hợp để quý độc giả bói Kiều vào nhiều dịp, vừa vui vừa ứng nghiệm.

#TK - US$25.00

NGHỆ THUẬT NẤU ĂN

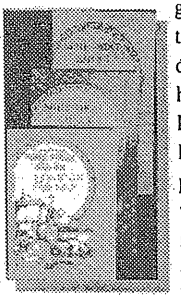

Bộ 3 cuốn gồm 1,200 trang, bìa 4 màu, đầy đủ nhất. Chỉ dẫn dễ hiểu và đầy đủ cách thức nấu các món ăn Việt Nam quốc hồn quốc túy, lại thêm cả phần về các món ngon hất của Trung Hoa, Pháp, Hàn Quốc. Điều đó mới độc đáo. Ngoài ra còn hướng dẫn cả cách soạn tiệc đãi khách và làm các món bánh mứt kẹo và các món chè rất ngon.

Cuốn Một: Các món ăn Việt, Trung Hoa, Hàn,...

Cuốn Hai: Các món nhậu đặc biệt của miền Bắc, Trung và Nam Việt.

Cuốn Ba: Các món ăn nổi tiếng thế giới.

#NA - US$27.00

CẨM NANG ĐÔNG Y

Của Y sĩ Minh châu. Dày 320 trang, bìa 4 màu. Đông y có nhiều phương thuốc đơn giản nhưng rất thần tình, mà nay ngành Tây y tân tiến cũng phải công nhận. Tại hải ngoại bà con chúng ta lại dễ dàng mua các loại thảo dược hảo hạng tương đối rẻ hơn hồi còn tại nước nhà. Sách này cống hiến nhiều bài thuốc giản tiện nhưng linh nghiệm. In đẹp và gọn gàng. **#ĐY - US$7.00**

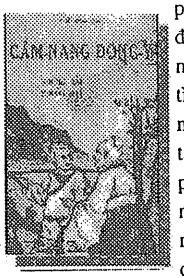

CHỈ NAM Y KHOA

Soạn giả bác sĩ Nguyễn Hoàng Mai. Sách soạn công phu, đầy đủ, thực tiễn, nhiều hình vẽ, in đẹp, bìa mỹ thuật, xếp đặt theo vần ABC để tra cứu, chỉ dẫn cách dùng các loại thuốc Mỹ, Pháp, Đức,... Soạn phẩm này đã giúp hàng trăm ngàn đồng bào hiểu về y khoa Tây Phương để phòng ngừa và tự điều trị nhiều chứng bệnh thông thường. **#YK - US$10.00**

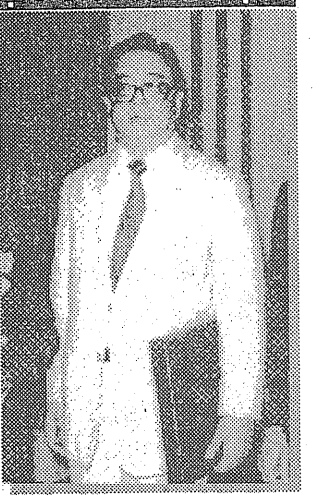

Ý nguyện của cố Giáo sư
LÊ BÁ KÔNG
là tiếp tục phụng vụ
đồng bào đồng hương

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783
Xin quí hãng gửi cho chúng tôi
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
Cước phí (ở Mỹ xin thêm 10%, Canada 15%, các nước khác 30%) US$_____
Tổng cộng US$_____
Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money-order
☐ chi tiết cho credit card
Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang_____ Zip_____
Nếu dùng credit Card:
Số _____
Hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

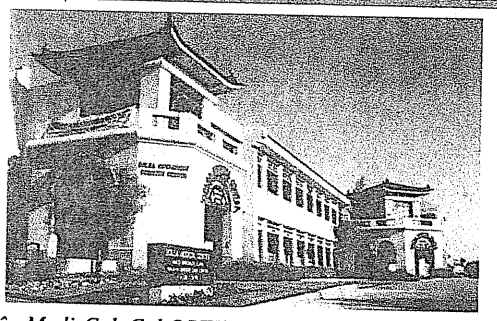

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

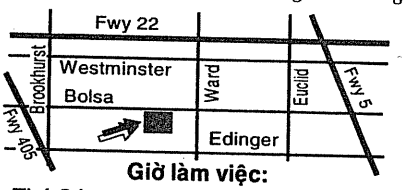

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

CHÂN THÀNH CẢM TẠ SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ KHÁCH

HỆ THỐNG CÔNG TY VANCO INC.

SUPERMARKETS

LITTLE SAIGON SUPERMARKET
9822 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Ph: 714-531-7272 * Fax: 714-531-0771

VANCO FOODS SUPERMARKET
10932 Westminster, Avenue,
Garden Grove, CA 92843
Ph: 714-530-2999 * Fax: 714-530-4009

VANCO FOODS WAREHOUSE
16042 Magnolia Avenue
Fountain Valley, CA 92708
Ph: 714-843-1818 * Fax: 714-843-1816

FOOD WHOLESALE

DELTA FOODS COMPANY
14942 Moran Street
Westminster, CA 92683
Ph: 714-898-7544
Fax: 714-891-3536

VANCO OIL COMPANY
14902 Moran Street
Westminster, CA 92683
Ph: 714-896-0880
Fax: 714-891-3536

RESTAURANTS

THUY'S FOOD TO GO & BAKERY 1
14901 Euclid Street
Garden Grove, CA 92843
Ph: 714-530-3299 * Fax: 714-530-4009

THUY'S FOOD TO GO & BAKERY 2
9092 Edinger Avenue
Fountain Valley, CA 92708
Ph: 714-843-1810 * Fax: 714-843-1816

PAGETEK EXPRESS
10932 Westminster Ave.
Garden Grove
(714) 530-5900
(trong Chợ VANCO)

PAGETEK EXPRESS
9822 Bolsa Avenue
Westminster
(714) 531-7200
(trong Chợ LITTLE SAIGON)

PAGETEK EXPRESS
16042 Magnolia Ave.
Fountain Valley
(714) 843-0440
(trong Chợ VANCO)

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim